http://hoangsa.org

# Sử địa

DO MỘT NHÓM GIÁO-SƯ, SINH-VIÊN ĐẠI-HỌC SƯ-PHẠM SÀI-GÒN CHỦ-TRƯƠNG

**NGUYỄN XUÂN THỌ**
- Tình hình chính trị V.N. thời Nguyễn Trung Trực khởi nghĩa.

**LÊ THỌ XUÂN**
- Xin cung hiến một ít tài liệu về Cụ Nguyễn Trung Trực.

**PHÙ LANG TRƯƠNG BÁ-PHÁT**
- Nguyễn Trung Trực, dõng tướng Tân An Phủ.

## *Kỷ niệm 100 năm*

## NGUYỄN TRUNG TRỰC

**SƠN NAM**
- Đất khởi nghĩa và vài giai thoại về Nguyễn Trung Trực.

**PHẠM VĂN-SƠN**
- Nguyễn Trung Trực, một Kinh Kha của Miền Nam.

**ĐÔNG HỒ**
- Cải chánh một điều lầm Tài liệu về Nguyễn Trung Trực.

**VƯƠNG HỒNG SỂN**
- Chung quanh vấn đề viết soạn tiểu sử Nguyễn Trung Trực cũng như của các nhân vật khác.

*Nhà sách Khai Trí bảo trợ*

1968

12

http://hoangsa.org

# SỬ ĐỊA

TẬP - SAN SƯU - TẦM, KHẢO - CỨU, GIÁO - KHOA

**BAN CHỦ-BIÊN:**

NguyễnThếAnh • BửuCầm • PhanKhoang • LâmThanhLiêm • PhạmVănSơn • TháiViệtĐiều • PhạmCaoDương • Phù-Lang • ĐặngPhươngNghi • QuáchThanhTâm • TrầnĐăngĐại • Phạm ĐìnhTiếu • NguyễnKhắcNgữ • NguyễnHuy • TạChíĐại Trường • PhạmLongĐiền • TrầnAnhTuấn • NguyễnTháiAn • TrầnQuốcGiám • NguyễnSaoMai • MaiChửởngĐức.

**VỚI SỰ CỘNG-TÁC THƯỜNG XUYÊN CỦA:**

HoàngXuânHãn • ChenChingHo • ThíchThiệnÂn • LêVăn Hảo • NguyễnVănHầu • TạTrọngHiệp • NguyễnTrầnHuân • PhạmVănDiêu • BửuKế • NguyễnKhắcKham • TrươngBửu Lâm • LêHữuMục • NguyễnPhương • HồHữuTường • LêThọ Xuân • ƯngTrình • NghiêmThẩm • TôNam • BùiQuangTung.

**BAN TRỊ-SỰ:**

NguyễnNhã • NguyễnNhựtTấn • PhạmThịHồngLiên • Nguyễn NgọcTrác • TrầnĐìnhThọ • NguyễnHữuPhước • PhạmThịKim Cúc • TrầnNgọcBan • PhạmVănQuảng • PhạmĐứcLiên •

Trình bày:
*Kha Thùy Châu*
*N. N. Tấn*

*THƯ TỪ, BÀI VỞ, NGÂN, CHI-PHIẾU:*
NGUYỄN NHÃ
221 Cộng Hòa, Saigon B. P. : 380
TRƯƠNG MỤC: *TẬP SAN SỬ ĐỊA*
Sài gòn T/M 2763
*Chánh Trung Khu Chi Phiếu*
SAIGON

http://hoangsa.org

# LÁ THƯ TÒA SOẠN

*Hai mùa thu qua. Sử Địa đã đặc khảo về hai vị danh nhân Việt Nam : « Trương Định và Phan Thanh Giản ». Mùa thu năm nay, như đã loan báo, Sử Địa được ấn hành số đặc biệt để kỷ niệm 100 năm ngày chết vinh quang của Vị anh-hùng kháng-chiến Nguyễn Trung Trực.*

*Mới 100 năm qua mà tài liệu về Nguyễn Trung Trực thật điêu tàn. Hầu như không còn một sử liệu nào về Nguyễn Trung Trực do người Việt còn để lại. Ngay cả Chính-sử triều Nguyễn như « Đại Nam Liệt Truyện » cũng không hề nói tới Nguyễn Trung Trực. Trong khi những người đồng thời, đồng cảnh với Ông như Trương Định còn được « Chính Sử » đề cập tới ít nhiều Thật là một sự thiếu sót đáng tiếc.*

*Ngày nay, chúng ta biết về Nguyễn Trung Trực hầu như chỉ nhờ vào những tài liệu của ngoại quốc. Còn nếu ta có chăng, cũng chỉ là những tài liệu truyền kkẩn, thiếu tánh cách khoa-học. Chúng ta có thể tự bào chữa là trong thời kỳ còn người Pháp ngự trị, không ai dám tàng trữ « đồ quốc cấm » là những tài liệu về những người đã chống lại họ. Điều này cũng có một phần nào đúng. Nhưng thật ra phải nói là do sự yếu kém của óc tồn cổ của người mình.*

*Ngay ở thời đại hiện nay, liệu có nhiều người quan tâm đến việc lưu giữ những tài liệu về thời nay ? Trách nhiệm lưu giữ các tài liệu thì tư nhân chỉ một phần — phần quan trọng phải là Nhà Nước.*

http://hoangsa.org

*Mà hiện nay thì thật là đau lòng! Khi sửa soạn số Đặc Biệt này, chúng tôi biết chắc có tờ trình (rapport) của chánh quyền xâm lược Pháp hồi đó về Nguyễn Trung Trực, tàng trữ tại Văn Khố Quốc Gia. Mặc dù đã cố công, chúng tôi vẫn không thể tìm ra tài liệu quí giá ấy, chỉ vì Văn Khố Quốc Gia hiện đang ở tình trạng thê thảm! Văn Khố bị bắt buộc di chuyển nhiều lần từ hơn một năm nay, hiện lại không có trụ sở đàng hoàng, tài liệu để vung vãi nhiều nơi. Các phiếu (fiches) bị xáo trộn, mất mát, hiện không thể nào sử dụng. Chính cơ quan này đã kêu cứu. Giới văn hóa đã báo động thảm thiết — tình trạng đó vẫn còn nguyên!*

*Tài liệu cũ có sẵn mà còn bị coi thường để cho mất mát, hư hỏng, huống chi tài liệu mới mong gì được thu thập và lưu giữ.*

*Chúng tôi thảm thiết báo động về «**tình trạng phi văn hóa**» này.*

*Với hiện trạng chung ấy, mặc dù đã cố gắng, số Đặc Khảo này cũng không thể nào thoát khỏi sự nghèo nàn tài liệu chính xác. Chúng tôi đành phải «nghi truyền nghi, ngờ truyền ngờ».*

*Về Giải Thưởng «900 năm Nam Tiến của Dân Tộc Việt», hiện chúng tôi vẫn chưa ấn định được thời hạn tổ chức vì thời cuộc chưa cho phép. Nhưng chắc thế nào cũng nội trong năm 1969 tới.*

*Nếu không có gì trở ngại, chúng tôi sẽ cho ấn hành số đặc biệt Kỷ Niệm CHIẾN THẮNG KỶ DẬU (ĐỐNG ĐA), vào dịp Xuân Kỷ Dậu sắp tới.*

**TẬP SAN SỬ ĐỊA**

http://hoangsa.org

## nén hương hoài-cổ

# NGUYỄN TRUNG-TRỰC

## dõng-tướng TÂN-AN-PHỦ

*Phù-Lang TRƯƠNG BÁ PHÁT*

▲ *Kính tặng những người có lý-tưởng quốc gia thuần túy.*

Hôm nay tôi đốt nén hương hoài cổ để tưởng nhớ đến một vị dõng tướng khác đã chết đúng 100 năm, trong cuộc chống Pháp hồi quốc-gia nầy mới đến đặt ách đô-hộ trên cổ dan-tộc Việt Nam.

Vị ấy là *Chơn* [có lẽ là tên từ lúc nhỏ], rồi từ Kỷ mùi, 1859 đổi tên là *đội Lịch*. Tên nầy được giữ tới Tân-Dạu 1861, nên người ta nghe gọi là *quản Lịch* [xem lúc gần hết bồn gạn hỏi ở sau] Quản nầy là chánh quản cơ, chớ không phải là hương-quản. Theo TIÊN-ĐÀM Nguyễn-Tường-PHƯỢNG, tr. 49, sđd, thì một chánh quản-cơ điều-khiển 50 người. Vậy *quản Lịch* coi 50 người. Lúc đốt tàu *L'espérance* rồi *quản Lịch* đổi tên là NGUYỄN-TRUNG-TRỰC. Có lẽ tên nầy đặng gọi từ lúc đầu năm 1862 [Tân-Dậu — Nhâm-Tuất] cho đến ngày cùng của Người là 27/10/1868.

Chỗ chôn nhau cắt rún của *Trực* ở làng nào không rõ, nhưng đặng biết là *Trực* sanh ra ở *Tân-An-Phủ*, mà *phủ nầy rộng*.

Trước, phủ nầy là đất của huyện *Cửu An* và *Phước-Lộc*. Niên-hiệu Minh-Mạng thứ 13 [Nhâm-Thìn 1832] đặt tên phủ nầy, kiêm-lý huyện *Cửu-An*, thống hạt huyện *Phước-Lộc*. Năm Tự-Đức thứ năm [Nhâm-Tí 1852] dẹp phủ *Hòa-Thạnh*, lấy huyện *Tân Hòa* và *Tân Thạnh*. Phủ nầy lãnh bốn huyện, 18 tổng, 217 xã thôn và

http://hoangsa.org

thuộc tỉnh *Gia Định*. Như vậy *Trực* khai ở Tân-An-phủ là rộng lắm, có lẽ *Trực* ở huyện *Cửu-An* mà huyện *Cửu-An* gồm có 4 tổng, 53 xã thôn.

Người đời nay nghe nói *Trực ở Tân-An-phủ* cũng phải chịu bịt đường.— *ĐẠI NAM NHỨT THỐNG CHÍ, Lục-Tỉnh Nam-Việt, Tập Thượng, trang 51 và 52.*

Năm Mậu-Thìn 1868, *Trực* bị hành-hình là năm *Trực* đặng ba mươi tuổi, một tuổi đầy nhựa sống, thường thường tuổi ấy ngó đời với cặp mắt đeo kiếng hồng.— *VIAL, Les premières années..., q. II, trang 248, d.2.*

Đem số ba mươi ấy làm một bài toán trừ giản dị cho 1868 thì lòi ra *Trực* sanh năm Mậu-Tuất 1838.

Hẳn là *Trực* có thân-hình vạm vỡ, lòng trung-thực, đặng nhiều phen thử thách và « có diện-mạo thông-minh và thấy là có cảm tình ».— *VIAL, Les premières années. ., q. II, tr. 241, d. 8.*

Năm *Trực* đặng hai mươi ba tuổi [Tân-Dậu 1861] *Trực* cùng *Tấn* [sau là lãnh-binh làm tôi Pháp] đồng làm chức đội trong đạo binh đồn-điền mà *Trương-Định* chỉ-huy.— *VIAL, q. II, trang 240, d. 4.*

Khi bại binh những ngày 24 và 25 tháng hai 1861 [chúa-nhựt rằm và thứ hai 16 th. giêng Tân Dậu] quân Việt rút lui khỏi đồn *Kỳ-Hòa*. *Định* điều khiển lính đồn điền lui về Gò Công vì vị « Tổng-thống quân-vụ là *Nguyễn-Tri-Phương* bị bịnh nơi tay, « Tán-lý *Nguyễn Duy*, em ruột của *Tri-Phương*, Tán-tương *Tôn-* « *Thất-Trí* đều tử trận, Tham-tán *Phạm-Thế-Hiển* bị thương nặng « rút về *Biên Hòa*, nhưng đặng ít hôm thì từ lộc ».— *Thân thế và* « *sự nghiệp của Nguyễn-Tri-Phương* chưa đăng tạp-chí nào.

Quốc-gia Việt-Nam đang trải qua một cơn khủng hoảng sống dư chết thiếu thì bỗng nhiên Pháp-quân tiếp tục xâm chiếm Mỹ Tho ngày 12/4/1861 [chúa-nhựt mồng 3 th. 3 Tân-Dậu].

« Cuộc chiếm cứ Mỹ Tho đem lại hậu-quả là phải chiếm luôn

http://hoangsa.org

« các xứ ở giữa châu-thành ấy, Tiền giang và sông Soi Rạp : người ta « thiết lập liền tay những đồn lính Pháp ở *Gia Thạnh* [phủ Tân An, « vị-trí lối vòng thứ nhì của sông Vàm Cỏ Tây bắt từ hợp-lưu « hai sông Vàm Cỏ đi lên], ở *Chợ Gạo* [đầu quận Chợ Gạo bây « giờ] và ở *Gò Công* [đầu tỉnh Gò Công bây giờ].— *VIAL, q. I,* « *trang 114, d.5 tới 8.*

Kịp đến thượng tuần tháng 6 năm 1861 [Tân-Dậu] « hai « viên dưới tay *Định* là hai viên chỉ huy phó đã lên *Biên Hòa* (1) hồi « tháng ba để hai người vợ lại Gò Công... ».— Pallu, Histoire de « l'expédition..., trang 218-219.

Hai viên chỉ-huy phó ấy, chẳng khác hơn là *Lịch* hay là *Chơn* sau gọi là *Nguyễn-Trung-Trực* và người thứ nhì là *Huỳnh Công* [?]-*Tấn.*

Không biết trong trận chiến tại Gò Công ngày 22 và 23/6/1861 [rằm và 16 th. 5 Tân-Dậu] có *Trực* chỉ-huy nghĩa quân trong đó hay chăng mà không thấy sách Pháp nói đến.

Thế rồi, binh Pháp làm chủ tình thế, đóng đồn nổi ở sông *Nhựt-Tảo.*

*Nguyễn-Trung-Trực* xuống lịnh cho hai viên phó quản *Huỳnh-Khắc-Nhượng* và *Nguyễn-Văn-Quang* [Hai tên trong *B.A V. Huế, 1932*] chuẩn bị tấn công tàu Pháp kéo binh lại gần hai bên bờ, núp sẵn để chờ lịnh. *Nguyễn-Trung-Trực* cùng 59 người tình-nguyện chết [*B A.V. Huế, 1932*], tiến đến gần tàu Pháp, chia ra làm hai toán.

Ấy là ngày 10 tháng 12 năm 1861 [thứ ba mồng 9 th. 11 Tân-Dậu].

---

(1) Hồi bấy giờ quyền Tuần-vũ *Đỗ-Quan* ở Biên-Hòa.— Bulletin des Amis du Vieux Huế, Avril-Juin 1932, trang 227.

http://hoangsa.org

« Hồi lúc 12 giờ trưa, sĩ quan chỉ-huy chiếc *lorcha* (2)
« *l'Espérance* đi lên bờ theo đuôi một lũ (đầu trộm đuôi cướp) (3) cách
« tàu lối hai dặm. Bốn hay năm chiếc ghe có mui thả theo bìa
« tàu (4); thủy-thủ đoàn đang nghỉ từng trên của tàu không hề
« nghi kỵ chi hết; viên hạ-sĩ-quan đóng vai tuồng trưởng-phó nghiêng
« mình ra khỏi cửa sổ tàu tưởng là người buôn bán muốn ghé
« xin nhận giấy phép lưu thông, viên hạ-sĩ-quan vô phước kia
« bị một mũi giáo vô ngực và một đám đông người từ các mui
« ghe tủa lên công-kích tàu và la thật lớn. Trong vài sao đồng-
« hồ, hơn một trăm năm mươi người An nam tay cầm giáo,
« cầm gươm và cầm đuốc, tràn ngập cả từng trên tàu và một
« cuộc xáp lá-cà không tương xứng xảy ra. Trong vài phút đồng-

---

(2) Tôi có giải-thích ý-nghĩa và công dụng của chiếc *lorcha* trong « *Sử Địa* » số 3 về *Trương-Định*, tr. 12 Nay xin lập lại.

Ấy là những tàu hay ghe chài bồn-xứ, người ta cho đậu trong nhiều sông rạch để tăng sự canh-phòng, và để thế cho sự thiếu pháo-hạm; thủy-thủ đoàn là Pháp quân, một sinh-viên hải-quân hay là một trung-úy chỉ-huy tàu ấy; người ta cho lính *Tagals* [lính Phi-Luật-Tân hay là hồi 1861 gọi là lính Ma-Ní] phụ theo lính thủy Pháp; các lính *Tagals* trở nên thủy-binh ưu-tú, và lính bồn xứ kiểm-soát chung quanh chiếc tàu. Người ta lợp mui bằng *lá* hay là *chiếu*, ấy là những *đồn nổi* không hơn không kém. *L'Amphytrite* ở lâu ngày trước *Gò Công* và *Gia-Thạnh*, và tiểu-hạm *L'Espérance* ở vàm *Nhật-Tảo*. Những tàu ấy cũng giúp ích nhiều lắm, và nhứt là đỡ cho pháo hạm của ta. Nhưng người ta hiểu ngầm rằng cũng có mối hại. Sự ép buộc không tự ý chạy đặng dồn nó vào một tình-thế không lợi, nhưng cái không lợi ấy đặng đền bù vào bởi những chiếc ghe nhỏ túa ra canh chừng và những người Annam do thám xung quanh chỗ nó đậu.— *Lucien de Grammont*, Onze mois de sous-préfecture en Basse-Cochinchine, trang 116, dòng 10 đến 25.

(3) Nghĩa-quân mà gọi như thế. Đây là giọng văn của bọn người xâm lược.

(4) Đông-y Kiều-Văn-Thanh [học trò Nguyễn-An-Cư] thuật rằng nghe thầy Cư nói lại các người đi trên các chiếc ghe, ấy giả tảng ra một đám cưới khởi sự đi rước dâu và đậu ghe lại xin phép quan cai tàu để đi đặng suông sẻ. Thừa ưa người Pháp chỉ-huy gie mình khỏi bo tàu thì nghĩa-quân ra tay đâm liền.

http://hoangsa.org

« hỏ-sau, lửa tắp vào nóc lá của tàu và cháy mau lẹ. Bị nóng « quá, đôi bên nhảy đùng xuống sông hay tuột xuống ghe Năm « thủy-thủ trong số đó có hai Pháp và ba Tagals (người bổn xứ « ở Ma-Ní) phóng xuống một ghe nhỏ, không súng ống chi cả « và ráng sức chèo. Ở xa, năm thủy-thủ nầy thấy chiếc *l'Espérance* « nổ tung, các mảnh tàu văng xa đến hai bên bờ sông, mười « bảy người Pháp hay Ma-Ní đều chết đắm trong cuộc tai biến « nầy. Thuyền-trưởng *Parfait*, hải quân trung úy, tuổi còn nhỏ, « ham hoạt-động và gan dạ, đã đặng nêu công vì có cử chỉ sốt « sắng trong nhiều trận chiến-tranh, đặng các thủy-thủ thoát trên « tiểu thoàn, cho hay. *Parfait* [có lẽ là bị nghĩa quân mưu kế dụ « đi xa để dễ bề đốt tàu] liền tới tàu *Garonne* xin vài người « tiếp viện. *Parfait* gặp đặng ba người Ma Ní, ba người nầy đã « bị địch quân câu lưu nhưng nhờ lộn-xộn khi tàu nổ mà thoát « thân: những tên vô phần nầy trốn núp sau bụi rậm và ngâm « dưới nước ló miệng lên để chờ viện-binh.

« Hồi bấy giờ, chúng ta có những người bổn-xứ trung- « thành với chúng ta; lối hai chục người đóng trên bờ giao mặt « với chiếc *l'Espérance*; các người ấy đều bị đánh đột ngột và bị « giết hết lúc tàu bị công-hãm.

« Những thường dân ở làng Nhựt-Tảo hùa theo những kẻ « đốt tàu đều bị đốt nhà hết vì tàu đậu ngay làng ấy.— *VIAL, Les premières années..., q. I, những trang 124, 125, 126.*

Trong *B.A.V. Huế* nói binh của *Quân-Toán Nguyễn-Học và Hương-Thân Hồ Quang* nhảy lên tàu và bửa vỏ tàu, nhưng không nổi, họ mới dùng hỏa-công và rút đi trong chiến thắng.— *B.A.V. Huế, Avril - Juin, 1932, trang 236.*

Muốn làm tiêu tàu phải phóng lửa đốt tàu, một là để làm oai, hai là lửa cháy mau hơn, chớ bửa tàu hóa ra lâu lắt rồi. Tôi ngã theo chuyện đốt tàu là hơn.

Trong vụ đốt tàu nầy, bên Việt mất bốn người Vua thăng *Nguyễn Văn-Quang* lên quản cơ, hai mươi người cai và đội dưới

http://hoangsa.org

quyền của *Quang* đều đặng thưởng ngân-tiền. Một ngàn cột tiền đặng cấp phát cho binh lính có dự chiến, bốn gia quyến của bốn anh chết đều đặng tăng lương gấp đôi, con của bốn gia quyến ấy hưởng chức « *Diêu* Ấm », [Quyền thế rất nhỏ của ông cha để cho con cháu nhờ]

Ngoài ra còn tiền trợ cấp quan-trọng phân phát cho các làng bị đốt và bị quân Pháp tàn phá.

Tuần Vũ *Đỗ Quang* tỉnh Gia Định, Tuần Vũ Định Tường *Đỗ-Thúc-Tinh* [*không biết Dinh hay Tinh là trúng, trong B A.V. Huế 1932 ở trang 237 gọi Dinh rồi cũng trong tập san ấy trang 239, kêu là Tinh*] đều đặng lên lương vì có góp phần binh bị trong vụ đốt tàu.— *B.A.V. HUẾ. Avril - Juin 1932, trang 236, 237.*

Hẳn các bạn tưởng tượng rằng quân và dân Việt lúc bấy giờ vui mừng và có hi-vọng tràn trề sẽ thắng nổi quân Pháp, và Pháp quân bị thất một trận đau đớn và xúc động sâu xa.

Quả thật một phần lớn có đúng cả đôi bên.

Việc ước mong thắng Pháp là sự nhiệt-thành hi-vọng ở về mặt quốc-gia Việt-Nam, còn đối với ngoại-dương, các xứ nầy khăng khăng rằng một khi thất-trận *Kỳ-Hòa* rồi, chẳng còn gì đáng gọi là chống ngăn nữa.

Thật vậy, « sau khi rút lui khỏi *Crimée* (5), hai quốc gia Anh, Pháp đều chú-ý đến tình hình thương mãi ở Viễn-Đông. « Pháp quốc, Anh-quốc và Tây-Ban-Nha đồng lòng quyết định rằng « cuộc tiến-chinh quân-sự sẽ đặng chỉ mũi ngay Viễn-Đông, mục-« đích phải làm kỳ cho đặng bởi bạo lực của khí giới, những gì « mà ngoại-giao làm không xong ».— *B.A V. Huế, Janvier-Mars 1932.*

Xem trên đây thấy Pháp quân cố tâm chiếm đoạt ba tỉnh

---

(5) Bán-đảo dưới Nam quốc-gia Nga, ở Hắc-hải, có danh-tiếng do trận chiến-tranh của Nga chống Thổ-Nhĩ-Kỳ, Pháp, Anh và Piémont Ý-Đại-Lợi hồi năm Giáp-Dần 1854 đến năm Bính-Thìn 1856.

http://hoangsa.org

miền Đông đã lâu, và trận Kỳ Hòa là trận quyết định. Nhưng dân Việt không chịu như thế — có ai khứng làm tôi tớ cho người bao giờ — và ít người hiểu rõ thời-cuộc, biết lực lượng quốc-gia Việt-Nam đối với lực lượng Pháp-quốc hơn là *Phan Thanh Giản* Thế ông Phan ra sức dàn xếp, nhưng đơn độc có mình ông làm sao cản ngăn đặng sự phá hoại, sự giết chóc lẫn nhau.

Tiến đến 1 tháng ba năm Nhâm Tuất [chúa nhựt 30/3/1862].

Các đồn binh nho nhỏ đều rút hết như *Gò Công, Chợ Gạo, Gia-Thạnh* và *Cái Bè*.— *VIAL, Les premières années.. q. I, trang 141.*

Những sĩ-quan Pháp cai-trị cũng đi theo.

Nghĩa quân ra mặt trở về làm chủ các vùng Pháp-quân ự ép buộc rút lui, kiểm-soát các cuộc đánh thuế, lựa thêm quân-binh

Chắc chắn là có *Trực* điều khiển nghĩa-dõng-quân hoặc ở *Gò-Công*, hoặc ở vùng *Tân An*.

Tuy rút quân đi ở các vị-trí trên, nhưng Pháp-quân cũng còn tuần-tiễu trên sông luôn, lối tháng 8 năm 1862 sắp lên.

Ngoài chiếc *L'Alarme* mà *Guys* chỉ-huy coi chừng vùng Gò-Công của *Trương Định*, còn *Gougeard*, đại-úy hạm đội, đậu tàu nơi sông *Vàm Cỏ Tây* chỗ ngã ba sông nầy và kinh *Bảo-Định*, nghĩa là ở gần *Tân-An*. Luôn luôn *Gougeard* tuần du trên các sông ấy; khiến vùng ấy nín thở [?].— *VIAL, trang 186.*

Đến 16 tháng 12 năm 1862 [thứ ba 25 th. 10 Nhâm Tuất].

« Ba chiếc tiểu-hạm [lorcha] đậu trên sông Vàm Cỏ Đông « để kiểm-soát sự lưu thông trên sông ấy, bị tấn công thật tình « dữ dội bởi những lũ người đông đảo vì họ bị nung đốt do « kỷ-niệm tàu *L'Espérance* phát-hỏa.

« Một trong ba chiếc ấy, chiếc số ba, đậu trên mé nguồn « sông, dưới *Tây-Ninh* một đỗi, bị công-hãm bởi nhiều ghe có trí

http://hoangsa.org

« súng hần công ; viên *hậu tuyển* sĩ quan chỉ huy chiếc nầy bị thương, « nhưng bắt đặng ba ghe địch.— *VIAL, q. 1, trang 195.*

Trên đây là ba tiểu hạm bị tấn công dữ dội, nhưng chưa hiểu người chỉ-huy vụ công kích nầy là người nào.

Còn dưới đây là sự điều khiển của *Lịch.*

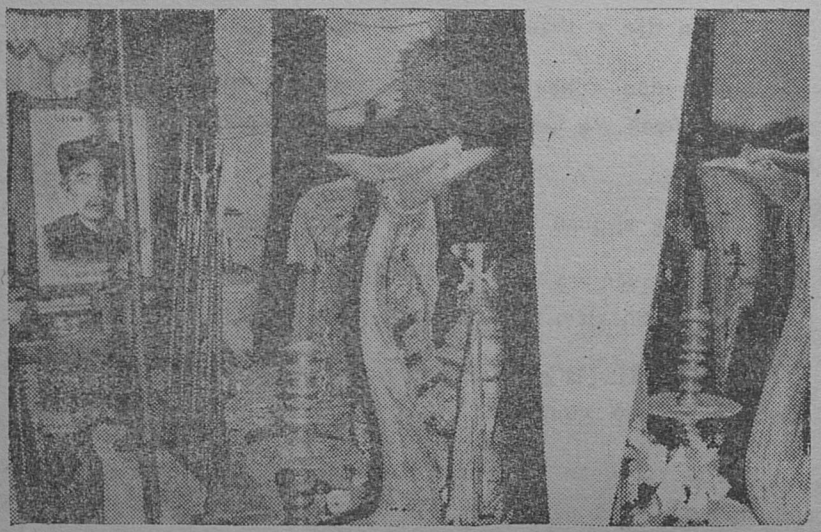

*Ảnh Nguyễn Trung Trực trong đền thờ ở Rạch-Giá.*

*Nhưng đây là một sự lầm lớn.*

*Hồi bị xử chém, năm 1868, Trực có 30 tuổi đầu, ảnh người trên đây ngoài 45. Chưa biết dư luận phải xử trí cách nào cho ổn thỏa với cảnh « râu ông cằm cằm bà ».*

« Một chiếc khác ở trên *kinh hẹp Bến Lức* [có sông Bến Lức « chớ không có kinh Bến Lức] bị *Trực* công hãm, hắn là tên « [dịch tiếng *individu*] đã chỉ huy cuộc công-kích chiếc *L'Espérance.* « Một lũ người đứng trên bờ đến lấy sợi dây đỏi, kéo tàu chạy « cho mắc cạn và đồng thanh la lớn. Một súng bắn đá rạp bằng « đạn sắt được bắn ra gần trúng vô khối người ấy, khiến như chúng

http://hoangsa.org

« bị nghiền nhỏ và chúng tự tan rã, miệng la to vì uất hận và « thất vọng.

« Những cảnh ghê gớm ấy đều là kết-quả của những âm- « mưu của địch quân, rồi có một cuộc hưu-chiến ngắn: núp vững « chắc trong chiến lũy mình, đạo quân viễn-chinh không đủ lực- « lượng để giữ thế công, lùi về thế thủ và đang nóng lòng chờ « đợi binh tiếp-viện ».— *VIAL, q I, tr. 195.*

Đạo quân tiếp-viện ấy đến Bến-Nghé đầu tháng hai 1863 [lối chúa nhựt 14 th. chạp Nhâm-Tuất đến 23 tháng ấy]

Hiệp-lực với binh sẵn có ở đây, Pháp-quân xâm chiếm trở lại *Gò Công.*

Ngày ấy là 26/2/1863 [thứ năm 9 th. giêng Quí-Hợi]

Không hiểu lúc ấy *Trực* ở *Gò-Công* hay ở *Tân An-phủ*, một chi tiết mà sử không trả lời.

Vả lại, từ năm 1863 tới ngày nay một số lớn sử là sử Pháp, những điều gì có lợi cho cuộc *thúc chặt* chánh-quyền Pháp đều đặng nói đến, trái lại, nếu có hại cho sự cai trị của Pháp, Pháp đều gạt bỏ, thế nên có nhiều chuyện đáng ghi để người Việt nhớ thì mất mát hết. thoảng như người Việt công-khai viết sử Việt, họ cũng chẳng dám nói nếu điều gì có phương hại đến an-ninh của Pháp, còn dã-sử Việt thì truyền-khẩu, không chứng-tích minh bạch.

Ngày 30/4/1863 [thứ năm 13 th. 3 Quí Hợi], hải-quân thiếu-tướng *Bonard* hồi Pháp-quốc, để quyền lại cho hải quân thiếu-tướng *De La Grandière.*

Lúc nầy không thấy sử nói đến *Lịch* Lúc đốt tàu ở sông *Nhựt Tảo* và công phá chiếc khác ở rạch Bến Lức, *đội Lịch* đã đặng triều-đình Huế cho lên chức *quản cơ Lịch.*

Đến 29/3/1865 [thứ tư mồng 3 th 3 Ất-Sửu] do tàu *Le Donnai, De La Grandière* [Gia-Lăng Gi-Y gọi theo trào-đình Huế] về Pháp

http://hoangsa.org

nghỉ, giao tay lái chiếc thuyền ba tỉnh miền Đông lại cho quyền toàn quyền hải-quân thiếu-tướng *Roze* [trào-đình Huế gọi là ông *Khởi.— CAO XUÂN-DỤC, Sử Quốc Triều Chánh Biên Toát Yếu, q II*]

Từ ngày chiếm ba tỉnh miền Đông đến 29/3/1865 chỉ có *De La Grandière* là một tay chánh-trị cao hơn cả.

Như 25/5/1863 [thứ hai mồng 8 th. 4 Quí-Hợi] trả lại *thành Vĩnh-Long* cho trào-đình Huế hầu ru ngủ Trào-đình, làm an lòng dân-chúng Việt, để đến ngày 20/6/1867 [thứ năm 19 th. 5 Đinh-Mão] lối 7 giờ rưỡi sáng nuốt cho trơn tỉnh *Vĩnh Long*, luôn hai tỉnh miền Tây Nam Kỳ [Châu Đốc mất ngày 21/6/1867 hồi 24 giờ, Hà Tiên mất ngày 24/6/1867 hồi 12 giờ — *PHAN-THANH-GIẢN, tập san SỬ ĐỊA số 7*]

Như cho nông-dân mượn tiền không ăn lời, cấm xuất-cảng lúa gạo.— *VIAL q. I, tr. 232.*

Như tặng một triệu-phú thương-gia Họa-Kiều là *Ban Hạp*, một đồng-hồ lớn vì *Ban Hạp* dám cất nhà với một tầng lầu, khiến *Ban Hạp* mặc lễ-phục tiếp khách suốt một ngày và hãnh diện lắm đối với kẻ đồng-hương [*VIAL, q. I, tr. 351, dòng 14 đến 26*], thế *De La Grandière* có oai quyền đối với Huê-Kiều.

Ngoài ra công-quỹ tăng bên tiền thâu: từ 1862 có 947.000 phật-lăng, năm 1863 lên 2.800 000 phật-lăng, năm 1864 phỏng định lên 3 triệu, bây giờ đây thật tình nó đã lên 4 triệu. Số chi sụt xuống.— *BOUDET, Chasseloup Laubat, trang 53.*

Bắt buộc tôi nói đến *De La Grandière* là tôi thấy lịch-sử dạy ta nhiều lắm, nếu ta biết lợi dụng để cho đời sau suy nghĩ, ở đây như việc chính-trị của *De La Grandière* Ngoài ra không có ý sau hoặc khen ngợi *De La Grandière*, hoặc nung nấu thực dân chủ-nghĩa.

Đến 27 tháng mười một 1865 [thứ hai mồng 10 th. 10 Ất-Sửu] do tàu *Tigre, De La Grandière* trở qua và nắm quyền điều-khiển trở lại ba tỉnh miền Đông.

http://hoangsa.org

Chánh sách bàn tay sắt bọc nhung của *De La Grandière* đã có kết quả mỹ mãn, nên Pháp-đình thăng chức từ hải-quân thiếu-tướng [con're-amiral] lên chức hải-quân trung-tướng [vice amiral, hồi bấ. giờ chức nầy là lớn nhứt trong thủy-quân] và cho trở qua Nam Kỳ để thi-hành tiếp tục chính sách ấy.

Từ Ất-Sửu 1865 đến Bính-Dần 1866 cũng không thấy sử nói gì đến *Nguyễn-Trung Trực* cả, chỉ có năm Đinh-Mão 1867, *Nguyễn-Trung-Trực* « lên chức lãnh-binh ở tỉnh Bình-Định, rồi Triều-đình Huế hạ lịnh cho về Hà-Tiên mộ binh khởi-nghĩa ».— *VIAL, q. II, trang 241, dòng 2 và 5.*

Nhưng hình như *Quốc-Sử-Quán* quên biên *Trực* đổi ra *Bình-Định* đã làm gì để chống giặc Pháp. Thế nên không thấy nói chi hết và sách « Sử Quốc-Triều Chánh Biên toát-yếu » của Cao-Xuân-Dục cũng không động tới.

Ngày 4/4/1868 [thứ bảy 12 th. 3 Mậu-Thìn] *De la Grandière* về Pháp nghỉ luôn vì thấy ba tỉnh Tây đã an ổn rồi.

Hải-quân thiếu tướng *Ohier* lãnh trách-nhiệm điều khiển trọn vẹn Nam Kỳ.

Người ta tưởng rằng việc cai-trị Lục-Tỉnh từ đây sẽ êm ấm luôn.

Nào dè, đùng một cái, ngày thứ tư 17/6/1868, xảy ra một cuộc dựng cờ khởi dấy ở *Rạch-Giá*.

Việc ấy như thế nầy :

« Ngày 17/6/1868 [thứ tư 27 th. 4 nhuần Mậu-Thìn], hải-quân « thiếu-tướng *Ohier* đi tuần miền Tây. Khi đi qua *Sóc-tran* [Sóc-« Trăng], tới *Sơn-Chim* (6). *Ohier* hay rằng một cuộc tụ-tập dân chúng « khởi dấy dưới sự điều-khiển của *quản Chơn* và hình như muốn

(6) Sơn Chim ở giữa làng *Vân-Khánh Đông* và *Đông-Thới* (tỉnh Rạch-Giá) gần Cạnh-Đền (nay còn ngó thấy làng Đông-Thới, chắc Sơn Chim ở phần đất lối bờ trái sông Cái Lớn gần ra vịnh Thái-Lan)

http://hoangsa.org

« công-kích *Rạch-Giá*. (Hôm ngày 1 tháng 5) *Quản Chơn* công-hãm « thành *Mĩ Tho* [không biết có phải là *Chơn* làm cố-vấn cho Ban « chỉ huy cuộc công-hãm Mĩ Tho chăng, chớ ngày 1/5/1868 vụ cướp « thành Mĩ Tho do *Nguyễn-Soái-Than* làm đầu]. Người ta có sai người « cho *đồn Rạch-giá* hay nhưng mà trễ rồi. Một điện-tín (7) từ Vĩnh-« Long đánh lên Mỹ tho ngày 18 và báo rằng Rạch Giá đã bị « công hãm. Một thương-gia Huê-kiều, lãnh thầu cung cấp bò, từ « Châu Đốc đến Rạch-Giá, lật-đật trở về Long-Xuyên, và thuật lại « rằng đồn đã thất-thủ, lính ở trong đồn đã bị giết và làng đã bị « đốt. Huê-kiều ấy thấy mười ba cái đầu ghim trên mười ba mũi « độc dựng đứng theo bờ kinh. [Lúc nầy có kinh từ Rạch Giá qua « Long-Xuyên rồi, Đại-Nam Nhất Thống Chí về Hà-Tiên không « thấy nói đến] chỉ-huy-trưởng *Ansart*, hải-quân trung tá, vội vàng « từ Vĩnh-Long kéo binh-lực đi tiếp cứu, [Trước ngày 28/11/1868 « *Ansart* ở Mỹ Tho (xem Taboulet, q. II, trang 509 đề ngày bức « thơ *Ansart* gởi cho Hải-quân trung-tướng), khi Pháp chiếm Vĩnh-« Long ngày 20/6/1867 thấy chỉ-huy-trưởng là *Reboul*, thanh-tra bổn-« xứ là *Bourchet*, ngày 4/8/1867 thấy tên *Ansart* gởi cho chỉ-huy « Tổng-Tham-Mưu *Reboul* (Taboulet, q. II, tr. 518) đề ở tỉnh Vĩnh-« Long, *Ansart* thay thế *Reboul* vì trong *Taboulet*, q II, trang 512 có « đề *Ansart* là chỉ-huy-trưởng tột cao ở *Vĩnh-Long* năm 1867 1868; « *Annuaire 1867* chỉ đề có ba tỉnh miền Đông của Pháp, *Annuaire* « *1868* cũng không có đề chuyện *Ansart* thay thế *Reboul*.]

« Ngày 23, *Ansart* bảo đánh điện tín cho hải-quân thiếu-« tướng *Ohier* hay rằng: Đồn Rạch-Giá đã về tay Pháp-quân trở « lại ngày 21, hồi ba giờ rưỡi chiều do nhiều chiếc ghe và một « phân-đội tăng cường đổ bộ dưới lệnh của đại úy *Dismurantin*. Sáu « chục phạm-nhơn, nhiều khí-giới và súng đại-bác, một lính ma-

---

(7) Đường điện tín đặng thiết-lập dưới lịnh *Bonard* lối đầu năm Nhâm-Tuất 1862. Ban đầu người ta nối liền Sài-gòn vô Chợ-Lớn rồi, tới Biên-Hòa, Bà Rịa và Vũng Tàu.— VIAL, quyển I, cuối trang 133 và đầu 134.

Rồi cách hai tháng mới có đường giây thép từ Vĩnh-Long lên Mỹ Tho.

http://hoangsa.org

« tà bị thương, nhiều tiểu pháo đội để dọc theo sông...

« Đại-úy *Dismurantin*, chỉ-huy phân-đội lính lục-quân thủy-chiến, « trung úy *De Taradel*, thanh-tra, chỉ-huy phân-đội lính ma-tà [De

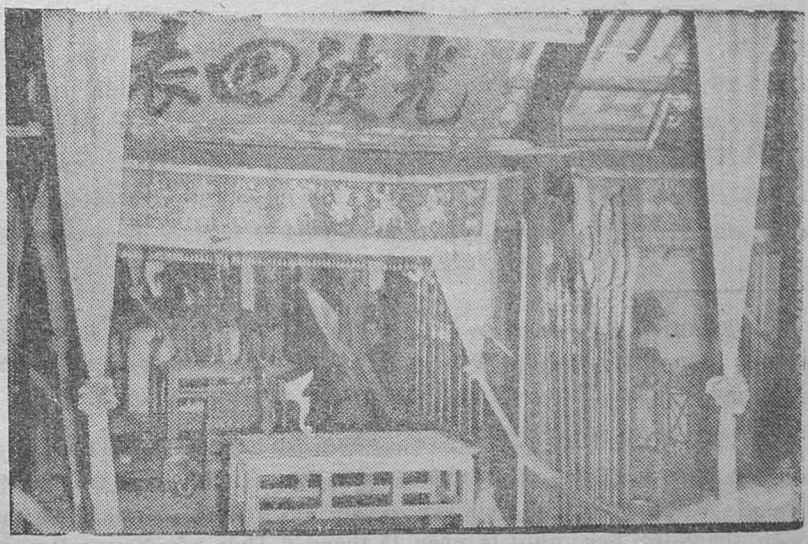

*Ảnh bên trong đền thờ người mang danh Nguyễn Trung Trực*

« Taradel làm thanh-tra ở Cần Lố, đây chắc là đi cứu nguy.— *Annuaire* « 1868]. Trong số lính đó có phu Loc [phủ Lộc] và Đô hưus-phương « [Đỗ Hữu-Phương], trung úy chiến-hạm *Richard* đi trên một chiếc « ca-nô chạy máy hơi, đụng-độ liên-tiếp với lũ người nổi loạn « [bandes d'insurgés] cản trở đường vô Rạch Giá, bên ta vô cảng « nầy bằng bạo ịực, hỗn-độn với bọn phiến-loạn. Kẻ làm đầu « của chúng và một nhóm đồng-đảng lanh lẹ xuống ghe bầu, « mau mau chèo ra khơi. Ban đầu chúng trốn lánh ở *Hôn-chon* « [Hòn chong nay là *Bình-Trị*] ven bờ biển, dưới Hà Tiên, rồi chúng « ở *Phu-quôc* [Phú-Quốc].

« Người ta biết rằng hồi bốn giờ ngày 16/6 [thứ ba 26 th. « 5 nhuần Mậu-Thìn] trong suốt đêm tối tăm, đồn bị công-hãm.

http://hoangsa.org

« Binh số lối ba chục người thôi, ở trong một nhà *xịt-xạt*, giữa một « vòng rào rộng bao bọc bằng vách đất và cửa lớn làm chưa rồi. Một « bọn đông đặc người cướp đồn, tên lính gác bị hạ sát và phần « nhiều lính Pháp ở riêng rẽ với các sĩ-quan, không đủ thời-gian lấy « súng gươm đặng chống trả lại. Sauterne, trưởng đồn bị thác lúc « kế đó, sau khi chống chỏi kịch-liệt. Bị bao vây bởi đám đông người « bổn-xứ, viên thanh-tra (8) bị tàn sát. Lối mười người lính tự giữ « mình vài chặp, rồi mở một đường và thoát ra trong làng, lính « bị bắt hết, trừ một mống là *Duplessis* (9) trốn dưới bụi lùm, « ngoài bưng, hai ngày Đói quá, y bò ra, đi lại một chòi quạnh « và xin ăn. Một ông lão và một phụ nữ Việt Nam để y vô nhà,

---

(8) Alfred Schreiner có ở Rạch-Giá hồi năm Mậu-Tý 1888, theo người, viên thanh-tra địa-phương là một hải-quân trung-úy mà người Việt gọi là *ông Chánh Phèn* vì người có râu hung hung đỏ.

Viên cai-tổng công-giáo ở tổng *Kiên-Đình* [nay không còn thấy, chỉ có Kiên-Bình, có lẽ là chữ B mà thợ sắp chữ lầm Đ chăng?] *Nguyễn-Văn Nguơn*, trước khi xảy ra vụ cướp đồn, có nói là đã cho viên thanh-tra hay, nhứt là ngày 15 tháng 6 [hồi nầy Nguơn làm xã *làng Tân-Phú* bây giờ là *làng Tân-Hội*, ngày nay còn thấy trên địa-đồ Nam-phần] nhưng viên thanh-tra cho *Nguơn* là điện khùng. *Nguơn* và gia-đình lo lánh mặt, thật sự đồn bị tấn-công, *Nguơn* trốn dưới lau sậy đến ngày 21 tháng sáu quân Pháp đến tiếp-viện *Nguơn* mới ra mặt.

Một nguồn tin khác của *Gilbert Chiếu*, phủ danh-dự ở Rạch-Giá, thì viên thanh-tra đặng một cai-tổng người Miên cho biết thế nào cũng xảy ra vụ tấn-công đồn. Viên thanh-tra phái cai-tổng đi *Tà-Niên*, cai-tổng đi mà không trở lại vì bị giết chết trước cuộc tấn-kích một ngày.

Trong *Annuaire 1868*, thanh-tra bổn-xứ là *Lemonnier de la Croix* (*Charles Edouard*). Không biết có phải người nầy bị chết chăng mà trong *Annuaire* không nói. Nếu *Lemonnier* thay người bị giết, thì *Annuaire* in còn sót tên của người bị giết, nếu *Lemonnier* bị giết, *Annuaire* lại cũng sót tên người thay thế cho *Lemonnier*.

(9) Linh thổi kèn.— *A. Schreiner*, trang 298.

http://hoangsa.org

« cho y ăn cơm, trước khi đó ông lão ăn trước vài miếng để « y khỏi phải lo ngại bị thuốc độc (10).

« Khi viên chỉ-huy *Ansart* lấy lại *Rạch Giá*, những người « Cao-Miên ở chung quanh lối đó đem *Duplessis* về, người sống « sót của đồn lính, và những người Cao-Miên ấy mới ruồng đủ « hướng để bắt những người An-nam phiến-loạn.— *VIAL, q. II,* « *trang 233 tới 236.*

Lúc nầy *Nguyễn-Trung Trực* đã ra đảo *Phú Quốc* và đang trù tính tổ-chức binh-thuyền của mình. Có lẽ vì ở hòn, phải đi ghe, nên dân-chúng kêu là *anh hùng dân chài* chăng, chớ tôi ngó thấy rằng *danh ấy không đúng* vì người làm đội vệ-binh, phó-lãnh-binh, lãnh-binh, thăng thành-thủ-úy thì làm sao có sanh-nghiệp đi chài mà gọi là anh-hùng dân chài.

« Khi ấy người ta mới biết rằng hồi cuối năm trước, « nhà Vua có xuống dụ do Cơ-Mật-Viện viết ra, bảo dân-chúng « dự-bị một cuộc tổng phản-công để đuổi người Pháp khỏi xứ. « Dụ ấy có nói đến những cuộc phản-loạn ở Bắc-Kỳ và cuộc « chiếm-cứ ba tỉnh miền Tây, có nói mù-mờ về sự trợ giúp của « ngoại quốc ; dụ cũng nong nả những thường-dân hãy mưu toan « lật đổ quyền cai-trị của Pháp ; trong dụ nhà Vua hứa những « phần thưởng bằng tiền bạc và những cấp bực quan cho người « Nam khi họ nộp những người Âu ..»

« Người ta [ người Pháp ] kiếm không đặng tờ giấy có « tánh-cách công-chứng, nhưng nó tái-đăng gần gần tất cả những « lời lẽ của một tờ sắc cũ do Trào-đình Huế tung ra trước khi « ký hòa-ước năm 1862, những bực nho-sĩ trong Trào Huế chỉ « sửa đổi một vài chữ mà thôi. [Có hai tờ dụ của Tự-Đức, xin « đọc ở sau].

« Mà gấp hơn hết là bắt mau lẹ những tác-giả của cuộc « giết người ở Rạch-Giá. Người ta hiểu là cuộc hãm đồn ấy đã

(10) Ông lão không chịu giết người thất thế. Quân-tử thay cho ông lão !

http://hoangsa.org

« đặng *Trực* điều-khiển. *Trực* lên cấp bực cao của Trào-Đình Huế « vì *Trực* đã nổi lửa đốt chiếc tiều-hạm *L'Espérance* năm 1861. Người « ấy đổi danh tánh và sống lẫn khuất trong tỉnh *Hà-Tiên*, trong « khi Pháp-quân thiết-lập cuộc xâm chiếm (11).

« Thông-báo-hạm *Le Goëland*, chỉ huy bởi *Bouchet-Rivière*, tiến « ra *Phú Quốc* để bao vây bọn phiến-loạn [?] và thăm dò binh lực « của chúng Ngày 19 tháng 9 (12) *Bouchet Rivière* trở về Hà-Tiên « rồi chở theo *quản Tấn* với một trăm hai mươi lăm lính ma-tà « ở Gò Công và cho đổ bộ tại làng Ham ninh [Hàm-Ninh ở bên « Đông đảo Phú-Quốc, bên Tây là Dương-Đông] trước khi lên bờ, « những súng của *Tấn* ở dưới ghe khạc đạn ra để che chở cho lính.

« Người làm đầu gan dạ của binh ta liều lĩnh tiến trước « các quân-lính, bọn phiến-loạn [?] có hơn ba trăm người, ép buộc « dân-chúng trên đảo phải theo. Bị *Tấn hăm dọa*, những hương- « chức và nhơn-viên cao cấp trong làng đều hàng đầu trước nhứt « và giúp tay vào việc phủ vây loạn quân [?]. Sau hai trận tấn-

---

(11) Có họa chăng là ngày 26-2-1863 [thứ năm mồng 9 tháng giêng Quí-Hợi], sau khi *Gò-Công* thất-thủ lần thứ nhì, Pháp-quân kiểm-soát chặt chẽ ba tỉnh miền Đông và có lẽ vì lời khuyến-dụ của *Phan-Thanh-Giản* nên Trực ít hoạt-động ở miền Đông mà rút lui về ba tỉnh miền Tây?

*Trực* đổi tên là muốn cho Pháp ít để phòng đặng dễ bề đánh phá; xét theo việc làm trước của *Trực*, *Trực* không phải sợ Pháp chút nào mà trái lại *Trực* hăng hái tấn-công Pháp.

Xin bạn đọc chú-ý rằng ít cũng năm tháng trước của năm 1867, *Trực* có mặt ở Bình-Thuận, rồi về làm thành-thủ-úy Hà-Tiên và gặp Pháp chiếm tỉnh-lị nầy ngày 23-6-1867 hồi 12 giờ trưa.

(12) Tính từ 21 th. 6 đến 19-9 là 89 ngày, trong 89 ngày ấy chắc là binh *Trực* có giao chinh chống Pháp-quân bằng thủy-chiến và cũng chắc là binh *Trực* thắng hơn một lần nên *Trực* mới còn đóng căn-cứ ở Phú-Quốc, bằng chẳng vậy binh *Trực* đã bị Pháp thắng tay giết rồi. Sử Pháp, bênh người Pháp nên dìm tất cả sự thật của bên Việt. Bạn nào có biết thêm về *Trực* xin viết gởi cho *Sử Địa*, như vậy khỏi chôn chặc tên tuổi của một dõng-tướng và đồng đội đã đem hết gan dạ chống Pháp.

http://hoangsa.org

« công đồ máu [không nói rõ hai địa-điểm ấy] *Tấn* đuổi theo địch-
« quân trong núi, dồn trong một đường chật hẹp và bắt buộc
« *quản Trực* đầu hàng.

« Cả hai người đều rõ nhau và tuổi gần xấp xỉ nhau. Cả
« hai đều ở dưới quyền sai khiến của *Quản Định* với tư-cách
« đội; trong lúc *Tấn* đi về phe ta, *Trực* đốt chiếc tàu *L'Espérance*
« và tấn công vào một tiểu-hạm khác đậu ở *Sông Tra* (13). Lịnh
« trào-đình Huế bổ-nhậm *Trực* vào chức Thành-Thủ-Úy ở tỉnh Hà-
« Tiên, năm 1867, *Trực* trú-ẩn (14) ở Binh-tuân [Bình-Thuận] và
« giữ nhiệm-vụ lãnh-binh tỉnh Bình-Định Rồi Trực trở về mộ
« binh-sĩ nổi loạn ở tỉnh Hà-Tiên, theo lịnh Trào-đình Huế. Do
« sự yêu-cầu của *quản Tấn, Trực* được đối đãi tử-tế dưới tàu *Le Goë-*
« *land. Trực* có một diện mạo thông-minh và thấy là có cảm-tình
« ngay; *Trực nhiệt liệt phản đối sau khi nghe nói Trực để cho kẻ*
« *dưới tay hành-hạ và làm xấu hổ người Pháp ở Rạch Giá, Trực*
« *nói quyết rằng những người xấu số kia bị sát-hại trong lúc Trực*
« *còn chỉ huy người ta giữ đập ngăn nước Kinh*

« Người ta đem *Trực* về Sài gòn để tra hỏi và đối-chứng
« với vài người bổn-xứ đặng thoát nạn. Cuộc tra hỏi ấy do *Piquet,*
« trung-úy hạm-đội, thanh tra bổn-xứ sự vụ, làm điều-tra-viên.

« *Trực tỏ vẻ rất tự-trọng và có nhiều nghị-lực.*

« Chúng tôi đăng nguyên văn những câu phúc-đáp của *Trực*
« để hiểu biết rất rành rọt về tánh tình của người nầy đã đóng
« một vai tuồng rất quan-trọng.

Ngục-thất trung-ương Sài-gòn

---

(13) Sông *Bến Lức* ở lối hạ-lưu sông Vàm Cỏ Đông đối với sông *Tra* ở thượng-lưu sông ấy. Vậy *Trực* công-hãm tàu đậu ở Bến Lức nói trong một trang trước hay ở Sông Tra như trên đây nói?

(14) Nguyên văn: il s'était réfugié au Binh-Tuân, *Trực* đâu sợ Pháp mà nói như vậy.

http://hoangsa.org

« Sự gạn hỏi *Nguyễn-Trung-Trực*, ba mươi tuổi, sanh ở *Tân-*
« *An-Phủ*.

« Hỏi. — Với những lý-do nào giục « chú » công-kích Rạch-Giá?

« Đáp.— Tôi cùng gia đình tôi lui về Ong-Chong [Hòn Chong] khi
« quân Lang-sa xâm-chiếm tỉnh Hà Tiên nơi tôi đang nhậm-
« chức thanh-thu-uy [thành-thủ úy]. Trước khi cuộc tấn-
« kích Rạch-Giá, một quan ở Trào-Đình Huế chuyền
« cho tôi lịnh mộ nghĩa-quân đề khuấy rối tỉnh Hà-Tiên.
« Tôi đã trả lời với vị quan ấy rằng tôi không đủ sức
« đề công-hãm và tôi đã giữ kín lịnh ấy.

« Hỏi. — Lịnh ấy do vị quan kia chuyền giao có đóng ấn tín của
« nhà Vua chăng?

« Đáp.— Không, ấy là bồn sao. Tôi đã làm lạc ở *Phú Quốc*.

« Hỏi. — Người nào đốc-thúc cướp đồn Rạch-Giá?

« Đáp.— Ít ngày sau khi viên quan đến giao lịnh cho tôi, tôi có
« tiếp ở Ong-chong [Hòn chong] *xa Ly* [có lẽ là xã Lý]
« (xã ở Man-luong [?], tên Việt của làng Rạch-Giá, nay
« thấy là làng Mong-Thọ), *quân Câu* [?], người cùng làng
« và người phụ-nữ *Thi-ba-dô* [có lẽ là Thị-bà-dô,
« chữ in Pháp không dấu nên khó đoán ra]. Ba người
« nói với tôi rằng họ biết lịnh ngoài Huế đã tới tay tôi
« và họ đang kiếm tôi đề giục tôi công hãm *Rạch Giá*, họ
« chắc chắn là nhiều lính ma-tà sẽ theo về phía mình.
« Tôi từ nan lung lắm, biết rằng tôi không đủ sức làm
« một chuyện lớn như thế. Ba người ấy vừa bắt
« bình rút lui, hăm dọa sẽ mách với quân Lang-sa bắt
« tôi, nếu tôi không chịu nghe theo lời của họ. Ở Hôn-
« chong [Hòn Chong], ít lâu sau, *quan Diêu* [?] cho tôi
« biết là viên thanh-tra ở Rạch-Giá đã giam giữ *quân Câu*,
« *xa Ly* và *Thi-ba-dô*. Tên *Luon* [có lẽ là Lươn] nào đó
« bị *xa Ly* làm mích lòng về chuyện nợ nần, mới đi báo
« cho viên thanh-tra rõ. Quan Diêu [Quản Diêu?] nói

http://hoangsa.org

« với tôi rằng khi nghe đặng sự có mặt tôi ở Ong-chong « [Hòn Chong], viên thanh-tra định sẽ cho người bắt tôi « và tôi chỉ có một con đường để tấn tới là chỉ-huy « tức thời cuộc công-hãm Rạch-Giá. Vậy từ làng Ong- « chong, tôi xuống ghe đi và lên bộ lúc tới *Rạch-tra niên* « (15), tôi không nhọc mệt gì mà nhóm lối một trăm « người; bốn mươi tám giờ sau khi tôi lên chỗ ấy, tôi « đi ghe và đổ bộ lên Rạch-Giá giữa nửa đêm.

« Hỏi. — Khí-giới của chú là loại nào?

« Đáp.— Tôi chỉ có giáo

« Hỏi. — Chú có biết các quan Lang-sa đã biết trước vụ tấn-công chăng?

« Đáp.— Có lẽ *Luon* đã cho biết. Dầu sao, chúng tôi quả quyết « rằng tất cả đều ngủ mà không kịp làm một cử động « nào để thị-oai. Thời-gian ấy bốn giờ khuya và đêm tối « thật đen.

« Hỏi. — Không có lính Lang-sa canh nào bên cạnh đồn.

« Đáp.— Có hai người lính gác đang ngủ bên cạnh hai cây súng « và hai người nầy bị giết trước hơn ai hết.

« Hỏi. — Viên thanh-tra và viên chỉ-huy đồn bị hạ sát cách nào?

« Đáp.— Tôi không thể cho biết một chi-tiết rõ rệt nào về việc « ấy. Lịnh truyền phải giết sạch người Lang sa và lúc sáng « đến, tôi mới biết số người chết. Hai quan Tây đã chết « từ lâu, có lẽ đã chết hồi hiệp đầu.

« Hỏi. — Sau khi huờn hồn, những lính Lang-sa không làm gì để « hiệp lại mà giữ mình?

« Đáp.— Có! Lối mươi người lính Lang-sa tự-vệ lối một giờ, nhưng

---

(15) Rạch *Tà Niên*, ở hướng Nam đầu tỉnh Rạch-Giá, chảy ra lối cửa *sông Cái Bé*.

http://hoangsa.org

« chúng tôi bao vây sát quá khiến không thể nào chúng « nạp bì vô súng lần thứ ba.

« Hỏi. — Có cho làng hay trước rằng sắp có hãm đồn và thế ấy « làng có giúp cho một tay cũng như bọn ma-tà?

« Đáp.— Vài người dân trong làng hay mà thôi, còn lính ma-tà « theo viên thanh-tra thì không biết, tôi chắc chắn như « thế, và nếu chúng nó có bì đạn để bắn, có lẽ tôi sẽ « không lấy đặng đồn.

« Hỏi. — *Huyện Hiên* có hay trước không?

« Đáp — Tôi không rõ chuyện đó. Chức việc làng cho tôi biết « trước rằng rất dễ dàng cho tôi trong việc cướp và « chiếm đồn và tôi không có hỏi gì thêm nữa. Sáng lại, « khi người ta nghe tôi đã thắng, tất cả dân-sự và huyện « Hiên đều kéo đến ra mắt tôi; *huyện Hiên* đặng người « Miên đem đến. Tôi bắt nhóm hiệp tất cả lính ma tà « lại và bắt buộc họ phải chịu sự điều-khiển của tôi.

« Hỏi. — Có mấy người lính Lang-sa thoát khỏi đồn?

« Đáp — Năm, bị bắt hết nội buổi sáng. Hai tên muốn kháng- « cự, tôi bảo bắn cả hai. Còn ba người kia, các thầy « nhu, những thông-dịch-viên trong tòa bố và các người « công-giáo tôi biểu giam giữ họ trong công-sở làng.

« Hỏi. — Tại sao « chú » lại cho người giết hết.

« Đáp.— Không phải là ý muốn của tôi. Khi tôi nghe quân Lang- « sa đến tiếp-viện và sắp tái-chiếm Rạch Giá, tôi đi tới « đập đề chỉ-huy, có tên Lam-van-Ky [có lẽ Lâm-Văn- « Ky] con của cai-tổng thay thế tôi ở Rạch-Giá. Trong « lúc vắng mặt tôi và tôi không cho hắn lịnh giết; hắn « lại bảo chém chết những kẻ công-giáo và ba lính Lang- « sa. [Lâm-Văn-Ky vừa bị bắt và bị bắn sau khi Rạch- « Giá bị Lang-sa tái-chiếm.— *VIAL, q. II, tr. 246.*] Khi

http://hoangsa.org

« tôi về Rạch-Giá trở lại, trước sự đuổi theo của binh « Lang-sa, cuộc hạ-sát đã gần chấm dứt và tới phiên của « thông-dịch-viên *Chonh*. Tôi biểu phóng thích anh ấy và « tôi xuống ghe đi. »

« Tới đoạn nầy, *Trực* day qua nói với *Chonh* đang « đứng đó: « Anh hãy nói rõ ràng chính tôi đã cứu anh, « có lẽ với nhiệm-vụ thông-dịch-viên của anh, anh có ảnh- « hưởng với Lang-sa. Tôi chỉ cầu anh dùng ảnh-hưởng « ấy để xin cho *tôi bị xử tử mau lẹ* chừng nào hay « chừng ấy. [Câu nói cương-quyết hào hùng và biết tự trọng].

« Hỏi. — Tại sao « chú » biểu giết nhơn-viên của « cuộc lấy thuế « nha-phiến » (16).

« Đáp.— Hắn can-thiệp trong khi người ta chưa tấn-công hắn và « vì hắn đã giết ba hay bốn người An-nam, tôi không « thể chừa hắn ra đặng [Câu nầy tỏ ra yêu tha thiết « người đồng hương].

« Hỏi. — Tại sao « chú » là nhơn-viên cao cấp hơn ba người kia « lại nghe lời của chúng, « chú » biết ba người ấy có vết « xấu như *quân Câu, xa Ly,* và *Thi-ba-dô*. Quan lớn (17) « không cần nhắc những chuyện xấu của ba người đó nhứt « là của người phụ-nữ ? [Cô gái nầy hiến thân làm kế « mỹ-nhơn, dò tin tức đồn lính và tổ-chức người về « phe với Trực].

« Đáp.— Tôi không biết gì về các người ấy, tôi lầm tưởng là họ « ở Huế hay ở Quảng-Nam.

---

(16) Chánh-phủ thuộc-địa Pháp ở Việt-Nam đặt thuế nha-phiến ngày 20-1-1861 [chúa nhựt 10 th. chạp Tân Dậu], lúc ấy tuy chưa đánh trận Kỳ-Hòa, nhưng Pháp đã chiếm thành Bến Nghé rồi.

Nhơn-viên lấy thuế nha-phiến ấy tên là François Denot.— Lời của SƠN-NAM.

(17) Dịch tiếng Je. Có lẽ thông-dịch-viên đã kêu là « quan lớn » để tỏ oai thế của một viên thanh-tra bổn-xứ sự-vụ.

http://hoangsa.org

« Hỏi. — « Chú » còn nói gì nữa chăng ?

« Đáp. — Tôi cho các người rõ rằng chính tôi tự ý thuận theo « lãnh-binh *Tấn* Khi vừa đến đảo, lãnh-binh bảo người « viết thơ cho tôi, cầu tôi thuận về ; vì chúng tôi bị đầy « lui vô núi không có gì để ăn, *tôi nói với một người « dân trói tôi lại và dắt tôi đến Tấn.* Nếu tôi đã muốn « tiếp tục giữ mình, *chắc chắn rằng Tấn chưa bắt tôi dễ « dàng như vậy.* Tôi đã nhiệt-thành phục vụ xứ sở tôi, « tôi lầm tưởng binh-lực của Lang-sa không mạnh mẽ « như thật-sự (17 a). Hồi trước, nếu tôi rõ đặng có lẽ « tôi hiến công-việc tôi (18), và tôi dám nói rằng có lẽ « tôi đã che lấp lãnh-binh *Tấn* về chiến công. Số mạng « tôi đã đầy đủ, *tôi muốn cứu nước tôi mà không thành- « công,* tôi xin một chuyện là truất sự sống của tôi càng « mau càng hay [ngay thẳng và không sợ chết, có mấy « ai đặng như vậy] và người ta nên cho *những con trai « tôi* (18 a) đến Sài-Gòn.

« Hỏi. — Khi rời Rạch-Giá rồi chú ở chỗ nào ?

« Đáp. — Ở Phu-quôc [Phú-quốc] cho tới khi tôi bị câu lưu. Tôi « nói rằng, viên *tong Diêu* [cai tổng Phú-quốc.— *VIAL, « q. II, trang 248*] không tự ý theo tôi. Tôi ép buộc y « làm việc dưới tay tôi và đưa cho tôi tiền thâu thuế « mà y sửa soạn đem nộp ở Hà Tiên.

---

(17 a) Câu nói làm cho bạn đọc lạ là *Trực* đã từng phen giao-chiến với Pháp-quân mà không hiểu đặng binh lực của Pháp. Chắc là câu nói để tự bào chửa.

(18) Nguyên-văn : Si je l'avais su, je leur [aux Français] aurais peut-être offert mes services,... » Tánh người hùng cũng có khi mềm yếu. Chính là sự mềm yếu của *Trực* ở chỗ câu nói nầy.

(18 a) Người ta nói *Trực* còn mẹ và vì quân Pháp bắt mẹ của *Trực* nên buộc lòng *Trực* phải ra mặt, nhưng xem trên đây thì *Trực* không còn mẹ và cũng không phải là vì Pháp bắt mẹ *Trực* mà *Trực* ra nộp mình.

http://hoangsa.org

« Hỏi. — Chú có biết *xa Ly* và *Thi-ba-đô* làm gì hiện giờ chăng ?

« Đáp. — Hai người ấy trở vô trong núi và có lẽ sẽ chết đói.

« Hỏi. — Tên Huê-Kiều nào bị bắt một lượt với chú ?

« Đáp. — Tôi không hiểu người ấy Tôi biết là y có chơn trong « tụi *quan Thu* [quản gì không rõ, chữ Pháp không « đánh dấu] và *xa Ngai* (xã ở Phú-quốc), bọn nầy đang « nổi loạn trước khi tôi tới đó.

» Hỏi. — Hồi năm 1861 người ta gọi « chú » là gì ?

« Đáp. — Là *quản Lịch* Chính tôi là người đã làm nổ chiếc tiều- « hạm đậu ở *Nhựt Tảo*. Tiếp theo, tôi đã đi Huế, nơi « đây Trào-đình thăng chức quản-cơ (đại-tá) và vài năm « sau, tôi đặng lịnh về Hà Tiên với nhiệm-vụ thành- « thủ-úy (cảnh sát trưởng) [*dịch chef de police của VIAL*, « tưởng không đúng] Khi quân Lang-sa chiếm cứ Hà « Tiên, tôi lui về Ong-chong [Hòn chong] với gia-đình « tôi ». (Sao lục theo biên-bản dưới ký tên *Piquet*, thanh- « tra bổn-thổ sự vụ).

« Lãnh-binh *Tấn* van cầu nhiệt-liệt sự ân-xá *Trực*, *Tấn* tự « coi như dưới *Trực* một bực, về gan dạ cũng như về trí sáng suốt ; « *Tấn* bảo-đảm rằng *Trực* sẽ trở nên một người phục-vụ hữu ích « lắm và tận tụy lắm.

« Hải-quân trung-tướng *Ohier* tưởng rằng không thể dung- « tha cho người cướp lấy một trong nhiều đồn của ta và cho « giết ba mươi người Pháp, không đếm xỉa gì đến dân-quyền. « [Triết-lý của bài ngụ-ngôn « Chó sói và trừu con » đặng vững « chắc một lần nữa.]

« Với một tình-cảm hối tiếc chân thật [?] *Ohier* hạ lịnh « đem *Trực* trở về Rạch Giá và phán-quyết theo thủ-tục. *Trực* « bị án xử tử và bị chém công khai ngày *27 tháng 10* [thứ ba « 12 tháng 9 Mậu-Thìn]. — *VIAL, q. II, trang 239 và kế tiếp đến 249.*

http://hoangsa.org

Thế là hết đời *Nguyễn-Trung-Trực*, một dõng-tướng đã biết tự-trọng, đã biết nóng lòng vì nước, vì kẻ đồng-hương, đã chống Pháp chiếm lấn đất đai, từ Tân-Dậu 1861 đến Mậu-Thìn 1868 vậy.

Tôi đã kiếm mà không có, trong thơ-viện Société des Etudes Indochinoises quyển Monographie de la province de Rạch-Giá, còn Monographie de Hà Tiên thì chẳng đề-cập đến Nguyễn-Trung-Trực. Duy có quyển Monographie de la province de Long-Xuyên có thuật chuyện Nguyễn-Trung-Trực. Chắc là có *Victor Duvernoy*, tác-giả quyển nầy, nói rồi, nên không có Monographie de Rạch-Giá, duy có cái địa-đồ rất tỉ-mỉ. Dầu sao cũng là một khuyết-điểm vì trong quyển ấy phải trình-bày nào đất đai, sông ngòi, rừng núi, nào là dân-số, nào là kinh-tế, tài-chánh v. v... Không cứ gì phải đề-cập đến Nguyễn-Trung-Trực. Có thế người sau nầy bổ cứu đặng.

Ở thơ-viện quốc-gia thì cũng một tình trạng như thơ-viện S.E.I, nghĩa là cũng không. có quyển Monographie de la province de Rạch-Giá.

Bây giờ đây tôi xin dịch trong quyển Monographie de la province de Long-Xuyên.

Lời thuật của *Đặng-Văn-Tham*, cựu xã-trưởng xã Vĩnh-Trạch, nghe thân-phụ của người kể chuyện lại.

« Năm 1868, Chánh-phủ Pháp chiếm bốn tỉnh Châu-Đốc, Hà « Tiên, Long-Xuyên, Rạch-Giá. Hòa-bình trở lại khắp cả dân-gian « thì bỗng có một nhóm phiến-loạn [?] dưới sự điều khiển của « Nguyễn-Trung-Trực, ý-định của họ là đoạt lại Rạch-Giá. Khu-vực « hoạt-động của bọn phiến-loạn tới Núi Sập (tỉnh Long-Xuyên). « Binh-sĩ Pháp bị ám sát. Một người sống sót chạy trốn khỏi Rạch-« Giá đến núi Ba Thê (Long-Xuyên) (18b). Nơi đây gặp đặng thân-

(18b) Cách xa tỉnh lị Rạch-Giá 27 cây số ngàn. Như vầy thì chỗ trốn của người lính nầy không thật, vì nó xa Rạch-Giá quá. Không có người Pháp nào trốn chết lại đi xa vậy, giữa những người Việt đang thù hằn.

http://hoangsa.org

« phụ của Ly-Tao, ông giấu người Pháp trong một cái giường hộc « (lit commode) và cho ăn uống đến cuộc chiến chấm dứt. Sau « nầy những người trong gia-quyến ấy đều đặng miễn thuế đối « với Chánh-phủ Pháp.

« Trực lôi cuốn bọn phiến loạn đến Phó Quân (Tân-Hội — « Rạch-Giá) (18c). Núi Sập (Thoại-Sơn — Long-Xuyên) (18d), Ba Bân « (Vĩnh-Trạch — Long-Xuyên) (18e). Quân-sĩ của Trực chặt đầu một « người con cháu của đội Nguyên nơi rạch Cái Găng (Đinh Mỹ). « (18g) chỗ ở của Trương-Phước-Mai. (18h)

« Binh-đội Pháp đi trên chiếc tàu để kiếm bọn phiến-loạn. « Lúc Pháp-quân còn ở Ba Bân, Trực cho người ngăn nước ở « Tà-Kên, Lạc-Duc (làng Đinh Mỹ) bằng đóng tre và thân cây dưới « lòng sông Pháp-binh phải ngưng tiến ở chỗ ngăn nước, bắn « cầm canh vào địch-quân để kéo dài thời-gian, trong khi ấy có « một toán quân khác đi vòng theo phía sau lưng bọn phiến-loạn « và định bao chúng. Địch-quân bị lọt vào vòng vây và bị giải-tán « Quân của Trực phá tre và cây làm chướng-ngại-vật, nhơn đó « Trực rút lui về Rạch-Giá, sau lưng có tàu Pháp theo đuổi. Trực « lại trốn đi Phú-Quốc (Hà-Tiên). Nhưng sau khi nghe Tổng-Đốc « Thọ (18i) bắt mẹ của Trực, Tổng-Đốc Thọ là người dữ tợn « đối với phiến-loạn, Trực ra đầu hàng Pháp. Người Pháp hiến

---

(18c) Tân-Hội cách Rạch Giá 10 cây số ngàn, trên kinh Rạch Giá đi Long-Xuyên bắt từ biên giới Tây-Nam.

(18d) Thoại-Sơn cách Rạch-Giá 28 cây số ngàn, trên kinh Rạch-Giá đi Long-Xuyên bắt từ biên giới Tây-Nam.

(18e) Vĩnh-Trạch cách Rạch Giá 46 cây số ngàn, trên kinh Rạch-Giá đi Long-Xuyên, bắt từ biên-giới Tây Nam xã Vĩnh-Trạch.

(18g) Đinh-Mỹ cách Rạch Giá 42 cây số ngàn cũng trên kinh Rạch Giá đi Long-Xuyên bắt từ biên-giới Tây-Bắc, làng nầy ở mé tay mặt kinh, còn Tân-Hội, Thoại-Sơn, Vĩnh-Trạch đều ở mé tay trái kinh.

(18h) Người nầy không danh-tiếng chi hết nên không có dấu tích để lại.

http://hoangsa.org

« cho Trực nhiều chỗ làm, Trực đều từ chối cả và chỉ có chức nầy là vừa với ông : là cho ông đặng quyền hạ sát tất cả « người Pháp. Sau câu nói xấc xược ấy, Trực bị xử chết và « hành hình tại Rạch-Giá Một dụ nhà vua xuống phong cho Trực « làm thần ở làng Vĩnh-Thanh-Vân, tỉnh-lị Rạch-Giá.

« Trực đã chết, Pháp kiếm người Việt từng theo Trực « để ám sát những người Việt theo Pháp. Có ông hương-chủ « Lược (ở Rạch-Giá) bị tố-giác. Hớn-tự chỉ chữ Lược gần như « chữ Trước (18k), người ta bắt hương chủ Trước ở xã Bình- « Đức (Long Xuyên) xử tử hình, còn thủ-phạm thật trốn mất « hồi nào. Đến chừng người Pháp biết thì hương-chủ Trước đã « mất đầu.

Đây là sức nhớ của *Tham*, nhưng ký-ức con người nhiều lúc thật là dở, như *Tham* nhớ chuyện nầy của người thân truyền lại. Tôi không phê-bình chi hết, chỉ làm thông-ngôn trung thành của *Victor Duvernoy* mà thôi.

Lại trong tờ nhựt-báo *Thần Chung* số 243 ra ngày thứ năm 30-3-1967, *Hồ-Sanh* có nói một chuyện dính dáng đến Nguyễn-Trung-Trực.

Vậy xin đem lên đây cho bạn đọc xem.

« Đêm 15-6-1868 [Vial nói 17 rựng mặt 18-6-1868] *Lâm-Quang-* « *Kỳ* xuất-phát từ Tà-Niên (xã Vĩnh-Hòa-Hiệp, quận Kiên-Thành) do « đường biển sang Rạch-Giá phối-hợp quân xã *Tấn*, ở Hòn Chong « tiến qua dưới sự chỉ-huy của *Trực*. Kết-quả trận đánh : giết chết 5 « võ-quan Pháp trong số có chỉ-huy Hành-chánh tỉnh tục gọi là « ông « Chánh Phèn » vì râu đỏ hoe, 67 lính, đoạt 100 khẩu súng và

(18i) Tổng-Đốc Lộc chớ không là Thọ. Chuyện bắt mẹ Nguyễn-Trung-Trực không thấy nói ở trang 247 sách của Paulin Vial, duy chỉ Trực thốt ra là xin thấy mặt những con trai của Trực mà thôi.

(18k) Theo Hớn-tự chữ Lược và chữ Trước khác nhau nhiều.

http://hoangsa.org

« đạn. Nghĩa-quân thất 3 người. Sau trận đánh *Trực* lui về núi « Trầu (18l) (Hà Tiên). *Lâm Quang-Kỳ* chỉ-huy cánh khác về vùng « Kim-Qui (18m) (Cà Mau). Cố nhiên là Pháp ruồng xét. Nhơn có « *Đải-Lượm* ở nghĩa-quân cánh *Kỳ* xuất-thú với danh-sách binh- « sĩ đồng đội của y. Một số nghĩa-quân bị bắt. *Kỳ* đau đớn giả « xưng *Trực* để nạp mình cho Pháp trước cứu số người bị Pháp « bắt, sau để đánh lạc hướng giặc về hành-động của chủ-tướng « *Trực*. Cơ-mưu bại lộ *Kỳ* bị Pháp hành-quyết cùng đồng chí « *Ngô Văn Búp* và *Trịnh-Văn-Tư* tại Rạch-Giá ngày 12 tháng 5 âm « lịch 1868. Đời sau truyền tụng gọi Lê-Lai Kiên-giang. Mộ ông « còn ở xã Vĩnh-Hòa-Hiệp.

Trên đây Hồ-Sanh thuật lại hành-động của *Lâm Quang-Kỳ* khác với hành-động *Lâm-Văn-Kỳ* của *VIAL* nơi trang 246, nhưng hai người chỉ là một. Chuyện chết thì sái hết 11 ngày vì trên đây *Lâm-Quang-Kỳ* chết ngày dương-lịch là 1-7-1868 còn *Lâm-Văn-Kỳ* bị xử bắn ngày 21-6-1868. Rạch Giá bị Pháp chiếm lại, tôi chắc là các nghĩa-quân đều theo *Trực* kiếm nơi an toàn hơn, không ai mất trí mà ở trong vòng kiểm soát của Pháp, để cho Pháp bắt. Vậy thì chuyện *Lâm-Quang-Kỳ* là Lê-Lai Kiên-giang là gượng ép, nếu tôi không phủ-nhận nó. Ví-dụ *Đải-Lượm* có đầu hàng với danh-sách đồng đội y, thì các đồng đội ấy cũng đi mất. Dân-gian muốn thấy *Lâm-Quang Kỳ* làm người anh-hùng để dễ nhớ hơn là người tầm thường?

Lối tháng 10 năm 1964, tôi có nhận đặng 4 tấm ảnh và một tờ gọi là « Bức tâm thư » của Ủy Ban Vận-Động Tân Tạo đình thần Nguyễn-Trung-Trực do cháu tôi là Trương-Công-Tâm gởi tặng tôi. Bốn bức ảnh đã đăng trong bài khảo-cứu nầy, còn ngoài sau tờ « Bức tâm thư » có hai bài bát cú thất ngôn Vậy xin trích đăng đây để gọi là kỷ-niệm lúc sửa lại đền thờ *Nguyễn-*

---

(18l) Núi Trầu ở về quận Kiên-Lương, tỉnh Kiên-Giang, về phía Tây-Bắc của quận Kiên-Lương.

(18m) Kim-Qui là hòn Kim-Qui, một trong nhiều hòn ở phía Nam đảo Phú-Quốc. Còn Kim-Qui ở Cà-mau không thấy.

http://hoangsa.org

*Trung-Trực* và theo tôi tưởng cũng là một điều trung-thành với Sử-học.

### Mấy vần tâm huyết.

Chài lưới anh-hùng có mấy ai? [trong một trang ở trước tôi đã nói về nghề nghiệp của Nguyễn-Trung-Trực]

Trong cơn quốc-biến quyết ra tài.
Lửa bừng Nhựt-Tảo kinh tâm địch,
Gươm loáng Kiên-Thành thỏa chí trai!
Yêu nước xem thường mồi phú-quí, [ ? ]
Thương dân coi nhẹ tấm hình hài.
Nghìn thu chiêm ngưỡng gương trung-hiếu,
Tô đậm vàng son nét chẳng phai

☆

Chẳng phai tên tuổi của người xưa,
Đền cổ bao năm gội nắng mưa.
Ngói đỏ, rêu phong màu ảm-đạm,
Tường long, vách lở cảnh tiêu-sơ!
Ai người nước Việt không tha-thiết,
Ai khách sông Kiên lại hững-hờ?
Nhiệm-vụ trùng-tu xin góp sức,
Sao cho khỏi thẹn với người xưa.

**BỐN MẪU CHUYỆN** có dính dáng đến *Nguyễn-Trung-Trực.*

Ngày thứ sáu 22-9-1967 tôi vào thơ-viện S.E.I trong Sở Thú để kiếm sách của hai tác-giả *Le Verdier* và *Maubryan* và quyển của *François Tessier* có dính dáng đến *Nguyễn-Trung-Trực,* nhưng trong thơ-viện ấy không có tên của các tác-giả kia.

Tôi đang lững chững chưa biết kiếm sách nào nữa, bỗng có ông *Sơn-Nam* vô tới.

Bắt tay nhau, trao đổi chuyện ấm lạnh, chuyện nghề nghiệp, rồi tôi nói:

http://hoangsa.org

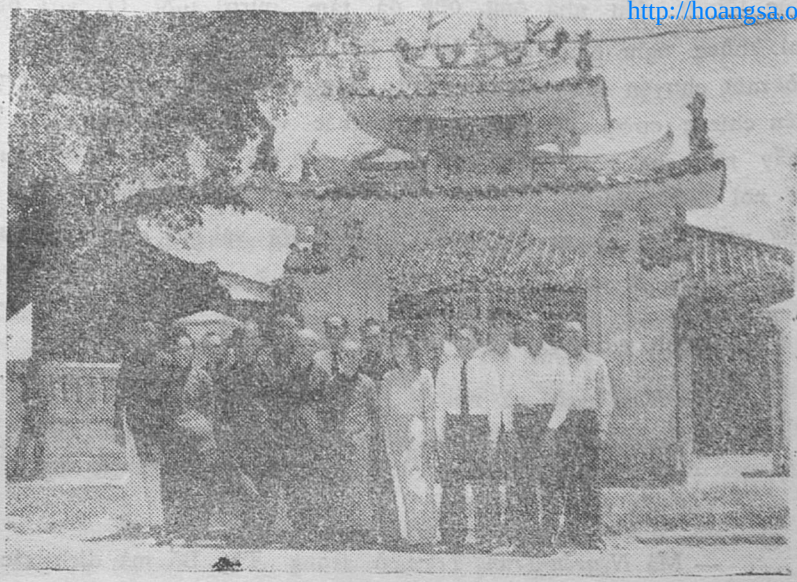

*Bình-diện thứ nhứt:*

*Ảnh con cháu Nguyễn-Trung-Trực chụp trước đền thờ Nguyễn-Trung-Trực, đếm đặng mười lăm người, bắt từ trái đếm qua người thứ ba và người thứ năm là mặc áo nhà tu. Tất cả đều ở vùng Sài-Gòn về Rạch-Giá.*

*Bình-diện thứ nhì:*

*Cửa đền thờ*

*Bình-diện thứ ba:*

*Mái ngói đã hư. Nhà chức-trách Rạch-Giá dự định sửa mới lại. Ảnh nầy chụp lối tháng 10, năm 1964, trước khi phá vỡ để cất đình mới.*

---

— Ông có biết gì về *Nguyễn-Trung-Trực* không?

— Ngoài quyển sách con của tôi có những câu chuyện nho nhỏ. Hồi tôi còn ở Rạch-Giá, có một ông họ Nguyễn, nhưng sau vụ *Nguyễn-Trung-Trực* chiếm Rạch-Giá ông phải đổi lại họ Dương.

http://hoangsa.org

Lúc tôi ở đậu nhà ông, ông đã tám mươi tuổi. Ở với ông, tôi không nghe ông thuật lại gì hết. Một bữa ông nói với tôi có một chuyện thôi, là hồi trước ông có theo *Nguyễn-Trung Trực*, đến chừng cướp đồn các người khác và ông vào đồn lục lạo thấy một cục trắng trắng hơi mềm, mới lấy đem về. Nghe người ta nói thứ nầy ăn đặng vì thấy Tây ăn. Bọn ông nấu cháo và xắt mỏng cục ấy ra lua với cháo. Ăn rồi vài giờ sau các người kia và ông đi sông dữ dội, xui cò.

— Ăn giống gì vậy?

*Sơn Nam* cười và nói:

— Các ông ấy ăn xà-bông mà họ tưởng lầm là «phó-mách».

Tôi hỏi thêm *Sơn-Nam*:

— Mả *Nguyễn-Trung-Trực* ở trong Tòa Bố mà đích xác ở chỗ nào?

— Ở nơi mấy cây da trong vòng rào Tòa Bố.

— Có bia hay là dấu gì khác để cho người ta biết?

— Không có gì hết, tôi chỉ nghe người ta nói ở trong khoảng trống mấy cây da, vậy thôi Hồi trước trên một đường lộ nhỏ có một cây trụ nhắc nhở. Lúc ấy tôi còn bé, hỏi họ, họ nói con chó ông Chánh nào đó chết, ông ấy thương mới làm trụ kỷ-niệm. Chừng sau lớn lên trở lại đó, tôi đọc và hiểu thì thấy như vầy mà tôi mang máng nhớ.

Ici tomba

François Denot

agent de la ferme d'opium

Nơi chỗ nầy té nằm vĩnh viễn François Denot nhơn-viên của cuộc thầu thuế nha-phiến.

Bây giờ nếu chúng mình đi xuống Rạch-Giá tự-do nghĩa là ít tiền mà tới chỗ, không chừng chúng mình sẽ nghiên cứu

http://hoangsa.org

đặng trại lính hồi ngày 17-6-1868 vì chúng ta có một cái móc rồi do cây trụ ấy.

Tôi lặng im, tưởng trong trí rằng mình không đủ khả-năng làm chuyện ấy.

*Sơn-Nam* tiếp:

— Ở dưới Rạch-Giá có một xóm gọi là *xóm Nhựt-Tảo*. Hình như hồi đầu tháng 6 năm 1868, người ở làng *Nhựt-Tảo*, tỉnh Chợ-Lớn xuống. Hồi trước, những người nầy là lính theo *Nguyễn-Trung-Trực*. Khi đặng lịnh của *Trực* gọi xuống đề phá đồn Rạch-Giá, họ liền đáp lời kêu ngay. Giờ đây họ còn một nếp sống đặc-biệt là con gái của họ không gả cho con trai ở xóm khác mà chỉ gả cho thanh-niên ở cùng *Xóm Nhựt-Tảo* với nhau mà thôi.

— Ấy cũng là một cái lạ, nhưng tôi thấy là làm như vậy thì thành ra họ tự cao hơn đồng-bào họ rồi sao?

— Đành vậy, song nó đã thành ra tập-quán rồi.

— Còn chuyện gì nữa chăng, tôi vừa hỏi vừa cười:

Ở Rạch-Giá, họ thờ *Nguyễn-Trung-Trực* ở ba làng. Ở chỗ làng chánh là đình *Vĩnh-Thanh-Vân* có thờ thêm *Nam-Hải tướng-quân* là thần cá ông, kế đến là đình làng *Tân-Điền* [tên nầy không thấy trên địa đồ], thứ ba là đình làng *Vĩnh-Hòa* [nay thấy trên địa-đồ làng *Vĩnh-Hòa-Hiệp*, chắc là làng nầy]. Ghe đi biển lại có cặp mắt khác. Trên Sài Gòn đây, chúng ta thấy toàn là ghe có cặp mắt tròn dài, tròng trắng ở ngoài, tròng đen ở giữa, còn ghe Rạch-Giá có cặp mắt tròn vo, vành ngoài sơn xanh, màu đen ở trong. Người ta nói hồi 1868, sau khi rút lui khỏi Rạch-Giá, *Trực* ra đảo Phú-Quốc. Muốn đi biển *Trực* ngồi trước mũi ghe, gặp sóng lớn *Trực* trợn cặp mắt là sóng bớt ngay. Dân đi ghe bắt chước theo cặp mắt *Trực*, sơn hai bên mũi ghe, hai con mắt in như cặp nhãn của *Trực* vậy.

Tới đây *Sơn-Nam* lại ngậm tiếng như trí vẫn vơ theo đuổi

http://hoangsa.org

*Trực* đang ngồi trên thuyền cõi sóng ngoài khơi vịnh Thái-Lan.

Tôi hỏi:

— Còn gì nữa không?

Câu hỏi của tôi giựt *Sơn-Nam* trở lại giữa sự thật.

— Tôi công-nhận rằng *Nguyễn-Trung-Trực* là tướng tài, dám đánh chiếm của Pháp tỉnh Rạch-Giá và ở đó làm chủ đặng ngày 18, 19, 20 và 21. Võ-công ấy kể cũng là rạng rỡ lắm, đáng nêu gương trong sáng vậy.

— Tôi cũng có ý-nghĩ ấy.

## TÀI-LIỆU PHỤ

Tôi đã nói có hai tờ dụ trước năm Nhâm-Tuất 1862, chớ còn dụ năm Mậu-Thân 1868 thì không tìm đặng.

Tôi xin dịch hết hai bổn để tăng gia sự hiểu biết của độc-giả, kèm theo lời bình của tôi về *sự giả tạo* của hai tờ dụ ấy.

Đây là bổn thứ nhứt.

Chiếu chỉ của vua Tự-Đức.

Năm thứ 12, tháng chín, ngày mồng mười (19), (4 tháng

(19) Ngày, tháng âm-lịch không hiệp với ngày tháng dương-lịch. Như năm 1860 mà gọi là năm Tự-Đức thứ 12 thì lầm phải gọi là năm Tự-Đức thứ 13 (Tự-Đức lên ngôi tháng 10 Đinh-Mùi song lấy năm sau là Mậu-Thân 1848 làm Tự-Đức nguơn niên tính từ Mậu-Thân làm Tự-Đức năm thứ I đến Canh-Thân là năm Tự-Đức thứ 13), tháng chín mồng mười nhằm thứ ba 23-10-1860; như 4-11-1860 thì nhằm ngày chúa-nhựt 22 th. 9 Canh-Thân. Cách khoảng nhau tới *13 ngày*. Bởi lầm 13 ngày mà tôi có ý nghi ngờ rằng giả tạo, vì hồi bấy giờ Pháp có tham vọng muốn chiếm cứ miền Đông bán-đảo Đông-Dương làm thuộc-địa, nên có đủ mưu mẹo để nắm cứu cánh. Đây là điểm ngờ vực thứ nhứt.

http://hoangsa.org

mười một năm 1860), đem đến Sài-Gòn do một chiếc ghe Bắc-Kỳ.

Mạng-lịnh tột cao.

Tính ngoan-cố của bọn mọi-rợ ngoài khơi [dịch barbares du large] giống như cử-động của loại trùng dế, có mục đí h nhỏ mọn và tà vậy. Sau khi gây rối ở Đà-Nẵng, chúng nó lại phân chia và khuấy phá Gia-Định (Sài-Gòn) (20) đã một năm rồi Nhiều lần, Trẫm hạ lịnh cho các tướng điều-khiển quân binh để ngăn ngừa loài hung tợn ấy, các tướng đã chận đứng và không cho tràn lan ra lúc gần tới đế-kinh. Tài-tình đánh trận của bọn mọi rợ ấy không thể so sánh đặng. Trước khi chúng gây rối ren và hỗn loạn, chúng cầu xin hòa-bình. Nếu chúng nó biết cung kính và biết các nghi-thức (lễ), Trẫm và bá quan không dụ dự mà lập liên-lạc với chúng, và sau cùng, Trẫm đã chấp nhận cho chúng vào Đà-Nẵng (hải-cảng Tourane), mà ý muốn của chúng như vậy và để cho binh-lính ta rảnh tay những công-tác và những khổ nhọc đặng vui chơi, nhưng không thể để sự tin cậy vào lòng bọn chó dê ấy, Trẫm đã thấy rõ rồi; bởi vậy Trẫm hạ lịnh cho dân-chúng ở theo bãi biển hãy đắp lũy, lập đồn, giữ đồn lũy ấy chớ sơ sót, cuối cùng là dùng võ-khí đánh đuổi chúng, để chúng hết cao-vọng vào xứ mình. Hiện thời, chúng thấy mối lợi, chúng xin xỏ càng ngày càng dồn dập, không bao giờ đủ; nếu Trẫm

---

(20) Theo vua Tự-Đức gọi phải kêu *Bến Nghé* hoặc *Ngưu Tân* hay là *Ngưu-Chữ*. Nhà vua biết Sài-Gòn là Chợ-Lớn bây giờ mà thoi.

« Tên Sài-Gòn là đặc-biệt cho châu-thành Huê-Kiều. Những người « nầy gọi là Tai-Ngon hay là Ti-Ngan (Đề-Ngạn). Châu-thành mà chúng « ta (người Pháp) kêu là Sài-Gòn, người An-Nam gọi là Bến Nghé. « Vì duy-nhứt dân-chúng nghe chúng ta nói Sài-Gòn nên họ gọi địa- « điểm ấy là Sài-Gòn để dễ bề chúng ta hiểu ». — Dịch-giả: AUBA-RET, sách Histoire et Description de la Basse - Cochinchine [Gia-Định Thông chí của Trịnh-Hoài-Đức] trang 194.

Vậy thì trước 1861 Sài-Gòn là tên Chợ-Lớn bây giờ.

Đây là điểm ngờ vực thứ nhì của sự giả tạo ra bức dụ trên.

http://hoangsa.org

nghe theo sự ham muốn của chúng, vương-quốc nầy sẽ ra sao và đời sau sẽ tưởng Trẫm như thế nào ? Vậy, Trẫm đã nhiều lần yêu-cầu ân-cần tăng gia các phương-pháp đánh đuổi chúng, hầu cắt đứt những sự xảo-trá ấy. (21) Nhưng đây nầy chúng thất-vọng, chúng tỏ ra không thành thật. Lần lần, chúng ngoái lại để coi cử-chỉ của viên tổng-đốc Quảng-Nam, hầu có giết binh của viên ấy bằng một đợt xung phong thình-lình và dữ dội. Cái tính tự-nhiên điên cuồng ấy là một đầu đề cho chúng ta ghét bỏ, sự thật là vậy. Hiện thời, Trẫm xuống lịnh cho những thần-dân dầu ở hóc hẻm nào, ở bờ biển, ở điểm nào đáng bảo-vệ, phải gắng sức chú-ý, để khỏi phải bị trách móc.

Vả lại, bọn mọi-rợ ấy ở cách xa với xứ ta nhiều biển minh-mông, theo trong nguồn gốc, chúng ta không có một vấn-đề cỏn con nào để phân-tranh chống chúng ; nhưng lòng khao khát, dạ xấu xa, tánh khinh rẻ, nong nả chúng một cách ngông cuồng, chúng khuấy phá bờ biển ta một cách vô lý, cướp bóc ghe thuyền và gieo rắc sự lộn-xộn cho dân-chúng một cách không liêm sỉ. Nhà nhu nào hay thường-dân nào thấy hành-động như vậy mà không nghiến răng và không tưởng đến sự ăn thịt lột da chúng ? Ấy vậy không phải là một giờ, một sớm, một chiều mà nên chuyện đặng ! Vậy chớ không thần-dân nào lớn lên bằng hột cơm của quả đất nầy mà không có ý-kiến trung-quân và bổn-phận ? Trẫm hạ lịnh cho các tỉnh-thần làm cách thế nào cho các nho-sĩ biết, cho dân chúng trong quận mình biết, để thần dân đồng vùng dậy và nổi loạn (22). Bây giờ đây, dân chúng phải răn cấm mình nghe những

---

(21) Phải vì câu nói : « Vậy, Trẫm đã yêu-cầu ân-cần tăng gia các phương-pháp đánh đuổi chúng, hầu cắt đứt những sự xảo trá ấy », mà VIAL thốt là « nói mù mờ về sự trợ giúp của ngoại-quốc ».

(22) Nguyên-văn như vầy : « Je donne ordre à tous les mandarins des provinces de faire en sorte que tous les lettrés, que tous les gens du peuple de leurs districts respectifs, sachent partout s'élever et s'insurger ». Hồi *23-3-1860* [mồng 2 th. 3 Canh-Thân] Pháp-quân rút đi khỏi Tourane.— VIAL, q. I, tr. 82, dòng 14 tới 16.

(*Xem tiếp trang 37*)

http://hoangsa.org

lời bình bồng. Lúc không còn e ngại chi nữa, thần dân sẽ vui mừng, sẽ cày, sẽ trồng trọt, thần-dân sẽ giữ gìn sản-nghiệp, sẽ giúp đỡ nhau, nhưng khi có sự nguy hiểm gấp các thần-dân nên cùng nhau lo lắng chung và săn sóc nhau, hầu có tư-tưởng chống đối sự nguy-hiểm ấy và tìm mưu tránh nó. Vả lại, từ ngày nầy, dân-chúng người nào có ý tinh tấn và khéo khôn phải biết lợi-dụng hai tánh tốt ấy cho có hiệu-quả [chống nguy hiểm và tìm mưu tránh nó]. Những làng (22a) có mười nhà tất phải có một người đáng tin cậy. Trong những nhà tranh, không có thần-dân nào có tài giỏi đến đỗi người có địa-vị không biết đến, và có biết thì cũng để nói xấu chăng ? Vậy làm sao biết đặng họ ? Ngoài những hương-chức, Trẫm hạ lịnh cho hàng phủ, huyện, hạng nhứt hay hạng nhì, tìm kiếm ra những ai có mưu mẹo khéo léo để giết và đuổi bọn mọi-rợ điên-cuồng, mục-đích là cho quan sở tại hay, không ngoại-lệ nào cả, vị quan nầy sẽ tâu lên Trẫm để Trẫm biết mà chọn lựa. Nhưng người nào cho Trẫm tin tức nầy phải cẩn-thận, đừng làm mệt vô ích những phu trạm thơ. Trẫm cũng xuống dụ cho các quan văn, võ trong mỗi huyện không phân biệt quan nào, những ai thật tình thông-minh hơn hết, sáng chói hơn cả, có kinh nghiệm làm việc, có những phương tiện hành-động và có ý-chí diệt bọn cướp ấy, hãy yêu-cầu theo các võ-quan và các quan địa-phương ấy phải nói rõ ràng về phần ai tiến-cử : một bên xét coi người ấy ở đoàn-thể nào và một bên khác biên tên họ. Người ở Lục-tỉnh Nam-Kỳ với Bin-Thuan [Bình-Thuận]

---

Vậy mặt Quảng-Nam không lo chi nữa, duy lo ở Bến Nghé mà ở đây hồi bấy giờ là Việt-quân làm chủ tình hình, Pháp-quân bị bao vây, binh của tướng Charner chưa tới cứu-viện.

Như vậy *Vua Tự-Đức*, kêu dân-chúng vùng dậy và nổi loạn để làm gì ? Duy sau khi thất-trận *Kỳ-Hòa* rồi mới có thế nảy sanh ra bổn dụ nầy.

Một điểm thứ ba để chúng ta nghi ngờ rằng bổn dụ nầy là một giả-tạo.

(22a) Tôi dịch tiếng *village*, nhưng một làng mà có mười nhà thì thật là dân-số của làng ấy ít lắm.

http://hoangsa.org

và Khanh-Hoa [Khánh-Hòa] thì theo viên Tổng-Thống quân-vụ ở Gia-Định mà về Trào: những tỉnh giữa Bin-dinh [Bình-Định] và kể cả Quảng-Nam thì theo viên quan võ chỉ huy tỉnh Quảng-Nam; Thua-Thiên [Thừa-Thiên] và tất cả tỉnh ở Bắc-Kỳ tới đế-Kinh phải chiếu theo lịnh nầy trừ tuyệt (cuộc xâm chiếm nầy). Sau khi rồi, những người nào sẽ xứng đáng cho xứ sở tôn sùng, Trào-đình sẽ thưởng công và sẽ khen ngợi nhiều những công cán của những người ấy.

Thần-dân Đại-Nam-quốc hãy vưng theo dụ nầy.— PALLU, Histoire de l'Expédition..., tr. 291, 292 và 293.

Tờ dụ nầy *đáng nghi ngờ về ba điểm* như chúng tôi đã nói ở trước số 19,20 và 22, thay vì nói quyết rằng hồi mồng 10 tháng 9 năm Canh-Thân 1860 Trào-đình Huế đã có xuống một tờ dụ như chúng ta đã thấy trên đây.

Một bổn dụ thứ nhì mà chúng tôi có trong tay là bổn dưới đây.

Ngày mồng ba tháng ba âm-lịch

(1 tháng ba năm 1861) (23).

Trương-Đăng-Quế, Lâm-Duy-Nghĩa và Nguyễn-Luân có thượng sớ về tâu với Hoàng-Đế và Đức Kim-Thượng phê như sau đây:

Ba năm đã qua bọn Lang-sa đến xâm-chiếm trong Gia-định; chúng phá thành Gia định, giết chóc và làm ly-tán những binh của ta chống giữ thành. Vì thế, tất cả những thần-dân trung-thành với Trẫm đều xúc-động đến cao-độ nhứt là những thần-dân ở Nam-

(23) Mồng ba tháng ba Tân-Dậu nhằm ngày thứ sáu 12-4-1861, còn ngày 1-3-1861 nhằm ngày thứ sáu 20 th. giêng Tân-Dậu, hai ngày tháng trong bức thơ không hiệp nhau; dầu người Pháp không biết ngày âm-lịch cũng nói trịch lối mươi ngày thôi có đâu mà đến *43 ngày*. Do đó mà chúng tôi có ý ngờ vực nguồn gốc bức thơ nầy.

http://hoangsa.org

Kỳ. Trẫm chắc những thần-dân xứ nầy sẽ hợp với quân binh để trả thù chung. Người Lang-sa thuộc về chủng-tộc khác hơn chúng ta, chúng muốn đè ép chúng ta và hãm hiếp phái yếu của ta. Vậy những thần-dân nào biết ghê tởm những sự ấy hãy theo về với ta.

Có lẽ một vài kẻ muốn làm tôi tớ chúng nên theo cậy nhờ chúng ? Hồi trước Trẫm có gởi một tờ chiếu cho nhà cầm quyền Lục Tỉnh trong đó Trẫm có phán rằng.

Những thần dân trung-thành với lời khuyến-dụ của Trẫm hãy nong nả dân-chúng nổi dậy và xung vào dân-quân như cách nầy :

Thần-dân nào mộ đặng mười người, Trẫm sẽ phong cho chức bá-hộ, thần-dân nào mộ đặng năm mươi người Trẫm sẽ cho chức chánh-lục-phẩm suất-đội (đại-úy). Thần-dân ấy sẽ đặng cấp cho một khẩu-phần và những khí-giới để tập luyện.

Thần-dân nào đặng một trăm người sẽ đặng phong phó-vệ.

Thần-dân nào mộ từ hai trăm đến bốn trăm người sẽ đặng phong-chức tùy theo tỉ-số người.

Thần-dân nào mộ năm trăm người sẽ đặng phong chánh-nguyên phẩm-cơ (đại-tá).

Thần-dân nào bắt được một người Lang-sa sẽ đặng thưởng bốn lạng bạc.

Thần-dân nào giết được một người Lang-sa sẽ được thưởng hai lạng bạc.

Thần-dân nào giết được một người Việt-Nam làm tôi cho Lang-sa sẽ đặng một lượng bạc.

Trẫm hứa những phần thưởng ấy vì Trẫm muốn cho dân-chúng bắt cho đặng giặc Tây. Trong tỉnh Gia-định, có ba trăm lẻ tám tráng-đinh đã tùng ngũ để đánh giặc Lang-sa ; ở Vĩnh-Long có một trăm bốn mươi người. Không tính năm vệ-binh và cơ-binh

http://hoangsa.org

tổng gốc ở *tỉnh Sài-Gòn* (24) mà người ta đã dẫn lên Biên-Hòa, còn có năm cơ-lính dân-quân đặng bí-mật tổ chức.

Hoàng-Thiên đâu nỡ bỏ thần-dân Trẫm và Trẫm hay sao ?

Trẫm biết lúc nầy sự rối rắm rất nhiều trong tỉnh Gia-định và Định-Tường vì hai tỉnh-lị bị thất-thủ (25). Vậy, Trẫm tưởng rằng các thần-dân đã về với gia-đình là đúng lý lắm, nhưng ngay bây giờ toàn thể thần-dân ấy phải đứng dậy và trở lại quân-ngũ. Trẫm sẽ hoan-nghinh tấm lòng tươi vui để chiến-đấu và đuổi giặc Tây ra khỏi những tỉnh. Rồi các thần-dân sẽ trở về quê-hương sau khi thắng trận, hưởng những phần thưởng rất xứng đáng — *GRAMMONT. Onze-mois de sous-préfecture... trang 487-488.*

Ngày 21-7-1861, đại-úy de Grammont có giam giữ ở mé Trảng-Bàng, ba người tên là *Mưu, Tri và Thơi* [không bỏ dấu, nếu có dấu thì trịch ra khác] ; ba người nầy đem theo mình giấy tờ về cuộc hoạt-động của người Pháp trong đồn và một bổn dụ của Hoàng-Đế Đại-Nam. Bổn dụ có tánh cách công chứng đàng hoàng vì có ấn-tín của nhà Vua. Trên đây là bổn dịch tự-do của tờ dụ trên.

*Vial* có nói « Trong dụ nhà vua hứa những phần thưởng bằng tiền bạc và những cấp bực quan cho người Nam khi họ nộp những người Âu ». Ở đây có nói những điều khoản bằng tiền ấy. Vậy phải dụ nầy chăng ?

---

(24) Người Pháp sửa lại và gọi là tỉnh Sài-Gòn, người Việt nhứt là Tự-Đức không có kêu như vậy bao giờ khi nói với thần-dân của ông. Đây là điểm ngờ vực thứ nhì.

(25) Đầu tỉnh Định-Tường mất ngày 12-4-1861 hồi 13 giờ 30.

Nếu tính theo dụ nầy, mồng 3 th. 3 Tân-Dậu [12-4-1861] làm sao ở Huế hay cho kịp tin Định-Tường thất-thủ vì hồi bấy giờ cách thông tin còn sơ lắm, cả Pháp nữa, vì tới đầu 1862 mới có điện-tín của Pháp đặt ra.

Nếu tính theo ngày 1-3-1861 [20 th. giêng Tân-Dậu] thì dãy đồn Kỳ-Hòa mới bị phá, giặc Pháp chưa đánh tới Định-Tường, làm sao nói Định-Tường thất thủ đặng.

Đây là điểm ngờ vực thứ ba.

http://hoangsa.org

Dầu phải dầu không, *tôi nói quyết rằng bản dụ này là giả tạo* do ba điểm mà tôi kiếm đặng ở số 23, 24 và 25. Người Pháp *phát-minh* ra bổn dụ nầy để có cớ hầu cất binh chiếm đất cho dễ dàng. Ôi! Dối láo thay cho người Pháp, tưởng như thế là qua mắt đặng dư-luận người cùng thời và người sau, nào dè qua không khỏi kẻ mắt thịt nầy. Khốn nạn thay cho chiến-tranh xâm lược! Mi đi gieo rắc văn-minh bằng chôn lấp dân-chúng dưới bom đạn, bằng những lời lẽ xảo trá, bằng những hành-động ghê tởm nhứt trên đời nầy.

PHÙ LANG TRƯƠNG-BÁ-PHÁT

*Khởi viết : 1-6-1964*

*Viết thành : 19-9-1964*

*Đọc kỹ và chép sạch : từ 10-9-1967 đến 4-10-1967*

*Sửa lần chót 27-5-1968 đến 30-5-1968*

## NHỮNG SÁCH DÙNG ĐỂ KHẢO CỨU


Paulin Vial, Les premières années de la Cochinchine, Tome II, Paris, Challamel Ainé, Libraire-Editeur, 30 rue des Boulangers et 27 rue de la Bellechasse, 1874, pp. 242, 241, 240, 233, 234, 235, 236, 248, 239, 240, 241, 242, 243, 244, 245, 246, 247, 248, 249.

Paulin Vial, Les premières années de la Cochinchine, Tome I, pp. 124, 125, 126, 141, 186, 195, 232, 351, 133, 243, 246, 82, 324.

Léopold Pallu de la Barrière, Histoire de l'Expédition de Cochinchine, 1861, Berger-Levrault éditeur, Paris-Nancy, 1888, pp 218, 219, 291, 292, 293.

Lucien de Grammont, capitaine au 44ème de ligne, Onze mois de sous-préfecture en Basse-Cochinchine, Paris, Challamel Ainé, Libraire-Editeur, 30 rue des Boulangers, 1863, pp. 116, 487, 488.

http://hoangsa.org

Alfred Schreiner, Abrégé de l'Histoire d'Annam, 2ème, édition, Imp Coudurier et Montégout, Saigon, 1906, pp. 297, 298.

Taboulet, La geste française en Indochine, Tome II, Adrien, Maison neuve, 11 rue Saint-Sulpice Paris 6ème, 1956, p. 518.

Aubaret, Histoire et Description de la Basse-Cochinchine (Gia định Thông Chí của Trịnh Hoài-Đức), p. 194.

Annuaire de la Cochinchine 1867, 1868.

Bulletin des Amis du Vieux-Huế, 1932, pp. 236, 237.

Paul Boudet, Chasseloup-Laubat et la politique coloniale du Second Empire, Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises, 2ème semestre 1947, p. 53.

Victor Duvernoy, Monographie de la province de Long-Xuyên, 2ème édition, éditions du Moniteur de l'Indochine, Hanoi 1930, pp 63, 64.

Nguyễn-Như-Lân, 200 năm dương-lịch và âm lịch đối chiếu, 1780-1980, nhà in Man-Sanh, giấy phép ngày 6-2-1961.

Dịch-giả: Tu-Trai Nguyễn-Tạo, Đại-Nam Nhất Thống Chí, Lục-Tỉnh Nam-Việt, Tập Thượng, Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục xuất-bản 1959, tr. 51, 52, 62, 63.

Tiên-Đàm Nguyễn-Tường Phượng, Binh-chế Việt-Nam qua các thời-đại, nhà xuất bản Ngày Mai, 1950, tr. 49.

Thân Thế và sự nghiệp Nguyễn-Tri-Phương, bài khảo chưa đăng báo nào.

Cao-Xuân-Dục, Sử Quốc Triều Chánh Biên Toát Yếu, quyển II.

Tập-san Sử-Địa số 7, bài Phan-Thanh-Giản Cuộc chiếm-cứ ba tỉnh miền Tây của Pháp.

Địa-đồ Sài-gòn — Gia-định và kế cận của Nha Tổng Giám-Đốc Địa-Chánh Việt-Nam số 5541, 29-12-1960.

Địa-đồ Hành-Chánh Nam-Phần, Nha Tổng Giám-Đốc Địa-Chánh Việt-Nam, 31-5-1966.

Nhựt-báo Thần Chung số 243, thứ năm 30-3-1967.

http://hoangsa.org

*xin cung-hiến một ít*

# TÀI-LIỆU VỀ cụ NGUYỄN TRUNG-TRỰC

LÊ THỌ-XUÂN

... Trời sắp tối. Thuyền cặp bến Chợ-mới, bên bờ Lòng Ông Chưởng. Tôi từ Long-Xuyên đến với chỉ một bộ quần áo ướt mem, sau khi chiếc đò dọc trải cơn mưa dầm gió lớn, lướt trên sóng cả sông to.

Anh chèo mũi đến mấy ghe rồi tìm mua cá sống tôm tươi. Ông lão cầm lái nổi lửa nấu nước uống cho ấm. Ông bảo tôi mặc đỡ cái áo bành-tô, cởi chiếc sơ-mi cho ông hong giùm. Chừng chiếc sơ-mi đã giòn giốt, tôi mặc vào thả lên bờ... chờ cơm. Bước đến trước nhà-thương. Tôi hỏi qua cho biết « quan thầy » ở đây là ai. Tôi bỗng mừng húm. « Quan thầy » là... người nhà : ông Lê-Trung-Lương (sau nầy là Bác-sĩ Giám-đốc Dưỡng-trí-viện Biên-hòa). Bèn vào thăm. Ông đương ngồi đọc báo ở mé hiên. Chợt thấy tôi, ông hỏi : « *Ê, đi đâu mà lạc đến đây?* » Không đợi tôi trả lời, nhìn kỹ, ông hỏi tiếp : « *Sao mà dơ dáy và in con mèo ướt?* »

Tôi cho ông nghe : ghe con, sông cả, sóng bỏ vòi cao, mưa như trút chĩnh. Tôi đến đây để học về Ông Chưởng (1), cho

(1) *Ông Chưởng là Chưởng-dinh Lễ-thành-hầu Nguyễn-Hữu-Cảnh, người có công lập dinh chia huyện cho đất Đồng-nai nầy từ cuối thế-kỷ XVII.*

http://hoangsa.org

biết Vàm Nao và chiều mai trở về Long-xuyên để học về Thoại-sơn (núi Sập) và Thoại-hà (kinh Long-xuyên đi Rạch-giá) (2)...

Ông nói một hơi: «*Mấy khi cậu (3) đến đây sao không tiện dịp đi thêm vài chỗ cho biết: nè chợ Thủ (4) có phần-thủ đời xưa, nè Cồ-hủ có đồn-bảo từ thời Minh-Mạng, nè đến Vàm Nao mà trở về thì rất uổng và cũng dại: cậu qua Vàm Nao thì tới làng Hòa-hảo, có một đạo mới của ông Huỳnh rất lạ, lại có xe ngựa và xe lôi chạy dọc theo bờ Tiền-giang lên đến Tân châu, đâm ngang tới Hậu-giang, gặp người Chàm ở Châu-giang, vượt Sông Sau mình mông qua châu-thành Châu-đốc, thú-vị lắm...*»

Ông «thuyết-phục» khiến tôi như bị «*thôi-miên*». Đoạn, ông tiếp: «*Mà có Má tôi ở đây, đâu dễ cho cậu về gấp!*» (5)

Thế là tôi mau-mắn đổi «*chương-trình*» học về Thoại-hà, Thoại-

---

(2) *Vua lấy tên Thoại-ngọc-hầu mà đặt cho kinh và núi nầy.* (立, *chữ Lập đọc nôm là Sập: núi Sập;* 丘 *vì hai chữ Lập và Khâu (hay Khưu, tên húy của Khổng-phu-tử) giống nhau nên có sách chép ra Việt-văn là Khâu-sơn.*

(3) *Ông Lương, từ khi mới quen nhau, kêu tưng tôi như vậy, thay tiếng «em».*

(4) *Tiếng kêu tắt Thủ-chiến-sai; chỗ mà khi nhỏ, tôi thường nghe ông chủ trại cưa gần nhà nói đến «Chợ Thủ» (không phải Thủ-dầu-một) để «kiếng» cây.*

(5) *Tôi đã có đôi phen gặp Bà Cụ tại nhà ở Cần-thơ. Bà Cụ là người biết rất nhiều chuyện xưa và cũng rất ưa nghe tích cũ nước-nhà. Hơn nữa, Bà Cụ thuộc dòng-dõi của Đức-quốc-công Phạm-Đăng-Hưng — thân-phụ của Từ-Dũ Hoàng-thái-hậu —, sanh-trưởng tại Gò-công, nên đã thuật cho tôi nghe lắm điều về Cửa Khâu, Trại Cá, Truông Cóc, Gò Rùa của Cụ Lãnh-binh Trương-Định. Chính Bà Cụ là người đã «chỉ lén» cho tôi biết mộ Cụ Lãnh-binh «nằm» trên phần đất của ai, gần nhà của ai, tấm mộ bia bị «băm» làm sao (như tôi đã thuật trong Sử-Địa số 3-1966: đặc-san về Trương-công Định), và Lãnh-binh Tấn bị Cụ Trương Định «vật» hộc máu ra thế nào...*

http://hoangsa.org

sơn ở Long-xuyên ra học về Vĩnh-tế sơn (Núi Sam) và Vĩnh-tế-hà (6) ở Châu-đốc.

☆

Sóng to bằng cái nhà. Chiếc đò máy Tân-châu vẫn lướt như bay qua Châu-đốc. Đã quá năm giờ chiều. Tôi tìm đến nhà người bạn đã giúp tôi nhiều tài-liệu về An-giang mà tôi chưa từng gặp mặt: anh Võ-Văn-Sung, lúc bấy giờ « đứng bàn Ông Chánh ».

Mỗi sáng sớm tôi vào Núi Sam, chiều tối mới về. Mỗi trưa, nhơn giờ nghỉ, anh Sung và con trai anh mang bánh mì hay cơm nếp, thịt nguội hoặc cá mòi đến, cùng « dần bụng » dưới bóng mái cổng trước miếu mộ Thoại-ngọc-hầu.

Cả ngày, tôi leo dài theo tường xây cao phía sau đền, thả rều khắp vùng núi Sam, linh-đinh con thuyền trên kinh Vĩnh-tế, viếng miếu Bà Chúa Xứ, viếng cổ-tự Tây-an...

Mưa mịt trời. Tôi vào sau chùa nói chuyện khào với... khách thập-phương. Một ông lão biết tôi từ xa đến, hỏi tôi đã viếng những cảnh nào. Nghe tôi « thuyết-trình » xong, ông bảo là còn thiếu: « Thầy đến Châu-đốc, đến tận Núi Sam đã mấy ngày mà còn sót một nơi không được sót: mộ Ông Nghè Mô. »

Tôi vội hỏi: « *Thưa ông, mộ Ông Nghè ở đâu?* »

---

*(6) Năm nọ, tôi đi xe đạp từ Vĩnh-long đến Mân-thít để biết chỗ quân Tây-sơn đại-chiến với quân Nguyễn-phúc-Ánh, và Châu-Văn-Tiếp bị đâm chết. Kế đó, tôi mướn xuồng băng sông cái qua Cù-lao Dài để viếng mấy ngôi mộ cổ của gia-quyến họ CHÂU và lót chữ VĨNH, mà con cháu vẫn còn đông. Thoại-ngọc-hầu phu-nhân tên là Tế và thuộc dòng họ CHÂU-VĨNH nầy. Bởi thế, khi Thoại-ngọc-hầu Nguyễn-Văn-Thoại đốn-đốc đào xong con kinh to từ Châu-đốc thông qua Hà-tiên, nhơn thấy địa-hạt khởi đầu con kinh có chữ CHÂU đứng trước trùng với họ CHÂU của phu-nhân, vua dạy lấy tên VĨNH-TẾ của phu-nhân mà đặt tên kinh nầy là « Vĩnh-tế-hà » để ghi tạc công-lao Thoại-ngọc-hầu.*

http://hoangsa.org

— Tại Núi Sam nầy, bên kia pháo-đài, thầy hỏi mấy người làm đá, ai cũng biết hết.

Thế là ngay hôm sau, nhằm ngày chúa-nhựt, chúng tôi «tổ-chức» một cuộc «Viếng mộ Ông Nghè».

Khi viết bài nầy, tôi vào nhà anh Sung — hiện làm việc tại Tổng-Nha Cải-Huấn — để anh nhắc rành sự-việc xảy ra đã trên ba mươi năm qua.

Sở-dĩ tôi thuật vòng do tam-quốc như trên là vì nhờ sự may mắn mà tôi gặp Bác-sĩ Lê-Trung Lương ở Chợ-mới mới có chuyến đi Vàm-nao — Châu-đốc bất-ngờ và tình-cờ gặp ông lão đụt mưa ở chùa Tây-an mới biết được mộ Ông Nghè Mô (7), một người mà tôi «quen biết» từ lâu-lắm..

Ông Nghè Trương Gia-Mô, tức chí sĩ Cúc-Nông, là người sanh tại làng Tân-hào (chợ Hương-điểm, tỉnh Bến-tre), trong lúc thân-sinh ông lãnh chức tri-huyện Bảo an (về sau là quận Ba-tri). Thuở ấy, từ tỉnh-lỵ Vĩnh-long hay từ phủ-lỵ Hoằng-trị (nay là

---

(7) *Vì người đương-thời gọi ông là «Ông Nghè» nên có sách chép «ông đỗ tiến-sĩ» Thật-sự thì tiếng «Ông Nghè» nầy không có nghĩa là «tiến-sĩ như Ông Nghè Huỳnh-Thúc-Kháng, Ông Nghè Ngô-Đức-Kế... Ông Nghè Mô không phải là nhà khoa-giáp; thân-sinh ông là một vị đường quan, cố-nhiên ông là một ấm-sinh; nhờ học rộng, qua một kỳ sát-hạch ông được hàm Hàn-lâm chi-chi đó — có thể cỡ thất, bát-phẩm — và được chức thơ-lại hay thừa-phái chi tại Huế, nên người Kinh-đô gọi tặng ông là «Ông Nghè» như nhiều Ông Nghè khác.— Trước khi viết bài nầy, tôi có viết thơ về Quốc-Hội hỏi ông Trương-Gia Kỳ-Sanh vài chi-tiết về Ông Nghè — thân-phụ của ông Kỳ-Sanh — nhưng không được trả lời. Tôi chỉ hỏi ông Kỳ-Sanh về năm sanh và năm qua đời của Ông Nghè, tự và hiệu cùng tác-phẩm của Ông Nghè, chớ không hề hỏi tới nỗi lòng «tha-thiết với Nơi Nhau-Rún» và cao-hoài «làm sống Anh-Hùng Cường-Hạng NGUYỄN-TRUNG-TRỰC» của Ông Nghè, mà tôi kính-cẩn thuật ra đây hầu bạn đọc.*

http://hoangsa.org

Trúc-giang, Kiến-hòa) mà muốn đến huyện-lỵ Bảo-an thì phải đi tuyền tới Hương-điểm mới có đường bộ đi khắp huyện. Có thể nhơn đi ngang Hương-điểm, thân-mẫu Ông Nghè sanh ông tại đây.

Vì vậy, khi có dịp từ Bình-thuận vào Nam, Ông Nghè « lặn-lội » đến Hương-điểm viếng chốn « đã nghe của ông oa-oa tiếng khóc »

Ông thuật cho người quen nghe rằng đò lìa bến Bến-tre từ thả buổi mà đến xế tà vẫn chưa tới Hương-điểm, ông nôn-nóng quá, hỏi chừng mãi. Khi nghe lái đò cho biết là đã gần tới, ông bò ra khỏi mui, đứng dựa cột buồm ngó mong. Người ta chỉ những cây xa-xa và bảo: « *Hương-điểm ở chỗ đó!* » Lòng ông bỗng cảm-xúc, bồi-hồi, vui sướng vô-hạn: tàu dừa sao mà mướt quá, ngọn cao sao mà tươi quá, dòng nước sao mà trông hiền-hòa quá!.. Vật gì đối với ông cũng đẹp-đẽ quá, thân-yêu quá!..

Bước lên bờ, ông không biết đi đâu. Nào ông có quen với một ai. Từ khi mới ra đời đến giờ, ông mới tới đây lần thứ nhứt. Thấy ông dáng người Ngũ-Quảng (8), bộ-hệ như những ông đồ tìm nơi dạy học ở miền Lục-tỉnh (9), người ta chỉ cho ông đến nhà Ba tôi...

Có thể nói là quanh vùng, chỉ có Ba tôi và chú tôi là hai người đã từng « gạo bị, mắm hũ, hột vịt, tiền quan » sống trọ nhiều năm ở tỉnh-trấn Long-hồ, theo học trường Đốc để chờ thuở thi Hương. Nhưng... Giặc tới... Chạy... Đành xếp bút-nghiên về nhà cày ruộng.

Hồi ấy, thầy Bảy Chiêm (con trai Cụ Nguyễn-Đình-Chiểu;

---

(8) *Thuở ấy, người Đồng-nai gọi người miền Trung (dẫu là người Bình-Phú, Thuận-Khánh cũng vậy) vào Nam bằng ghe bầu nan, là « dân Ngũ-Quảng ». Ngũ-Quảng là: Quảng-Bình, Quảng-trị, Quảng-đức (nay là Thừa-thiên), Quảng-nam và Quảng nghĩa.*

(9) *Miền Nam chia làm sáu tỉnh là: Biên-hòa, Gia-định, Định-tường, Vĩnh-long, An-giang và Hà tiên.*

http://hoangsa.org

bà Sương-Nguyệt-Ánh thì chúng tôi kêu bằng Cô Năm, còn ông Chiêm thì chúng tôi kêu bằng Thầy Bảy) đánh xe tờ (10) cho Cai-tổng Bảo-thuận, lên « đổi ống » Bến-tre (11), và Thầy Bảy ăn dầm nằm dề ở nhà Ba tôi (hồi tôi chưa « mở mắt chào đời »).

... Được đọc cho nghe bài thơ của Cụ Nguyễn-Đình-Chiểu « Khóc Phan-Công-Tòng », Ông Nghè Mô chép cho Ba tôi bài thơ của Tuần-phủ Huỳnh-Mẫn-Đạt « Khóc Nguyễn-Trung-Trực », như hai bài sau đây của Bác-sĩ Lê-Văn-Ngôn (12) đăng trong nội-san của Chương-Trình Y-Tế Hương-Thôn Bộ Y-Tế năm 1961 và 1962.

## Để tỏ lòng sùng kính

## Cụ NGUYỄN-TRUNG-TRỰC

Mùa Xuân năm nay (1961), tôi có dịp trở qua Rạch-giá. Đối với những lần trước thì lần qua Rạch-giá nầy, tôi có chỗ hài lòng hơn: tôi được « chánh-thức » viếng đền thờ vị anh-hùng dân-tộc Nguyễn-Trung-Trực, đền nằm trên bờ sông vô Rạch-giá, gần mé biển.

---

*(10) Xe tờ là xe ngựa đi trạm, chuyển-đạt tờ-trát (công-văn).*

*(11) Công-văn luôn-luôn phải gởi « Mật », bỏ vào một hay nhiều cái ống bằng thiếc, có nắp đậy trùm cho khỏi ướt và có niêm-phong cẩn-thận. Sáng đi, xế tới Hương-điểm, đợi chiều lại đò Bến-tre vào thì « đổi ống » : gởi ống công-văn Bảo-thuận (Bảo-an) ra Bến-tre và nhận lãnh ống công-văn Bến-tre đem về Bảo-thuận vào bữa hôm sau (phải nghỉ ngựa một đêm).*

*(12) Em tôi, Bác-sĩ Lê-Văn-Ngôn, có nhiều dịp đến Rạch-giá (quê vợ) nên biết nhiều hơn tôi về Cụ Nguyễn-Trung-Trực tại vùng nầy. Lại thêm ông Mã-Sanh-Long, Thanh-tra Tiểu-học Kiên-giang, trước kia cùng chung hoạt-động hăng-hái cho Hội Khuyến-học Cần-thơ, giúp nhiều tài-liệu.*

http://hoangsa.org

Nói là « chánh-thức » vì hồi trước, mỗi lần qua Rạch-giá, tôi đều có đến viếng đền nầy, song lần nào cũng nghe « giới-thiệu » là đền thờ Nam-Hải Tướng Quân, tức là Cá Ông, chớ không thấy dấu vết chi về Cụ Nguyễn, dẫu rằng người Việt nào cũng biết đền nầy lập ra là cốt để thờ Cụ Nguyễn-Trung-Trực. Có thể nói là Cụ Nguyễn phải « núp » sau Nam-Hải Tướng-Quân, Cụ Nguyễn chỉ được thờ một cách kín-đáo và khéo-léo.

Vì sao ? — Bởi, thuở ấy là trước 1945, thuở người Pháp còn « ngự-trị » trên đất-nước chúng ta, đồng-bào ta đâu được ngang-nhiên thờ-cúng một vị mà người Pháp liệt vào hàng « phiến-loạn » !

Cho nên đền nầy, bề ngoài thì thờ Nam Hải Tướng Quân với tấm biển son trước cổng miếu, với tấm bài-vị trên bàn thờ, nhưng bề trong — trong tâm-can, trong trí-não người Việt mình — thì thờ Cụ Nguyễn, không bài-vị, không văn-tế, chỉ luôn-luôn mặc-niệm với tấc lòng thành ..

Lần nầy có khác. Sóng êm, gió mát. Cũng cổ-thụ ngạo-nghễ ấy, cũng mái đền cổ-kính ấy. Tuy-nhiên lòng mình bỗng phấn-khởi lên khi nhìn thấy trước cổng đền nêu to bằng Việt-văn đại-danh của con người Thiên-Thu Bất-Tử :

## ĐỀN THỜ CỤ NGUYỄN-TRUNG-TRỰC VỊ ANH-HÙNG DÂN-TỘC VIỆT-NAM.

Hăng-hái vào đền. Trước bàn chánh mà trên có thần-chủ của Cụ Nguyễn, tôi thành-tâm đỉnh-lễ.

Tôi cũng thành-tâm chiêm-ngưỡng vị linh-thần được thờ ở bàn bên tả : Cụ Phó-cơ Điều, cũng một bực đã chết vì nước như Cụ Nguyễn.

Theo lời ông từ coi việc hương-khói tại đây thì trong đền có thờ cái sọ của Cụ Phó cơ. Sau khi Cụ Phó-cơ bị giết, đầu bị quân Miên bêu, tối đến người mình lén lấy chôn giấu, rồi đem gởi vào đền. Hằng năm ông từ có làm lễ tắm-gội sọ nầy.

http://hoangsa.org

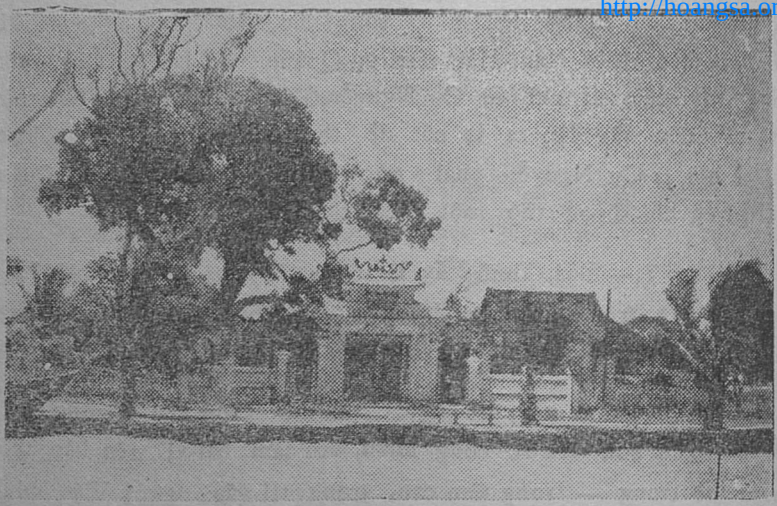

Riêng Cụ Nguyễn, thử hỏi Cụ làm việc chi quan-trọng đến đỗi người mình đời đời thờ-cúng, và hồi trước lại phải thờ-cúng lén-lút ?

Thì đây hai chiến-công oanh-liệt của Cụ trong lịch-sử nước-nhà :

I.— Trưa 10-12-1861, Cụ Nguyễn đốt tiêu chiếc tàu Espérance của Pháp, giết 17 binh-sĩ vừa Pháp vừa Ma-ní và lối 20 thân-binh tại làng Nhựt-tảo.

Làng Nhựt-tảo ở hữu-ngạn Vàm-cỏ Đông (sông Bến-lức) và cách tỉnh-lỵ Tân-an lối 10 cây-số, bên con đường trải đá đỏ — chỗ gọi là ngã-ba Tổng Uẩn — ở về phía tả khi ta từ Bến-lức xuống gần tới cầu Tân-an, xéo-xéo ngã-ba đi Thủ-thừa ở phía hữu.

II.— Và bốn giờ khuya 16-6 1868, Cụ Nguyễn phá đồn Rạch-giá (Kiên-giang), giết ngót 30 tên vừa sĩ quan vừa binh-lính Pháp, không kể bọn bạt-ti dzăn hay bọn hầu-hạ quân-nhân Pháp...

Trả lời câu tôi hỏi, ông tử thuật rằng nghe ông bà nói lại thì cái đồn Tây bị Cụ Nguyễn và đồng-chí phá ở gần tòa Hành-

http://hoangsa.org

chánh hiện nay, và khi bị Tây bắt, dẫu Tây dụ-dỗ cách mấy, Cụ cũng khăng-khăng nguyện lấy cái chết để báo-đền nợ nước, nên Cụ bị hành-quyết trước chỗ Công-quán (bungalow) bây giờ...

... Ông từ bảo: « Cho nên trước cửa chánh đền thờ có đôi đối kể công-nghiệp đó. » Rồi ông chầm-rãi đọc cho nghe đôi liễn bằng chữ Việt:

« *Hỏa PHẦN Nhựt-tảo KINH thiên-địa,*

« *Kiếm PHẠT Kiên-giang KHỐC quỉ-thần.*

Tôi ngạc-nhiên, hỏi: « Sao lại dùng chữ « *Phần* » và chữ « *Phạt* » trong hai câu nầy? Vả lại bà-con Rạch-giá có tội-tình chi với Cụ mà Cụ « Phạt » ? »

Ông từ đáp: « *Có nhiều ông cho chữ « Phần »* (nghĩa là Đốt) *và chữ « Phạt » rõ nghĩa hơn.* »

Quái l.. Cụ Nguyễn có đốt thì đốt tàu Tây lửa rực tận mây, rồi thuốc đan dưới tàu phát nổ long trời lở đất, chớ đâu có đốt Nhựt-tảo, vùng chôn nhau cắt rún của Cụ. Và Cụ tuốt gươm (bạt kiếm) là mở chiến-công phi-thường và khốc-liệt ở Kiên-giang chớ nào có « phạt » dân lành Rạch-giá.

Có « *Phần* (đốt) *Nhựt-tảo* » chăng, là việc làm của quân nghịch để trả thù cho hả giận sau khi tàu Espérance bị cháy. Có « *Phạt Kiên-giang* » chăng, cũng lại là việc làm của chúng sau khi đồn Rạch-giá bị hạ. Chớ đó nào phải là việc làm của Cụ Nguyễn của chúng ta.

Dám mong quý-ông có phận-sự thờ-cúng Cụ Nguyễn sớm sửa lại đôi đối trước đền cho đúng nguyên-văn của tác-giả, một danh-nho, một thi-bá của miền Nam nước Việt, Cụ Huỳnh-Mẫn-Đạt, đôi đối mà phần đông người Lục-tỉnh đều thuộc lòng là:

*Hỏa hồng Nhựt-tảo oanh thiên-địa,*

*Kiếm bạt Kiên-giang khấp quỷ-thần.*

http://hoangsa.org

Tạm dịch :

*Nhựt-tảo lửa hừng, trời long đất lở,*
*Kiên-giang gươm tuốt, quỷ khóc thần sầu.*

(Trích Nội-san Bộ Y-Tế, 1961)

## Chung-quanh bài thơ

## KHÓC CỤ NGUYỄN-TRUNG-TRỰC

..... Thật ra đó không phải vỏn-vẹn là một đôi đối, mà phải trọn-vẹn là một bài thơ. Tuy-nhiên, tôi không nhớ trọn bài bát-cú đó, tôi chỉ nhớ được bốn câu. Đôi đối trên là cặp trạng, nó dễ nhớ, nó nhắc rõ kỳ-công vĩ-tích của Cụ Nguyễn. Tôi cũng còn nhớ hai câu chót, vì hai câu nầy «rất mắt-mỏ» đối với tôi và hồi nhỏ, tôi đã nhiều lần được nghe giải-thích từ chữ một rồi nghe giải-thích nguyên câu, rồi nghe giải-thích nghĩa-lý...

Bài thơ nầy do Cụ Huỳnh-Mẫn-Đạt, người Kiên-giang, làm ra liền sau khi Cụ Nguyễn-Trung-Trực thọ-hình, mà người thuật lại là Ông Nghè Mô, người đồng-thời với Cụ Nguyễn và Cụ Huỳnh, người sanh-sống ở cõi An-Hà (An-giang và Hà-Tiên) và cũng là người chôn nhau cắt rún tại Hương-điểm, như tiền-nhân chúng tôi và chúng tôi.

Chúng tôi có nghe tiền-nhân chúng tôi kể lại rằng, nhơn về viếng Hương-điểm, Ông Nghè được người Hương-điểm thuật cho nghe :

... Đêm 20 tháng 10 năm đinh-mão (15-11-1867). — Sau khi Cụ Phan-Thanh-Giản qua đời vừa được ba tháng – nghĩa quân phá đồn Hương-điểm, một đồn có những 150 thủy-quân lục-chiến Pháp với 200 bạt-ti-dzăn đóng giữ. Trận nầy, ông Trương-Tấn-Chí, cháu của Long-vân-hầu Trương-Tấn-Bửu, xung-phong

http://hoangsa.org

phất cờ đi trước, bị giặc bắn chết. Sau đó, ông Tán Kế (Lê-Tấn Kế): ông Phan-Công-Tòng (13) cũng vì nước mà bị thiệt-mạng. Nên chi, để tỏ lòng mến-tiếc, Cụ Nguyễn Đình-Chiểu — bấy giờ đương ở ẩn dạy học tại Ba tri (gần Hương-điểm) — có làm bài thơ điếu Phan-Công-Tòng, mà hai câu chót là :

*Nhớ chuyện ngựa Hồ chim Việt cũ,*

*Lòng đây tưởng đó mất như còn.*

Nghe thơ nhắc những bực « mất như còn », những đấng « anh-hùng cứng cỏ », Ông Nghè cất bút chép lại cho người Hương-điểm (14) bài thơ của Cụ Huỳnh-Mẫn-Đạt khóc Cụ Nguyễn-Trung-Trực và còn cho biết thêm rằng :

« ... Sau khi Lãnh-binh Tấn dắt quân-đội Pháp đỗ bộ lên Phú-quốc, Cụ Nguyễn cạn lương hết đạn nên ra đề cho bắt, với điều-kiện là phải mở vòng vây, không được làm hại nghĩa-quân .. Viên Đề-đốc Ohier ở Sài gòn muốn gặp mặt Cụ, để bổn-thân ông ta hỏi rõ về tình-hình nghĩa-quân và cũng cốt để khuyến-dụ Cụ quy-hàng. Người như Cụ mà hàng thì sẽ gây ảnh-hưởng rất lớn-lao trong hàng-ngũ kháng-chiến. Cho nên Cụ và vài đồng-chí của Cụ bị giải lên Sài-gòn. Cụ luôn-luôn trả lời với Đề-đốc Ohier với phong-độ nhã-nhặn, bình-tĩnh và đứng-đắn. Mà bao giờ Cụ cũng khẳng-khái đòi sớm chịu tử-hình chớ không khứng quy-hàng trước miếng mồi phú-quý.

« ... Rồi Cụ và các đồng-chí lại bị giải về Rạch-giá. Rồi

---

*(13) Ông Phan-Công Tòng là người Giồng Gạch (gần Ba-tri), vừa chịu tang mẹ được ba tháng đầu đội bich-cân cầm quân đánh giặc và bị tử-trận (do Ông Nguyễn đình Chiêm thuật cho chúng tôi nghe), nên Cụ Nguyễn-Đình-Chiểu mới có câu « Đầu tang ba tháng trời riêng đội ». Nhiều người lầm Phan-CÔNG-Tòng với Phan-THANH-Tòng tức Phan-Thanh-Liêm (con Cụ Phan-Thanh-Giản), cũng là người khởi binh chống Pháp ở vùng Ba-tri.*

*(14) Chợ nầy do ông Hương-chủ Trần-Văn-Đềm lập ra, nên gọi là Chợ Hương-điểm.*

http://hoangsa.org

một sáng tinh-sương, Cụ bị đưa ra pháp-trường, trước nhà Công-quán hiện nay, không phải chỉ một mình Cụ mà còn có thêm một người nữa: Cụ Nguyễn-Văn-Điền.

Cụ Nguyễn-Văn Điền là người sanh-trưởng tại Tân an như Cụ Nguyễn-Trung-Trực. Lúc nhỏ, hai Cụ ở cùng xóm, học cùng thầy; lớn lên, hai Cụ cùng theo nghĩa-quân, cùng chung sức đốt tàu ở Nhựt-tảo, cùng cộng-tác cướp đồn ở Kiên-giang, cùng uống rượu khải-hoàn bên chiếc đầu-lâu đẫm máu của viên Tham-biện Chỉ-huy-trưởng Rạch-giá... Rồi nay, hai Cụ cùng bị bắt và cùng bị đưa ra pháp-trường một lượt (15).

«... Đã từ quan bỏ chức nhưng cũng còn mang tiếng con nhà nho-phong sĩ khí với đời, cựu Tuần-phủ Huỳnh-Mẫn-Đạt, vừa thương-tiếc đấng anh-hùng của Đất-Nước, vừa tủi-hổ cho mình là phận sống thừa (vị-tử-nhân: kẻ chưa chết), quá cảm-xúc nên làm ra một bài thơ bất-hủ... mà cặp trạng như ta đã rõ, với hai câu thúc-kết là:

*Anh-hùng cường hạng phong-danh thọ,*
*Tu sát đê đầu vị-tử-nhân.*

Và, xin tạm dịch:

*Anh-hùng cứng cỏ phong-danh rạng,*
*Thẹn chết bao nhiêu lũ cúi đầu!.*

(Trích Nội-san Bộ Y-Tế, 1962)

☆

(15) *Ông Mã-Sanh-Long cho biết ngày giỗ Cụ Nguyễn tại Rạch-giá là ngày 28 tháng 8 âm-lịch (vậy thì nhằm 13-10-1868). Nhưng căn-cứ theo tài-liệu của VIAL mà* Abrégé de l'Histoire d'Annam *chép lại, thì Cụ thọ-hình ngày 2?-10-1868, là nhằm ngày 12 tháng 9 năm mậu-thìn.— Còn tên của Cụ Nguyễn-Văn-Điền thì không được nhớ rõ lắm, nhưng không phải là Cụ Nguyễn-Hiền-Điều mà ta quen gọi tắt là «Phó-cơ Điều».— Chưa ai biết được mộ của Cụ Nguyễn-Trung-Trực tọa-lạc tại đâu.*

http://hoangsa.org

Đúng ra thì Ông Nghè không phải chỉ chép có một bài thơ của Cụ Tuần-phủ, mà Ông Nghè còn chép cho Ba tôi cả tiểu-sử của Cụ Nguyễn-Trung-Trực.

Nhơn được đọc bổn tiểu-sử nầy, tôi không dám « tiểu-thuyết-hóa » hay « thần-thánh-hóa » cuộc đời của vị Anh-Hùng Nhựt-Tảo.

Tôi xin ghi lại đây — hẳn có sai-sót — những điểm chánh mà ít thấy ai chép giống, nhứt là tránh chép kỹ theo Vial và A. Schreiner vì chắc đó là việc sẽ có trong số đặc-san nầy.

... Cụ tên thật là NGUYỄN-VĂN-LỊCH, lại có tên riêng là CHƠN. Vì tánh-tình Cụ ngay-thật thẳng-thắn và vì có cái tên là CHƠN (không giả-dối) nên ông thầy học đặt cho cái hiệu là TRUNG-TRỰC.

Cụ khoẻ-mạnh, sống về nghề chài-lưới tại quê nhà Tân-an. Sau khi Hộ-đốc Nguyễn-Công-Nhàn bỏ thành chạy trốn, Định-tường thất-thủ (tháng 3 năm tân-dậu, 1861), Cụ cùng các bạn hiệp sức đánh Tây (16).

Ở Tân-an, vùng Nhựt-tảo là địa-điểm quan-trọng, có nhiều đường giao-thông thuận-tiện trên bộ cũng như dưới sông.

Hôm ấy (10-12-1861), nhiều tàu tuần Pháp đậu ngoài Vàm-

---

*(16) Quân Pháp một mặt do Bảo-định-hà (Arroyo de la Poste) từ chợ Vũng-gù (tức chợ Tân-an ngày nay, hồi ấy thuộc tỉnh Định-tường) qua Bến-tranh, Lương-phú đánh rốc tới Chợ-cũ Mỹ tho, một mặt do đường biển vào Cửa Tiểu đánh thẳng lên; viên Hộ-đốc Nguyễn-Công-Nhàn, chỉ huy đạo binh* Hùng Dõng *trấn-giữ Định-tường nghe tin giặc tới bèn bỏ chạy, nên thời-nhân có bài thơ chế-nhạo, lại khéo vẽ rõ đường đi của Tây, tôi chỉ nhớ 4 câu trên :*

Nguyễn-Công-Nhàn ! Nguyễn-Công-Nhàn !
Hùng-Dõng sao mà lại nhát gan ?
Giặc tới Bến-tranh run lập-cập.
Tàu vô Cửa Tiểu chạy bò càn.

http://hoangsa.org

cỏ Đông. Riêng tàu Espérance thì vào án-ngữ tại cửa sông Nhựt-tảo (17) với một toán lính Pháp và lính Ma-ní (18). Trên bờ, một đại-đội lính mã-tà (19) sau khi đi ruồng-bố, đóng tại chợ, làm thế ỷ-giác với đoàn tàu.

Vào lúc đứng bóng, lính trên bộ đương nghỉ mệt, lính dưới tàu đương ngủ trưa.

Mấy chiếc ghe trần rề tới : đờn ông thì áo rộng khăn đen, phụ-nữ thì áo dài nón cụ. Rõ-ràng là một đám cưới khá lớn. Chiếc ghe đi đầu ghé sát tàu. Một ông lão trình việc đi rước

---

(17) *Theo lời người bà con của anh Trọng Toàn Nguyễn-Văn Kim, sanh trưởng tại Tân-an, thì chợ Nhựt-tảo ngày nay thuộc xã* An-nhựt-tân, *do ba làng* An-lái, Nhựt-tảo *và* Tân-*MINH sáp-nhập lại.* — *Trong* Gia-định-thành thông-chí *của Trịnh-Hoài Đức viết vào khoảng đầu thế-kỷ 19, thì ở đây có « thôn » Bình-nhựt, « xã » Tân-an, và ghi rõ « xã » Tân-an thì đông giáp « phường » An-lái (chưa có tên Nhựt-tảo). Còn theo* Tổng thôn danh-hiệu mục-lục *bằng Hán-văn, chép năm nhâm-thìn (1892) thì « tổng Cửu-cư-hạ, thuộc Tân-an-hạt, gồm 13 thôn, trong có An-lái, Nhựt-tảo và Tân-NINH. Vậy trước trận đốt tàu Espérance (1861) đến sau năm 1892, Nhựt-tảo là tên một làng riêng-biệt.*

(18) Lính Ma-ní *là bọn lính da đen, thuộc giống Tagal ở đảo Lữ-tống (Luzon, Luçon), thuở ấy bị người Y-pha-nho (Tây-ban-nha) cai-trị. Đô-thị chánh của Lữ-tống là Manille, nên tiền-nhân ta gọi « lính Tagal » của Pháp là « tụi Ma-ní » hay « Chà-và Ma-ní ». Như về trận Cần-giuộc 16-12-1861),* Quốc-âm thi-tập *của P. Huỳnh-Tịnh-Của chép :* « Tự-Đức thập tứ niên thập nhứt ngoạt thập ngũ nhựt chi dạ... nghĩa-binh tựu Cần-giuộc, công-phá dương-huyện... thích-trúng dương-quan tri-huyện tịnh Chà-và Ma-ní đẳng... » *và như trong bài « Văn-tế điếu Lãnh-binh Trương-Định » của Cụ Nguyễn-Đình-Chiểu có câu :* « ... Kéo trên bờ ma-ni, mã-tà, đạn bắn như mưa vãi... »

(19) Lính mã-tà *là thổ-binh, lực-lượng phụ-thuộc (auxiliaires indigènes) của quân-đội Pháp (khác với* thân-binh — *partisan — lập ra do sáng-kiến của Trần-Bá-Lộc, hạng lính không lãnh lương nhưng được phép tha-hồ cướp của, giết người, hãm-hiếp phụ-nữ ở những vùng mà Pháp và Lộc cho rằng có « quân phiến-loạn »).*

*(Xem tiếp trang 57)*

http://hoangsa.org

dâu. Nhìn thấy mâm trầu bịt to-tướng và hai chén rượu khổng-lồ, tên bồi làm thông-ngôn « trâm tiếngTây » theo kiểu « ba-rọi ». Quan-lớn Xếp gặt đầu hiểu-biết. Ông lão xin phép cho chú rể ra mắt và xin phép hiến vài chục hột gà rất tươi và mấy nải chuối cao rất ngon — hai món mà thường-thường mấy quan-lớn Lang-sa rất thích — để quan-lớn dùng lấy thảo...

Chú rể chánh khúm-núm bưng cái quả đựng hột gà, chàng rể phụ khệ-nệ bưng cái mâm đầy chuối. Lễ-vật được kính-cẩn bày ra trước mặt. Ông Xếp híp mắt cười sung-sướng ..

---

*Như trong bài Văn-tế Nghĩa-Sĩ Cần-Giuộc của Cụ Nguyễn-đình-Chiểu có câu :* « Kẻ đâm ngang, người chém dọc, làm cho mã-tà, ma-nî hồn kinh... » *rà câu* « Sống làm chi ở lính mã-tà, chia rượu ngọt, gậm bánh mì, nghe càng thêm hổ ? »

*Căn-cứ vào ngôn ngữ Y-pha-nho và thổ-âm Tagal, tôi đoán chừng « mã-tà » có hai nghĩa khác nhau :*

*1) Thổ-âm Tagal có « mata » nghĩa là « con mắt » ; vậy* lính mã-tà *là lính tiền-phong, dọ đường, canh-gác.*

*2) Tiếng Y-pha-nho có « matar » nghĩa là « giết » hay « kẻ giết người » (như « tuer, tueur » của Pháp ; vậy* lính mã-tà *là lính chuyên giết người, lính giết người giỏi. Như thế, nếu theo nghĩa chữ « mata-moro » của Pháp (do tiếng Y-pha-nho : matamoro) là tueur de Maures », là « kẻ [hào kiệt] tàn-sát giống Maure » giống thổ dân hắc-chủng ở Bắc-Phi, từng bị Y-pha nho chinh-phục — Maure lại có nghĩa là Đen) thì vô-tình ta phải có chữ « mata-annamite » với nghĩa là « kẻ anh-hùng tàn-sát giống An-nam » !*

*Mãi cho tới năm 1945, tại Nam-kỳ, Pháp có hai hạng lính :* lính tập *và* lính mã-tà. — Lính tập *là lính quân-dịch, tới 23 tuổi, bắt thăm, nhập-ngũ, tập-luyện đánh giặc ; lính nầy — tirailleur — chơn vấn ghết (guêtre) đỏ, tức ngoài Bắc gọi « lính khố đỏ ».*— Lính mã ta *là lính ứng mộ, lo việc canh-gá — kể cả « phú-lít » police, nay là cảnh-sát) — và trấn-giữ các đồn-thủ để trị trộm-cướp ; lính nầy — milicien — chơn vấn ghết xanh, tức ngoài Bắc gọi « lính khố xanh » ; lương lính nầy do tỉnh sở-tại trả với công nho làng (budget communal) ; cơ lính nầy là « Garde Civil Local » nên trên nón và ở bâu áo có gắn ba chữ đầu bằng nhôm « G C L » và lính nầy rất ghét thằng dân nhà-quê nào làm bộ đốt tiếng Tây để đọc ba chữ đó ra « Gạo Của Làng ».*

http://hoangsa.org

Bắt-thần, chú rể chánh — Cụ Nguyễn-Trung-Trực — rút ở lưng một cái búa to xán lên đầu viên xếp, chú rể phụ rút đoản-kiếm lụi tên bồi hô to « Xáp chiến ! »

Từ cả đoàn ghe, lột áo rộng ra, mỗi người chỉ còn một chiếc quần tà-lỏn, rút mác thong, mã-tấu dưới chiếu ngồi, nhảy bổ lên tàu, tha-hồ chém giết. Bọn lính Tây và Ma-ní đương còi trần ngủ trưa, chỉ còn 5, 3 tên may lắm là thảy được đòn dài, xuống nhỏ xuống sông rồi nhảy theo bơi, lội. Mấy bà phá mâm trầu, trút ché rượu : đèn chai, dầu rái, con cúi, hỏa-mai được ném tua-tủa lên tàu. Lửa phát đỏ trời. Ai nấy thót xuống ghe, túa lên bờ, cùng dân làng giựt lá trên mái nhà dọc theo sông mà phóng xuống. Lửa càng cao ngọn. Đạn dược tiếp nổ kinh-hồn. Một cảnh-tượng : « hỏa hồng oanh thiên địa » !

Đồng-thời, nghĩa-quân đột-ngột từ tứ phía tấn-công bọn lính mã-tà, chẳng để sót một mống ..



Triều-đình phong Cụ Nguyễn chức Phó-quản-cơ, nên người Pháp nhiều khi gọi Cụ là « Quản Chơn » hay « Quản Lịch » (20).

---

(20) *Phó quản-cơ, Quản-cơ, Thành-thủ-úy là chức võ quan hàm Tòng và Chánh tứ-phẩm (4-2, 4-1). Những người cầm đầu nghĩa-quân thời ấy đều có « chức » Đội-trưởng, Cai-đội, Phó-quản-cơ... Những «chức» nầy có khi do triều-đình phong, có khi « tự-phong », có khi nhơn quyền cai-quản đồn-điền mà « xưng », như ở vùng Hương-điểm của chúng tôi có Đội-Ba, Đội Năm, Đội-Bảy — lạ một điều là không nghe nói tới Đội-Hai, Đội-Tư, Đội-Sáu, Đội-Tám, có thể là ở vùng nào khác rất xa.*

*Về hoạt-động và tinh-thần của nghĩa-quân trong thời các Cụ Trương-Định, Nguyễn-Trung-Trực, Nguyễn-Hữu-Huân . , tôi xin giới-thiệu cùng quý-vị độc-giả hai « kho tài-liệu » hiếm có, nay khó tìm hay không còn tìm được, là bộ tuần-báo (?)* Courrier de Saigon *(xuất-bản hồi quân Pháp mới chiếm Nam-kỳ) và* Phúc-trình hàng-tháng *(Rapport mensuel) (a) — viết tay, vì thuở ấy chưa có máy đánh chữ — của tham-biện (inspecteur) các tỉnh gởi về Soái-phủ Nam-kỳ.*

http://hoangsa.org

Courrier de Saigon *thì tôi có trọn bộ (chỉ thiếu số 1), đóng bìa cứng cẩn-thận để giữ được lâu, nhưng đã mất cả trong biến cố 1945 Các Phúc-trình nói trên thì trước 1940, tôi được đọc tại Văn phòng — chỉ được phép đọc tại Văn phòng — viên Quản thủ thơ-viện Quốc-gia Tôi nhớ trong Phúc-trình của viên tham biện Tân-an, nói về nghĩa-quân, có đoạn viết : « Tôi biết bọn phiến-loạn (rebelles) thường tới lui vùng ấy, ngày cũng như đêm Tôi hứa sẽ thưởng nhiều tiền-bạc hay chức tước cho ai mật-báo tin-tức về sự hoạt-động của chúng Nhưng vô-ích. Tôi hăm-dọa bỏ tù, xử-tử hay đốt nhà kẻ nào yêm-trợ bọn chúng. Nhưng cũng vô ích. Thật là lạ-lùng khó hiểu !. . »* Viên tham-biện *Trà vinh thì báo-cáo : « Thật là lạ quá ! Nó (tên phiến-loạn) coi bộ nghèo-nàn ngu-dốt, bị đưa đi hành-quyết, vẫn thản-nhiên, không tỏ chút sợ-sệt... »*

*Nhờ đọc các Phúc-trình đó, tôi « phát-minh » được một chuyện là-lạ ngay trên tỉnh nhà :*

*« Đêm đã khuya, tôi — lời viên tham-biện Bến-tre — dắt tên thông-ngôn tuần-kiểm việc canh-phòng. Đi ngang chỗ giam bọn đã bị kết-án tử-hình chờ ngày ra pháp trường, chúng tôi dừng chơn vì nghe có tiếng rên. Tên thông-ngôn nghiêng tai nghe chăm-chú, chút-chút lại gật đầu. Không phải tiếng rên mà là tiếng nói nho-nhỏ khi cao khi thấp, khi dứt ngắn khi kéo dài Tôi hỏi : Nó nói gì đó ? — Bẩm, nó hát nguyên-văn : il chante).— Nó hát làm sao ? — Bẩm, nó hát như vầy :* « Quand je suis en ce monde, je suis déjà mandarin, je n'ai pas honte envers les fleuves et les montagnes. Si à l'enfer, on connaîtra mon héroïsme, là-bas, je serai mandarin plus haut encore. »

*Tôi nhớ chừng mà ghi lại mấy câu chữ Pháp nầy (theo lối vàn dịch mộc-mạc của viên thông-ngôn ấy và theo lối chép trung-thực của viên tham-biện ấy), tưởng không đúng lắm, nhưng cũng không sai mấy, nhứt là về ý nghĩa. Ban đầu tôi cố tìm hiểu xem ông ta hát thế nào, câu hát đó làm sao Tôi suy nghĩ mãi không ra Tôi bỗng « phát-minh » là đây không phải HÁT mà là NGÂM THƠ Chắc là một bài tứ-tuyệt bằng Hán-văn, và phỏng theo bản dịch chữ Pháp, tôi dịch ra quốc-âm — mà đã có lần tôi cao hứng đọc rất to tiếng trước một số thính-giả « đông như nêm cối » nhơn buổi* LỄ QUỐC-SỈ 國 恥 *tổ-chức tại rạp hát lớn ở tỉnh-lỵ Bến-tre — như sau :*

Sống ở dương-trần TỚ đã quan,
Thì đà không hổ với giang-san ;
Diêm-đình ví biết TA trung-liệt,
Dưới ấy, THẰNG NÀY tước lớn hơn !

(*Xem tiếp trang 60*)

http://hoangsa.org

Chẳng bao lâu Cụ thăng Quản-cơ và lãnh chức Thành-thủ-úy tỉnh Hà-tiên.

Sau ngày 24-6-1867, trọn Lục-tỉnh Nam-kỳ đều thuộc Pháp. Cụ củ-hợp nghĩa-quân, lui vào bưng-biền lo việc đánh Tây.

Một đêm vào khoảng cuối tháng tư nhuần. Trời tối ngửa bàn tay không thấy. Cụ và các bạn quần đùi, lưng trần khắp mình tô bùn sình, bò đến sát bên đồn Rạch-giá, nhảy xổ tới đâm chết hai tên lính gác. Tiếng còi lịnh nổi lên : nội-công, ngoại-kích...

Viên sĩ-quan cai-trị vùng nầy là một tên Tham-biện dữ như quỷ, râu tóc hoe-hoe như lông chó Phèn (21) nên dân chúng gọi lão là « Lão Chánh Phèn ». Nghe tiếng còi lịnh, tên bồi thân tín của Chánh Phèn — mà kỳ-thật là một đồng-chí trung-kiên của cụ Nguyễn

---

*Lại cũng nhờ đọc các Phúc-trình đó, tôi được thấy minh-văn bức công-điện của viên tham-biện Tân-an mừng-rỡ cấp báo về Soái-phủ Nam-kỳ ngày 19 5-1875 (nhằm rằm tháng 4 năm ất-hợi) ; và nhờ bức điện-tín quý-hóa nầy mà tôi biết chắc-chắn Cụ Thủ-khoa Huân lên đoạn-đầu-đài và tôi được lợi-thế gợi chuyện với Bà Đỗ Phủ-Kiết, thuật trong* Sử-Địa « *Đặc-san về Trương-công-Định* ». *Bức công điện ấy thế nầy :* Huân exécuté ce soir 4 heures à Cailôc (*Đã hành-quyết Thủ-khoa Huân tại Cai-lộc hồi 4 giờ chiều nay*).

(a) L.T.S. : Gần một năm nay, chính chúng tôi đã cố gắng tìm kiếm những tài liệu nầy tại Văn khố Quốc gia, nhưng cho tới nay vẫn không thể làm được gì vì Văn khố Quốc gia bị vô cùng xáo trộn ; từ hơn một năm nay, văn khố bị di chuyển luôn, tới nay thì không có trụ sở, tài liệu bị vung vãi, các phiếu (fiches) bị xáo trộn và thất lạc, thật vô cùng bi thảm !

(*b*) *Buổi lễ tổ-chức vào ngày 24-6 năm Nhựt vừa lật Pháp, vì ngày 24-6-1867 là ngày Hà-tiên bị chiếm, ngày toan cõi Nam-kỳ thuộc Pháp !*

(21) Người trong Nam nuôi chó, tùy màu lông mà đặt tên :

*Cỏ*, lông trắng như cỏ ; *Mực*, lông đen như mực : *Vện*, lông có vằn có vện ; *Phèn*, lông màu vàng sặm, đỏ hoe-hoe như màu gốc cây bị tươm phèn...

http://hoangsa.org

— chạy a vào đấm cửa báo tin : « Ông Chánh ơi ! Quan-lớn Chánh ơi ! Có giặc ! Có cướp !.. « Chánh Phèn vừa sớn-sơ sớn-sác, vừa hoảng-kinh hồn-vía hỏi lia lịa « Giặc đâu ? Cướp đâu ?», thì bị vị nghĩa-quân khôn-khéo nầy thọc cho một dao vào bụng đến lút cán...

Mấy chục cái đầu giặc bêu mỗi cái trên một ngọn mác thong cắm dài theo bờ sông Rạch-giá đi Long-xuyên, với sự hoan-hô nồng-nhiệt của đồng-bào sở-tại bằng cách tranh nhau mổ heo vật trâu để làm lễ khao-quân...

Pháp đem hùng-binh đến với đủ các « trung-thần kiện-tướng » Trần-Bá-Lộc, Đỗ-Hữu-Phương, Huỳnh-Công-Tấn, quyết tận-lực « tảo-thanh » Rạch-giá. Cụ Nguyễn phải lui về Hòn-chông, kế ra Phú-Quốc tránh mũi nhọn của giặc... như quý-vị đã đọc hay sẽ đọc về giai đoạn nầy trong những bài khác cũng trong tập-san đặc-khảo nầy...

Một điều mà chắc ít ai nhắc đến — nếu những tác-giả đó theo đúng sử-liệu của Pháp — là một đội chiến-thuyền Pháp đậu ngoài khơi, cứ nả trọng-pháo vào vùng cố-thủ của Cụ Nguyễn. Thỉnh-thoảng, đinh-ninh rằng nghĩa-quân đã bị thiệt-hại nặng-nề, ắt đã tê-liệt, bọn lính Pháp, lính Ma-ní, lính mã-tà xuống tàu nhỏ tiến vào đồ bộ. Mà lần nào chúng cũng bị bắn rơi lũm chũm nên phải thối lui. Rốt cuộc, theo kế-hoạch của Lãnh-binh Tấn, Pháp cho tàu dàn ngang ngoài biển và cho cả trăm lính mã-tà lên bộ, đóng một « vòng đai » rộng-lớn — vì không dám xáp lại gần — cốt để tuyệt đường lương-thực của nghĩa-quân.

Cả bọn Việt-gian đến bọn sĩ-quan Pháp đều không rõ nghĩa-quân hiện có bao nhiêu người — chắc là đông lắm — và tại sao trọng-pháo bắn ầm-ầm ào-ào mà nghĩa-quân vẫn tỏ ra không hề-hấn gì.

Đó là diệu-phương thần-kế của ông Cai-tổng Hà-tiên, người

http://hoangsa.org

dám bỏ địa-vị, bỏ sản-nghiệp, quyết theo Cụ Nguyễn tới cùng.

... Từ Hòn-chông, Cụ Nguyễn cho nghĩa-quân phân-tán vào dân chúng để chờ-đợi thời-cơ thuận-lợi. Cụ cùng ông Cai-tổng và lối 3, 4 mươi người nữa lui ra Phú-Quốc. Ông Cai-tổng biết tàu chiến Pháp sâu lườn, không thể nào vào gần bờ được ; chúng sẽ từ ngoài xa bắn đại-bác vào để diệt quân ta. Ông cho đi xin của đồng-bào những tấm bồ, những cà-tăng, lại cho đi đốn tre đốn nứa về bện rất nhiều phên liếp vừa rộng vừa dài. Ông cho đóng cọc săng, dùng dây cóc ken phên, liếp, bồ, cà-tăng che khắp phía trên và phía dưới (day ra biển) chỗ nghĩa-quân đóng núp. Tàu Pháp bắn vào ; phên liếp hứng đạn. Đạn phóng vào mạnh, phên liếp thụng xuống. Nhờ sức mềm-dẻo, phên liếp không bao giờ lủng (thủng). Hết sức thụng xuống, phên liếp bung lên ; đạn rơi qua bên cạnh hoặc tung ra biển... như chẳng có việc gì xảy ra.

Ngặt có điều chúng vây nhặt quá, trên bộ cũng như ngoài khơi. Nghĩa quân cạn lương-thực !

Cụ Nguyễn phải giải-quyết vấn-đề, bàn với anh em : « *Giặc chỉ oán một mình tôi, chỉ lo về một mình tôi. Tôi ra cho chúng bắt thì chúng sẽ không để ý làm hại anh em.* »

Ông Cai-tổng nắm áo Cụ — Ông Nghè Mô viết rõ — và cãi : *Ủy không nên làm như vậy. Chúng tôi thề cùng sống chết với Ủy.*»

Nhưng Cụ Nguyễn ung-dung nói : « *Giặc không giết được ta, song cạn lương thực thì rồi sẽ chết hết. Mà chết hết, chết đói cả lúc nầy thì có ích gì cho mai sau ? Giặc được tôi thì mừng lắm, sẽ không làm hại anh em, anh em hãy cố sống mà tiếp-tục báo-quốc. Anh em nào phải úy tử tham sanh, phải can-đảm liệu cách xuất-xử !* »

Cụ liền viết mấy hàng, cho người đưa đến sĩ-quan Pháp, đại-đề nói : « Nếu quân đội Pháp hứa không làm hại những người vì thương vì sợ mà theo tôi ở đây thì tôi sẽ ra tay không đến dinh-trại Pháp. »

Ông Nghè còn nhắc cho biết hai chuyện hay-hay :

http://hoangsa.org

... Cụ Nguyễn bị giải lên Sài-gòn. Pháp-soái muốn biết mặt mũi Cụ, một người đã giết hại quan quân Pháp nhiều nhứt, và cũng muốn làm sao cho Cụ quy-hàng. Cụ cám ơn nhưng cứ xin MỘT CHẾT !

Thấy dụ-hàng không được, Pháp-soái bực-tức nói : « *Ông Lịch nè, dầu ông sống hay chết, binh-lực Pháp cũng sẽ tận-diệt quân phiến-loạn ở xứ này.* »

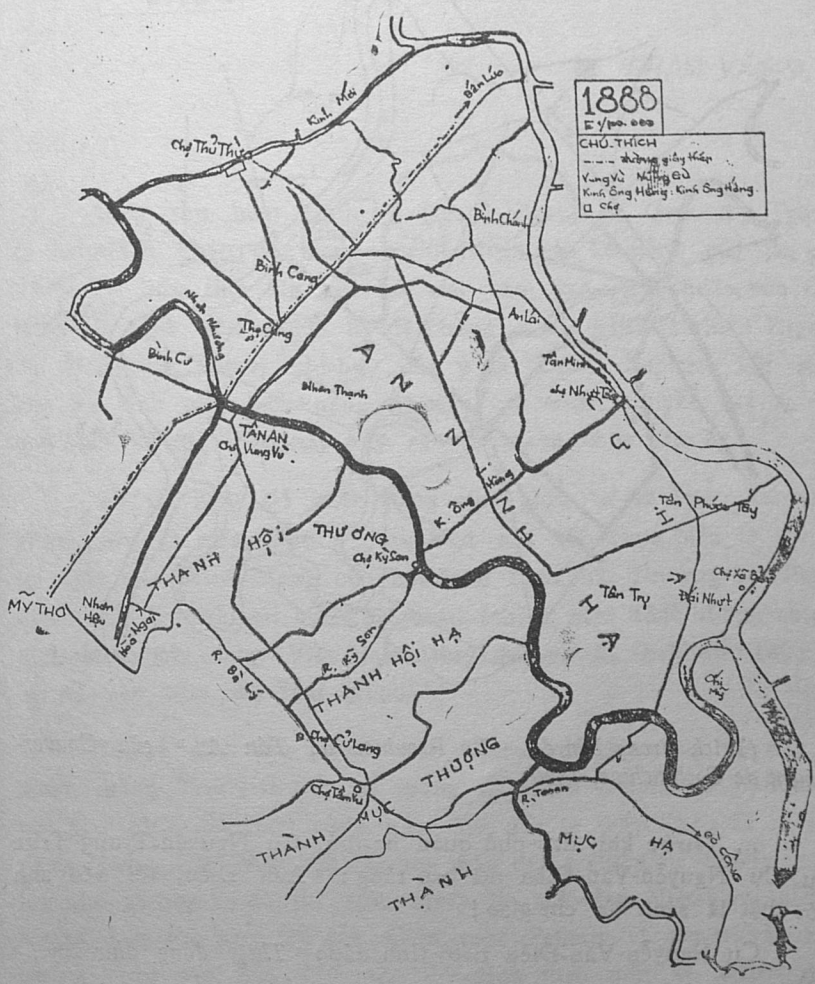


(*Trích trong bản đồ « L'Arrondissement de Tân An » của « Service du Cadastre de la Cochinchine », Paris Impr, Dufrenoy, 1888*).

http://hoangsa.org

Cụ Nguyễn mỉm cười, đưa tay chỉ ra sân xanh cỏ và ôn tồn đáp: « *Thưa Pháp soái, chúng tôi chắc rằng chừng nào Ngài trừ cho hết cỏ trên mặt đất thì chừng đó Ngài mới may ra trừ tiệt được những người di-quốc của xứ-sở này mà Ngài giận-giữi gọi là quân phiến-loạn.* »

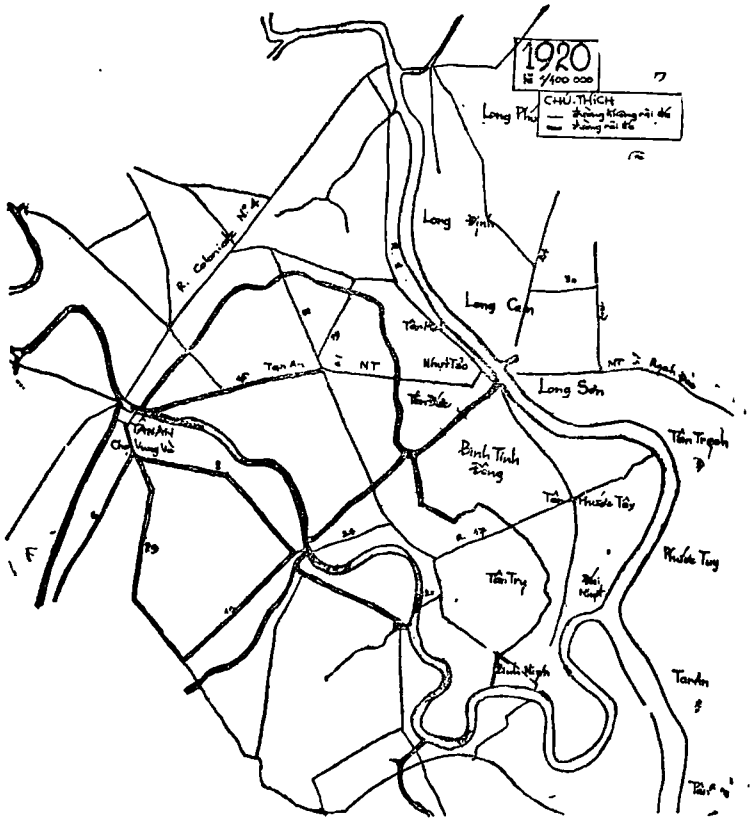


*(Trích trong bản đồ « La Province de Tân An » của «Gouvernement de Cochinchine, 1920).*

... Trước khi đao-phủ quân hạ-thủ, Cụ Nguyễn-Trung-Trực kêu Cụ Nguyễn-Văn-Điền mà bảo rằng: « Anh Điền, tôi với anh mới thật là sanh tử chi giao! »

Cụ Nguyễn-Văn-Điền tươi-tỉnh đáp: « *Thiệt đúng như vậy!* » (22)

*LÊ-THỌ XUÂN*

(22) *Tôi vẫn ngờ về tên của Cụ Nguyễn-Văn-Điền.*

http://hoangsa.org

# NGUYỄN-TRUNG-TRỰC

## một KINH - KHA của

# MIỀN NAM

PHẠM VĂN-SƠN

Mùa thu năm Định-Vị (1847) Rigault de Genouilly Trung-tá hải quân Pháp đã mang 2 chiến-hạm vào Đà-nẵng gửi lên vua Thiệu-Trị bức thư xin bãi bỏ việc cấm đạo. Thủy quân của ta e Pháp làm dữ nên chuẩn bị đề phòng ở các hải-đồn khiến Rigault de Genouilly và vị chỉ-huy của y là Đại-tá Lapierre nổi sung liền hạ lệnh pháo-kích nặng nề vào các chiến thuyền của ta rồi nhổ neo bỏ đi. Việc này xảy ra vào tháng chín năm ấy.

Kể từ ngày đó cuộc bang giao giữa ta và Pháp coi như không còn gì nữa, Thực ra sự-kiện này đã được biểu lộ rõ rệt từ ngày vua Minh-Mạng cử phái-đoàn Tôn-Thất-Thường qua Pháp-đình thất bại và sau khi Chaigneau (cháu) năm 1826 được chính-phủ Pháp gửi sang Việt-Nam làm Lãnh-sự bị ta khước từ, phải bỏ về vào năm Kỷ-Sửu (1829).

Mười năm sau (1858) vẫn Rigault de Genouilly lúc này đã được thăng Trung-tướng lại mang 14 chiến tnuyền và 3000 quân vào tấn công Đà-nẵng phen nữa. Bây giờ ta thấy Pháp đã ra mặt đánh chiếm Việt-Nam nhưng sau mấy tháng chiến sự không thuận lợi cho kế-hoạch đã dự trù, nghĩa là giáo-dân Việt-Nam không hưởng ứng lời kêu gọi của Giám-mục Pellerin và các giáo-sĩ, bọn tướng thực dân liền kéo vào Gia-định theo một kế hoạch mới là chiếm đất Nam-Kỳ làm cơ-sở bởi Nam Kỳ là một kho gạo có thể nuôi quân lâu dài và có thể lấy cả binh sĩ ở luôn đây. Năm

http://hoangsa.org

Kỷ-mùi (1859) Rigault de Genouilly đề Đại tá Toyon ở lại Đà-thành. Quân Pháp đánh mạnh từ cửa Cần-giờ vào Gia-định. Kế tiếp việc đánh chiếm Nam Kỳ, tháng giêng năm Tân Dậu (1861) là Trung-tướng Charner cầm đầu 70 chiếc tàu và 3500 quân bản bộ.

Tướng của ta là Nguyễn-Tri-Phương thua to vì thế Gia-Định mất, Biên-hòa và Định-tường cũng lần lần đổi chủ.

Qua tháng 3 năm sau tức năm Nhâm-Tuất (1862) Vĩnh-long là tỉnh thứ tư cũng lọt vào tay giặc. Chiếm được thành Vĩnh-long bấy giờ là Thiếu-tướng Bonard trong tay có 11 chiếc tàu và hơn 1000 binh sĩ.

Miền-Bắc lúc này cũng rối rắm dữ dội. Nhiều tỉnh bị quân phiến loạn uy hiếp. Thực ra đây là những cuộc vùng dậy của nhiều sĩ dân Bắc hà không có cảm tình với Nguyễn triều ngay từ khi vua Gia-long đã trắng trợn hạ cái chiêu bài «*phù Lê*» để bước lên ngôi Hoàng-đế nước Việt-Nam và đã thẳng tay áp-dụng một chế-độ quân phiệt ở hai vùng Nam-Bắc.

Triều đình Tự-Đức lúc này lúng túng, hoảng-hốt vội hòa với Pháp để cứu vãn tình-thế ngoài Bắc do đó mà Hòa-ước Nhâm-tuất (1862) ra đời. Nói cho phải, đây là một hàng-ước, một sự nhục nhã không riêng cho vua tôi nhà Nguyễn.

Riêng hai khoản ngoại giao và bồi thường (ngoại giao của ta từ ngày lập xong Hòa-ước sẽ tùy thuộc Pháp, nghĩa là nước Nam không được ló mặt ra ngoài Quốc-tế, không được liên lạc với bất cứ ngoại-bang nào...)

Tiền bồi thường chiến phí cho Pháp là 4 000 000 nguyên trả làm 10 năm, mỗi năm 400.000 nguyên thì công-nhu của Nguyễn-triều sành kiệt như ta thấy thanh toán sao được.) cũng đủ thành triệu-chứng vong quốc. Khi không bỗng làm con nợ của Pháp giữa tình trạng túng thiếu, lại không được giao thiệp với nước ngoài thì ai cứu mình đây? Vua Tự-Đức và các bề tôi đã làm một chuyện tự sát để cả nước chết theo, truy nguyên chỉ tại Thế

http://hoangsa.org

tổ nhà Nguyễn quá ham cái ngai vàng, rước giặc vào nhà mà không để được mưu hay chước lạ cho con cháu. Và... nói cho phải con cháu của Gia-Long cũng bất tài nữa.

Tình trạng nước nhà kể từ Minh-Mạng, Thiệu-Trị đến Tự-Đức chỉ mỗi ngày một suy sụp thêm cho nên việc ba tỉnh miền Đông thất thủ, Hòa-ước Nhâm-tuất ra đời là điều dĩ-nhiên và Hòa-ước này đã làm cho các người yêu nước từ Nam ra Bắc phải điên đầu, thất vọng.

Các anh hùng. nghĩa-sĩ đều nổi lên. Trong đầu óc của những nhà ái-quốc ai nấy đều có ý kiến vừa chống Pháp, vừa chống triều đình vì Pháp là giặc mà triều-đình bất tài bất lực cúi đầu theo giặc thì cũng thành giặc rồi... Còn gì để theo nữa ?

Bởi vua Tự-Đức không còn là thần-tượng cho nước Việt-Nam sau khi đã chấp nhận hòa với Pháp trong những điều kiện thê thảm kể trên nên phong trào nghĩa quân cứu quốc bột phát với các lãnh tụ như Trương-Định, Nguyễn-trung-Trực, Nguyễn-hữu-Huân, Võ-duy-Dương, Trần-văn-Thành v.v...

Chỗ thì xưng là « *Dân chúng tự vệ* », chỗ nêu khẩu-hiệu « *Bình Tây sát tả* », dân chúng góp xương máu, của cải không tiếc gì và chỉ còn nghe hiệu lịnh của các lãnh tụ kể trên mà thôi. Pháp khiển trách triều đình. Triều-đình sai Phan-thanh-Giản vào Nam yêu cầu nhân dân hạ khí-giới. Nhân dân chống lại qua nơi Trương-Định, Nguyễn-trung-Trực, Nguyễn-hữu-Huân... một cách quyết liệt.

Trong hàng lãnh-tụ nghĩa quân người ta để ý đến Nguyễn-trung-Trực ở điểm ông tuy thuộc thành-phần bình dân (ông làm ruộng và đánh cá, sinh quán ở Tân-An) nhưng tấm lòng vị quốc, vị dân không thua một ai trong thời của ông. Số người theo ông chống thực dân Pháp buổi đầu cũng không lấy gì làm nhiều từ Tân-An qua Rạch-giá và nghĩa-quân Nguyễn-trung-Trực đã hoạt động nhiều vào cuối năm 1882. Có lẽ lúc này không riêng bọn ông Nguyễn-trung-Trực đã thất vọng về Hòa-ước Nhâm-tuất mà

http://hoangsa.org

có thể nói là toàn-quốc xét thấy Hòa-ước này có nhiều cơ-nguy cho xứ sở.

Thành tích đầu tiên của họ Nguyễn là đốt phá tàu binh « *ESPÉRANCE* » của Pháp hạ neo ở bến Nhựt-tảo gần Sài-gòn nhưng thuộc tỉnh Tân-an khi đó Chỉ-huy tàu là Trung-tướng Parfait. Tàu này đóng tại bên Vàm (sông) do công tác đồ bộ quân lính đi tảo thanh các vùng quê lân cận đang có nghĩa quân trú ẩn và ngày đêm lui tới tập kích vào các đồn bót của giặc.

Ông Nguyễn đã khéo bầy một kế-hoạch đánh phá chiến hạm Espérance rất hay như sau:

Ông tổ chức một đám cưới dùng thuyền đi trên sông trong đó có chú rể cô đâu, họ hàng già trẻ đủ mặt và cả lễ vật. Lúc này thuyền binh của Pháp đóng ở sông Nhựt-Tảo có lệ khám xét các thuyền của ta qua lại và phải trình thẻ bài do chính Pháp cấp.

Khi thuyền cưới tới gần thuyền của Pháp, một người vờ lên trình thẻ bài. Quân Pháp không ngờ, tức thì ông Nguyễn và bọn thủ hạ nhảy lên theo đánh chém lung tung và ngay lúc đó có nhiều thuyền chở rơm và bồi của nghĩa quân cũng ào tới, nổi lửa đốt tàu Pháp Quân Pháp vì không có đề phòng bị chém chết và bị thương ngã gục hết. Trong chớp nhoáng, tàu Pháp cháy to và người trong các thuyền của nghĩa-quân đều nhảy lên bờ tẩu thoát hết.

Giặc kêu la ầm-ĩ, lửa bốc ngút trời, máy tàu nổ tan tành. Kết quả 17 tên Pháp thiệt mạng, 20 tên lính tập người Việt cũng chết theo. Tàu chìm còn trơ cái sườn sắt ngập một nửa dưới nước.

Xong chiến công oanh liệt này nghĩa-quân rút gấp về Cà-Mâu. Pháp giận lắm cho quân đội đi lùng khắp nơi nhưng Kinh-Kha họ Nguyễn và các đồng chí đã biệt dạng tự bao giờ.

Một chiến công khác cũng được đồng bào miền Nam không

http://hoangsa.org

quên thời ông Nguyễn phất cờ chống Pháp đã được gây ra tại Rạch giá, nơi Pháp đóng đồn và trong đồn có nhiều lính người Việt. Đáng chú ý là khi đánh đồn này Nguyễn đã dùng hai phụ nữ tuy chân yếu tay mềm nhưng thừa đảm lược. Đó là hai chị em bà Điền, bà Đỏ được ông Nguyễn cắt từ Cà-mau lên Rạch-giá. Hai bà đã thi hành công tác binh nên viên Quản-cơ và binh-sĩ trong đồn ngầm theo hết. Rồi một đêm, nghĩa quân bất thình lình mở cuộc tấn công, Pháp quân hoảng hốt chạy hết ra ngoài vừa bị quân cách mạng vừa bị dân chúng ập tới chém giết được hết. Đồn bị triệt hạ Ngày hôm sau không còn một tên giặc Pháp nào có mặt nữa ở Kiên-giang.

Từ bấy giờ trở về sau, cách vài chục năm Pháp không còn dám dùng người Việt làm Quản-cơ và sau khi thắng trận, làm chủ thành Rạch-giá, ông Nguyễn thiết lập ngay một hệ thống đồn trại dài từ núi Sập tới tỉnh lỵ (50 cây số) đắp đập thả chà, đóng cừ phòng tàu chiến của giặc kéo tới. Để thông tin, các đồn bót của ta có trống mõ. Tiếc rằng trong nghĩa-quân bấy giờ có một số những nhiễu dân, lấy gà vịt rau cỏ của đồng bào nên lòng dân một phần có sự bất mãn. Sau này Pháp kéo quân đến, những chướng ngại vật của ông Nguyễn đều bị phá hủy do chúng có những phương tiện rất lợi hại, nghĩa-quân chống không lại phải rút đi.

Về chung cuộc ông Nguyễn còn để lại lịch-sử vàng son của dân tộc một vũ công có nhiều cử chỉ rất can trường để xứng đáng với hai câu đối đồng bào đã tặng ông sau này.

*Hỏa hồng Nhật-Tảo oanh thiên-địa,*
*Kiếm bạt Kiên-giang khấp quỷ thần.*

Cuộc khởi nghĩa chống thực dân của ông kéo dài tới 1867 sau khi ông ra Bình Thuận được phong chức Lãnh-binh, và được cử vào Hà-tiên tiếp tục chiến đấu. Xét ra thuở đó quân đội Pháp đã mạnh lắm rồi tương đối với lực lượng của nghĩa-quân

http://hoangsa.org

(bấy giờ chỉ có nghĩa-quân ra mặt đánh địch mà thôi còn triều-đình Tự-Đức đã khoanh tay cúi đầu ngay sau khi ký Hòa-ước Nhâm-Tuất năm 1862) mà quân số không ngoài một trăm mà thôi lại còn thiếu trang bị, tiếp vận là điều vô cùng cần thiết. Mặc dầu quân đơn thế yếu, binh bị tổ chức sơ sài, hầu như không có huấn luyện, ông vẫn xông pha ngoài chiến-địa. Lúc này ông có mặt ở Đảo Phú Quốc. Bọn thực dân bằng tàu Groëland chở tên đại Việt-gian Đội-Tấn và 150 tên lính mã tà ra đây mở cuộc truy-kích. Quân số của ông Nguyễn có khoảng 300 chỉ trội về lượng mà thôi. Đội-Tấn nắm vững tình thế của Nghĩa-quân đã chỉ là đoàn quân ô hợp nên can đảm giao phong cùng quân cách-mạng, ngoài ra y đã khéo dọa dẫm dân chúng và hương chức tại đảo nên đã cô-lập được nghĩa quân, ngoài ra còn buộc họ trợ giúp cho bộ đội của hắn.

Sau hai trận đánh ác liệt về phần cả đôi bên, ông Nguyễn rút vào núi cùng các đồng chí rồi bị bao vây quá ngặt nghèo ông đành phải ra hàng để tránh cho anh em một sự tiêu diệt toàn thể.

Ông Nguyễn và tên Tấn vốn quen biết nhau vì trước kia cùng chiến đấu dưới cờ của Nguyên-Soái Trương Công-Định. Nghĩ tình cũ, đội Tấn yêu cầu quan Pháp hậu đãi ông Trực. Pháp bắt ông xuống tàu Groëland. Paulin Vial viết: « Trong khi Đại Tá Piquet, Thanh tra bổn quốc sự vụ chất-vấn ông Trực, ông này tỏ ra rất có khí-phách anh hùng và cương-nghị. »

Ông bình-tĩnh nói với Piquet rằng : « Số tôi hết rồi, tôi đã không cứu được quê hương tôi thì nay tôi chỉ xin một điều là được chết sớm chừng nào hay chừng nấy ! » Lãnh-binh Tấn (tức đội Tấn lên chức) hết sức can thiệp với quan Pháp để tha cho ông Nguyễn-trung-Trực mà lúc này hắn vẫn coi là đàn anh hắn. Nhưng Đô-Đốc Ohier không chịu, nói rằng không thể tha được « một người đã không coi luật quốc tế ra gì, đã hạ một cái đồn của chúng ta và giết 30 người Pháp ! (*Dịch nguyên Pháp-văn của Paulin Vial*).

http://hoangsa.org

Rồi Ohier ra lệnh chở ông Trực về Rạch-giá. Ông đến nơ nước vào ngày 27 tháng 10. Năm ấy ông mới 30 tuổi.

Và Paulin Vial khen ngợi: «Ông Nguyễn-trung-Trực là một người chỉ-huy trẻ-tuổi, rất bạo dạn, chống nhau với ta ngót 10 năm trời...»

Một nhân-sĩ miền Nam cho rằng ông Nguyễn bị hạ không do trường-hợp trên đây. Theo ông, bấy giờ Pháp treo giải thưởng để bắt ông với điều kiện sau đây: Ai giúp mưu-kế bắt được ông Nguyễn hay ai bắt được ông hoặc sống hoặc chết đều sẽ được lãnh 500 quan. Bấy giờ có kẻ chỉ cho Pháp bắt mẹ ông. Pháp liền đến Hà-Tiên bắt được bà cụ và dọa giết nếu không ra hàng.

Người Pháp thi hành đúng theo kế-hoạch này, quả nhiên ông ra.

Thấy người trung-hiếu, khảng-khái quá, Pháp không nỡ giết và dụ quy thuận, hứa nếu ông nhận lời sẽ cho làm chức Phó-Soái. Ông nói: «*Tụi bay hãy kiếm cho tao cái chức gì giết Tây được thì tao làm, chớ chức Phó-Soái tao không màng!*»

Khuyến-dụ hết sức không được, người Pháp buộc lòng phải hạ lệnh trảm quyết ông.

Người đao-phủ là một dân Miên tên Tưa, (dân chúng thường gọi là Bòn Tưa, chém mỗi cái đầu với giá một quan tiền). Trước khi chém, Bòn Tưa bỏ gươm quỳ xuống đất vừa lạy vừa xin lỗi (chỗ chém ông là miền đất cất sở Bưu Điện và Công An bây giờ). Ông nói: «mày có tội gì mà xin lỗi, mày thi hành pháp-luật của Tây mà! Nhưng nhớ chém tao một nhát thật tốt nếu không ta vặn họng mày à!» Rồi ông quắc mắt nhìn mấy anh lính Tây bồng súng đứng sắp hàng khiến họ phải run lên (các cụ nói lại rằng tướng-tinh ông mạnh lắm nên khi ngó ai thì người đó phải khiếp vía, vì vậy các bà có mang không dám đi xem).

http://hoangsa.org

Ông mất ngày 28 tháng 8 âm lịch năm 1868 dương lịch! Chém xong, người Pháp ráp đầu, mình liệm vào hòm đem chôn rất tử tế.

Một ông chôn trong vòng thành ông Chánh cách cầu ông Chánh chừng 70 thước mộ chiếm một khu đất chừng 100 thước vuông, xây cao lên quá 3 thước, chung quanh có xiềng xích bằng sắt, nhưng người Pháp trở lại lần thứ hai (1946) cho phá đi, bây giờ hãy còn vết-tích.

Dân chúng thờ ông chung một đình với cá-ông.

Đình thờ ông ở Rạch-giá, dân chúng thường lui tới xin xâm, quanh năm ngày tháng.

Thấy ông là người trung nghĩa, ông Nguyễn-giác-Ngộ lấy tên ông đặt tên cho Bộ-đội của mình vào thời chưa có chánh-phủ V.N.C H.

Gần đây ở Long Xuyên có lập đình và vào Rạch-giá xin tro về thờ.

Trường Trung học Rạch-giá bây giờ cũng đặt tên là Nguyễn-trung-Trực không ngoài mục-đích kỷ-niệm một vị anh-hùng dân tộc và nêu cao gương hy-sinh, ái-quốc.

Về cái chết của ông Nguyễn do bị Pháp bắn chết hay vì lòng hiếu mà ông vong thân, có lẽ chỉ đồng-bào Rạch-giá rõ. Chúng tôi mong có sự xác định để sửa lại bản khảo trong một ấn-bản cận lai.

Trước giờ hành-hình, ông Nguyễn có một bài thơ tuyệt-mệnh như sau:

*Thư kiếm tùng nhung tự thiếu niên,*
*Yêu giai đảm khí hữu long-tuyền.*
*Anh-hùng nhược ngộ vô dung-địa,*
*Bảo hận thâm cừu bất đái thiên.*

Dịch:

« Theo việc binh-nhung thuở trẻ trai,
« Phong trần hăng hái tuốt gươm mài.
« Anh-hùng gặp phải thời không đất,
« Thù hận chan-chan chẳng đội trời.

*PHẠM-VĂN-SƠN*
13-9-68

http://hoangsa.org

# CẢI CHÍNH MỘT ĐIỀU LẦM

# TÀI LIỆU VỀ

# NGUYỄN TRUNG TRỰC

ĐÔNG-HỒ

Hồi cuối năm 1927, năm 21 tuổi tôi có dịp đi thăm đảo Phú-Quốc. Về, tôi có viết một bài du ký dài. Bài này, tôi cho đăng ở tạp chí Nam-phong số 124, tháng Décembre 1927.

Trong bài du ký này, tôi có kể thuật nhiều về lịch sử của liệt sĩ Nguyễn Trung-Trực trong khi lấy đảo Phú Quốc làm chiến lũy kháng Pháp.

Trong đoạn kết, khi người liệt sĩ họ Nguyễn « sát thân dĩ thành nhân », tôi có viết mấy câu tài liệu như thế này :

*« Tin cụ mất, truyền đến Triều-đình Huế, Vua Tự-đức sai làm lễ truy-điệu cụ, có bài văn, thể trường thiên cổ thi rằng :*

. . . . . .

*« Úy bĩ ngư nhân*
*« Hùng tai quốc sĩ*
*« Hỏa Nhật-tảo thuyền*
*« Đỡ Kiên-giang lũy*
*« Địch khái đồng cừu*
*« Thần tiêm tự thỉ*
*« Huyết thực thiên thu*
*« Chương ngã trung nghĩa »*

http://hoangsa.org

Qua năm 1928 — 1929, tôi có dịp tiếp xúc với *Cúc-nông Trương Gia Mô* tiên sinh. Tôi mới biết sử liệu mà tôi ghi về Nguyễn Trung Trực trong bài du-ký đó, là lầm lẫn.

Sự lầm lẫn trên đó, đáng lẽ phải được cải chánh từ lâu rồi, mà lần lữa đến hôm nay trải qua 41 năm, mới dở ra, thật là đáng trách.

Khi ghi chép rằng bài minh đó là của vua Tự-đức gởi vào truy điệu họ Nguyễn, là tôi theo lời của ông Thầy học của tôi là Huỳnh Côn-Hóa tiên sinh, tức thầy Huỳnh Thoại-Bàng, mà phàm người Hà-tiên nào biết chữ cũng đều nhờ Thầy vỡ lòng cho hết.

Sau khi tiếp xúc với Cúc-nông tiên-sinh, thì Trương tiên sinh mới bảo cho tôi biết là bài trường thiên cổ thi đó chính của tiên sinh làm. Đó lá bàn tán liệt sĩ Nguyễn Trung Trực, mà Cúc-nông tiên sinh làm, khi biên soạn xong bộ sách « *Gia-định tam tiên liệt-truyện* ».

Tiện đây, nói thêm về tác phẩm này. Tác phẩm này, Cúc-nông tiên sinh biên soạn bằng Hán-văn, tên sách là « *Gia-định tam tiên liệt truyện* » Như tên sách đã nêu rõ, đây là sách chép tiểu sử và công nghiệp kháng Pháp của ba vị tiên-liệt đất Gia-định (Nên hiểu chữ Gia-định ngày trước là chỉ toàn cõi Nam-kỳ lục tỉnh) :

1.— Nguyễn Trung Trực

2.— Nguyễn Hữu Huân

3.— Hồ Huân Nghiệp.

Tác-phẩm này, Cúc-nông tiên sinh chép tay. Tiên sinh có sao một bản đem vào Hà-tiên năm 1930 cho tôi, một lượt với tập *Thu-hoài-phú*, cũng bằng Hán văn, do tiên-sinh sáng tác.

Hai tập này: *Thu-hoài-phú* và *Gia-định tam tiên-liệt truyện*, hồi khoảng năm 1934 1936, tôi giao cho Trúc Hà đem lên Sài-gòn cho các vị học giả ở Sài-gòn đọc và sao lại. Sách có được sao lại hay không, tôi không được biết chắc, nhưng tôi biết nó có qua mắt

http://hoangsa.org

hai vị học giả Lê Thọ-Xuân và Nguyễn văn Liễn (1). Hai tập này, sau biến cố 1945, thất lạc về đâu, bây giờ tôi không được biết. Có vị nào đọc qua mấy hàng này mà còn tàng trữ, hoặc có biết thì xin công bố để hải nội cùng biết.

Mới đây, tôi có tiếp xúc với ông Trúc-Viên Trương-Gia Kỳ-Sanh, Trúc-Viên là con trai của Cúc-nông tiên sinh, tôi hỏi về tác phẩm này. Ông Trúc Viên cho tôi biết rằng các tác phẩm của Cúc-nông tiên sinh không còn chữ nào cả. Bởi vì, khi sinh tiền, Cúc nông tiên sinh có di ngôn, dặn lại người học trò, xây sẵn một cái huyệt, để khi tiên sinh mất rồi, thì bao nhiêu sách vở của tiên sinh đem chôn hết vào đó.

Trên nấm mộ đề là :

*Cúc nông thư trủng*

Nghĩa là « mộ chôn sách của Cúc-nông ». Có hai câu đối đề :

*Hán học hà niên phục*

*Di biên tử nhật tàng.*

Nghĩa rằng : Hán học biết đến năm nào mới phục hồi, cho nên những biên soạn còn lại, ngày người mất, nên đem chôn hết đi cho rồi. Thật là một giai thoại bi phẫn, một tâm sự u uất của cổ-nhân, để cho hậu nhân khả tích khả thương. Thôi hãy gác lại đó, mà trở về chuyện Nguyễn Trung Trực.

Bài thơ cổ-phong mà tôi chép lại, trong bài du-ký Phú Quốc đó, tôi nghe thầy học tôi nói lại, cũng không toàn thiện. Hãy còn thiếu nhiều câu. Tôi gởi đăng tạp-chí Nam-phong, khi đó lại bị kiểm duyệt

(1) L.T.S. : Trong số báo này, Ông Lê Thọ Xuân có lược thuật lại nội dung phần nói về Nguyễn Trung Trực trong tác-phẩm kể trên của Cúc Nông Tiên sinh. Tác phẩm này chưa hề được in và chúng tôi vẫn cố gắng tìm kiếm, nhưng vẫn không biết hiện trôi dạt nơi nào hay đã mất đi rồi ! Thật nỗng thay !

http://hoangsa.org

mất đi vài ba câu nữa. Trong các câu bị kiểm duyệt, tôi nhớ chắc-chắc có một câu. Đó là câu :

*Thầm thầm bạch quỉ.*

Có câu này rồi mới tiếp liền đến câu :

*Úy bĩ ngư nhân*
*Hùng tai quốc sĩ*

Hiện giờ, trong Nam-phong tạp chí, số 124 (Décembre 1927) nơi trang 543, cột thứ hai, đăng bài thơ cổ thi đó, trước câu *Úy bĩ ngư nhân*, nhà báo có ghi chấm dây (..) tức là mấy câu kiểm duyệt, mà trong đó có câu :

*Thầm thầm bạch quỉ*

Câu đó, hồi ấy, đăng ở báo Nam-phong mà bị kiểm duyệt, tôi có một vài điều nghĩ ngợi. Tôi đặt ra hai nghi vấn này :

Câu thơ đó, nếu mà đăng ở một tờ báo trong Nam, tất không bị kiểm duyệt. Câu thơ đó bị kiểm duyệt là bởi có hai chữ « *bạch quỉ* » *Bạch quỉ*, là tiếng của nhà Nho nước ta khi mới tiếp xúc với người Tây, để gọi người giống da trắng đến xứ này. Giống người dị chủng đã tác quỉ tác quái, gieo tai gieo họa cho chúng ta. Kể họ như là một giống « *quỉ trắng* ». Ở tai người mình nghe, thì như một tiếng nguyền rủa mà ở tai người Tây, họ nghe, có cùng một cảm nghĩ như chúng ta hay không Tôi nghĩ họ không lấy làm điều gì đâu. Bởi vì, trong Nam, khi đó hai tiếng ấy, cứ nghe nói đến luôn. Ví dụ như câu thơ :

*Vết đạn hãy rêm tàu bạch quỉ*
*Nét son thêm rạng vẻ hoàng môn*

vẫn được truyền tụng và được ấn hành như thường.

Hoặc là bởi, không có người chịu khó dịch cho người Pháp họ nghe hai tiếng đó nghĩa là gì, và cũng không có ai thêm mắm dặm muối vào cho Tây nó giận.

Đó là một điều nghĩ. Điều nghĩ thứ hai là câu thơ đó đăng

http://hoangsa.org

ở báo Nam-phong sao mà cũng bị kiểm duyệt. Bởi vì báo Nam-phong khi đó rất được các nhà cai trị Tây tin cậy lắm. Là tờ báo không có ác ý châm chọc người Pháp. Báo này vẫn đăng những bài thơ bài văn xỏ xiên người Pháp khi mới đến xứ này. Ví dụ như bài khóc Tây Francis Garnier bị quân Cờ đen cuộn lôi xuống cắt cổ ở Ô Cầu-Giấy. Tôi nhớ cóc-nhảy mấy câu đại khái :

. . . .

*Ông ở bên Tây*
*Sang qua chi đó*
*Cái mắt ông xanh*
*Cái mũi ông lõ*
*Chân ông đi giầy*
*Miệng ông huýt chó*
*Ông đi lo tho*
*Bị cờ nó bó*
*Nó lôi ông ra*
*Nó cắt phăng sỏ*

. . . .

Bài này, tôi nhớ câu được câu mất, câu đúng câu sai, tôi không tra tìm vì không sẵn tài liệu. Vị độc giả nào có biết thì cải chính và bổ túc giúp cho.

Báo Nam-phong nói riêng, báo chí Hà-nội nói chung, lúc đó thấy có đăng những bài cổ sự, đại loại như vậy mà không bị kiểm duyệt. Tôi nghĩ rằng nhà cai trị Pháp họ cho những điều đó là những điều hóm vặt, không đáng kể.

Như vậy mà sao câu thơ « *Bạch quỉ* » lại bị kiểm duyệt ở báo Nam-phong. Tôi nghĩ tắt là bị câu đó tôi chép bằng chữ Hán. Những bản văn « cách mạng » những bài thơ « quốc cấm » có ý chống đối nhà cầm quyền đương thì, mà viết bằng chữ Hán thì bị xem xét, cẩn thận, bị kiểm soát rất kỹ lưỡng. Cho nên câu thơ « bạch quỉ » đó mới bị bôi bỏ

Tôi nghĩ như vậy không biết có đúng hay không. Nhưng mà

http://hoangsa.org

bởi tôi nhớ đến một chuyện này. Có một lúc, tôi giao thiệp với ông Ái-liên. Ông là một nhà nho, người Nam-định, sinh hoạt nhiều trong Nam và Lục-tỉnh. Mỗi khi ông kể chuyện cũ cho tôi nghe mà có những câu đối bài văn của các nhà chí sĩ như của Tôn Thất Thuyết, của Mai Sơn, của Sào Nam, của Tây-hồ, của Hoàng Hoa Thám vân vân... Ông Ái-Liên đều không chịu đưa cho tôi nguyên văn chữ Hán mà bảo tôi chép phiên âm ra Quốc ngữ hết. Rồi ông cẩn thận xé nhỏ bản chữ Hán đi. Tôi khi đó rất lấy làm lạ. Tôi nghĩ, đáng lẽ thì nên để nguyên chữ Hán mà đừng phiên âm âm Quốc ngữ thì phải hơn, bởi vì chữ Hán ít người đọc được, hơn chữ Quốc ngữ, bởi chữ Hán không bị chú trọng đến lắm. Đó là tôi nghĩ theo sự hiểu biết của người trong Nam, nơi mà chữ Hán đó thành một tử ngữ lâu rồi. Mà ông Ái-Liên đòi hiểu biết theo ý nghĩ của người Trung người Bắc, người ở nơi chữ Hán còn thông dụng và được chú trọng nhiều hơn. Tôi ghi câu chuyện lặt vặt này lại đây cùng là để đánh dấu một sự kiện về sự học chữ Hán ở trong Nam cách đây 30, 40 năm trước.

Còn một chuyện nữa làm chứng cứ cho điều trên đó. Khoảng năm 1922 - 23, có một ông « Thầy Huế » người Trung qua chơi Hà-tiên, nghe tiếng bác tôi, Hữu Lân tiên sinh, là người còn giữ chút ít chữ Nho, ghé lại nhà thăm. Trong lúc đàm đạo, Thầy thấy câu đối chữ Hán của bác tôi để ở cửa :

*Minh kỳ nghĩa dĩ đạt kỳ đạo*
*Thuận hồ thiên nhi ứng hồ nhân*

Hiệu nhà buôn họ Lâm của chúng tôi là hiệu *Minh Thuận*. Bác tôi đã quán thủ hai tiếng *Minh Thuận*, dùng chữ sách góp làm câu đối. Bác tôi vẫn lấy làm tự đắc đã dùng được mấy chữ đúc : « Minh nghĩa đạt đạo, thuận thiên ứng nhân ».

Ông Thầy thấy câu đối, cười cười bảo với bác tôi rằng : « Câu đối này, tiên sinh để ở đây lâu nay mà không bị nhà cầm quyền làm khó dễ gì hết thì thật là lạ. Câu đối này, nếu để một nhà nào ở Trung kỳ thì chủ nhà hay tác giả của nó đã bị bắt lâu

http://hoangsa.org

rồi ! » Nghe Thầy nói vậy. Bác tôi ngạc nhiên không hiểu gì hết. Bây giờ Thầy mới giải thích rằng, hai câu đối đó đã dùng toàn « chữ nghĩa làm giặc » Thuận theo lòng trời mà ứng theo lòng người ; là muốn dựng cờ khởi nghĩa cách mạng đó. Vua quan ngoài nó nghe thấy, đâu có để yên.

Mới biết, chữ Hán ở trong Nam đã bị xã hội không thèm biết tới, dẫu cho muốn làm giặc mà nói bằng tiếng Hán cũng chẳng ai thèm nghe.

Câu chuyện này cũng có chút liên-quan đến việc chôn sách chữ Hán của Cúc-nông tiên sinh ở Thư trủng đã kể trước.

Đến đây, tôi viết sang đàng thêm một chuyện để góp thêm về *Quân cờ đen*. Trong bài « khóc » Francis Garnier, có câu :

*Ông đi lơ thơ*
*Bị cờ nó bó*

Câu đó, nếu không biết về *Cờ đen* thì không hiểu là nói gì : Tôi giải thích thêm.

Ở miền Nam nước Tàu, hồi cuối thế kỷ trước, có một đảng cường khấu, dư đảng « Thái Bình Thiên Quốc » hoạt-động chống đối triều đình Mãn Thanh tên là đảng *Cờ đen*. Đầu đảng là bọn Lưu Vĩnh Phúc. Gọi rằng Cờ đen, bởi vì đó vừa là soái-kỳ, hiệu-kỳ, đảng kỳ, vừa cũng là khí giới lợi hại, khi lâm trận. Bọn này hoạt động cướp phá khoảng biên giới nước ta và nước Tàu. Các quan ta cũng tiễu trừ họ mà cũng có khi liên kết với họ, mượn tay họ để quấy nhiễu người Pháp. Có ý muốn lợi dụng họ để đánh đuổi người Pháp ra khỏi Bắc-kỳ, cho nên mới xảy ra vụ Francis Garnier.



Cờ cao khổ rộng, màu đen, xung quanh biên cờ có kết nhiều móc câu bén nhọn. Mỗi khi đánh nhau, quân binh vác cờ theo như

http://hoangsa.org

là quân cầm cờ thường Vác cờ đi gần tướng bên địch Đối phương ngồi trên ngựa, thấy họ chỉ cầm lá cờ, trong tay không có vũ khí nào khác, không lưu ý đề phòng. Quân Cờ đen kéo đi kề bên mình ngựa, thừa lúc tướng g ặc vô ý, liền phất lá cờ cuốn vào người trên ngựa, câu móc móc vào, bó chặt lại, tức thì người cầm cờ lôi người bị lá cờ cuốn gọn xuống đất, bắt sống như chơi.

Trường hợp Tây Francis Garnier bị quân Cờ Đen bắt giết là như vậy.

Trước khoảng ký hòa ước năm giáp tuất (15-3-1874) nghe tin thành Thăng Long thất thủ, vua Tự-đức, cử ba ông Trần Đình Túc, Nguyễn-Trọng-Hiệp và Trương-Gia-Hội ra Hà-nội điều đình Hôm đó, hai phái đoàn đang thảo luận về khoản Triều đình ta bảo đảm an ninh cho kiều dân Pháp sinh hoạt trong lãnh thổ Việt-Nam, thì được tin báo quân Cờ đen kéo về. Francis Garnier liền đem quân ra ứng chiến. Tướng Tây cỡi ngựa đi đến đê Ô Cầu-Giấy bị quân Cờ đen phục kích, dùng cờ câu móc cuốn, lôi xuống cắt cổ. Quân Pháp xách cái thủ cấp của Francis Garnier về, ném lên bàn hội nghị. Ý bảo rằng : « Triều đ.nh nước Nam bảo đảm sinh mạng kiều dân Pháp-lang-sa như vậy đó. Tức thì nó bắt phái đoàn ta đem giam vào ngục để đợi quyết định của Soái-phủ Sài-gòn Ở đây, ghi chú thêm một điều Trong phái đoàn của triều đình Huế, chúng ta có thấy tên Trương-Gia-Hội. Đó là thân sinh ra Cúc-Nông Trương-Gia-Mô, và là nội tổ của Trúc Viên Trương-Gia Kỳ Sanh, mà trong bài này tôi có đề cập đến.

Bây giờ xin trở lại câu thơ :

*Thằm thằm bạch quỉ*

của Cúc-nông tiên sinh.

Hai tiếng « bạch quỉ » để chỉ người Tây Dương thì đã rõ rồi. Còn *thằm thằm* thì nghĩa như sao ?

*Thằm thằm*, từ ngữ Hán Việt này, bộ mục một bên như chữ

http://hoangsa.org

*đam* chữ *thẩm*. Các nhà Nho trong Nam đọc là *thằm thằm*. Sách tự điển của Đào Duy Anh. của Thiều chửu đọc là *đam đam* đúng như *Từ Hải ; Từ Nguyên*. Ở đây, tôi cứ giữ y như cách đọc của các nhà Nho trong Nam, đọc là *thằm thằm* gọi giữ chút kỷ niệm của các bậc sư phó. *Thằm thằm*, cac nhà Nho nghe nghĩa là *đăm đăm*, là *lườm lườm* là *gườm gườm*, như dang điệu của con hổ rình mồi. Bởi từ ngữ « *hổ thị thằm thằm* ». Trong văn-chương, khi muốn tả dáng điệu diện mạo của kẻ hung bạo muốn rình rập, muốn vồ bắt một vật khác, đều dùng từ ngữ này Như trong *Tam quốc-chí*, Khổng Minh nói với Châu Du, khi Tào Tháo sắp khai chiến với Đông Ngô. Rằng : *Tào Tháo hổ thị Giang nam*. Cúc-nông tiên sinh cũng mượn chữ này để chỉ người Pháp, là giống bạch quỉ lườm lườm, gườm gườm nhìn vào nước Nam cũng như con hổ rình mồi, thèm khát, sắp ăn tươi nuốt sống nước Nam Thi liệu này rất đắc địa. Đọc bốn chữ.

*Thằm thằm bạch quỉ,*

chúng ta tưởng tượng thấy rõ tình trạng tình thế vận mệnh nước ta trước sự rình rập thèm muốn, của giống hung bạo tàn ác thực dân từ phương xa ào ạt tới. Câu thơ đó, bị nhà cai trị Pháp kiểm duyệt là phải mà sở kiểm duyệt Hà nội quả cũng thật là hay chữ Hán !

Cúc-nông tiên sinh còn nói cho tôi nghe thêm một điều nữa : Bài tán « *Hà-tiên thành thủ úy* » liệt sĩ Nguyễn-Trung-Trực này khi Cúc-nông tiên sinh đến thăm miếu thờ họ Nguyễn ở Kiên giang, có đề lên vách miếu thờ. Chính tự tay Cúc-nông viết bài tán này lên vách miếu. Hiện giờ, tôi không biết tại đền thờ Nguyễn-Trung-Trực ở Rạch-giá có còn hay đã bị bôi xóa đi rồi, vì nghe miếu đã trải qua nhiều lần trùng tu. Mà cách trùng tu đền miếu của mình thường lam thiệt hại chữ nghĩa không ít. Kinh-nghiệm cho tôi biết các đền miếu lăng mộ ở Hà-tiên, khi trùng tu, người sau vì không biết bảo tồn văn chương chữ nghĩa, cho nên đem vội đem phấn,

http://hoangsa.org

tô vẽ lắp lên những văn thơ để bích của cổ nhân. Đó là một cái nạn trùng tu cổ tích. Tôi chắc đền thờ Nguyễn-Trung-Trực ở Rạch-giá cũng không tránh khỏi. Chuyện này thì phải chờ ông Sơn-Nam lên tiếng cho biết rõ sự tình.

Việc Cúc-nông tiên sinh đề bài tán này lên vách miếu Nguyễn-Trung-Trực ở Rạch-giá, chắc chắn là có. Bởi vì Trương tiên sinh có nói thêm với tôi.

Khi tiên sinh đến thăm đền thờ, thấy đền cất dựa bến nước bờ sông Rạch-giá nhìn ra, mây xa biển rộng, có vẻ tráng quan cho nên tiên sinh chữa câu:

*Huyết thực thiên thu*

lại, mà đề rằng:

*Cổ miếu lâm lưu*

cho thật đúng với phong quang và cảnh trí của đền thờ.

Thành ra, hai câu cuối cùng của bài tán đó, đã chữa lại rằng:

*Cổ miếu lâm lưu*
*Chương ngà trung nghĩa*

nghĩa rằng: Tòa cổ miếu dựng uy nghiêm bên bờ nước, đời đời tỏ rõ khí tượng trung nghĩa của dân tộc chúng ta.



Một chút chữ nghĩa sai lầm như vậy mà để đến 41 năm trường mới cải chính, thật là tệ! Nhưng may mà còn cải chính kịp, cũng tránh được một mối di hận. Nghĩ mừng tuổi sống sót của mình không đến nỗi vô tích sự, và cũng lợi dụng được ngày vãn niên để chuộc lại tội lười biếng đã bỏ quá quang âm vì đa đoạn sầu bịnh.

ĐÔNG HỒ

Viết trong ngày bịnh mùa thu 1968

http://hoangsa.org

# Đất khởi nghĩa và vài giai thoại VỀ NGUYỄN TRUNG TRỰC

■ SƠN NAM

## CHỢ RẠCH GIÁ HỒI CUỐI THẾ KỶ 19.

Vùng chợ Rạch Giá (nay là tỉnh lỵ Kiên Giang) hồi cuối thế kỷ thứ 19, lúc ông Nguyễn Trung Trực dấy binh là nơi còn sầm uất kém xa chợ Vĩnh Long, Gò Công, Mỹ Tho. Đời Tự Đức, Kiên Giang là huyện lỵ nằm trong tỉnh Hà Tiên. Thử tra cứu Đại Nam Nhứt Thống Chí (bản dịch Tu Trai Nguyễn Tạo), chúng ta thấy chợ Rạch Giá tuy « phố xá liên lạc, ghe luôn đến đậu đông đảo » nhưng thiếu trường học! Nhân tài của Rạch Giá thật hiếm hoi, dường như chỉ có một người là Huỳnh Mẫn Đạt, làm đến chức Án sát ở Định Tường năm 1861. Ông Đạt bị vua Tự Đức cách chức cùng với một loạt quan văn quan võ khác về tội để cho giặc Pháp chiếm Gia Định, Định Tường. Sự nghiệp ông còn lại vài bài bát cú. Theo Quốc Âm Thi Hiệp Tuyển của Lê Quang Chiểu (Saigon. Claude et Cie, 1903), đó là « ông Tuần Phủ Đạo ở Hà Tiên »

Tại chợ có miễu Hội Đồng, chùa Bắc Đế, đền Nguyễn văn Điều. Nguyễn văn Điều « nguyên quản cơ Vĩnh Long, bị trận vong được chức phó quản cơ » năm Minh Mạng 21 (1840) (1). Thành tích ông Nguyễn văn Điều là dẹp giặc Miên, đền ấy hãy còn, ông bị giết tại giếng Cây Trâm, xóm Rạch Mẽo.

---

(1) Theo Đại Nam Nhất Thống Chí; Lục tỉnh Nam Việt, quyển hạ, bản dịch Tu Trai Nguyễn Tạo. Sài gòn 1959, tr 106; chẳng rõ sao lại được tặng chức nhỏ hơn trước?

http://hoangsa.org

Mục Nhân vật và Liệt nữ, tỉnh Hà Tiên, trong Đại Nam Nhứt Thống Chí chỉ ghi có 2 nhân vật ở chợ Hà Tiên (Mạc Cửu và Mạc Thiên Tứ), bốn nhân vật còn lại đều là người ở Long Xuyên (Cà Mau) và một liệt nữ cũng ở đấy.

Chúng tôi dẫn chứng dông dài như thế để xác nhận:

— Vùng chợ Rạch Giá là nơi mua bán (hải cảng nhỏ) và làm rẫy, người Hoa Kiều ở phố xá, người Miên và người Hoa Kiều chiếm vùng ngoại ô. Ngày nay, gần chợ, chúng ta còn thấy những ngôi chùa Miên: chùa Phật Lớn, chùa Láng Cát.

Bởi vậy, trước khi đánh chợ Rạch Giá, ông Nguyễn Trung Trực đã chọn lựa một vùng ở xa chợ hàng mười kí-lô-mét để làm căn cứ: xóm Tà Niên. Chợ Rạch Giá là nơi có sòng bạc, nơi mua bán á phiện lậu thuế, nhân tâm bất lợi. Thực dân Pháp chiếm tỉnh lỵ Hà Tiên là các quan cựu trào ở Rạch giá đầu hàng theo, giặc không tốn một phát đạn. Chiếm được Rạch giá, giặc kiểm soát ngay việc mua bán á phiện, tên François Denot coi sở Thương Chánh đến năm sau thì bị nghĩa quân giết. Đây là nguồn lợi quan trọng: thuở ấy và mãi đến 1945, tàu buôm Hải Nam qua lại, ghé chợ Rạch Giá, trên đường đi Hạ Châu (Singapour). Người Hoa Kiều ở Hà Tiên, Sóc Trăng, Bạc Liêu tiêu thụ á phiện nhiều.

Chợ Rạch giá chia ra hai khu vực, do con rạch Giá (giá, tên một loại cây tạp) làm ranh giới. Thời đàng cựu, tả ngạn là vùng chợ với phố xá, chùa. Đó là làng Vĩnh Hòa (đọc là Huề), ngoại ô là xóm rẫy, thuộc làng Vân Tập.

Hữu ngạn là làng Thanh Lương, nằm trên giồng đất cao chạy dài theo bờ biển, có người Miên cư ngụ từ lâu (chùa Phật Lớn). Làng Thanh Lương còn một di tích đặc biệt là «chùa ông Thần», có lẽ ngôi chùa nầy trước kia là đình làng.

Người Pháp cho thiết kế làng Thanh Lương để lập khu vực hành chánh. Đồn giặc ở sát mé biển, kiểm soát ghe thuyền ra vào hải cảng.

http://hoangsa.org

Trước khi người Pháp đến, không có cái ngôi đình nào gọi là đình Vĩnh-Thanh-Vân cả vì thuở ấy ba làng chưa sáp nhập lại. Ngôi đình gọi là đền thờ Nguyễn Trung Trực ngày nay ở gần mé biển là mới xây cất sau. Nền của đình có thể gần đúng với vị trí mà nghĩa quân tụ họp, trước khi tấn công đồn Rạch Giá.

Đồn Rạch Giá, lúc bị tấn công, nằm ở vị trí nào ?

Chúng ta có thể nói :

— Nó ở gần tòa hành chánh ngày nay, xê xích chừng vài mươi thước. Nghĩa quân tấn công đồn Kiên Giang, tên chủ sở Thương Chánh chạy ra ngoài, ngã gục chết luôn, chắc là bị đâm. Bọn Pháp sau nầy xây cái trụ nhỏ để kỷ niệm, trụ nằm trên con đường ngăn cách tòa hành chánh và tòa án thời Pháp thuộc.

Trong tập kỷ yếu Đông Dương Học Hội (Bulletin de la Société des Études Indochinoises), số XV, năm 1940 (La vie et l'œuvre de Luro), chúng ta gặp cái hình do Luro vẽ lại. Đó là tòa bố (inspection) ở Cai Lậy vào năm 1865, nhà trệt bốn căn, trại lính ở một bên, dưới bến có cầu và cái thang thọc xuống nước.

Quyển « La Cochinchine et ses habitants », bác sĩ Baurac soạn, do Rey, Curiol et Cie ấn hành vào năm 1894 có mấy bức ảnh chụp, làm bản kẽm khá rõ về chợ Rạch giá. Sau khi bị tấn công năm 1868, tòa bố xây cất lại; kiểu nhà trệt bánh ếch ba căn, có chái, cửa lá sách. Ty Bưu Điện cùng một kiểu với tòa bố. Cửa biển Rạch giá còn bùn lầy, nhà lá nằm thấp lè tè. Bên bờ rạch, tức là bến chợ, người ta đóng cừ, lấy ván be lại cho bờ khỏi lở sụp. Phố lợp ngói, có một căn lầu, dưới rạch, ghe cà-vom với kiểu mui vuông, vách mui bằng ván, nóc mui lợp lá có vỉ tre dằn lên trên.

## VÙNG PHỤ CẬN LIÊN QUAN ĐẾN CUỘC KHỞI NGHĨA

Trong lời khai với nhà cầm quyền Pháp tại Sài gòn, ông Nguyễn Trung Trực nhìn nhận rằng đã gom quân sĩ tại Tà Niên rồi từ Tà Niên kéo ra Rạch giá, bằng đường biển, tấn công bất ngờ.

http://hoangsa.org

Trước mặt kẻ thù, ông Nguyễn trả lời khéo léo với mục đích bảo vệ những người đã giúp đỡ nghĩa quân như ông huyện Hiền, ở Rạch giá (chợ Rạch giá hãy còn dấu tích kinh ông Hiền, nay đã lấp), hoặc một số thân hào ở Phú Quốc.

Nếu ông khai rằng đã ở xóm Tà Niên khá lâu thì ắt là dân xóm nầy sẽ bị trả thù Theo ông, Tà Niên chỉ là điểm để tập trung nghĩa quân.

Từ đâu tập trung đến ? Ông Nguyễn Trung Trực không nói rõ nhưng A. Schreiner (Abrégé de l'Histoire d'Annam) cho biết là ở Sân Chim.

Trước tiên, xin nói về vùng **SÂN CHIM**

Ở tả ngạn sông Cái Lớn, di tích Sân Chim hãy còn. Đại Nam Nhứt Thống Chí (bản dịch nói trên), tỉnh Hà Tiên, mục Thị điếm ghi là «Điều đình», một trong bốn chợ phố quan trọng trong tỉnh. Chúng tôi đã viết bài về sân chim (phần phụ lục của Tìm Hiểu Đất Hậu Giang, Phù Sa xuất bản, 1959), xin tóm tắt lại vài nét : chim lông ô (marabout) tập trung từng bầy trong rừng, làm ổ nở con. Đó là nguồn lợi thiên nhiên, đời Tự Đức, muốn khai thác thì phải đấu thầu, nộp thuế. Lông chim lông ô thời xưa quí giá như lông vịt ngày nay nhưng có công dụng khác. Người Hải Nam mua lông, đem về kết quạt, loại quạt sang trọng có cán bằng xương bò hay bằng ngà dành riêng cho bực phú hào Trung Hoa ở Mã Lai, Nam Dương. Mỗi sân, một mùa, người ta giết đến hai ba chục ngàn con. Đến mùa, tàu buôn Hải Nam vào sông Cái Lớn, đậu tấp nập Khai thác sân chim đòi hỏi nhiều nhân công, nhân công làm việc với giá cao Đây là ven rừng U Minh, Đại Nam Nhứt Thống Chí ghi là « ở địa phận thôn Đông An và thôn Vĩnh Hòa ».

Đông An nay hãy còn tên cũ, nói cho đúng là Đông Yên.

Vĩnh Hòa vẫn là làng Vĩnh Hòa và ở đây còn ngôi đình cổ kính, thời Pháp thuộc, dân chúng làm lễ kỳ-yên khá long trọng. Hương chức đình bảo rằng đình Vĩnh Hòa thờ ông Nguyễn Trung Trực.

http://hoangsa.org

Con rạch đông dân cư nhứt ở Vĩnh Hòa là rạch Thầy Quơn.

Chúng tôi không được thấy sắc thần đình làng Vĩnh Hòa. Dân trong xóm thường kể lại nhiều giai thoại về ông Nguyễn Trung Trực. Vài bô lão tự hào về thành tích của cha ông và quả quyết rằng thuở ấy, mỗi ngày nghĩa quân ăn đến hai tạ (120 kí-lô) cá lóc, cá trê.

Gẫm lại, ông Nguyễn Trung Trực đã khéo chọn lựa vùng Sân Chim, nghĩa quân đến dễ dàng theo đường biển, từ Hòn Chong. Rừng U Minh rộng mênh mông, chúa Nguyễn Ánh đã từng lập căn cứ, đào mương, cất trại cho binh sĩ ở. Suốt thời Pháp thuộc, nhiều người ở U Minh sống thong dong, chẳng bao giờ đóng thuế thân.

Làng Đông Yên gần vàm sông, giáp với Vĩnh Hòa. Sau cuộc khởi nghĩa của ông Nguyễn Trung Trực, bọn Việt gian đã tâu với «quan lớn» để trả thù dân chúng địa phương bằng cách đổi tên làng, Đông Yên trở thành Đông Tặc. Làng Tây Yên, giáp ranh với Đông Yên, ăn lên rừng U Minh Thượng cũng mang họa lây, đổi là Tây Tặc.

Nhưng mấy ông kỳ lão ở Đông Yên và Tây Yên không chịu thua, các ông hiểu rằng việc đổi tên ấy ngụ ý thóa mạ thành tích của ông Nguyễn Trung Trực nên làm đơn kêu nài với quan trên viện lý rằng :

— Tây Tặc là cái tên thô tục, nếu nói lái thì trở thành C... Tây !

Quyển sách của Baurac (dẫn thượng) in năm 1894, quyển Annuaire annamite de la Cochinchine 1907 đều ghi rành rành Đông Tặc ở bảng kê khai những làng trong tỉnh Rạch giá. Sau đó, bọn thực dân đành nhượng bộ : Đông Tặc, Tây Tặc trở lại Đông Yên, Tây Yên như cũ.

Xin ghi thêm một chi tiết lạc đề : ở làng Tây Yên bấy lâu có một ấp nhỏ, phía rừng U Minh mang tên là ấp Tây Sơn. Ở

http://hoangsa.org

ấp Tây Sơn, đất thấp sình lầy, lau sậy mọc đầy vũng bàu, dân chúng thì hiền lành, ghét thực dân. Hỏi cho biết thì mấy ông lão ở đấy trả lời rằng: Thời Gia Long tẩu quốc, quân Tây Sơn đã cư ngụ ở đấy!

**TÀ NIÊN**, nơi ông Nguyễn Trung Trực tập trung nghĩa quân là tên một con rạch nhỏ, cách chợ non 10 kí lô mét. Ngày nay, Tà Niên thuộc về làng Vĩnh Hòa Hiệp, nổi danh với nghề dệt chiếu bông, ruộng tốt, phía sông Cái Bé có đóng đáy tôm. Xóm Tà Niên khá đông đúc, đình làng uy nghi, người địa phương bảo là đình nầy thờ ông Nguyễn Trung Trực. Theo chúng tôi được biết thì đình Tà Niên cúng thần « đúng cồ lệ », so với những đình khác ở vùng Rạch giá.

Ông Nguyễn Trung Trực tập trung binh sĩ tại Tà Niên, trước khi dùng đường biển ra Rạch giá. Hình thế làng xóm, những kiểu tập họp gia cư chắc chắn là đã thay đổi nên chúng ta đừng vội quả quyết rằng cách đây trăm năm nghĩa quân trú đóng tại xóm đình Tà Niên ngày nay. Có thể là họ ở vàm rạch, theo bờ sông Cái Bé. Hoặc là ở rải rác theo những xóm lân cận, như Cù-Là, Cà-Lang, Minh Lương.

Theo Baurac, năm 1894, tổng Kiên Hảo gồm những làng Vĩnh Niên, Túy Đằng, Thiệp Ngạc, Lạc Thổ... Chúng ta thử xét lại cách đặt tên làng, lúc người Pháp mới chiếm cứ nước ta, ở Nam phần. Tên làng phải phiên âm như thế nào để có thể viết bằng quốc ngữ và chữ nho (con mộc tức là triện — của thôn trưởng có khắc chữ nho).

Làng Lạc Thổ tức là vùng Gò Đất.

Làng Thiếp Ngạt — nên sửa lại là Thiệp Ngạc — tức là vùng Cà-Bơ-He, tiếng Miên nghĩa con sấu lội (ngạc: con sấu, thiệp: lội qua).

Làng Túy Đằng là vùng Cà-Đao, tiếng Miên Pa-Đao tức là giây mây (rotin), rạch nầy có nhiều « mây vóc ». Đằng là giây

http://hoangsa.org

leo, chắc là người đặt tên muốn ám chỉ loại mây vóc.

Làng Vĩnh Niên là Tà Niên. Về sau, Vĩnh Niên nhập với Túy Đằng thành ra làng Vĩnh Đằng, rồi Vĩnh Niên lại tách ra, trở thành Vĩnh Hòa Đông, rồi tái nhập với Vĩnh Đằng, trở thành làng Vĩnh Hòa Hiệp ngày nay.

Tà Niên, Minh Lương, Cù Là... là những xóm ở gần nhau, mấy ông kỳ lão còn truyền tụng vài giai thoại về ông Nguyễn Trung Trực. Người ta nói: ông Nguyễn Trung Trực là người võ giỏi, nhảy một cái là từ bên này ông bay qua bên kia bờ rạch Tà Niên! Rạch Tà Niên khúc to khúc nhỏ, nước chảy mạnh nên hình thế thay đổi. Nếu ông Nguyễn Trung Trực nhảy ngang rạch, ở phía ngọn rạch thì rất dễ tin.

Như đã nói, ở Rạch giá có đến 3 đình làng thờ ông Nguyễn Trung Trực, mỗi đình đều có sắc phong, theo lời mấy ông hương chức đình, theo sự tin tưởng của dân làng:

1.— Đình Vĩnh Hòa (vùng Sân Chim), nơi ông Nguyễn tụ tập nghĩa quân.

2.— Đình Vĩnh Hòa Hiệp (Tà Niên), nơi ông Nguyễn xuất phát đánh chợ Rạch giá.

3.— Đình Vĩnh Thanh Vân, tỉnh lỵ Kiên Giang.

Sắc thần ghi rõ chức tước ông Nguyễn hay là « Thành Hoàng Bổn Cảnh » một cách tổng quát?

Thiết tưởng Viện Khảo Cổ nên làm công việc hữu ích là liệc kê những sắc thần trong nước, chụp ảnh lại để làm tài liệu khảo cứu. Ở miền Nam, nhiều đình làng vì thiếu sắc của Triều đình nên đành thờ « thần vọng ». Lại còn trường hợp sắc thần đình nầy bị trộm, bán lén cho đình khác. Ông Nguyễn văn Kiểm ở Tân Châu (Châu Đốc) vừa gởi đến chúng tôi một tập địa phương chí Châu Đốc, do ông soạn ra, trong đó có sao lục lại sắc thần hiện đang thờ ở làng Vĩnh Tế (Châu Đốc) nhưng theo nguyên văn thì dành cho làng Thoại Sơn ở Núi Sập (Long Xuyên)! (Sắc Long

http://hoangsa.org

Xuyên tỉnh, Định Phú tổng, Thoại Sơn phụng sự Khâm sai Thống chế Thoại Chính Hầu... ». Theo sắc nầy, ông Thoại Ngọc Hầu được phong Trung Đẳng Thần, sắc do Bảo Đại phong năm 1943!

Sắc thần thờ tại làng Châu Phú (tỉnh lỵ Châu Đốc) đề Tự Đức ngũ niên (1852), ông Nguyễn Hữu Cảnh được phong Thượng Đẳng Thần.

Nam phần là đất mới, khó tìm những sắc thần ghi niên hiệu xưa. Điều đáng chú ý là thần ở đình làng luôn luôn phải là người hữu công, đã từng giúp Triều đình. Những người chết oan ức vì tật trộm cắp, vì dâm dật... chẳng bao giờ thành thần được — khác với vài nơi miền Bắc phần. Các vị thuộc hạnh kiểm xấu chỉ được thờ ở miễu.

Ông Nguyễn Trung Trực được tôn thờ, do lòng dân.

## CUỘC TẤN CÔNG ĐỒN RẠCH GIÁ.

Lời đồn đãi còn truyền tụng đến nay thì khá nhiều, đôi khi mâu thuẫn nhau. Nhiều người thuật vài chi tiết, bảo rằng « do ông nội tôi nói lại ». Từ cuộc khởi nghĩa 1868 đến nay đúng trăm năm, ba thế hệ rồi. Nếu lúc khởi nghĩa mà có nhơn chứng nào sống sót thì đến nay họ sống ít nhứt 120 tuổi thì mới đáng tin cậy (năm xảy ra biến cố, họ đã 20 tuổi, đủ trí khôn).

Những gia đình đến lập nghiệp tại vùng chợ Rạch giá hồi cuối thế kỷ 19, tính đến nay không còn mấy. Nói chung, lứa người tuổi 40 — tính đến năm nay — thường là không biết tên của ông cố, nếu biết thì sơ sài tổng quát rằng tổ tiên từ Long Xuyên, từ miệt trên Mỹ tho, Tân An đến..

Giai thoại về ông Nguyễn Trung Trực thường nhắm vào trọng tâm: ngày thọ hình ở chợ Rạch giá. Thời Pháp thuộc, người ta nói lén hoặc nói công khai. Người thì nói cho bớt tức giận, chửi Tây khéo léo mà khỏi bị bắt tội. Người thì nói để chứng tỏ rằng tuy hưởng bổng lộc của Tây nhưng họ vẫn...

http://hoangsa.org

yêu nước trong thâm tâm. Cả hai đều lấy chuyện cũ để làm một cái cớ.

Nói chung, về ngày thọ hình của ông Nguyễn Trung Trực, ai nấy đều đồng ý rằng:

1.— Bọn thực dân xử công khai, cho một số ít thân hào đến gần ông để dâng rượu — gọi là lễ tế sống.

2.— Tên đao phủ thứ nhứt khi nghe ông hăm he «nếu mầy không chém cho ngọt thì tao vặn họng mầy» bèn run sợ, buông dao. Tên thứ nhì được lịnh thay thế.

3.— Đầu ông Nguyễn rơi xuống, đôi mắt còn háy nguýt bọn Pháp đứng gần. Chi tiết này rất khoa học vì ít ra, trong một đôi giây, mí mắt còn phản ứng. Nhưng đó là điều linh thiêng, thủ cấp ông Quan Vân Trường ngày xưa đã lườm, háy nguýt. Ông Nguyễn Trung Trực đã hiển thánh — như Quan Vân Trường hiển thánh.

4.— Ông Nguyễn Trung Trực bị áp giải từ Sài-gòn về Rạch giá, trên chiếc tàu kiểu xưa, chạy hơi nước, hơi nước đẩy cái xe quạt bên hông (tàu có guồng nước).

5.— Điều rắc rối nhứt là nơi chôn thi hài ông Nguyễn Trung Trực. Thuở ấy, để tránh việc cướp thi hài, chắc là bọn Pháp chẳng dám đem chôn ở ngoại ô. Chúng chôn ở vùng gần đồn để dễ kiểm soát, cấm không cho ai lại gần. Hồi 1944, một dạo chúng tôi làm thơ ký tại Tòa bố Rạch giá, tình cờ được nghe tên chủ tỉnh Maxime Vialar nói với người thơ ký phụ trách «việc cơ mật» (Service confidentiel):

— Mộ Nguyễn Trung Trực ở sát gốc cây da đằng kia. Đừng cho lính mã tà dẫn tội tới nhổ cỏ gần đó!

Cây da nầy ở sau Tòa bố, trên khoảng đất trống giữa Tòa bố và dinh Chủ tỉnh. Gần cây da, có đống gạch lỡ lói.

Và đây là vài chi tiết khác:

http://hoangsa.org

1.— Theo lời ông Đinh văn Thạnh, mất năm 1943, thọ hơn 80 tuổi thì hồi đó, cha ruột ông là nghĩa quân, bị giặc Pháp bắn chết khi chúng tái chiếm đồn Rạch giá. Chúng tôi đã ở trọ tại nhà ông Thạnh, ở Vàm Trư — (nay đã lấp, Đại Nam Nhứt Thống Chí chép là Trư nê), ông nói rằng trước kia thuộc họ Nguyễn, sau sửa họ để tránh tập nã. Về già, ông hơi lẩm cẩm, chẳng bao giờ dùng « xà-bong », sản phẩm của Tây tà. Ông nói nhiều lần rằng lúc đánh đồn Rạch giá, nghĩa quân bắt gặp nhiều cục xà-bong, nếm thử thì thấy mặn nên suy luận rằng đó là món để ăn với cháo. Vài người ăn thử, sôi bụng ngỡ là bị dịch tả. Ông Thạnh không biết chữ nho, chữ quốc ngữ gì hết vậy mà ông chê hương chức đình Vĩnh Thanh Vân là dốt nát. Theo ông thì Nguyễn Trung Trực không phải là tên thật, tên thật là ông Quản Chơn.

Lúc rảnh, ông ngồi xuống đi Rạch Giồng, thuộc làng Mỹ Lâm, giáp ranh chợ Rạch giá, theo ven biển. Đi để... cờ bạc và nói chuyện đời với mấy người bạn già.

2.— Một nhân vật khác là Trần quang Thống, làm hương quản ở làng Sóc Sơn, giáp ranh làng Mỹ Lâm, phía Bắc. Thống là con của Trần quang Huy. Trong Annuaire annamite de la Cochinchine năm 1907, ghi rõ ông nầy thuộc tam hạng cai tổng (chef de canton de 3e classe). Huy là con của Trần quang Sô, cũng làm cai tổng, bị nghĩa quân của ông Nguyễn Trung Trực giết.

Sô là người Miên, khôn lanh vô cùng, tự ý lấy họ và chữ lót Việt Nam cho ra vẻ.. sang trọng. Huy tuy dốt nhưng được làm cai tổng vì bọn Pháp muốn tưởng thưởng công lao. Lúc làm hương quản ở Sóc Sơn. Thống thường nói lúc trà dư tửu hậu:

— Ông Nguyễn Trung Trực và lính tráng của ông dùng gươm dáo hoặc dùng hai tay không mà giết sạch bọn Tây. Lúc vào đồn, ông Nguyễn túm chân bọn lính Pháp đang ngủ rồi quơ lên, quay tròn. Bọn Pháp hoảng sợ, không dám bắn hoặc

http://hoangsa.org

đâm vì sợ trúng nhằm đồng bọn. Nhờ vậy mà ông dùng xác tên này đề đập vào tên kia.

3 — Ông Giang minh Xinh, một nhân sĩ ở chợ Rạch giá đã giúp chúng tôi nhiều tài liệu để biên soạn quyển «Nguyễn Trung Trực, anh hùng dân chài», nhứt là giai thoại bà Điều, bà Đỏ. Những ngày cuối cùng, ông qui y tại chùa Xá Lợi Sài-gòn, giữ chức vụ Trì tạng, liễu đạo năm 1959, thọ 66 tuổi. Ông là con ông quản Bố ở Rạch giá, (thân sinh của ông Bố cũng ở tại chợ Rạch giá), Theo lời ông Xinh thì số nghĩa quân không chạy ra Phú Quốc kịp thời đã ẩn lánh tại vùng Rạch Giồng, lập nghiệp tại đó mãi đến nay.

Hoàn cảnh nầy được một người Pháp — ông Le Nestour — khai thác Ông Le Nestour khai khẩn hòn Tre, con trai ông khai khẩn vùng rạch Giồng, tổ chức một kiểu nông trại khá ngoạn mục: nhà sàn, bên dưới nuôi nào gà lôi, gà sao (pintade), công, trĩ, thỏ... Biết rằng dân chúng còn mến mộ ông Nguyễn Trung Trực, cậu trai Tây lai nầy tu bổ cái đình nhỏ mà trước kia dân chúng thờ lén. Với uy thế là dân Tây, cậu bảo lãnh tất cả số tá điền, nói công khai rằng: Bà con cứ làm tá điền cho tôi, bà con cứ thờ công khai ông Nguyễn Trung Trực, nhà nước Pháp nếu can thiệp làm khó dễ thì tôi đủ sức đứng ra chịu trách nhiệm.

Tiếc thay, cái nông trang nầy — gọi là vùng Tân Điền — không phát triển mấy, đất phèn, nước mặn nên ruộng nương thất bát, lần hồi trở thành nơi trồng tràm. Dân chúng sống qua ngày, cấy vài công ruộng và làm thêm nghề chánh là chài lưới ngoài biển.

Chúng tôi xin miễn ghi chép nơi đây những lời đồn đãi về sự linh hiển của ông Nguyễn ở chợ Rạch giá: ban đêm, trong đình nghe tiếng gươm dáo, chiêng trống, chuyện con quỉ một giò khuấy rối đình quan tham biện chủ tỉnh... Tất cả những chuyện ma quái nầy đều bao hàm ý nghĩa chống Pháp. Dân chúng ở

http://hoangsa.org

Rạch giá không dám nói trọn ba tiếng Nuuyễn Trung Trực mà chỉ nói tắt là ông Nguyễn.

*Lòng tôn kính tột độ ấy thật dễ giải thích cũng như trường hợp tôn kính những di tích do chúa Nguyễn Ánh để lại trong tỉnh nhà Như đã nói ở phần nhập đề, Rạch Giá là đất mới, chưa sản xuất được ông quan văn quan võ nào nổi danh hồi thời «đàng cựu».*

Vua Gia Long là vua đầu tiên và là ông vua cuối cùng đã đặt chân đến rừng U Minh. Những chuyện bôn ba tẩu quốc của ông đủ khiến cho người dân cảm thấy đất Rạch giá là dính liền với «sơn hà xã tắc».

Ông Nguyễn Trung Trực là viên tướng trẻ tuổi đầu tiên từ Tân An đến Rạch giá, dùng xương máu để dạy cho dân bài học cụ thể về lòng yêu nước. Cuộc tấn công đồn Rạch giá quả là hành động táo bạo, chớp nhoáng, được chuẩn bị khá châu đáo về nội ứng, thấy có thể làm được là cứ làm, không do dự. Do dự là bỏ qua thời cơ, thời cơ chỉ thoáng hiện. Chờ đợi cho thiên thời, địa lợi, nhân hòa đầy đủ trăm phần trăm thì chỉ là thái độ ươn hèn. Ông Nguyễn tiếp tục việc chống ngoại xâm của tiền nhân mà sau nầy con cháu vẫn nối tiếp. Nét độc đáo của ông là «thanh niên tính».

*SƠN NAM*

☆

**PHỤ LỤC :**

Trong tương lai, nếu chịu khó tìm tòi, chúng ta nhứt định sẽ gặp nhiều tài liệu về Nguyễn Trung Trực. Chúng tôi thử kê :

1 — H. Le Verdier & H. Maubryan.— Scènes de la vie annamite — Khi-Hoa, Recueil de nouvelles : le meurtre du capitaine Barbé, la surprise de Rach gia. Paris 1884.

2.— François Teissier.— En Cochinchine ou les héros de

http://hoangsa.org

Rach gia, épisode de l'occupation française, sans date (2).

(Hai quyển nầy thấy dẫn trong tập kỷ yếu S.E.I. năm 1940, kỷ niệm J.B.E, Luro, ghi thêm là không tìm được ở Nam kỳ).

3.— Trong Paulin Vial — Les premières années de la Cochinchine, colonie française, Challamel. Paris 1873 có một tài liệu vô cùng quan trọng là bảng khẩu cung của ông Nguyễn Trung Trực lúc bị giải về Sài-gòn. Nhứt định là ông Nguyễn tránh né nhưng tài liệu nầy giúp chúng ta có vài tiêu chuẩn để sưu tầm thêm. Bảng khẩu cung nầy ghi tên vài nhân vật mà người Pháp lúc bấy giờ không chú ý về chánh tả: quản Cầu, xã Lý, quản Diên, làng Man-Lương; ông huyện Hien, bà Do, tên Luơn, cai tổng Dien, tên thông ngôn Chonk... Nhất là tên ông Lâm văn Ky! Miêu duệ của ông Ky là Lâm quang Thiệp, ở Miệt Thứ (Rạch giá) và con trai ông Thiệp là trung tá Lâm quang Phòng, một sĩ quan cao cấp, hiện lãnh trách nhiệm tỉnh trưởng Tuyên Đức. Nếu ông Phòng còn giữ được gia phổ thì còn gì quí cho bằng.

4.— Thời kỳ — Pháp — Việt phục hưng, với thống chế Pétain, ở Rạch giá nhà cầm quyền cho ghi thêm mấy chữ:

« Ici, tomba François Denot
agent des Douanes — Surprise de 1868.

vào cái trụ nhỏ trên con đường giữa Tòa Bố và Tòa Án Rạch giá. Đây là người nhơn viên thương chánh mà bảng khẩu cung đó đề cập tới. Lúc bấy giờ, người ta căn cứ vào tài liệu nào để nhận diện danh tánh của nạn nhơn? Chắc là ở văn khố, văn khố ở tỉnh hay văn khố Sài-gòn? Trong vòng rào khám đường Rạch giá — trước 1945 — có cây trụ kỷ niệm, ghi danh tánh một số thủy quân lục chiến. Lúc ấy, người viết bài nầy đã nhìn trộm, lúc đi qua, làm sao vào.. khám đường được, nhìn lâu thì bị đuổi. Cây trụ nầy còn không?

(2) L.T.S. : Riêng về tác phẩm này, chúng tôi đã nhờ ông Nguyễn Xuân Thọ hiện ở Paris kiếm ở các thư viện : Bibliothèque du Centre de la Documentation française và Bibliothèque du Ministère des Colonies tại Paris, nhưng không thấy.

http://hoangsa.org

5.— Đầu năm 1946, tại chợ Rạch giá, lúc anh em Thanh niên tiền phong chuẩn bị đối phó cuộc tấn công sắp tới của quân Pháp, một ông lão tuổi hơn 50 xuất hiện, tự xưng là « cháu » ông Nguyễn Trung Trực. Chúng tôi nhớ rõ: ông nầy mặc áo bà ba đen, quần cụt ngang gối, để tóc dài, dáng điệu còn mạnh khỏe, căn cứ vào làn da đen nám và cách ăn mặc thì biết chắc rằng ông nghèo túng lắm. Ông xin ra mắt anh em kháng chiến, sẵn dịp, ông biểu diễn một đường quờn (quyền), đánh bằng hai tay không và thêm một đường roi. Ai nấy cảm động rớt nước mắt. Biểu diễn xong, ông khoanh tay trước ngực để cầu chúc các cháu sớm thành công rồi ông xuống chiếc xuồng nhỏ, đi về đâu không biết.

6.— Ông bạn Nguyễn Minh Hoàng (thường dịch bài cho tạp chí Bách Khoa và Văn) gặp chúng tôi, tiết lộ rằng tại nhà ông bạn hiện còn một cái chén, từ đời ông ngoại để lại, ông ngoại nói rằng đó là cái chén mà ông Nguyễn Trung Trực dùng để uống nước, lúc lưu trú tại Nhựt Tảo. Một món cổ ngoạn trên trăm năm, hôm nào chúng tôi sẽ mời ông Vương Hồng Sển đến xem tận mắt thử một lần.

Chúng tôi xin tạm liệt kê vài bài vở đăng báo, in thành sách về Nguyễn Trung Trực để chứng minh rằng đời oanh liệt của ông là đề tài văn nghệ, gây cảm hứng cho hậu thế. Bảng liệt kê nầy lẽ dĩ nhiên là còn thiếu sót:

1.— Ông Gilbert Trần Chánh Chiếu viết bài báo ca ngợi thành tích Nguyễn Trung Trực, xúi dục dân chúng noi gương liệt sĩ họ Nguyễn đứng lên chống Pháp. Ông Chiếu là chiến sĩ Đông Kinh Nghĩa Thục, gọi nôm na là ông Phủ Chiếu, đã từng ở Rạch giá, có điền đất ở Giồng Riềng. Theo G. Coulet (Les sociétés secrètes en terre d'Annam, Sài gòn 1926) thì bài đăng ở báo Lục Tỉnh Tân Văn, Sài gòn vào những ngày 12-12-1907 và 13-1-1908.

Chúng tôi chưa gặp những bài nói trên.

2.— Thi sĩ Đông Hồ viết bài Thăm đảo Phú Quốc... ca

http://hoangsa.org

ngợi lòng yêu nước của liệt sĩ Nguyễn Trung Trực, đăng trong tạp chí Nam Phong, tháng 12-1927. Trong « Nhà văn hiện đại » của Vũ Ngọc Phan, chúng ta gặp vài đoạn trích dẫn.

3.— Năm 1949, nhà xuất bản Phụng Sự, Sài gòn đã ấn hành quyển « lịch sử tiểu thuyết » nhan đề « Nguyễn Trung Trực », tác giả là Hồ Sanh. Hành văn khá hấp dẫn.

4 — Năm 1956, vở tuồng cải lương « Hỏa Hồng Nhựt Tảo » do Hoàng Lan và Văn Quang ra mắt, diễn liên tiếp 35 đêm tại Trung Ương hí viện, Sài gòn (rạp Aristo), vào tháng 6 dương lịch, do đoàn Kim Chung. Vở tuồng nầy mở đầu cho loại mà giới cải lương gọi là « dã sử dân tộc ». Đáng chú ý nhứt là soạn giả, đào kép đều là người Bắc di cư, biết khai thác sốt dẻo một chuyện xảy ra ở miền Nam chưa bao giờ diễn trên sân khấu cải lương.

5. — Năm 1959, nhà Phù Sa cho ấn hành « Nguyễn Trung Trực, anh hùng dân chài » do Sơn Nam và Ngọc Linh biên khảo, phần sau dành cho vở tuồng hát bội « Nguyễn Trung Trực qui thần diễn nghĩa » do Lê Dư Hoài soạn từ năm 1945. Tuồng nầy được ban Vân Hạc diễn nhiều lần trên đài Phát Thanh Quốc gia. Cũng trong quyển sách nói trên, có kịch thơ ngắn nhan đề « Gánh chiếu Tà-Niên hay là Chén cơm sông núi » của thi sĩ Kiên Giang Hà Huy Hà, sáng tác năm 1957, thường được học sinh trình diễn lúc bãi trường.



Người cư ngụ ở U Minh làng Đông Yên, Đông Thái, Đông Hưng, Vĩnh Hòa, những làng nầy đều lấn một phần vào rừng, với lằn ranh phỏng định trên bản đồ nhưng khó nhận ra trong thực tế — còn kể lại một chuyện cổ tích dính dấp với ông Nguyễn Trung Trực. Có lẽ đó là một chuyện Cao Miên, cải biến lại. Chúng tôi xin tóm lược, tránh những chi tiết rườm rà.

http://hoangsa.org

## CHUYỆN NEAK TRONG.

(neak: người, trong hoặc tong: ngay thẳng, đứng đắn)

Người Việt Nam còn gọi là *Chuyện người khuất mặt ở U Minh:*

— Hồi xưa, rừng U Minh quá sầm uất, dân chúng đến đốn cây cất chòi, tỉa lúa ở ven rừng. Ban đêm, thỉnh thoảng từ giữa rừng vang lên tiếng chó sủa, gà gáy. Dưới rạch, vài bó rơm từ phía rừng trôi xuống. Nhiều người thử vào rừng để thám hiểm gặp xóm nhà, thấy chó heo chạy trước sân nhưng không thấy bóng người. Về nhà, họ nhuốm bịnh. Bởi vậy, chẳng ai dám xúc phạm đến vùng đất cấm của «người khuất mặt» vì sợ bị quở phạt.

Năm đó, một thằng bé đi mất tích. Vài năm sau, khi trở về nó thuật lại rằng ông lão nọ dắt nó vô rừng, tới xóm, gả con gái cho. Vợ chồng sống thuận thảo nhưng vô tình, ngày nọ nó nói dối với con để dỗ dành lúc mẹ vắng mặt. Thế là cả xóm lên án thằng bé vì tội nói dối, trục xuất ra khỏi rừng, không được ở gần vợ con.

Người trong xóm cho rằng thằng bé bị ma bắt, đem giấu rồi trở về nói chuyện nhảm nhí. Nhưng vài tháng sau, lúc nữa đêm dân chúng hoảng sợ thấy hàng chục chiếc xuồng từ phía rừng bơi xuống, chở theo nào gà vịt, đàn bà con nít. Những người ấy cho biết là bấy lâu họ sống giữa rừng, hôm nay phải tản cư vì lý do không muốn sống gần bọn người nói dối vừa mới đến xứ nầy. Bọn nói dối ấy vừa chém một người ngay thẳng (neak trong), người ngay thẳng nầy ra đầu hàng, bọn ấp hứa không giết vậy mà rốt cuộc giết lại.

Số người tản cư ấy cho biết là họ đi xa lắm, đến đỉnh núi cao, trên trời. Mấy chiếc xuồng của họ từ từ bay bổng mất dạng.

http://hoangsa.org



# ■ QUAN-ĐIỂM của BA-LÊ MADRID và HUẾ về HÒA-ƯỚC SAIGON 1862

# ■ Phản-ứng của nhân dân Việt-Nam.

# ■ Các giáo sĩ.

▼ *Nguyên bản NGUYỄN XUÂN-THỌ*
▼ *Bản dịch của NGUYỄN-HUY*

*L. T. S.; Đây là đoạn trích trong một tác phẩm chưa in, dầy chừng 400 trang đánh máy nhan đề: « Histoire de la pénétration française au Viet Nam (1858 - 1897) » của ông NGUYỄN XUÂN-THỌ vừa mới gửi từ Paris về cho Sử Địa. Tác phẩm được mở đầu bởi lời giới thiệu nồng nhiệt của Giáo sư Maurice Baumont, hội viên Hàn Lâm Viện Pháp Điểm đặc sắc của tác phẩm cũng như đoạn trích này là căn cứ trên những văn kiện chưa hề được công bố (documents officiels inédits), hiện được tàng trữ tại các Văn Khố Pháp và Tây Ban Nha mà tác giả đã dày công tìm tòi khảo cứu trong thời gian tác giả còn sửa soạn luận án Tiến sĩ nhan đề « L'Expédition franco — espagnole de Cochinchine (1858 - 1862), được đệ trình năm 1956 tại Đại Học Sorbonne.*

*Vì để kịp thời hạn báo ra, rất tiếc không được bản dịch ra Việt ngữ của chính tác giả. Tuy vậy quí bạn đọc chắc cũng phần nào hài lòng về bản dịch này dù phải dịch có phần vội vã.*

★

http://hoangsa.org

Sự hiện diện của người Pháp ở V.N được thừa nhận bởi hòa ước mới được ký kết tại Sài-gòn ngày 5-6-1862.

Trước kia chính phủ Pháp do dự nhiều về đường lối chính trị theo đuổi ở Nam kỳ, đến nay đã tham khảo ý kiến của Đô đốc Bonard. Trong bản tường trình gửi cho chính phủ, vị Thống Đốc này viết:

« ... *Hiện nay thực sự chúng ta có một lãnh thổ rộng lớn... nằm ở giữa những dân tộc Á Châu Vậy chúng ta phải làm gì?...*

*1.— Trở lại hòa ước đã được phác họa trước Cách Mạng (1789)?*

*2.— Trở lại dần dần hòa ước trong thế kỷ vừa qua, Hòa ước Versailles ngày 28-11-1787 do Đức cha Bá đa Lộc nhân danh Nguyễn Phúc Ánh ký với Bá tước Montmorin, đại diện cho vua Louis XVI) chấp thuận cho triều đình Annam chuộc lại theo như tập quán Á châu những tỉnh đã nhượng trong hòa ước, trừ một mảnh đất thu hẹp của thương điếm?*

*3.— Không thỏa mãn với 3 tỉnh đã nhượng bởi hòa ước và đòi chiếm nốt 3 tỉnh miền Tây Nam kỳ?*

*4.— Chịu chấp nhận 3 tỉnh đã chiếm, tổ chức, bảo đảm an ninh và tự do thương mại dưới quyền người Pháp ở đó?* »

Quả nhiên như liệu trước, sau khi đã tán dương quá đáng hòa ước « của ông » mà ông đã tô điểm bằng đủ mọi điều tốt đẹp... và tóm lại hòa ước mang lại nhiều lợi ích cho nước Pháp... Bonard kết luận để giải đáp chính những câu hỏi mà ông đã nêu lên:

« ... *Trù tính đầu tiên là không những không hưởng một khoản đền bù nào mà lại làm tiêu tan tất cả những công lao khổ cực từ lúc đầu khởi chiến của quân đội viễn chinh và những phí tổn khổng lồ cho cuộc chiến.*

« *Trù tính lần thứ hai là mang lại cho Ngân Khố một món tiền tuy khá lớn nhưng vẫn còn kém số đã chi rất nhiều, trái lại*

http://hoangsa.org

*còn đồng thời hủy diệt cả những thành quả tinh thần mà ta không thể coi rẻ được vì để bành trướng ảnh hưởng của chúng ta ở Viễn Đông.*

*« Trù tính thứ ba là làm thỏa hiệp đổ vỡ, chiến tranh tái phát, lao đầu vào những cuộc chinh phục mới, tóm lại ta phiêu lưu trên một bình diện rộng lớn không lường trước được, mà hòa ước đã tạm thời đem lại cho chúng ta.*

*« Trù tính cuối cùng là đòi hỏi nhiều hy sinh nữa, nhưng có thể giúp ta tổ chức và xử dụng được xứ rộng lớn do chiến thắng đã đem lại cho ta. Những hy sinh đó cần thiết để duy trì mạnh mẽ ảnh hưởng mà chúng ta đã tạo được ở Viễn Đông, nếu không muốn tốn thêm xương máu và tiền bạc ngoài mức độ cần thiết cho những biện pháp nửa chừng chẳng ích lợi gì cho hiện tại cũng như cho tương lai* (1).

Khi nhắc lại cuộc xâm lăng Ấn Độ và quần đảo Mã Lai, do người Anh và Hòa Lan chủ xướng chỉ được thi hành rất chậm chạp từng bước một, Bonard quyết tin rằng, với Hòa ước 1862, ông mang lại cho Pháp một căn cứ làm bàn đạp với một tương lai lớn lao hơn, một kỳ hạn nhanh chóng hơn nhiều và ông cũng tin rằng cái xứ rộng lớn tươi đẹp đó sẽ làm nước Pháp vinh dự và giầu có cũng như Ấn Độ, Java đối với người Anh và Hòa Lan.

Hòa ước hoàn toàn duy trì tình trạng chiến tranh (Status belli), những gì mà các người trước Bonard đã đòi không được và cố gắng chiếm cứ bằng võ lực thì nay được nhượng cho nước Pháp.

Tỉnh Biên Hòa thêm cả những nhượng địa trước kia Pháp đòi hỏi và ngay cả việc tuần phòng quanh đảo Côn Sơn.

Nhờ Hải quân, nước Pháp được coi như làm chủ Nam

---

(1) *Correspondance de Cochinchine*, Tome VI, pp. 130 à 147. Archives du Ministère de la France d'Outre Mer, Paris.

http://hoangsa.org

Kỳ và ngay cả việc thương mại trong những tỉnh chưa chiếm trừ Vĩnh Long, tất nhiên nền thương mại đó chính yếu là ở Sài-gòn.

Sự khai trương với Pháp của hải cảng Đà Nẵng, Quảng An, và Bàlạt, Quyền đặt một sứ thần ở Huế, bồi thường chiến phí, tất cả cái đó thúc đẩy mạnh mẽ sự bành trướng thương mại của thuộc địa đang phát sinh.

Hòa ước công nhận tự do tôn giáo; cả sự dẫn độ những tên bất lương cũng được qui định trong đó.

Sau cùng, bởi chính điều kiện của điều XVII trong Hòa ước, theo như lời Bonard, tuế cống (tribut annuel) phải trả làm Napoléon III trở thành « chủ tể tối thượng (*Souverain arbitre*) và lãnh chúa bá chủ (*Seigneur suzerain* của đế quốc Annam rộng lớn ».

Nói đúng hơn, Bonard đã đưa nhanh chóng đến quyết định biến đổi quyền bảo hộ mà một đạo luật đã trao cho ông toàn quyền, thành sự thôn tính *vô điều kiện*. Sau đó, mặc dầu những cố gắng của người Việt và sự chống đối khá quan trọng của dư luận Pháp, nước Pháp chấp nhận sự đã rồi.

Đa số trong Quốc hội phản đối những cuộc viễn chinh bằng quân sự nhất là ở vùng xa xôi. Những lời phản kháng của họ thường vô hiệu vì lý do áp lực của chính quyền. Tiếc thay những kiểu can thiệp như thế thường xảy ra ở Quốc Hội lại không do tinh thần phản đế hay chống đối xây dựng lại những quyết định của chính phủ. Quan điểm chính được bàn đến luôn luôn là vấn đề số tiền đã chi và dự chi.

Ở Pháp người ta nói rất nhiều đến văn minh, đến vĩ đại đến những đặc tính vô song chứ chẳng đề cập đến vấn đề tự do của dân tộc khác và đến quyền tự quyết của họ. Người ta ca tụng xâm lăng nếu không phải trả giá đắt. Đó là một trong những lý do khiến các tổng trưởng không quan tâm đến những can thiệp trên; đằng khác nó cũng chẳng có ích lợi gì cho người Việt.

http://hoangsa.org

Báo chí ở Pháp giữ một vai trò quan trọng trong việc thổi phồng vụ Việt Nam. Họ cố làm dư luận chú ý đến những cuộc viễn chinh, thao túng dư luận để đưa đến sự đồng ý với chính phủ. Lý lẽ luôn luôn được trình bày khéo léo và dĩ nhiên phần lỗi vẫn về phía Việt Nam. Nhưng thực tình thì từ 60 năm nay, dư luận đã chán ngấy chiến tranh và cách mạng, nay chỉ mong sao được sống yên ổn và gần như hoàn toàn chẳng màng đoái gì đến việc xảy ra bên kia trái đất.

*« Chả có gì để ký kết với Y pha Nho cả ».*
*Tổng Trưởng ngoại giao Pháp căn dặn như thế trong văn thư (tháng 4-1861) gửi cho Đại sứ ở Madrid. « Y pha Nho phải bằng lòng với số tiền bồi thường mà Việt Nam phải trả cho họ như cái giá sự can thiệp của họ tại Nam Kỳ. » (1).*

Khi gửi đến Tổng trưởng ngoại giao Thouvenel bản hòa ước vừa mới ký bởi Bonard, Tổng Trưởng Hải quân và Thuộc Địa Chasseloup Laubat lưu ý bạn đồng liêu trong một bức thơ mật viết tay đề ngày 24-8-1862 *« ... Ngoài vấn đề đất đai ra, Y pha Nho được tham dự vào tất cả mọi mối lợi và được hưởng một phần tiền chưa được ấn định hẳn trong số tiền bồi thường 20 triệu ... »*

*Và ông nói thêm : « ... Tôi nhất định tin rằng những người kế tiếp chúng ta sẽ phải thừa hưởng nhiều khó khăn to tát nếu chúng ta nhượng lại cho Y pha Nho bất cứ một mảnh đất nào, nên tôi yêu cầu ông cố gắng hết mình để việc này không xảy ra như thế. Vả lại Y pha Nho chả có một quan hệ thiết thực nào để được hưởng một cái gì tại miền Tây Nam Kỳ... Họ đã có Phi luật Tân.. cho nên trong mọi trường hợp chúng ta sẽ phải giữ Sài-gòn và Biên Hòa, tuy ở vào thế khó khăn đứng bên cạnh chúng ta nhưng họ sẽ mau chóng trở thành chướng ngại vật cho sự thiết lập thuộc địa trên cả miền đất từ Biên Hòa đến Cà Mau. Bởi vì, tương lai dành cho chúng ta nếu biết lợi dụng những gì ta vừa mới làm.*

---

(1) *Mémoires et Documents Asie*, Tome 28, p. 85. Archives du Ministère des Affaires étrangères, Paris.

http://hoangsa.org

« ... *Vì thế cho nên, tôi không thể ở bên ông để năn nỉ Hoàng đế bác bỏ mọi ý kiến nhượng địa, nhưng ta nên từ bỏ một phần khá lớn bồi thường và cũng nên qui định vài mối lợi cho việc chuyển nhượng thư tín, vân vân...*

« .. *Tôi coi như việc tối quan trọng là riêng một mình chúng ta ở Nam Kỳ mà thôi..* » (1)

Quả nhiên, chẳng bao lâu chỉ còn có nước Pháp ở Nam Kỳ; còn nước đồng minh « bất hạnh », đồng ký bản Hòa ước đã tự rút lui không phải để *bị yêu cầu và* để nước Pháp toàn quyền tại Việt Nam.

Ngầm « thừa nhận » kế hoạch của Pháp, chính phủ Y pha Nho, trong *văn thư* (*disposition royale*) của bộ Hải ngoại đề ngày 15-9-1863, bày tỏ với Đại tá Tổng tư lệnh kiêm khâm mạng Palanca Y Gutierrez rằng Hoàng Hậu chấp thuận bản Hòa ước và rất lấy làm hài lòng về tinh thần sốt sắng và ái quốc mà ông đã chứng tỏ trong sự hoàn tất nhiệm vụ đại diện Y pha Nho. Trong buổi tiếp kiến riêng ngày 30-8 dành cho Thiếu Tá Olabe người đã mang bản Hòa ước từ Sài-gòn về, bà Hoàng hậu Isabelle đệ II với tư cách cá nhân lấy làm hân hoan về sự kết thúc tốt đẹp của chiến tranh như trên và bày tỏ lòng ưu ái của bà đối với binh sĩ « là những người được hoàng hậu vọng tưởng tới khi họ thắng trận cũng như khi họ chịu gian khổ. (2)

Về phía Đại tá Carlos Palanca Y Gutierrez, ông đã viết với tư cách một chiến binh có kỷ luật:

« ... *Tôi không có ý định thấu triệt lý do riêng tư của chính phủ hoàng gia về việc từ bỏ sự chiếm cứ một mảnh đất xứ này. Cho nên tôi chỉ chứng minh những điều lợi do bản Hòa ước này mang*

---

(1) *Mémoires et Documents Asie*, Tome 28, pp. 89 - 90.

(2) *Documents diplomatiques espagnols*. Ministère des relations extérieures, Madrid. (Ces documents ne sont pas classés, aussi nous ne pouvons pas donner les côtes).

http://hoangsa.org

*lại, đối với bản Hòa ước tôi phải tuân theo chỉ thị ngày 22-9-1861 và sửa đổi chỉ thị ngày 25-2-1860.*

*« Theo những chỉ thị đó, tôi chỉ có thể được đòi hỏi :*

*« 1) Sự che chở các giáo sĩ và quyền tự do cư ngụ ở nơi thích hợp trong xứ.*

*2) Bồi thường chiến phí.*

*3) Điều kiện thương mại thuận lợi cho Y pha Nho cũng như cho Pháp.*

*« ... Điều kiện của điều VIII đủ để quân đội Y pha Nho rút khỏi Nam Kỳ một cách vẻ vang. Binh sĩ chúng ta đến đó đã trả thù cho những người tử đạo, giải thoát tín đồ công giáo khỏi cảnh bị hành quyết man rợ, dựng cây Thánh giá và xây đắp nền tảng đạo công giáo.*

*« Việc đó, phải, chỉ có việc đó thôi là lý do của cuộc viễn chinh, đấy là mục đích duy nhất mà tổ quốc và binh sĩ chúng ta theo đuổi. Những mục đích cao cả đó đã đạt được vì trong vương quốc An nam còn lại đạo Thiên chúa Chân lý và nền văn minh thực sự... »* (1).

Như ta thấy đó thực là lời biện hộ để ta suy nghĩ những lời chỉ trích vị khâm mạng Y pha Nho của những kẻ kém thông thạo về các công lao vô hiệu của ông trong suốt cuộc viễn chinh để cho Pháp đặt Y pha Nho vào đúng vị trí của họ vì không muốn cho người Y pha Nho hưởng lợi và coi họ không đáng kể.

Hình như Y pha Nho không có ẩn ý gì khi gây cuộc viễn chinh đã mang lại cho họ những kết quả quá nghèo nàn ; họ chỉ thực sự nghĩ đến một cuộc thị uy chớp nhoáng do vai trò của một nước bảo vệ giáo hội bắt buộc chứ không dự tính một cuộc chinh chiến lâu dài để chiếm đất.

Từ hơn thế kỷ nay, Y pha nho chìm đắm dần dần trong suy

(1) Carlos Palanca Y Gutierrez *Réséna historica de la expedicion de Cochinchina*, Madrid, 1869, p. 152.

http://hoangsa.org

nhược, mệt mỏi, và tàn phá của nội chiến. Toan tính cứu vãn Thiên Chúa giáo cũng gây nên vài sự trỗi dậy nho nhỏ bởi vì các tu sĩ có rất nhiều uy quyền ở « Escurial » tại đây đối với các quốc vương họ có thế lực rất mạnh hơn cả các bộ trưởng... Vì vậy Pháp có thể chẳng ngại nguy hiểm gì mà bỏ quên Y pha Nho và chú trọng đề nghị một số bồi thường chắc chắn cho sự tham dự và tính mạng binh sĩ đồng minh họ, bởi vì ban đầu họ chẳng làm gì cả để bảo đảm được trao tiền. Và Y pha Nho bằng lòng như thế.

Ngày 4-11-1862 Sứ thần Y pha Nho ở Ba Lê viết cho Bộ trưởng Hải ngoại Pháp như sau :

« *Triều đình của Hoàng Đế công giáo (Sa Majesté catholique) không có ý định đòi quyền lợi trong việc chia xẻ đất đai do quốc vương Annam nhượng lại.*

« *... Từ bỏ những đất đai đó cho nước Pháp... đổi lại lấy một số bồi thường bằng tiền.*

« *... Chi phí lên đến 9.500.000 quan.* » *(1).*

Lúc ký hòa ước 1862, triều đình Huế thiên về một thỏa hiệp dễ dàng hơn cả chính thần dân của họ. Với sự cho phép hành đạo và nhường lại cho Pháp ba tỉnh, triều đình Huế đã tạo tình trạng khó khăn cho 3 tỉnh miền Tây hiện tại bị cắt rời khỏi lãnh thổ quốc gia.

Dầu chấp nhận trên bị thôi thúc bởi sự lo ngại cuộc nổi loạn của Tạ văn Phụng, cũng rắc rối thêm với phong trào nông dân ở Bắc kỳ và sự lo sợ của phong trào này lan tràn khắp nơi, tình cảm quốc gia cũng không kém bị xúc động.

Hòa ước được toàn thể dân Việt thờ ơ đón nhận. Với họ, chính sách đầu hàng hợp với triều đình Huế vì luôn luôn nghiêng về thỏa hiệp và luôn luôn thụ động vì do dự.

---

(1) *Mémoires et Documents Asie*, Tome 28, pp. 151 à 154.

http://hoangsa.org

Khi Rigault de Genouilly rời Đà nẵng tháng 2-1859 và chỉ để lại một quân số nhỏ bé dĩ nhiên không thể nào phản công được, thế mà quân Việt chẳng có lý do gì phải giảm quân số, trái lại còn có thể điều động thêm từ hậu cứ đến, họ lại án binh bất động. Đã có thể chống đối thắng lợi việc tiến quân của toàn binh đội Pháp Y pha Nho được binh thuyền yểm trợ, thì có lẽ quân Việt cũng rất có thể dễ dàng quét sạch và đẩy ra biển đội quân nhỏ bé đối diện trên. Thay vì hành động như trên và ít gì cũng toan tính như thế thì họ lại xây thành đắp lũy, khởi xướng chiến tranh địa đạo để chiếm từng thước đất và đành lòng quấy nhiễu địch quân bằng những đụng chạm nhỏ.

Làm sao giải thích được thái độ đó?

Trong lúc quân Pháp - Y pha Nho chiếm Đà nẵng và Sài-gòn, nhiều phe đảng đối địch nhau...

Có ba chính kiến chiếm ưu thế.

Ý kiến thứ nhất thuộc về nhóm Trương đăng Quế, Phan thanh Giản, Lưu Lương, đó là ý kiến của cơ mật viện. Họ chủ trương: «Chiến tranh không bằng hòa bình, tuy nhiên trước nhất là phải phòng thủ hữu hiệu để rồi có thể điều đình sau. Vào lúc này việc cần thiết là thủ. Rồi sau ta sẽ công và khởi đầu thương thuyết.»

Tóm lại: thủ để điều đình.

Đa số các đại thần trong triều đồng ý như trên và tin rằng: «Phải duy trì cuộc chiến, đợi cho kẻ thù đánh hết hơi rồi để điều đình.» Đó là ý kiến của nhóm Trần văn Trung, Chu Phúc Ninh, Nguyễn hữu Thanh, Lê Dực, Lâm duy Hiệp. v.v... được vua Tự Đức chấp thuận.

Ý kiến thứ hai của nhóm thiểu số quan Đại thần như Tô Trần, Phan hữu Nghi, Trần văn Vĩ, Lê Hiệu Hưu, Nguyễn đăng Diên, Hồ Sĩ Thuận là đánh đến cùng và chủ trương công. Mặc

http://hoangsa.org

dầu chỉ được một thiểu số các quan đại thần trong triều ủng hộ, chủ trương trên được gần hết các quan trấn thủ trong nước ủng hộ và được hậu thuẫn bởi các sĩ phu, nông dân và toàn dân.

Ý phe cực hữu đại diện bởi Lê Chí Tín, Đoàn Thọ, Tôn thất Thương, Tôn thất Giáo, Nguyễn Hảo tượng trưng cho ý kiến sau cùng là tán thành thương thuyết hòa bình vô điều kiện.

Khi quân Pháp rút khỏi Đà nẵng mang đại quân về Sài-gòn, nhóm chủ trương đường lối «thủ đề điều đình» tin tưởng là có lý; địa vị của họ ở Triều đình được củng cố thêm, họ nghĩ rằng chẳng chóng thì chầy kẻ thù cũng phải bỏ cuộc. Đó là lý do mà Nguyễn tri Phương với hàng ngàn binh sĩ, cả trăm đại bác cùng những chiến lũy kiên cố đã do dự trong việc giải phóng Đà nẵng trấn giữ bởi một nắm quân trong khi đại quân địch được chuyển vào Sài-gòn hay sang Trung Hoa.

Ở vùng Sài-gòn cũng án binh như trên vì lý luận đó.

Và cuộc chiến đấu tiếp tục một cách thăng trầm cũng chỉ vì thái độ ngoan cố khó hiểu như trên của các quan đại thần ở Huế; khi thấy binh lực đủ để công kích, quân Pháp - Y pha Nho thử tấn công vì giữ được thế chắc chiếm được vài thắng lợi nhờ yếu tố bất ngờ, nhưng họ vẫn bị cầm chân lại nhanh chóng, tấn công Nam Kỳ, toan tính trở ra Đà nẵng, trại Mirador; năm 1860 Nguyễn tri Phương vào Nam chỉnh đốn lại quân đội, xây đắp thành trì, tổ chức phong tỏa địch quân mọi mặt, công kích đều đều cho địch thấm mệt; ở đấy cũng vậy, quân số địch không đáng kể vì đại quân đã sang Trung Hoa. Và một lần nữa, ở trong Nam cũng như ở Trung, quân Việt chỉ chịu phát động những cuộc hành quân nhỏ mà chẳng chịu thử làm hết sức mình để đè bẹp số địch quân yếu kém kia. Sự thực quân Pháp rút khỏi Đà nẵng là vì họ muốn thế!

Quan điểm của Triều đình Huế hoàn toàn sai lầm: nếu Page muốn điều đình với Tôn Thất Cáp, sứ giả của triều đình,

http://hoangsa.org

là để hoãn binh, Ông đã minh chứng điều đó ngay sau khi chiến dịch Trung Hoa chấm dứt, bằng cách *tập trung* lại các lực lượng để tấn công những người đã điều đình với ông.

Gần như trong suốt cuộc chiến, triều đình Huế cứ trù trừ như thế, do dự trước kẻ xâm lược, để mất mọi cơ hội thắng địch. Người Việt chỉ còn biết hối tiếc khuyết điểm trầm trọng này, gây nên bởi mối bất hòa giữa các quan đại thần tuy họ chẳng hoài nghi lòng ái quốc của các ông. Khi quân Pháp chiếm Sài-gòn bằng võ lực, đánh tan quân Việt thì đã quá muộn để cho vua Tự Đức có thể khởi sự từ thế mạnh rồi điều đình trong điều kiện thuận lợi những cuộc tranh luận trên tạo nên bầu không khí lo âu trong nước.

Rồi lại phát xuất từ triều đình Huế một chính sách đầu hàng mới, giống như hồi thời kỳ đen tối của thế kỷ trước.

Luôn luôn từ chối chiến đấu lúc thuận tiện, đến khi đó, vua Tự Đức lại xin «chuộc» ba tỉnh Nam kỳ do quân Pháp chiếm đóng, cái tư thế «tự hạ mình» này giúp ta dễ hiểu tại sao người Pháp từ chối. Chính ngài đã để lại những trang sử buồn thảm. Ngay lúc đó, thần dân mất tin tưởng ở ngoài và coi triều đình Huế như người xa lạ. Người ta sẽ thấy toàn dân: thân hào nhân sĩ và dân chúng nổi lên chống lại triều đình và những tên phản quốc.



Dân chúng Nam Kỳ phủ nhận hòa ước mà sứ bộ Huế vừa ký ở Sài-gòn với Pháp và Y pha Nho, Đặc sứ ủy nhiệm (khâm sai) của vua Tự Đức như Phan thanh Giản và Lâm duy Hiệp bị coi là những tên «phản quốc» và triều đình là «khi dân»: «Phan Lâm mãi quốc, triều đình khi dân».

Khi ký hòa ước 1862, triều đình Huế chủ bại còn dân Việt thì lại quá ái quốc. Trong những vần thơ sau đây của thi sĩ miền

http://hoangsa.org

Nam, Phan văn Trị, diễn tả tâm trạng dân chúng trong Nam vào thời buổi nguy khốn trên, ta thấy cùng với những lời trách móc gay gắt đối với triều đình Huế, xen lẫn những tiếng khóc vong quốc và lòng cam phận trước cảnh khổ đau nhưng vẫn bao hàm một ý chí sắt đá chống kẻ ngoại xâm.

*... Tan nhà căm nỗi câu ly hận,*
*Cắt đất thương thay cuộc giảng hòa!*
*Gió bụi đòi cơn siêu ngã cỏ,*
*Ngậm cười hết nói nỗi quan ta...*
*... Thà thua xuống Lang, xuống Búng,*
*Kéo ra đầu giặc bởi chúng quân thần.*

Vua Tự Đức chẳng làm gì thiết thực để giúp đỡ người dân miền Nam. Trái lại, thay vì chia xẻ với thần dân trong tình cảnh nguy nan này, hướng về họ và cùng với họ đi tìm phương thức hữu hiệu để phục hồi giang sơn, vua Tự Đức chỉ lo sống trong hoàng thành kiên cố, để thì giờ làm thơ, ban hành đạo dụ và nhất là dùng công quỹ trong việc xây cất hoang phí như lăng tẩm Vạn Niên của ngài là một thí dụ điển hình nhất.

Bị vua Tự Đức và triều đình bỏ rơi, dân chúng Nam Kỳ quyết tâm chiến đấu đơn độc để gìn giữ di sản quốc gia được toàn vẹn. Và phong trào kháng chiến bành trướng không ngừng.

Để phát triển kinh tế miền Nam, Minh Mạng và Tự Đức đã gửi vào Nam Kỳ nhiều đám dân. Các viên chức đặc phái hàng ngũ hóa những bọn « du thử du thực » những kẻ cùng đinh, thành lập những « dinh điền ». Còn các tù binh chiến tranh, người bị lưu đầy, binh sĩ thì được các quan võ tổ chức thành các đồn điền. Những người lính đồn điền *(soldats laboureurs)* do quan tổng trấn Nguyễn Tri Phương sáng lập vào giữa thế kỷ thứ 19 tiếp tục chiến đấu chống Pháp ở Nam Kỳ và họ chỉ bị giải tán khi cuộc xâm chiếm miền Nam hoàn tất.

Cuộc kháng chiến vẫn tiếp tục hoạt động với những nông

http://hoangsa.org

phu đồn điền, với Huyền Toại, Phủ Cao, Quản Định, Quản Lịch, Quản Thanh, Thiên hộ Dương, thủ khoa Huân, v...v... Người ta vẫn còn thấy những lãnh tụ kháng chiến trên sau khi ký hòa ước và cho đến năm 1873. Hầu hết đã chiến đấu rất anh dũng và chết oai hùng.

Chúng tôi vừa mới phác họa sơ sài về tâm trạng và các phản ứng sau hòa ước 1862 của ba nước tham dự cuộc « chinh phạt » và hòa ước : Pháp, Y pha Nho và Việt Nam.

Còn một nước thứ tư, ít gì cũng quan trọng như các nước trên, mà ta không thể bỏ qua được.

Lý do cuộc « chinh phạt » chính là các giáo sĩ : trong Hòa ước, một phần lớn các điều có dính dấp đến các giáo sĩ và tự do tuyệt đối để truyền bá đạo Thiên Chúa. Trong những ngày trọng đại, trong mỗi mỗi hành vi chính trị... và, dĩ nhiên, tôn giáo... ta đều thấy các giáo sĩ ở hàng đầu hoặc tích cực hoạt động trong hậu trường Họ công nhận là đầu đầu họ cũng phải có mặt, phải được phát biểu ý kiến phải được đứng ở hàng đầu.

Đương nhiên trong các vụ rắc rối, trong tình trạng căng thẳng Pháp Việt đều có các giáo sĩ.

Các giáo sĩ có thể hài lòng về bản Hòa ước vì các đòi hỏi của họ đều được thỏa mãn. Trong một xứ Nam Kỳ thuộc Pháp, họ tin chắc có thể hoàn toàn hoạt động tự do như ý muốn, xâm nhập tới những làng hẻo lánh nhất, khuyến dụ thêm được một số đông theo đạo.

Nhưng mà, dù đã mãn nguyện chăng nữa, lòng ngoan cố vẫn khiến họ nổi giận ngay sau đó : phải chăng Đô Đốc Bonard dám tổ chức lại nền hành chánh bằng cách giải nhiệm khỏi các chức vụ dân sự các sĩ quan Pháp hoàn toàn chẳng hiểu gì về phong tục tập quán An nam dù họ đã đảm nhiệm chức vụ đó từ lâu : Phải chăng

http://hoangsa.org

ông dám chính thức tuyên bố để chính người Việt nắm lại quyền điều khiển công việc của họ mà chỉ bị giám định trước bởi các sĩ quan thuộc « Bản xứ sự vụ » *(Affaires indigènes)*. Hơn nữa, phải chăng chính ông cho biết ông muốn chủ trương đường lối chính trị « không giáo ». Các giáo sĩ đều tức giận. Một trong các phát ngôn viên của họ, cố Launay, *tuyên bố*:

« *Bonard cho dạy lại chữ nho và cho tái lập trước vị tiến sĩ, cử nhân xưa mà chẳng nghĩ rằng tốt hơn là nên cách xa người An nam khỏi những gì có thể nuôi dưỡng tư tưởng quốc gia của họ, tức tinh thần chống* Pháp » (1).

Vậy, đối với các giáo sĩ trung thành với nguyên tắc là bắt phải theo quan điểm của họ và phủ nhận những gì bắt buộc bởi tập tục trước khi họ đến, đó là mối nguy cho công cuộc truyền giáo và chỉ có việc này là quan trọng nhất không còn là truyền bá tôn giáo nữa, và cố tình vượt khỏi sứ mạng tôn giáo để đi vào chính trị, các giáo sĩ hỗ trợ việc nô lệ hóa dân tộc Việt để tôn giáo họ được độc tôn.

Các giáo sĩ coi như khắp nơi, họ đều có địa vị, có quyền lo mọi việc, có quyền ra lệnh và khuyến cáo mọi người. Họ đã hiến mình cho thế tục cũng như cho giáo quyền.

Chúng ta đã thấy một giám mục, ông Bá-Đa Lộc, trở thành sứ giả ngoại giao của một ông vua ngoại đạo, rồi đi tuyển mộ người tình nguyện để ngăn trở điều ông coi là sự thiếu sót của chính phủ Pháp, kế đó, chính ông lại là một chiến sĩ không phải để đánh đuổi kẻ ngoại đạo mà để đặt lên ngai vàng Việt Nam một người ngoại đạo theo ý ông.

Chúng ta còn thấy một giáo sĩ khá lạ lùng khác, nguyên chỉ là một kẻ viễn du, đó là cha Huc ; Cha đã không ngần ngại tâu riêng với hoàng đế Nã phá Luân đệ III để nhắc nhở là nước Pháp nên chiếm ngự Việt Nam ; tuy nhiên, không phải là

(1) Cité par J. Chesneaux. *Contribution à l'histoire de la nation vietnamienne* Paris, 1955, p. 115.

http://hoangsa.org

thừa khi chúng ta nhấn mạnh lại rằng cha Huc chưa hề ở Việt Nam và cũng chẳng hiểu gì về xứ này. Nhưng, không sao, không những ông tự coi có đầy đủ thẩm quyền nói lên điều đó, mà vì là tu sĩ nên sự vận động của ông đã được Hoàng Đế coi làm trọng mặc dầu, cũng cuộc vận dộng đó nếu của người khác sẽ không được đệ chuyền lên.

Tuy nhiên, chỉ một giáo sĩ tầm thường cũng có thể tâu trình lên Hoàng Đế những ý kiến chính trị, thì toàn thể giáo sĩ ở Việt Nam chẳng ngại ngùng gì quấy rầy luôn luôn các Đô Đốc Thống Đốc.

Không ai phủ nhận tinh thần tôn giáo của các vị Đô Đốc này cả, khởi đầu họ đã cố gắng sống hòa thuận với những người đồng hương được trao phó một sứ mạng giáo quyền cao cả; và cũng đôi khi họ cũng toan tính dùng những người này để thu lượm tin tức nội địa, về tâm tính người Việt, về các phong trào và tài nguyên... Nhưng mà bình thường, sự chỉ dẫn chẳng đích xác bao nhiêu, và nhiều lần các Đô Đốc đã phải xác nhận họ không thể tin cậy các giáo sĩ như nhân viên tình báo tin cần được.

Trong nhiệm vụ bình định, không những các Đô Đốc không thể trông cậy vào những giáo sĩ mà còn luôn luôn than phiền một cách cay đắng vì tác phong của họ, và những khó khăn do họ gây nên cho giới chức quyền quân chính.

Ngay từ ngày 25-12-1859, Đô Đốc Page viết cho Bộ Trưởng Hải quân như sau:

« ... *Ban đầu triều đại Tự Đức, vua rất sẵn lòng đối với họ (các Giáo sĩ); Ngài cũng đã truyền lệnh cho quân ở các địa phương đối xử khoan hồng với họ trong trường hợp khinh tội, vi phạm luật pháp nho nhỏ! Những đám dân công giáo do các giáo sĩ điều khiển, trở nên ngạo mạn (xấc xược?) đến nỗi họ phủ nhận mọi quyền uy của quan lại, công khai nổi loạn tuyên bố rằng người công giáo không thể tuân theo các tín đồ của tôn giáo khác* (...).

http://hoangsa.org

*« Ở đâu cũng rối loạn, trẻ em, con gái bị bắt cóc khỏi gia đình để bắt theo đạo, vì những* hành động và phản động *(tôi tóm tắt trong hai chữ đó tất cả tờ cáo trạng) tất cả các vụ nổi loạn đều mang danh hiệu của các giáo sĩ hoặc do họ chủ xướng; họ đã xen vào một cách quá đáng mọi hội kín và ngay cả những hội tệ nhất chống lại vua; dưới một ảnh hưởng như thế, sự sụp đổ của nhà nước và quốc gia ở ngay trước mắt.*

*Để gìn giữ trật tự ở tỉnh Sài-gòn, tôi phải cho thành lập một thị sảnh. Thật ngạc nhiên làm sao khi hôm sau các giáo sĩ đến thưa với tôi rằng người công giáo Annam không thể tuân lệnh một* chính quyền ngoại đạo; *họ nói thế đó!*

*Sao, ngay cả đối với cảnh sát của thị xã ư? Cả việc ngăn cản bọn vô lại cướp bóc thành phố nữa?*

*Và tôi lấy làm thẹn thùng phải thú nhận với Ngài là các nguyên tắc trên được các giáo sĩ công giáo công nhiên tỏ bày.*

*Thiệt tình tôi không dám thêm vào một chi tiết khác mà những người có máu mặt trong xứ này xác nhận với tôi. Tôi chỉ muốn tin điều đó khi sự thật hiển nhiên bắt buộc. Vả lại, không một người Annam công giáo nào ngần ngại xin đi lính cho chúng ta Ông Vua ngoại đạo ở Nam kỳ không phải là vua của họ!*

*Đến đây có lẽ Ngài hiểu làm sao mà Vua và quan lại coi các giáo sĩ Thiên chúa như kẻ thù...»* (1).

Trong một bức mật thư khác đề ngày 28-7-1868 viết tại Tổng hành dinh Sài-gòn gửi cho Tổng Trưởng Hải quân, Đô đốc Bonard, người kế vị Page, cũng nhận xét những thói trên của giáo sĩ.

*«...Chính do các giáo sĩ mà có thể xảy ra những rắc rối trầm trọng nhất, nếu không những chỉ tích cực che chở họ mà ta còn*

---

(1) *Mémoires et Documents Asie* quyển 27, trang 426 đến 434 (tài liệu chưa in).

http://hoangsa.org

*hậu thuẫn họ dưới chiêu bài tôn giáo trao các âm mưu chính trị nhằm lật đổ chính quyền hiện hữu. Tiếc thay, thường rất nhiều giáo sĩ đã để lôi cuốn vào những âm mưu trên và tất cả đều không từ bỏ việc đó. Ủng hộ họ trong đường lối này thật nguy hiểm vì họ sẽ trở thành những kẻ loạn đang thực sự chứ không phải người tử đạo nữa.*

*« Thưa Ông Tổng Trưởng, nhận xét trên của tôi căn cứ vào những lý do sau :*

*« Không ai có thể chối cãi là phần lớn chiến tranh Nam kỳ gây ra bởi sự kêu nài của Giáo sĩ Pháp, Y pha Nho than phiền họ bị triều đình Huế ngược đãi bất công.*

*« Và đây là sự cấu tạo tâm trạng của những người tu hành trên :*

*« Nam Kỳ được chia thành giáo khu khác nhau ; mỗi giáo khu do một giám mục cai quản, có lẽ, một tổ chức trung ương ở Âu Châu điều khiển chung tất cả họ, điều này tôi không được rõ, nhưng mà mỗi vị trong một giáo khu đều hành động gần như theo ý mình và bo bo gìn giữ không để hàng xóm can thiệp vào địa phận rộng lớn mà họ kể như cai quản về mặt đạo Tất cả đều ấp ủ ý nghĩ trở lại cái thời mà giám mục Bá đa Lộc thực sự làm chúa tể Nam Kỳ, vào thời đó mọi việc đều thi hành theo lời chỉ bảo và cho phép của ông.*

*« Để đạt được mục tiêu này, đây là những phương tiện được áp dụng : chẳng những không chịu nhìn nhận là các vị vua kế vì triều đại Gia Long đều chịu chiều theo ý thích của họ, các giáo sĩ còn phủ nhận sự chính thống của các vua này và tìm cách tiến cử một người khác mang lại nhiều đảm bảo hơn để tiến đến mục tiêu của họ, nếu triều đại hiện hữu bị lật đổ. Để soán ngôi, một số trong bọn họ nại lý do là vua Gia Long đã nhường ngôi lại cho con thứ thay vì con trưởng, đấy là phương thức được xử dụng khéo léo ở Viễn Đông. Các giáo sĩ Pháp miền Tây Nam Kỳ cũng đồng ý như thế. Còn các giáo sĩ thuộc phần vương quốc Annam*

http://hoangsa.org

*gần Huế, tỉnh trung gian giữa Bắc Kỳ và Trung Kỳ thì họ đi xa nữa trong sự bài bác tính cách chính thống của dòng họ đang trị vì: Họ coi chính vua Gia Long như một kẻ tiếm ngôi và đi tìm con cháu nhà Lê;* một trong những quan Đại Thần *đã truất phế các vua của lòng họ sau bị liệt vào hạng* vua ngọa triều.

*« Tôi tin rằng các cha dòng dominicain Y pha Nho còn hăng hái và chấp nhất hơn cả giáo sĩ Pháp, họ liên kết với nhau.*

*« Các tu viện ở Trung Hoa đã đón nhận một người dòng dõi nhà Lê* chẳng rõ đích thực hay không*; và sau khi hành xác ông ta trong những điều nhục nhằn, sau khi đi đến cả việc bắt* giữ cửa tu viện*, các tu sĩ cấp tiến này đề cử ông ấy lên đế vị; nếu kế hoạch thành công, họ tin tưởng chắc chắn sẽ bảo tồn được ảnh hưởng đối với vị này*

*« Trong tình trạng hiện tại và dựa theo những diễn văn và việc làm của các giáo sĩ Pháp thuộc nhóm khác nhau ở Nam Kỳ thuộc Pháp, họ đến phải bỏ kỳ vọng chính trị xưa, hy vọng ảnh hưởng sự chiếm đóng và chiếm hữu của chúng ta, dù không ban cho họ quyền hành tuyệt đối như của giám mục Bá đa lộc, nhưng cũng cho phép họ có một ưu thế khá lớn mà hình như lúc này họ rất bằng lòng vậy. Với sự cương quyết và thận trọng ta có thể bắt họ ở thế vừa phải của ảnh hưởng mà họ muốn.*

*« Các giáo sĩ ở vùng gần Huế còn lâu mới chấp nhận biện pháp hòa giải này; chỉ vài người tán thành yếu ớt, nhưng đa số vì những bất hòa và thế lực của họ, có khuynh hướng chứng tỏ không từ bỏ tư tưởng cấp tiến của họ: Theo lời khuyên của tôi là đừng hấp tấp, Đức giám mục và vài cộng sự viên thông minh nhất của ông còn ở lại Nam Kỳ và hứa sẽ hành động thận trọng khi trở về xứ Đạo, vì hòa bình phải được củng cố.*

*« Nhưng cùng với những tên trộm cướp thực sự, những giáo sĩ nóng nảy đã lên đường làm dấu thánh giá: từ đó có thể xảy ra những khó khăn trầm trọng nếu ta không hành động thật thận trọng trong sự che chở mà chắc chắn họ sẽ không quên với tư cách người*

http://hoangsa.org

Pháp *hay tin đồ Thiên chúa đề thỉnh cầu khi bị liên lụy vào những âm mưu chính trị, mặc kệ tất cả các lời khuyên của tôi đối với họ.*

« *Về phần các tu sĩ dòng dominicain Y pha Nho thường ở miền Bắc Bắc Kỳ thì không thể nào cai trị được họ: nóng nảy và cuồng tín hết mức, một số khá đông trong bọn họ xuất thân từ đám du kích và đảng viên của Don Carlos đã từ bỏ Y pha Nho; họ sẵn lòng đeo gươm mang súng cùng cây thánh giá và tham dự hết lòng vào những cuộc nổi loạn làm đau khổ Bắc Kỳ.* » (1)

Sau khi chấm dứt văn thơ, Bonard viết thêm để nhấn mạnh một lần nữa với ông Tổng Trưởng về những nguy hiểm cho nước Pháp nếu còn ủng hộ các giáo sĩ, và ông minh chứng những trách nhiệm của họ ở Việt Nam.

« *T. B.— Tôi vừa mới nhận được những tin tức mới mẻ và vội đệ trình gấp lên Ngài: Tôi kính xin Ngài thận trọng thẩm định những ý kiến trên, bởi vì dần dần theo như ngôn ngữ và cử chỉ của các giáo sĩ ở Nam Kỳ thì họ làm mọi cố gắng để đưa chính phủ vào con đường bất hạnh mà họ đeo đuổi, đó là lật đổ vụ Tự Đức.*

« *Mặc dầu tất cả những lời cảnh cáo của tôi dù tôi đã buộc họ phải chờ chính phủ của Hoàng Đế phán quyết vì vấn đề phê chuẩn hòa ước (5-6-1862) và những hậu quả của nó, họ vẫn không ngớt cử ra từ Huế những mật sứ đầy ác ý và bất lương.*

« *Tôi đã phải nhất quyết từ chối cấp thông hành cho họ đến đó cho đến khi tôi nhận được lệnh từ Pháp; họ cũng chẳng tôn trọng gì cả, và có lẽ Ngài sẽ nhận được những lời than phiền về vấn đề trên, bởi vì các giáo sĩ lên đường viễn chinh kiều thập tự quân và chẳng dấu diếm kế hoạch của họ và lại coi thường cả các điều khoản trong Hòa ước, mặc dầu tôi không ngớt khuyên họ thận trọng.*

« *Đó là mối nguy hiểm mà tôi phải trình báo lên Ngài bởi vì nếu ta không cẩn thận đề phòng đối với những bản tường trình của*

---

(1) *Mémoires et Documents Asie*, Tome 28, pp. 85 à 88 (Document inédit).

http://hoangsa.org

*các giáo sĩ đó, họ sẽ không lùi bước trước bất cứ một phương tiện nào để đạt đến mục đích bằng cách lôi cuốn chính phủ vào con đường bất lợi cho chính quyền lợi của Pháp* » (2).

« *Dù thế nào chăng nữa, các vua chúa, quan lại và dân tộc Việt biểu lộ lòng thù nghịch không đối với lý tưởng tôn giáo mà là nhắm vào tinh thần phiến loạn và áp chế của những kẻ phục vụ Giáo Hội. Lòng thù nghịch này được biện minh bởi sự suy sụp chậm chạp quyền hành nhà nước, cuộc xâm lăng liên tục Việt nam mà ta đang tham dự và việc Pháp đô hộ hoàn toàn xứ này. Truyền giáo và thực dân đi đôi với nhau.*

*Trong phiên họp ngày 22-5-1804 của Tham chính Viện, Nã phá Luân đệ I đã vạch rõ vai trò của giáo sĩ trong việc khai thác thuộc địa như sau:*

« *Ý định của trẫm là thích lập lại nhà Truyền giáo hải ngoại; các tu sĩ này rất hữu ích cho trẫm ở Á châu, Phi châu và Mỹ châu; trẫm sẽ phái họ đi dò thám tình hình ở đó. Áo nhà tu che chở và giúp họ che đậy được mục đích chính trị và thương mại. Đức giáo Hoàng sẽ không ở La mã nữa, mà ở Ba Lê. Giới tăng lữ hài lòng và chấp nhận việc thay đổi này; Trẫm sẽ cấp cho họ số niên kim đầu tiên là 15.000 quan. Ta đều biết, các nhà truyền giáo hải ngoại hữu ích biết bao như những người do thám của ngoại giao ở Trung Hoa, Nhật và toàn Á châu. Ngay cả ở Phi Châu và Syrie; chẳng mang một danh nghĩa chính thức nào mà lại tốn kém ít và được người bản xứ kính nể, họ không thể làm chính quyền phải liên lụy hay bị sỉ nhục. Lòng nhiệt thành về tôn giáo khích lệ các tu sĩ làm việc và mạo hiểm hơn cả một viên chức dân sự nhiều.*

« *Các giáo sĩ có thể sẽ giúp đỡ quan điểm thuộc địa của trẫm ở Ai Cập và miền duyên hải Phi châu...* » (3)

Còn việc các giáo sĩ xen vào công chuyện quân sự và dân

(1) (2) *Mémoires et Documents Asie*, Tome 28, pp. 85 à 88 (Document inédit).

(3) *Opinions de Napoléon*, par le baron Pelet, Paris 1833.

http://hoangsa.org

chính của Pháp, thì được trình bày trong bức thư đề ngày 29 1-1859 của đô đốc Rigault de Genouilly viết từ Đà Nẵng cho Tổng trưởng hải quân.

... « *Điều sẽ làm Ngài khó tin là cuộc xâm chiếm Saigon, khẩn cầu cách đây một tháng bởi Đức cha Pellerin, giám mục địa phận Biblos; tuy chỉ đến với tư cách một thông ngôn, khi cuộc viễn chinh được quyết định. Ngài lại là người đả kích và phản kháng mãnh liệt nhất.*

*Ngài bị dẫn dụ bởi Cha Cả Gaentza thuộc dòng Dominicains Y pha Nho (cũng là cha tuyên úy bề trên trong quân đội Y pha Nho); dĩ nhiên, ông này chỉ mơ đến Bắc Kỳ và muốn Y pha Nho chiến thắng tại đây. Trong phòng họp sĩ quan, Ngài công nhiên thuyết giáo chống lại kế hoạch và quan điểm của vị tổng tư lệnh và nói rằng tôi không hiểu thấu đáo dự tính của Chính Phủ và chính Ngài mới am hiểu, rằng tôi sẽ phải biện minh về thái độ của tôi.*

*Tình hình căng thẳng đến nỗi tôi tính cho bắt giữ Đức Cha Pellerin để đưa đi Hồng Kông. Nhưng trước khi làm điều tai tiếng đó, phương hại cho công cuộc viễn chinh mang mục đích chính là tôn giáo và có thể gây tiếng vang lớn tại Pháp, tôi thử để các giáo sĩ đồng chí của Ngài và cha Pelletier, tuyên úy sư đoàn và cũng là người có ít nhiều ảnh hưởng đối với tinh tình hung hăng của Ngài, thuyết phục là Ngài đã tỏ ra thái quá và tốt hơn hết là Ngài nên trở về Hồng Kông.*

*Sau khi bàn cãi nhiều về cái sứ mạng chính trị của Ngài, họ đã thắng thế, và chính Đức cha Pellerin đều xin tôi trở về Hồng Kông.*

*Việc Đức cha Pellerin ra đi, làm lắng dịu các điều phiền nhiễu mà Đại Tá Lanzarote (tư lệnh đội viễn chinh Y pha Nho) mang đến cho tôi, và có lý do để ta nghĩ những điều đó do tâm tính hiếu động và lo âu của cha Gaentza gây nên Thực ra, giữa hai người thì chính cha Pellerin bị cha Gaentza giựt dây nhiều hơn.*

*Thưa Ngài, đấy là tất cả những khó khăn tôi phải đối phó khi hành động* » (*1*)

(1) *Archives Nationales*, Paris ; Série BB 4, Vol, 769.

http://hoangsa.org

Chính người Y Pha Nho cũng nhiều lần nói lên những hành động quá đáng của giáo sĩ.

Khi thông báo để chính phủ ông biết việc ký hòa ước 1862, chính Palanca viết về các giáo sĩ như sau :

(... *Hòa ước*) *đồng ý là không ai bị bắt buộc theo Thiên chúa giáo.*

*Đôi khi một hành động quá sốt sắng đã làm vượt quá mức ôn hòa... và gây nên những hậu quả thảm hại khiến chính quyền Annam phải áp dụng biện pháp mạnh. Các giáo sĩ tại Nam Kỳ bị coi như những kẻ xúi dục nổi loạn, những viên chức chính trị của một triều đại đang mong mỏi triều đại tại vị sụp đổ, và như một mối đe dọa nền an ninh công cộng. Vài giáo sĩ và giám mục Nam Kỳ đòi hỏi cho họ và giáo dân trong nước những đặc ân quá đáng và quyền bất khả xâm phạm; và cũng đòi hỏi cả quyền lợi chính trị xen lẫn với quyền lợi tôn giáo ..* »(1)

Vài tài liệu mà chúng tôi vừa viện dẫn được chọn lọc trong số nhiều tài liệu khác, vì tài liệu này không thể bị nghi ngờ có thành kiến hoặc khuynh hướng chống tôn giáo. Tự nó, nó cũng quá rõ ràng rồi.

Các đô đốc Pháp thời đó phải cư xử làm sao để được chấp nhận bởi chính phủ và những quốc vương nặng tinh thần tôn giáo. Vậy mà, mỗi khi phản đối, họ đều trình với vị Tổng trưởng của họ bằng những lời lẽ rõ ràng nhất.

Gần như không thể quan niệm được là có một Đại tá trong quân đội hoàng gia công giáo (2), sau được vinh thăng Thống Chế, người được Triều đình hoàn toàn tín cẩn, lại dám chỉ trích các tu sĩ Y pha Nho trong công văn chính thức gửi cho một viên chức chính phủ, dù ngay cả việc ông cân nhắc lời lẽ để chỉ trích một cách kín đáo nhất.

---

(1) *Documents diplomatiques espagnols*, Madrid.

(2) Hoàng gia Tây Ban Nha (dịch giả ghi chú).

http://hoangsa.org

Cho đến nay khi đề cập đến các giáo sĩ ở Việt Nam phần nhiều các sử gia và văn sĩ đều coi họ như nạn nhân của cơn thịnh nộ ghê gớm của vua quan: nhiều người chết như «tử đạo». Họ cố giữ gìn không nói lên sự thật. Chưa một ai tiết lộ hành vi đáng trách của họ và dưới cáo tố yếu kiện (chefs d'accusation) nào mà pháp luật Việt Nam đã dựa vào để hại họ một cách chính đáng.

Vậy, các vua Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức cùng triều thần không lầm lẫn khi thừa nhận lời tuyên bố của Lamartine ngày 3-8-1844: «*Trong tư tưởng của tôi, tôi thấy bất cứ loại hiệp hội nào mà hưng thịnh đều bất lợi, nguy hiểm và tai hại cho quốc gia và gia đình*». Các Ngài cũng có lý cùng Guizot kết luận rằng: «*Nhà nước phải thế tục*», hay với CAVOUR: «*Nhà nước phải được tự do*». Đấy là phương cách hữu hiệu duy nhất để giải phóng dân Việt.


**MARUKA MACHINERY CO. LTD.**

*Đại diện*

Vỏ và ruột xe máy,
Đồ phụ tùng xe máy,
Đồ phụ tùng xe hơi
Bạc đạn đủ loại

Các loại máy móc
Kỹ nghệ, ổ Bi và
bạc đạn, vật dụng
và đồ sắt

Tủ lạnh «Hi-tachi»
Máy điều hòa không
khí «Hi ta chi»
đồ điện «Hi-tachi»
máy móc kỹ nghệ

**HÀNG NGUYÊN XỨ**

**NHẬT — MỸ — ĐẠI HÀN — ĐÀI LOAN**

**Saigon Office:**
*13, Trần Hưng Đạo*
P. O. Box No. 121. Sài gòn
Cable address: «Maruka»
*Tel: No 23A8988*

**Head Office:**
*No 41 Bungo-Wachi*
Higashi — Ku
Saka — Japan
P. O. Box No Higashi: 350
Osaka
Cable Add: «Maruka Osaka»
*Tel: No 940271 — 9*

http://hoangsa.org

*bức thư để ngỏ gởi cho bạn Chủ-nhiệm*
*Tập San Sử-địa*

# CHUNG QUANH VẤN-ĐỀ VIẾT SOẠN TIỂU-SỬ NGUYỄN TRUNG-TRỰC CŨNG NHƯ CÁC NHÂN-VẬT LỊCH-SỬ KHÁC

*VƯƠNG HỒNG-SỂN*

Nước Việt ta gẫm lại, cái chi cũng lớn lối, mật ít ruồi nhiều.

Xưng « *phú hữu tứ hải* », mà nhai cơm viện-trợ.

Xưng « *bốn ngàn năm văn-hiến* », mà học nhờ viết mướn.

Và không phải đợi đến hôm nay mới nói, trong xứ có cái nhà chứa đồ xưa, còn thua xa nhiều nhà các nước lân cận, lại lớn lối kẻ chữ vàng trên bảng hiệu « *VIỆN bảo-tàng* » và ông chủ nhà xưng « *Giám-đốc* ». Trong khi một nước khác, có tánh ưa khoe cái gì của nước mình cũng là « vĩ-đại » kỳ nầy lại khiêm tốn quá mức, bởi rứa, cái nhà chứa đồ cổ xứ họ lại dè dặt xưng « Bác-vật-*quán* » và ông chủ nhà vẫn xưng « *quán-trưởng* ». Cho hay lão quán cơm trong Lục-Vân-Tiên tài học hơn xa các Trịnh Hâm, các Bùi Kiệm đương thời.

Vô phước hơn nữa là khi nhắc đến sự tích một người chết, chết cho nước, chưa quá một trăm năm, (1968—1868), thì sự tích đã lu mờ, muốn tưởng niệm đến diện mạo cũng không đâu còn ghi vẽ lại. Có vẽ lại chạm khắc lại chăng thì toàn là mặt mốc nịnh thần. Ngoài Bắc có chơn tượng Cụ Hoàng ở Thái-Hà-ấp (Cụ đặt). Vùng Huế có chơn dung Nguyễn Thân, sanh tiền xưng « cọp miền Trung » (cọp đặt). Trong Nam để lại một Tổng-Đốc Cái-Bè, họ Trần giết dân như chém chuối, khi chết dặn chôn đứng,

http://hoangsa.org

không hiểu ý muốn nói gì. Một ông nữa, còn tên trên một con đường thị-tứ (đường Tổng-đốc Phương). Ông này, lúc công danh tột độ, làm choảnh treo một câu đối trước ngõ, thách thức:

« TRONG CHỢ-LỚN, có NHÀ HỌ ĐỖ, ĐỖ MỘT NHÀ NGỮ PHƯỚC TAM ĐA ». Một anh học trò khó, thấy chướng mắt, một hôm lén dán câu đáp lại:

« CÙ-LAO RỒNG, CÓ LŨ THẰNG PHUNG, PHUN MỘT LŨ, CỬU TRÙNG BÁT NHÃ ».

Khỏi nói sáng ngày, câu đối và câu đáp được chủ nhà dẹp luôn... Và viết đến đây, tôi bỗng nhớ lại mà ganh cái sức giàu tài-liệu của nước Pháp chẳng hạn. Thử lật chơi cuốn tự-điển nhỏ « Petit Larousse » của họ, tuy nhỏ mà đủ làm gương răn mình. Nơi phần lịch-sử, mỗi trang đều có chưng hình hấp dẫn: không kể hình vua chúa của họ, để dành từ hình vua Clovis chết từ năm 511 Tây-lịch, đến vua Louis XVI chết trên đoạn-đầu-đài, thậm chí con mụ ái-phi vua Louis XV cũng có hình nhí-nhảnh cho hậu sanh ngắm nghía. Ai tọc mạch muốn xem nhiều nữa, thì chỉ cho: trong cuốn Petit Larousse, bản in năm 1959, nơi:

— Trương 1521, có hình chúa-tể nước Trung-Hoa đỏ, Mao Tsé-Toung (Mao Trạch-Đông);

— Trương 1426, có tiểu-sử gãy gọn làm bảy hàng, nhưng không đề hình, của Bác, của Cụ Hồ ngoài Bắc;

— Trương 1315 có tiểu-sử bốn hàng, nhưng không đề hình, của Ngô Đình-Diệm, mất chữ lót còn vỏn vẹn Ngô Diệm. Và còn không hơi đâu mà kể cho hết...

Họ Hoàng, họ Nguyễn, họ Trần đều có hình. Trái lại nhơn vật đáng có hình để lưu hậu-thế thì vẫn không: Định, Huân, Nguyễn-Tri-Phương, Nguyễn-Trung-Trực... Nực cười nữa, xin kể cho trót, tuy ngoại đề, là tỷ dụ hình của một hoàng-đế da đen nước láng-diềng. Nguyên thuở nọ triều-đình nước ấy có gởi thơ

http://hoangsa.org

qua Pháp-triều đặt đúc một tượng đồng của ông vua vừa thăng hà của xứ họ. Sẵn lúc ấy bên Pháp họ vừa lật đổ và truất phế hoàng-đế Napoléon III, chưa kịp đập phá bức tượng đồng của ông tạc hình một soái-quan mình ngồi ngựa mạnh, nay thợ căn dặn lập tượng hoàng-đế nhưng muốn tạc hình vận âu-phục cho thêm oai nghi, nên thợ Pháp bèn mót tượng Napoléon III ra xài nữa. Cựu hoàng có chơn chức Soái-hàm trong đạo quân Lê-dương của Pháp, Napoléon III và cựu hoàng vẫn phốp pháp mập mạp như nhau và ngựa nào như ngựa nấy, nên trá hình dễ quá. Thợ bèn cưa đầu vua Pháp lấy ra rồi đúc một cái đầu khác thật giống cựu hoàng nọ ráp vào cho đội trên mớ tóc hoa râm một cái kim-khôi hình Tháp bảy từng, rồi chở qua xứ bạn láng diềng, dựng lên trên một bực cao bằng đá trắng, nghiễm nhiên tượng đức vua lẫm lẫm oai phuông đằng đằng sát khí, đố ai mà truy thấu sự trá hình kia: cũng cởi tuấn-mã, cũng mặc triều-phục tước-phẩm như nhau, đố ai ngày nay biết được. Lâu ngày chim cò đến đậu và phóng uế làm hoen ố tượng đồng, nhơn dân thấy vậy giận sao chim hỗn, bèn xây thêm một cái nóc thật cao che trên toàn diện, để giữ gìn và truyền tử lưu tôn tượng một ông vua Pháp chắp, mình thì mình Tây, đầu thì đầu một ông vua da đen nước bạn. Ai không tin, hãy xin giấy thông hành qua bên xứ ấy nhìn xem cho thật kỹ thì biết.

Vài thí dụ khác, tỷ như trong trọn bộ sử Việt, đố ai biết nước ta lưu lại chơn dung nhơn vật lịch sử được mấy người?

Theo tôi biết, chỉ có vỏn vẹn những nhơn vật sau đây:

1) Như hình vua Quang-Trung do thợ Tàu đời Kiền-Long vẽ năm 1790 ngặt nỗi sau rõ lại, đó là hình dung giả, của người khác đi thế vua Quang-Trung sang Tàu, như vậy không thể gọi đó là tượng vua Quang-Trung được (xem Đông-Thanh tạp-chí số 1 ngày 1-7-1932);

2) Hình Nguyễn Trãi do thợ Tàu vẽ, có in lại trong Nam-Phong năm nọ;

http://hoangsa.org

3) Hình vua Gia-Long đội mão tròn, nhỏ như còn treo ở Tôn-nhơn-phủ, Huế ;

4) Hình đức vua Hàm-Nghi, chít khăn đen mặt ngó nghiêng ; và

5) Hình đức Thành-Thái ngồi xe song mã, vận âu-phục, đầu đội nón trắng (casque colonial). Hai hình 4 và 5, tôi thấy năm 1958 tại phủ thờ Thân-Trọng-Huề tại Huế, không biết nay còn chăng ?

6) Hình ba ông sứ-thần sang Pháp chuộc ba tỉnh Nam-kỳ : Phan-Thanh Giản, Phạm-Phú-Thứ và Ngụy-Khắc-Tuần. Ba hình nầy rõ nhứt, vì mới đây, do thợ Tây chụp và các sách báo sau nầy có họa lại nhiều lần ;

7) Hình vua Duy-Tân lúc còn nhỏ, trong tập « Huế pittoresque » của tôi còn giữ kỹ tại nhà ;

8) Hình vua Đồng-Khánh, trong tập Đô-thành hiếu-cổ có đăng ;

9) Các hình khác chưa kể được lại nữa không quan trọng, tỷ như hình các quan Thượng gần đây (Tôn-thất-Hân, Nguyễn-Hữu-Bài, v.v ) Chung qui hình cũ sót lại đếm không đầy mười đầu ngón tay. Đến như một mình vua Tự-Đức in trong đại-họa-báo Tây « L'Illustration » năm xưa, thì tôi lấy làm ngờ, vì vua ta (Tự-Đức) có tiếng là bịnh hoạn yếu đuối có đâu vậm vỡ to lớn như hình tôi thấy được. Theo tôi, đó cũng là giả tạo, và chụp hình vua lưu lại, duy có từ vua Đồng-Khánh mà thôi.

Quả thật hình kỷ niệm cổ-nhơn của nước nhà không dễ gì tìm. Luôn đây cho phép tôi nói một chuyện rất gần, kể về sự đi tìm tài-liệu và hình ảnh những nhơn vật lịch-sử. Trong Nam, lúc tôi còn nhỏ, rất thịnh hành sự nói thơ, quảng cáo ngầm cho kháng-chiến do người mù đàn độc huyền, phần nhiều là người xứ Quảng, trình bày hát dạo :

a) Thơ Cậu Hai Miêng, tức con của Lãnh-binh Huỳnh-công-Tấn : cha đầu Tây giúp Tây, bắt giết người chống đối với họ, còn

http://hoangsa.org

con thì trái lại, bỏ sở thôi làm việc cho Pháp, và chuyên nghề tế khổn phò nguy, giúp kẻ yếu, trừng trị bọn gian tà bọn ỷ chúng hiếp cô, nhứt là thích đánh Tây cho bỏ ghét mà Tây không làm gì Cậu được vì còn nhớ công của cha là Tấn. Có bài vè Cậu Hai Miêng (Minh), tặng Cậu là « lưu linh miễn tử » và vì Cậu đi đến tỉnh nào hụt tiền thì vào mượn quan Tham-Biện tỉnh ấy nên dân phong cho Cậu danh « đáo xứ hữu tiền » như Lý Thái-Bạch thuở xưa.

b) Thơ Sáu Trọng, một tên bồi làm cho Tây, có vợ là con Hai Đầu, rồi Trọng bị vợ phụ phàng và cắm sừng, lấy Tây ; Trọng giết Tây, bị gươm máy chém đầu. Tuy chết dữ nhưng dân làng dao búa lại xem đó là gương nên bắt chước.

c) Thơ Thầy Thông Chánh, bắn Biện-lý ở Trà-Vinh. giữa đám vui đua ngựa. Năm 1966, dịp may tôi tìm được trong một cuốn sách Pháp tàng trữ tại thơ-viện Hội Cổ-Học Ấn-Hoa (ở đậu trong viện bảo-tàng) hai bức hình chụp, một bức Thầy Thông Chánh ngồi ghế đầu, chung quanh có lính mã-tà chụp chung, một bức nữa chụp lúc Thầy Thông Chánh bị đưa ra pháp trường cho gươm máy chặt đầu. Hai tài-liệu nầy rất quan trọng, vì tôi nhờ đó biết được :

a) cứ xem hình chụp Thầy Chánh không ốm, thì tích đồn Tây cho y uống thuốc làm cho rụng răng để Thầy không tự tử được trong khám giam, là *nói dóc* ;

b) Tây không bụng khinh dể Thầy Chánh, mặc dầu Thầy giết một đồng bào của chúng, vì dưới hai bức ảnh, Tây gọi « exécution de l'Annamite CHÁNH » (cuộc xử tử hình người An-Nam tên CHÁNH), thế là không khi dể ; hình khác lại đề « CHÁNH, assassin de M. Jaboin, Procureur de la République à Tra Vinh » (CHÁNH, kẻ ám-sát ông Jaboin, quan biện-lý ở Trà-vinh) ; vào đời Tây mới qua đây, hống hách là thường, thế mà câu văn viết như vậy là không khinh bạc và đã nể mình lắm chớ ? Hỏi kỹ lại, Thầy Chánh giết Biện-lý Tây là vì lão nầy, hết chỗ chơi, nhè vợ thầy mà mò. Thầy chết bị gươm máy chém, mà dân

http://hoangsa.org

không sợ và hiểu trái ngược ý muốn của Tây. Dân xem gương Thầy Chánh là người hùng, dám ăn dám làm, không như nhiều người, vợ cho Tây, cho Mẽo mượn món đồ chơi, lại còn hãnh diện. Tôi bắt được tài-liệu về Thầy Chánh, lại biết chắc năm xảy ra sự việc, tôi mừng quá, lật đật ôm sách đến nhờ một bạn thân và chuyên môn lành nghề, chụp cho tôi hai kiểu ảnh mỹ-thuật, y hệt trong sách cũ, tôi định phen nầy sẽ làm một cú « xăng-xa-xio-nen » (sensationnel), là sẽ trình bày lại kỹ càng khoa học vụ án « Thầy Thông Chánh, dám bắn Biện-lý Tây », vừa có hình minh chứng, vừa có thơ có vè ngâm nga và đọc chơi, và vừa có tài-liệu đích xác là bổn án Tòa đề dò xem cách đối xử của Tây xưa... Nhưng cái hứng của tôi, vừa tới đây, đã tịt ngòi.

a) Tôi muốn tìm lại bài vè, nguyên văn bài thơ lục bát, lúc nhỏ tôi đã được nghe đầy lỗ tai, do mấy anh mù đờn độc huyền ngồi nói thơ tại chợ Sóc-trăng, nơi các ngã tư hay gần các tiệm hút, kể lại rành rọt sự tích Thầy Thông Chánh nầy. Tôi tổ chức một bữa tiệc tại nhà. Các anh em có mặt, trong số có một ông ở Bến-Tre, một ông nữa ở Trà-Vinh, và một ông còn nhỏ tuổi, gốc gác người Rạch-Giá; nay mỗi tuần vẫn nghe tiếng nói trên Đài Phát-Thanh, ba ông đều hứa tìm giùm bổn thơ tôi đang cần dùng. Nhưng cho đến hôm nay; nước vẫn chảy dưới cầu, mà việc đâu còn đó, tại số Thầy Thông Chánh chưa đi đầu thai được Bổn thơ nói về thầy, tôi nhớ lấy tôi được vài câu khởi đầu :

« Nhựt trình VĨNH-KÝ đặt ra,

« Chép làm một bổn để mà xem chơi,

« Trà-Vinh nhiều kẻ kỳ tài,

« Có Thầy Thông Chánh thiệt người lớn gan...

Nhớ tới đây rồi hết. Tôi không nhớ được, mà các bạn của tôi, duy khi nào có rượu có động dao động thớt thì mới

http://hoangsa.org

thấy mặt. Cái câu « Anh Vương cứ yên tâm. Để đó cho các em. Anh đừng lo. Hễ tôi về tới xứ sở, tôi hỏi lại kỹ rồi tôi chép ngay gởi lên anh tức thì. » Câu ấy tôi còn nghe văng vẳng bên tai, nhưng tôi đã biết dư và không lấy làm lạ lắm. Bạn tôi ba người, có đứa mắc lo « gả chị vợ », đứa bận lo « nuôi vợ người ta đẻ », đứa chót không lo gì hết, nhưng có làm gì có ích đâu, ngoài việc đi nhóm đi hội, trông mong tiền xúp.

b) Bỏ chuyện đi tìm bài vè, nhớ lại muốn có một bản sao lục án tòa để giải thích nguyên do Thầy Thông Chánh trở nên người sát nhơn, tôi hy vọng tràn trề và nghĩ trong bụng cửa công, nhứt là quan tòa, làm gì cũng đúng đắn hơn mấy anh bạn trời đánh. Muốn lên Pháp-đình, tôi phải lôi trong tủ bộ đồ lớn mốc meo ra, thắt cà-vạt sắm từ đời mồ ma ông Diệm còn làm Tổng-Thống, chơn mang giày đen có cột dây hẳn hoi, đoạn lễ phép lên xin ra mắt ông Chưởng-lý tòa phá án, có tiếng là hiền, công minh và rất cao cờ. Ông tiếp tôi quả có niềm nở thật, nhưng khi tôi trình bày câu chuyện đưa tôi đến làm rộn ông, ông nắm tay gục gặc đưa tôi ra khỏi cửa phòng với câu dè dặt thường lệ trên miệng quan : « Hãy về, tôi sẽ cho tìm... » Tìm cách này mà một tháng trôi qua rồi hai rồi ba, tôi đếm đủ đầu ngón tay hai bàn... Kể ông cao cờ về hưu thâm niên, và bản án chữ đại-tự (tôi muốn nói cái grosse) vụ xử đại hình Thầy Thông Chánh cho đến nay, nước cứ trôi qua cầu, tôi vẫn chưa thấy mặt.

a) Hoặc bản án nầy đã lạc mất, bị mối ăn hay có kẻ chọt rồi. Như vậy thì số phận văn khố Pháp-đình không hơn gì số phận văn khố quốc-gia. Và lỗi tại ai ?

b) Hoặc vẫn còn đó, nhưng để ở một chỗ nào, lâu năm quá, nay không còn biết mà cũng không muốn biết tới nữa. Vì bụi bặm, vì sợ vi trùng, vì lịnh ông quan sắp về hưu đã mất hiệu lực, nên ông giữ kho trả lời phứt « không có » để chôn luôn.

Không chịu khó tìm là không làm hết phận sự. Nếu chờ có cục xà-bông rửa tay, chai dầu gió khử vi trùng và chút lễ

http://hoangsa.org

mễ, thì là việc khác. Đây là Pháp-đình, tôi xin gạt vấn-đề nầy và ý nghĩ nầy ra ngoài. Nhưng nếu có chút ấy mà xong việc thì, theo tôi tưởng tôi sẵn lòng, còn hơn giữ nét liêm mà làm việc nhận chìm xuồng. Ông bạn Tuần-Lý nghĩ sao?

Nhưng mãn sa đà, mà xuýt lạc đề. Trở lại tiểu-sử Nguyễn-Trung Trực, phải nhìn nhận thật là khó viết cho đầy đủ. Chánh-phủ Nam-triều không để lại tài-liệu nào. Chánh-phủ Pháp thì tài-liệu rời rạc:

— Vào thời đó, 1868, quan cai-trị vừa là quan Tòa. Hết võ quan hải-quân cầm quyền sanh sát, đến lượt quan tham-biện vừa làm bên bố vừa kiêm bên niết, sau đó mới có phân chia quyền cai-trị quyền xử-đoán ra riêng biệt. Rồi sau nữa tách ra thêm sở liêm-phóng, sở công-an, sở cảnh-sát, vân vân, khiến cho một tài-liệu cỏn con thnộc về lớp trước, nay muốn tra tầm, phải dày công sao lục, và còn tùy ở nhiều sự may rủi:

— Văn-khố Bộ Thủy-binh Pháp giữ một mớ; (archives du Ministère de la Marine française).

— Văn-khố Bộ Thuộc-địa Pháp giữ một mớ, (archives du Ministère des Colonies).

— Văn-khố Ngoại-quốc truyền-giáo-hội (Archives de la Société des missions étrangères), về các việc như bắt đạo, truyền bá đạo Thiên-chúa, v.v.);

— Văn-khố Toàn-quyền Đông-Dương Pháp, sau nầy là văn khố Quốc-Gia Việt-Nam, trước ở Hà Nội, sau dời về Sài-Gòn và từ ngày trụ-sở Bộ Văn-Hóa nhường chỗ cho Phủ Thủ-Tướng, thì phiêu lưu không biết ở đâu mà chỉ cho trúng (xem bài kêu ca trong tập san (Nghiên-cứu văn học số 7-8 năm 1968);

— Văn-khố tàng trử tại số 34 đường Gia-Long, Sài-Gòn (trước Nam-kỳ sau gọi Nam phần Việt-Nam);

Và nhiều văn khố nữa, như văn khố đường Nguyễn-Du, số 72 (1) sau bị đuổi, đồng cảnh ngộ Văn-khố quốc-gia, nay không

(1) L.T.S.: Trụ sở 72 Nguyễn Du trước đây là trụ sở lưu trữ chính của Văn Khố Quốc Gia. Vì chật hẹp, nên Văn Khố Quốc Gia phải gửi nhờ ở nhiều nơi như Thư Viện Quốc Gia (34 Gia-Long), Tổng Thư Viện Quốc Gia, 1 kho của Bộ Tài Chánh tại đường Thài Lập Thành v.v.

http://hoangsa.org

biết đùm đậu nơi đâu. Trong các văn khố có văn khố sở Liêm-Phóng (Mật thám Catinat) phong-phú nhứt, vì tàng trữ tài-liệu, sách báo lâu đời từ Nguyễn-An-Ninh đến các nhà cách-mạng khác), sau nhập về kho sở Thông-tin Báo chí Tuyên-truyền Pháp (Service-Information-Presse-Propagande, viết tắt I P.P., nay không biết về đâu) ?

Nếu nay tôi viết lại soạn lại (nhưng tôi đã già và không có thì giờ nữa rồi) tiểu-sử Nguyễn-Trung-Trực, tôi sẽ tìm cách sưu tầm và khai thác những tài liệu chung quanh vấn-đề chánh, như kiếm và đọc lại :

— Hồ sơ Huỳnh-công-Tấn (nếu có ở các văn-khố kể trên),

— Hồ-sơ Đỗ-hữu-Phương ( n.t. );

— Hồ-sơ Trần-bá-Lộc ( n.t. );

— Hồ sơ các nhơn-vật Pháp đồng thời (Luro, Vial, v.v.).

Một tài liệu nhỏ, tập hồ sơ các người nhập Pháp-tịch, được thăng thưởng, được « mề-đay » có khi một cách bất ngờ cho ta một chi tiết quan trọng về nhơn vật ta muốn viết tiểu-sử.

Các tài-liệu trong Schreiner, de la Barrière. v.v , đã được hai bạn Ngọc-Linh và Sơn-Nam khai thác để viết tập nhỏ « Nguyễn-Trung-Trực, anh-hùng dân chài » (Phù-Sa xuất bản năm 1959) gần hết rồi. Theo tôi, tập nhỏ nầy viết kỹ và đầy đủ khá. Công-phu nhứt.

Nhưng như đã nói, viết sử soạn sử là ăn mía ngọt, nhai đi nhai lại một cái bã cũ mèm. Tôi vì liệu sức và vì thấy còn phải soạn bài khác nên không dám ôm đồm việc nầy. Tôi chỉ cho các bạn nào muốn thử viết về Nguyễn-Trung-Trực, xin đừng nhắm ngay về ông mà viết và nên đọc cho thật nhiều tài-liệu chất chứa trong các sách báo cũ, hoặc đọc được các tài-liệu văn-khố kể trên, rồi tìm cách tự nơi mình gạt bỏ những chi-tiết

http://hoangsa.org

rườm rà vặt vãnh, giải thoát và lọc lại những đoạn cần yếu, nhấn mạnh vài chỗ quan trọng mình xét thấy được, thì tôi dám chắc, sẽ không uổng công-phu đọc khảo, chọn lọc và sưu tầm.

Riêng tôi, sẵn tánh ham khảo cổ và ham hiểu biết thêm về sử-liệu, tôi xin kể chơi lại đây hai bằng chứng trước mắt để đánh dấu tình-hình xã hội ngoài Huế-đô và trong Nam-kỳ, vào những năm chung quanh cái năm qui thần của Nguyễn-Trung-Trực: năm 1868 dương-lịch trùng với năm âm-lịch Mậu-thân đời vua Tự-Đức.

a) Bằng chứng thứ nhất là cái tô tôi tìm được tại Huế, tôi đã nhắc lại kỹ càng trong số Bách Khoa thời-đại 275 và 276 (xin tìm đọc chớ ở đây tôi không nhắc lại). CĂN CỨ THEO CÁI TÔ NẦY, DO MỘT ĐẠI-THẦN NGOÀI HUẾ ĐẶT THỢ TRUNG-HOA LÀM VÀO NĂM NƯỚC NHÀ CÓ VIỆC (1868), THÌ TÔI HIỂU CÁC QUAN NGOÀI NỚ KHÔNG QUAN TÂM VIỆC NƯỚC CHO LẮM VÀ CHỈ THỪA DỊP NÀO THUẬN TIỆN THÌ LO RIÊNG VIỆC MÌNH. (Đặt làm tô để thờ trong từ-đường gia-tộc mình). (Sắm đồ ngoạn-hảo là việc chỉ nên làm buổi thái bình).

b) Trong khi ấy tại Sài-Gòn, Tây lo củng cố địa vị và bày trò chơi tiêu-khiển vui đùa cho dân quên việc nước, cũng như tạo các cầu kiểu đồ sộ dân thấy lực lượng và khả năng của Tây, tỷ dụ như xây cầu Thị-Nghè gần vườn Bách-Thảo mà năm nay đúng một trăm năm thì chúng ta lại phá bỏ để xây cầu khác hợp thời-đại nầy hơn (và cũng đánh dấu một kỷ-nguyên mới).

Như vậy, theo tôi thấy, triều-đình Huế phó thác việc kháng Pháp cho dân Miền Nam tự đảm đương lấy. Trong khi ấy, vừa hèn nhát vừa hiểm độc, triều-đình còn giả bộ khiển trách và không nhìn nhận sự kháng Pháp lẻ loi của các nhóm có đầu óc ấy. Một mặt khác lại ám trợ bằng cách gởi súng lớn vào Nam cho Tây bắt được, có bằng cớ dẫn mặt triều đình Huế, thật là giấu đầu lòi đuôi.

http://hoangsa.org

Ngón cờ của Tây thật là thâm độc. Tôi xin tóm tắt những việc quan trọng xảy ra trong những năm nầy:

Vả chăng đất Nam-kỳ lục-tỉnh của Nguyễn-triều khai phá để lại, gồm:

— ba tỉnh Miền Đông (Biên-hòa, Gia-định, Định-Tường), thì đã bị Tây chiếm đoạt và bắt nhượng cho chúng theo điều-ước ký ngày 5-6-1862:

— ba tỉnh Miền Tây (Vĩnh-long, Châu-đốc, Hà-tiên), cũng bị Tây đánh lấy vào năm 1867.

Sau đó lục tỉnh Nam kỳ bị Tây nuốt trọn và bị cắt nhượng hẳn cho chúng nó theo điều-ước ký ngày 15-3-1874, nhưng từ năm 1867 thì kể như không còn trong tay triều đình Huế nữa, mất rồi.

Trong khi ấy, ngày 11-8-1863, xứ Cao-Miên ký với Pháp điều-ước thỏa thuận chịu đặt dưới quyền bảo-hộ của lang sa.

Như vậy năm 1868 là *năm thứ nhì* sau khi Tây đoạt ngon lành sáu tỉnh béo mỡ Miền Nam.

Nói chi đáng, nước Nam ta lúc ấy bị cắt đất cầu hòa, thì ít nữa cũng kháng cự tận lực và oanh liệt như cô gái cô-đơn bị thằng giặc mạnh và đông người xúm bắt và cưỡng bức. Nực cười chị gái da ngâm ngâm đen-cô bạn láng diềng vú bự, chưa chi thấy oai thằng Pháp đã lật đật mở chăn váy tự hiến thân, cũng như bây giờ, lịch-sử là cuộc tái-diễn đời đời trở đi trở lại, bây giờ cũng rập rận mong việc ngoại tình;

Dân Miền Nam nói ít làm nhiều: Trương-công-Định, Nguyễn-Hữu-Huân, Nguyễn-Trung-Trực, mỗi người mỗi cách và mỗi địa-phương, chỉ biết vua nhục thì tôi nhục, vua giữ HIẾU với tổ-tiên, tôi giữ TRUNG với quân-vương thủy-thổ. Cái chết của Trực sau nầy, vì mẹ và vợ bị bắt, và cũng vì thằng bạn cũ (Huỳnh-công-Tấn) cám dỗ gạt gẫm một phần.

http://hoangsa.org

Tôi có cái tật ham nói sa đà mà gần lạc đề. Nay xin trở lại kể những năm quan trọng trước cái chết của người anh hùng:

— Ngày 10-12-1861, là năm Hỏa-hồng Nhựt-Tảo, Nguyễn-Trung-Trực đốt tàu Tây, khiến Tây để ý đến Trực và theo dõi hoài hoài cho đến chết mới thôi. Năm ấy, Trực vừa hai-mươi-hai tuổi.

— Năm 1862-1863 là năm Trương-công-Định chống Pháp kịch liệt ở Gò-Công, gây bối rối cho Tây không ít;

— Năm 1864, Trương-công-Định đền nợ nước ở Kiến-Phước;

— Cũng năm 1864, Nguyễn-Hữu-Huân bị đày sang đảo Réunion rồi kế được tha cho về để ở nhà Đỗ-Hữu-Phương, cảnh ngộ gần như của Cụ Nguyễn Khuyến phải ngồi dạy học bầy con cháu Hoàng-Cao-Khải ngoài Bắc;

— Năm 1866, có bày ra cuộc đấu xảo sản phẩm canh-nông và kỹ-nghệ lần thứ nhứt tại Sài-Gòn, khai mạc 25 2-1866; bế mạc 3-3-1866.

Nơi triển lãm: vùng đầu cầu Thị-Nghè ngày nay ngang Vườn Thảo-Cầm phía bên đất nhà binh ngày nay. (Đài Phát Thanh Quân-Đội).

Người đứng khai mạc là Soái De la Grandière.

Có mặt dự lễ là quan Phan-Thanh-Giản và ông Tôn-Thọ-Tường, ông Trương-Vĩnh-Ký, vân vân.

Các vật đấu xảo: đồ nữ trang vàng bạc do thợ khéo Sa-đéc làm, ngà voi; chưn voi bịt bạc nơi móng làm ống đựng ngũ sự, bát bửu, các thổ sản địa-phương: bạch đậu khấu, quế, trầm, hồ tiêu, sáp, mật ong, chiếu lác cạp điều, nón lông, quạt lông...

— Cũng năm 1866, Thiên-hộ Dương, sau trận Tháp Mười (tháng 4 năm 1866) không còn là lực lượng kháng Pháp đáng kể;

http://hoangsa.org

— Năm 1867, ngày 20 tháng sáu, De la Grandière dùng binh-lực, võ-lực, áp bức quan kinh-lược Phan-Thanh-Giản nhượng thành Vĩnh-long, sai lính san-đá lên chiếm giữ Vĩnh-long (đêm 21 rạng 22) sai lính đi chiếm Châu-đốc (cũng đêm 21-22) và đi lấy Hà-tiên (24-6-1867);

— Cũng khi ấy Tây chiếm Rạch-Giá (1867);

— Ngày 14-11-1867, Tôn-Thọ-Tường cùng đi với Đỗ-Hữu-Phương xuống Bến-Tre, đến Gảnh Mù-U (1) thuyết hòa và dụ hàng các con ông Phan-Thanh-Giản, nhưng việc bất thành;

— Ngày 25-1-1868, (mồng một tết Mậu-thìn) có một chiếc tàu của triều-đình Huế vào sông Sài-Gòn chở sứ bộ bàn lập hòa-ước Việt-Pháp định thay thế hòa-ước năm 1862, nhưng rốt cuộc hòa-ước 1868 không được Pháp-đình chuẩn y (theo Khuông-Việt, Tôn-Thọ-Tường, bản 1942, trương 62);

— Ngày 27-2-1868, Tôn-Thọ-Tường và Trương-Vĩnh-Ký được giao-phó trách nhiệm qui định lối viết tên những thị trấn của xứ Nam-Kỳ và điều hòa cách đo lường đã thông dụng của ta và phép đo lường của người Pháp (Khuông-Việt, Tôn-Thọ-Tường, tr. 62). Tài-liệu nầy cho ta thấy năm ấy (1868), bề thế của Pháp tại đây đã vững chắc lắm rồi.

— Cũng năm 1868, trong khi Tôn-Thọ-Tường ngồi trấn tại quận Vũng-Liêm (thuộc Vĩnh-long) thì có Nguyễn-văn-Chất (một cụ già ngoài 60 tuổi) khởi nghĩa tại Vĩnh-long và có Lê-công-Thành, Phạm-văn-Đồng, Lâm Lễ, Âu-Dương Lân, khuấy rối các tỉnh Vĩnh long, Long-xuyên, và Cần-thơ (Khuông-Việt, Tôn-Thọ-Tường, tr. 68);

---

(1) Xin lưu ý: Vì Cụ Phan sanh tại Gảnh Mù-U, mà bông Mù-U thì trắng khi còn búp đẹp và dân Miền Nam thường dùng thế cho bạch-mai, nên Cụ Phan lấy hiệu là «Mai-khê tiên-sanh». Gảnh Mù-U đi lần đến Rạch Cái-Mít. Có một ông Cử dịch ra quốc-ngữ *Rạch Cái-Mít* là *Ba-La-Đà*, thật là điếc con ráy.

http://hoangsa.org

— Ngày-16-6-1868, Nguyễn-Trung-Trực đánh úp Rạch-Giá, giữ được đến ngày 21-6;

— Năm 1868, sau trận Rạch-Giá, Trực lui về cố thủ tại Phú-Quốc. Mẹ và gia-đình bị phe Tây bắt. Binh tàn, thế tận, Trực chán nản tự sai bộ-hạ trói mình đem nạp cho Tấn và Tấn khoe bắt sống được Trực. Việc xảy ra sau đó và việc Trực thọ hình, tôi không biên vì quá đau đớn cho người liệt sĩ và đã có người khác biên chép thế tôi. Nguyễn-Trung-Trực bị hành hình tại Rạch-Giá ngày 27-9-1868, tuổi vừa ba-mươi. « Mạng ấy đoản mà danh ấy thọ » nay ông hưởng hương khói làng Vĩnh-Thanh-Vân (Rạch-Giá) ngàn thu. Không hổ với hai anh hùng đời xưa: Hạng Võ và Hàn Tín đều mất năm ba-mươi-hai tuổi.

Không như Huỳnh-công-Tấn, lót chữ « công » chi cho thêm thẹn. Lúc sanh tiền, Tây trọng vọng, khi thác, Tây dạy xây bia nhắc đời trước chợ Gò-Công và lấy tên đặt cho chiếc tàu là « Chaloupe Lãnh-binh Tấn ». Tưởng là trường-cửu. Té ra Việt Nam được độc lập ngày nào (1945), thì bia Huỳnh-Tấn bị phá bỏ, đến con cháu nay cũng không dám khoe danh. Tấn chết bịnh ngày 26-XI-1874 để lại danh nhỏ. Sống, thọ làm chi cho chật đất. Trực chết yểu, nhưng được thành thần. Và có vì quí cho bằng « sanh vi tướng, tử vi thần » như Trực. Lại nữa, câu thi cổ từng khuyên « mỹ-nhân, danh-tướng chớ để cho người thấy bạc đầu » (mỹ nhân tự hữu như danh tướng, bất kiến nhơn gian đáo bạch đầu). (1) Vua Gia-long, vua Minh-Mạng chẳng là chúa của Lê-văn-Duyệt. Nhưng đời hai chúa lui dần vào dĩ-vãng, trong khi ấy gương một tôi trung chói loà cùng nhựt nguyệt. Và ông Lê-văn-Duyệt hưởng hương khói thiên thu. Tôi không chắc Nguyễn-Trung-Trực lúc sanh tiền có yết kiến thiên nhan vua Dực-Tôn? Nhưng Trực chết vì vua vì nước và ngày nay nhơn dân tỉnh Rạch-Giá còn sùng bái gương nghĩa-khí và lập miếu thờ.

---

(1) Câu nầy tôi nhớ thuộc lòng, nếu có sai xin nhờ dạy lại. V.h.S.

http://hoangsa.org

Tái bút — Thơ ngõ khá dài mà lại không sát đề. Xin ông bạn miễn chấp. Tôi chẳng qua học lóm, thấy sao nói vậy Một điều ân hận, luôn tiện xin nói luôn, là như cây cầu Thị-Nghè, vừa đúng một trăm tuổi thì bị phá luôn, thay cây cầu khác, cũng như những cây cổ thọ trồng hai bên lề các con đường Sài-Gòn, vừa có tàn cho bóng mát thì bị cốt bị hạ, mở con đường thêm rộng bề ngang, không bị đốn cũng chết ngộp vì nạn khai quang, cứ cái đà nầy tiếp diễn thì chẳng bao lâu Sài-Gòn không còn chi là cổ tích. Mả mồ xưa cũng phá, dẹp chỗ xây cao ốc, nhà xưa chê nhiều cột, đường xưa chê không đủ bề rộng cho xe tránh. Văn-minh mới dường như giá rất đắt mà kết quả ra sao, vẫn chưa thấy. Văn-minh cũ, ngày nay có người vôi chê bất hạp thời, nhưng văn-minh cũ ấy từng sản xuất một Phan-Thanh-Giản trong nhóm học trò, một Nguyễn-Tri-Phương, một Trương-công-Định trong giới cầm đao múa võ, và trong giới dân chài ít học lại có Nguyễn-Trung-Trực và biết bao nhiêu liệt-sĩ vô danh chết xiêu mồ lạc mả, chết không ai biết. Ông bạn nghĩ sao ?

Gia-định ngày 10 tháng 10 dương-lịch 1968.
*VƯƠNG HỒNG-SỂN*

**CÔNG-TY THỦY-TINH VIỆT-NAM**

**Công-Ty nặc danh vốn 170.000.000 $ VN**

*CHUYÊN SẢN XUẤT VE, LỌ ĐỦ LOẠI VỚI KỸ THUẬT VÀ MÁY MÓC TỐI TÂN NHẤT VIỆT-NAM.*

TỐT VÀ RẺ HƠN SẢN PHẨM NGOẠI QUỐC

*— Trụ-Sở Chánh : 76, Tôn-Thất-Thuyết — KHÁNH-HỘI*
SAIGON — Đ. T. : 93.149

*— Trụ-Sở Thương-Mãi : 16-18, Hai Bà Trưng (Lầu I) — SAIGON*
Đ. T. : 25.198

*— Nhà Máy : 76, Tôn-Thất-Thuyết — KHÁNH-HỘI*
*SAIGON*
Đ. T. : 93.149

http://hoangsa.org

# Ý KIẾN BẠN ĐỌC

*L.T.S. Mục này có chủ đích giúp bạn đọc có thể đối thoại với các tác giả về các bài đã đăng trên Tập San hay bạn đọc góp các tài liệu vụn vặt, giá trị nhưng lại không bổ để viết thành bài khảo cứu.*

● Ý kiến của *Ông Trọng Toàn NGUYỄN VĂN KIÊM, Sài-gòn.*

## LỤC TỈNH LÀ GÌ ?

Ngày kia, tôi lật một quyển tự-điển, kiếm nghĩa mấy chữ : lục, tru lục.

Nhờ đó, tôi thấy một sai lầm nho nhỏ của tác-giả.

Ông ấy kể : Lục-tỉnh là Biên-hòa, Gia-định, Mỹ-tho, Long-hồ, An-giang, Hà-tiên, như ai nấy đều biết, dùng chữ Mỹ-tho là không đúng, phải nói Định-tường.

Tôi không cố ý vạch lá tìm sâu, quyển tự-điển kia, trong khoản 19, 20 năm, đã bán chạy lắm rồi, nó không vì mấy câu chỉ trích mà phải ế ẩm.

☆

Tiện đây, tôi đưa ra một hai ý kiến, nước Việt nam lần lần tiến tới tự do, độc lập thật sự thì tác giả tự điển phải cố gắng thật sự theo Âu Mỹ, mỗi công-dân tự nhiên là phải cố gắng trong ngành hoạt động của mình.

Ta đòi hỏi một số cộng sự viên quá nhiều, như ở tự điển «bách-khoa» Quillet, thì quá đáng, nhưng tối thiểu phải có 3, 4 người dò đi dò lại, chậm rãi và kỹ-càng.

http://hoangsa.org

Ở một hai phòng chấm thi tiểu-học, có những lỗi sờ sờ ra đó, mà phải lâu lâu mới thấy được.

☆

Sự sai lầm ở sách vở, thật đáng tiếc, mà đối với sách giáo-khoa chữ Pháp, thì lỗi lầm, sơ sót ở năm bảy quyển sách VN. kể là khá nhiều, — xin xem một bài phê-bình sách giáo-khoa Tiểu-học, ở tạp chí Bách Khoa, 1-6-1968.

Cũng nên xem Bách-Khoa ngày 1-5-1968; Đồng-nai văn-tập, các số 7, 12, 14, năm 1968, có mấy bài phê bình về sách cao-học, lượm ra 15, 20 điều lầm lỗi.

Có lẽ các bạn đọc — cũng như tôi —, nhận thấy rằng: những đi kiểm-soát việc xuất bản, việc phổ-biến sách vở ở học-đường, chưa làm đầy đủ phận sự.

CÔNG-TY GIẤY VÀ HÓA-PHẨM ĐỒNG-NAI
(Société de Papeterie et de Produits Chimiques du Donnai)
COGIDO
CÔNG-TY NẶC-DANH VỐN 213.180.000$00
Trụ sở — 17, Bến Chương-Dương, SAIGON
Nhà máy — An-Hảo — BIÊN-HÒA
Văn-phòng Thương-Mại — 3, Võ-Di-Nguy, SAIGON
Điện-thoại: 25.659
▽
CHUYÊN SẢN XUẤT CÁC LOẠI
Giấy in — Giấy viết
Giấy bìa — Giấy gói
Giấy Duplicateur — Giấy Bristol
Carton DUPLEX — Carton gris
Carton paille
NGANG HÀNG VỚI SẢN-PHẨM NGOẠI-QUỐC

http://hoangsa.org

# Giới thiệu Sách Báo

● *QUÁCH TẤN, Nước Non Bình Định. Sài-gòn, Nam Cường, 1967*

Trong một loạt những địa phương chí viết gần đây, phải công nhận quyển « Nước non Bình Định » của thi sĩ Quách Tấn là có bề thế nhất. Học giả Nguyễn hiến Lê khi bày tỏ cảm tình nồng nhiệt trên *Tân văn* số 1, tháng 4-1968, đã chỉ giới hạn trong niềm thích thú văn nghệ từ tác phẩm đưa lại thôi chớ không phê bình, vì theo ông, ông « có biết chút gì về quê hương của thi sĩ Quách Tấn đâu mà phê bình »! Người đọc sách hôm nay tuy có hơn ông Nguyễn một chút là đã sống dưới chân hòn núi Xương Cá, cũng nghe loáng thoáng chuyện ông khổng lồ ăn cá vứt xương, nhưng lớn lên trong khung cảnh loạn lạc, gặp gia biến, không đi được nhiều, đến lúc rời làng thì lại đi biệt tăm, cho nên cũng nóng lòng đón chờ và sốt sắng đọc tác phẩm của ông thầy một thuở dưới ánh đèn dầu những ngày bom đạn cũ.

Phải nói chuyện cảm tình để đáp ứng ý hướng tình cảm đã thúc đẩy công trình trứ tác in dấu khắp quyển sách. Trên 515 trang giấy, hễ có cảnh, có người nhắc tích truyện là có thơ : ca dao, thơ cảm hoài, thù tiếp của bạn bè, của chính tác giả cố tình ẩn danh nữa. Cũng vì lẽ đó, người viết đã để dành trên 2/3 sách nói chuyện lịch sử, tả cảnh núi non, ao đầm, bờ biển, sông suối.. mà rõ ràng nhất, chi li nhất là chuyện quanh vùng Bình khê, quê hương tác giả. Kể bên, những đề mục « dân số », « kinh tế » lèo

http://hoangsa.org

tèo năm ba trang như lạc loài trong một bố cục không tương ứng và tương xứng với nhau.

Thực ra, không thể nào chỉ trích gì được nhiều về tính chất pha trộn khảo cứu và văn nghệ của tác phẩm, một mặt vì chính bản thân tác giả là thi sĩ hơn là học giả, mặt khác vì xã hội hiện tại quả không thuận tiện cho một tác phẩm nghiên cứu xuất hiện, mà có phổ biến được xong cũng không tránh khỏi tiếng « khô khan ». Bởi vậy, không nên bắt ép tác giả phải thế này thế nọ. Cứ chịu dõi theo lời tác giả, ta sẽ được những tài liệu thấm nhuần một ý thức tâm lý xưa cũ mà tác giả cũng chưa thoát ra được. Tha hồ cho các nhà khảo cứu về sau chọn lựa !

Về lịch sử, chuyện tích của 3 anh em Tây son và Mai xuân Thưởng nhiều và đúng chú ý nhất. Ta có thể gạt bỏ tài liệu truyền khẩu về thứ bực 3 anh em họ, nhưng chuyện về Đồng Cô Hầu chẳng hạn, thật đáng lưu giữ vì đã được xác nhận nơi khác là một địa điểm khởi quân quan trọng. Những chuyện bắt ngựa hoang, chém rắn, được kiếm đều là những bằng cớ về tin tưởng và mối tương giao xã hội trong vùng thời đó...

Nhưng lề lối giải thích sự kiện lịch sử do nguồn tin từ dân chúng chỉ được chấp nhận sau khi giải quyết mâu thuẫn này : một mặt trí nhớ dân chúng rất là kém cỏi, một mặt truyền thống lại có tính cách bền vững. Vấn đề đặt ra vì có tính cách phương pháp luận. Gọi trí nhớ dân chúng kém là cũng có bằng cớ : « Hầm Rùa ăn sâu vào núi... » (trang 102) không phải là một cổ tích gì cả. Đó chỉ là một loại *hầm bí mật* mà dân các xã quanh Kỳ sơn góp công, góp của — trong đó có người viết những dòng này — đào vào những năm 1952, 53 gì đó. Hiện nay nghe đâu du kích quân đang sử dụng những hầm đào dọc theo núi chớ không phải xuyên ngang nữa ! Vì lẽ đó, Hang chàng Lía (trang 192-94) thực cũng đáng nghi là có bàn tay người Phù cát, An nhơn nhúng vào !

Và phương diện thổ tục học, ngoài những sự kiện trên còn có những điều có thể khai triển dưới ánh sáng của luận lý, hay

http://hoangsa.org

theo một tầm mức ghi chép rộng rãi hơn : công tác khai phá, xã hội của các sư nơi những chùa hẻo lánh (sư chùa Linh Phong, nhà sư niệm kinh đưa người qua truông ở Màn Lăng...), sinh hoạt đặc biệt về một làng trên sông nước, lối thầu tư nhân trong hệ thống dẫn thủy nhập điền (đắp đập, thu hoa lợi vùng được hưởng nước), lối giải trí, ăn ở...

Mỗi thứ một ít trong một cuốn địa phương chí mà căn bản khảo sát là một *nền tảng đất đai*, cho nên địa lý có dấu vết lớn ở đây. Những khu vực núi non, những vùng đồng bằng, các ao đầm, hải đảo, chi tiết bờ biển mơ mộng lãng mạn va chạm với những con số thống kê khô khan về dân số, về sản lượng hoa màu, diện tích đất đai, đầu người ôm chân giáo chủ...

Tác giả không thể làm hơn được. Những con số chắc chắn đã được chính quyền địa phương ghi dùm. Qua tới địa lý hình thể thì được những câu tả cảnh tô vẽ thêm. Đến địa chất thì nhờ dân chúng che phủ bằng hoang đường: cái tombolo làm lấp cửa Cách Thử — sòng tát của ông Khổng lồ — núi Xương cá — cũng của ông Khổng lồ — hình như được thành lập nhờ vào một sức đẩy đứng từ dưới lên trên của vỏ quả đất ven bờ biển Đông ; dấu chân ông Khổng lồ — lại ông Khổng lồ! — ở Hầm hố, Suối Đá trải hình như chỉ là các dấu nước xoáy ; giếng Tiên tạo bởi gốc cây Trầm hương đồ còn lại trên núi Cong có lẽ là một hồ nước miệng hỏa sơn cũ...

Quan niệm địa lý của tác giả — thu nhận của người xưa — là một quan niệm phong thủy : Nguyễn Nhạc bốc mộ ông thân táng vào huyệt của ông thầy Tàu, Nhạc bị thầy Tàu bịp bảo đào sông quanh thành Đồ bàn làm cắt đứt long mạch... Quan niệm phong thủy chi phối tư tưởng tác giả rõ rệt ngay ở lúc không phải kể chuyện xưa mà là lúc tả các hướng núi nối tiếp, quây quần với nhau : « ... Long mạch xuống hướng đông đến hòn Mạ Thiên sơn... thì hồi cố... Những ngọn núi chung quanh đều xây mặt về triều củng như các vị đại thần đứng chầu một đấng anh quân. Còn gò đống kia là quần thần. » (trang 50, 51).

http://hoangsa.org

Thực ra, chúng ta có thể rộng rãi đối với một quan niệm địa lý học như vậy. Trong quá khứ ở nước ta, có hai cách viết địa lý phù hợp với hai giai đoạn của một khoa học. Giai đoạn miêu tả ở các bài ca về trong dân chúng (của ông Kiều ở Phù mỹ, của bài vè các chợ Phú yên..). Đám nho sĩ viết về địa lý cũng tả cảnh núi sông, nhưng tiến đến giai đoạn giải thích sự kiện và cố gắng thực hiện theo một y hướng duy-lợi trong quan niệm địa lý phong thủy.

Do đó, ta không lấy làm lạ về sự lủng củng mới cũ pha trộn trong «Nước non Bình định». Về khuyết điểm này, có lẽ ông Nguyễn văn Tư (*Non nước Phú yên*, Tiền giang xuất bản, 1967) đã tránh được một ít. Có điều là mở ý thức đạo đức lộ liễu hướng dẫn các địa phương chí trên, cũng như những sách đồng loại đang xuất hiện (*Vĩnh lọng xưa vù nay*, *Cần thơ xưa và nay*... của Huỳnh Minh) chỉ có thể biện hộ cho thiện chí người viết thôi. Mong mỏi của mỗi người là được thấy một địa phương chí trình bày một cách quân bình, sâu sắc, hay nếu muốn là một địa chỉ thì ít ra phải sàn sàn với quyển *Le Thanh hoa* của Ch. Roberquain xuất bản từ 1929! Nhưng điều kiện khách quan của sự xuất hiện đó trước hết là một nền hòa bình vững bền để tạo được điều kiện phát triển văn hóa thì lại vẫn còn trong vòng mong mỏi. Cho nên hãy chờ vậy.

*TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG*

3-10-68.

● *NGUYỄN THẾ ANH, Bán Đảo Ấn Độ từ 1857 đến 1947. (Các nét chính của sự diễn biến để tạo thành Ấn Độ và Hồn Quốc ngày nay)*. Sài-gòn, Trình Bầy, 1968.

Đối với độc giả *Sử Địa*, Nguyễn thế Anh không phải là một người xa lạ. Có tên trong ban chủ biên nhưng đồng thời Ông cũng có bài đăng trong hầu hết các số đã phát hành. Giá Trị của những bài Ông viết có thể bảo đảm một phần nào cho các sách của Ông.

http://hoangsa.org

Trong số trước, số 11, chúng tôi đã có dịp giới thiệu một tác phẩm sưu tầm, nghiên cứu của Nguyễn thế Anh : cuốn *Bibliographie critique sur les relations entre le Việt Nam et l'Occident* (*Ouvrages et articles en langues occidentales*). Cuốn này tiếc rằng viết bằng tiếng Pháp, xuất bản ở bên Pháp và không có bán ở Việt Nam. Vì vậy nó khó có thể đến tay các độc giả ở Việt Nam được. Trong số này, chúgg tôi xin giới thiệu tiếp tác phẩm Bán đảo Ấn Độ từ 1857 đến 1947, mới được xuất bản trong tủ sách Sử Địa của nhà Trình Bầy, của ông.

Đây là một tác phẩm có tính cách « giáo-khoa » và phổ thông nhiều hơn là một tác phẩm nghiên cứu, đúng như tác giả đã trình bày trong « Lời nói dầu ». Nó « chỉ là sự triển khai một bài giảng tại Đại Học Văn Khoa Huế trong niên khóa 1966-1967 mà mục đích là đề hiến cho một nhóm sinh viên một khái niệm về giai đoạn lịch sử Ấn Độ từ năm 1857 ». Tuy nhiên nếu quan sát cách trình bày, theo rõi nội dung của tác phẩm, đồng thời đem đối chiếu nội dung này với nội dung của các tác phẩm mà ông đã dùng đề tham khảo, người ta phải nói rằng Nguyễn thế Anh đã rất công phu và rất sư phạm trong việc biên soạn. Toàn thể giai đoạn có thể nói là phức tạp khó giải thích của lịch sử Ấn Độ kể trên cùng với những vấn đề của Ấn Độ trong thời hiện đại đã được cô đọng trong 168 trang giấy. Cái khó thứ nhất của tác giả là ở chỗ đó. Gia dĩ đối với đa số độc giả Việt Nam, kể cả các sinh viên, lịch sử Ấn Độ tương đối hãy còn xa lạ. Trình bày giai đoạn 1857—1947, người ta không thể khởi đầu bằng năm 1857 với những biến cố chính trị mà còn phải đề cập tới những yếu tố căn bản khác như kinh tế, xã hội, văn hóa chủng tộc... của Ấn Độ, những yếu tố rất cần thiết cho việc tìm hiểu lịch sử của Ấn Độ. Những yếu tố này cũng được nói tới trong sách và được nói tới một cách đầy đủ, sáng sủa và không làm cho trình độ tác phẩm trở thành thấp kém Sau đây là cách bố cục của tác phẩm :

Phần thứ nhất gần 4 chương nói về xứ Ấn Độ dưới thời thuộc địa từ tình trạng xã hội tổ chức hành chánh, sinh hoạt

http://hoangsa.org

nông thôn đến sự xuất hiện của những cơ cấu kỹ nghệ đầu tiên cùng với những vấn đề lớn, do những biến chuyển trong những thời gian này gây ra mà chính quyền thuộc địa phải đương đầu.

Phần thứ hai gồm 3 chương dành cho phong trào quốc gia Ấn và sự tranh đấu giành độc lập của Ấn Độ. một giai đoạn rất quan trọng của lịch sử Ấn Độ hiện đại từ lúc nó mới phát sinh qua các cuộc tranh đấu của Thánh Gandhi đến thời độc lập trong qua phân.

Trong tình trạng thiếu thốn sách đọc và nhất là những sách có giá trị như hiện tại. Bán đảo Ấn Độ từ 1857 đến 1947 chắc chắn sẽ được đón nhận và hoan nghênh.

*CAO HOÀI*

● *Tập San Sử Địa* đã nhận được :

— *NẾP CŨ, TÍN NGƯỠNG VIỆT NAM* quyển hạ của TOAN ÁNH. Sách dày 451 trang trình bày đẹp, nội dung phong phú do Nam Chí Tùng Thư xuất bản. Sài-gòn, 1968. Giá 380$.

— *Người Việt Đất Việt* của TOAN ÁNH và Cửu Long Giang, Sách dày 528 trang, do Nam Chi Tùng Thư xuất bản. Sài-gòn, 1967. Giá 360$.

— *Phi Châu Da đen* của PHẠM CAO-DƯƠNG. Sách dày hơn 200 trang, trình bày thật trang nhã, nội dung phong phú do Trình Bày xuất bản Sài-gòn, 1968. Giá 130$.

— *A General survey of The Boat People in Hong Kong* của HIROAKI KANI. Monograph Series no 5 do Southeast Asia studies Section, New Asia Research Institute, The Chinese University of Hong Kong xuất bản. Hong Kong, 1967.

— *Việt Nam Thời Bành Trướng : Tây Sơn của* NGUYỄN-PHƯƠNG. Sách dày 408 trang. Nội dung phong phú do KHAI TRÍ xuất bản. Sài-gòn 1968. Giá 250$.

Xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc.

http://hoangsa.org

# hộp thư Sử Địa

● *Dương Văn Liêm, Sađéc* — Mới học lớp đệ tứ mà em đã thích *Sử Địa* như vậy. Thật là điều mừng và quí hóa lắm. Chương trình địa lý lớp đệ tứ dạy về Việt Nam sẽ giúp em tìm hiểu về các địa danh Việt Nam. Muốn cho tường tận, em hãy xem bản đồ chính thể hay chính trị), đọc nhiều sách báo nhất là các loại địa phương chí. Muốn mua *Sử Địa* từ số 1 đến số 10, hiện nhà sách Khai Trí, 62 Lê Lợi Sài gòn có bán đầy đủ. Nhưng riêng số 1 đã hết, tuy vậy *Sử Địa* đóng bộ tập 1 (từ số 1-4) giá 150$ 1 tập hiện nay còn một ít tập. Có bày bán ở Khai Trí. Có thể gửi tiền đến Tòa báo nhượng lại những số báo em chưa mua được.

● *Ô Phạm Đức Khôi, K.B.C. 4648.*

Rất cám ơn Ông về sự khuyến khích của Ông. Sở dĩ *Sử Địa* không đăng phần phụ lục như đảng qui, chương trình hoạt động cửr VNQDĐ trong tài liệu của Sở Mật Thám Đông Dương vì phần này quá dài, gấp 2, 3 lần phần tài liệu chính mà khuôn khổ tờ báo lại có hạn. Vì vậy rất tiếc không thể nào làm hơn. Tuy nhiên, nếu không có gì trở ngại sau khi đăng hết các tài liệu về đảng phái của Sở Mật Thám Đông Dương, chúng tôi sẽ có bài tổng kết nhận định về sự tổ chức như đảng qui, chương trình hoạt động của các đảng phái ấy. Đảng sẽ được đăng sắp tới có thể là đảng Đông Dương Cộng Sản Đảng.

---

## ĐÍNH CHÍNH Sử Địa Số 11

### Bài Vụ Bắc Sứ năm Canh Thìn... *của Hoàng Xuân Hãn*

| *Thay vì* | *Xin đọc* |
|---|---|
| r. 204, d 20 : Cần doanh | Cầu doanh |
| tr. 206, d 5 : Xuống thuyền ngược (?) giạo... | Xuống thuyền ngược giạo... |
| tr, 211, d 16 : Đưa người | Đưa ngươi |

http://hoangsa.org

# MỤC LỤC TẬP SAN SỬ ĐỊA

## từ 1966 đến 1968

### TẬP SAN SỬ ĐỊA năm 1966


1 ANH, Nguyễn thế
- *Thuyết Mác xít và sự giải thích lịch sử bằng những nguyên nhân kinh tế và xã hội* — *S Đ.* số 2, tt. 29-34

2 BỬU CẦM
- *Các sứ bộ do Triều Nguyễn phái sang nhà Thanh* — *S. Đ.* số 2, tt. 46-51.
- *Hai bức thư bằng chữ Nôm về thế kỷ 17* — *S Đ.* số 4, tt. 27-31.

3 DƯƠNG, Phạm cao
- *Một vài chủ trương của triều đình Huế trong hòa ước Quí Mùi* (25-8-1883) — *S.Đ.* số 2, 4 tt. 52-60 — tt. 104-110.

4 ĐỨC, Mai Chưởng (dịch)
- *Tây Thái Hậu.* — *S Đ.* số 1, 2,4 tt. 115-121, tt. 89-114, t t. 127-135.

5 HẢI, Nguyễn
- *Vài ý niệm về ích lợi của khoa Hải Dương Học (Océanographie) đối với ngành Hàng Hải* — *S Đ.* số 4, t.t. 111-120.

6 HÃN, Hoàng Xuân
- *Những lời thề của Lê Lợi* — *S. Đ.* số 1, 2 tt. 3-22, tt. 11-28.
- *Gốc tích của Chúa Trịnh và một bức thơ nôm của Trịnh Kiểm* — *S. Đ.* số 4, tt. 3-26.

7 KHOANG Phan
- *Lược sử chế độ Xã thôn ở Việt-Nam* — *S Đ.* số 1, tt. 34-51.

(dịch)
- *Đại Nam Thực lục Chính biên* — *S. Đ.* số 1, 2, 4 tt. 106-114 — tt. 82-88 — tt. 121-126.

http://hoangsa.org


- *Để kiến thiết Quốc Gia, nghiên cứu quốc sử là công việc tối cần thiết trong lúc này — S. Đ.* số 2, tt. 3-10.
- *Luận về Nguyễn Trãi — S Đ.* số 4, tt. 32-44.

8 LÊ THỌ XUÂN
- *Vài giai thoại có dính líu tới cụ Lãnh binh Trương Định — S.Đ* số 3, t. 81-92.

9 LIÊM, Lâm Thanh
- *Thử phác họa những nét đại cương về địa lý hình thể Nam Phần Việt Nam — S. Đ.* số 1, 2, tt. 52-62 — tt. 35-45.

10 PHÁT, Trương bá (Phù Lang)
- *Tỉnh Định Tường ngày xưa — S. Đ.* số 1, t. t. 68-85.
- *Trương Định dõng tướng huyện Tân Hòa — S Đ.* số 3, tt. 3-80.

11 PHƯƠNG, Nguyễn
- *Đà lịch sử,... — S.Đ.* số 1, t.t. 23-33.

12 SẺN, Vương hồng
- *Trương Công Định và đạo Hiếu Trung — S Đ.* số 3, tt. 130-142.

13 SƠN, Phạm văn
- *Xét lại nguyên nhân của các vụ loạn dưới đời Tự Đức — S Đ.* số 1, tt. 63-67.

14 THẨM, Nghiêm
- *Tương quan giữa Sử học và Nhân Chủng học - S Đ.* số 1, tt 63-67.

15 TIẾU, Phạm đình
- *Thử trình bày một cách trắc nghiệm về môn Địa lý áp dụng cho các lớp ở bậc Trung Học — S.Đ* số 2, tt. 61-68.

16 TÔ NAM (dịch)
- *Đại Nam Chánh biên Liệt truyện — Tiểu sử Trương Định — S Đ.* số 3, tt. 143-144.

TÔ NAM và Bùi Quang TUNG (dịch)
- *ĐỘN AM Văn Tập — Lãnh Binh Trương Định truyện — Hồ Huân Nghiệp Truyện — S. Đ.* số 3, tt. 102-114.

http://hoangsa.org


| | |
|---|---|
| | ● *Tình hình Ba tỉnh Nam Kỳ Tự Đức năm thứ 16 (1863)* — *S. Đ.* số 3, tt. 145-160. |
| 17 TRẦM, Phạm quí (dịch) | ● *Vọng sơn niên phổ* — *S Đ.* số 2, tt. 96-81. |
| 18 TRƯỜNG, Tạ chí đại | ● *Một vấn đề của sử học Việt Nam: Vị trí của Đại Việt, Chiêm Thành, Phù Nam trong lịch sử Việt Nam* — *S. Đ.* số 4, tt. 45-103 |
| 19 TUNG, Bùi Quang | ● *Thân thế và thơ văn của Nguyễn Thông* — *S. Đ* số 3, tt. 93-101. |
| 20 TƯỜNG, Hồ Hữu | ● *Hiện tượng Trương Công Định* — *S. Đ.* số 3, tt. 115-129. |


## TẬP SAN SỬ ĐỊA năm 1967


| | |
|---|---|
| 1 ANH, Nguyễn Thế | ● *Vấn đề lúa gạo ở Việt Nam trong tiền bán thế kỷ XIX* — *S Đ.* số 6 tt. 6-16. |
| | ● *Phan Thanh Giản dưới mắt người Pháp qua vài tài liệu* — *S. Đ.* số 7 và 8, tt, 22-34. |
| 2 BẢNG-SƠN (Tô-Nam) | ● *Giai thoại về thơ khai bút* — *S. Đ.* số 5, tt. 172-177. |
| 3 BỬU KẾ | ● *Nhìn qua các nghi-lễ Triều đình Huế* — *S. Đ.* 5, tt. 9-17. |
| 4 CẦN, Trương Bá | ● *Phan Thauh Giản đi sứ ở Paris* — *S. Đ.* số 7 và 8, tt. 3-21. |
| 5 Châu-giang-TỬ (Dorohiem) | ● *Lễ Tết Nguyên Đán Chôl Chnăm Thmây của đồng bào Miên* — *S. Đ.* số 5, tt, 113-117. |
| 6 DĨ, Nguyễn trắc | ● *Thưởng xuân trên Cao Nguyên với rượu cần của đồng bào Thượng* — *S. Đ.* số 5, tt. 145-153. |

http://hoangsa.org

7 DOROHIEM
- *Tục thường Xuân của đồng bào Hồi giáo* — *S. Đ.* số 5, tt. 35-41.

8 ĐƯƠNG, Phạm cao
- *Lịch sử, sử ký, sử học. Những danh từ cần phải định nghĩa và phân biệt* — *S. Đ.* số 6, tt. 63-71.

9 ĐÔNG-HỒ
- *Những lễ hội ở Hà Tiên trong ba tháng mùa Xuân* — *S. Đ.* số 5, tt. 178-189.

10 ĐỨC, Mai chưởng (dịch)
- *Tây Thái Hậu* — *S. Đ.* số 6, tt. 163-166.

11 HÃN Hoàng Xuân
- *Vụ Bắc sứ năm Canh Thìn đời Cảnh Hưng với Lê Quí-Đôn và bài trình bằng văn nôm* — *S. Đ.* số 6, tt. 3-5 — tt. 142-162.

12 KHOANG, Phan
- *Lễ tiến Xuân, nghênh Xuân dưới triều Nguyễn* — *S. Đ.* số 6, tt. 18-19-26.
- *Xã Hội Việt Nam trước đây có phải là phong kiến không?* — *S. Đ.* số 6, tt. 17-36.

(dịch)
- *Đại Nam Thực Lục Chánh Biên* — *S. Đ.* số 6, tt. 135-141.

13 LÃNG-HỒ (Nguyễn khắc Kham)
- *Một nghi vấn về Tập Tây Phù Nhật Ký* — *S Đ.* số 7 và 8, tt. 35-40.

14 LĂNG, Nguyễn bá
- *Tranh Tết* — *S. Đ.* số 5, tt. 196-208.

15 LONG-ĐIỀN (dịch)
- *Việt Nam Quốc Dân Đảng* — *S. Đ.* số 6, tt. 96-123.

16 MAI SƠN
- *Bài văn Bia ở Miếu Văn Thánh Vĩnh-Long do Phan Thanh-Giản soạn* — *S. Đ.* số 7 và 8, tt. 232-248.

17 Marty, Louis (Sở Mật Thám Đông Dương)
- *Việt Nam Quốc Dân Đảng* — *S. Đ.* số 6, tt. 96-123.

18 NGHIÊM, Nguyễn văn
- *Mùa lễ Tết trên Cao Nguyên* — *S. Đ.* số 5, tt, 118-132.

http://hoangsa.org

19 NGÔN, Lê văn
- *Nhơn cuộc du Xuân, may gặp kho tàng quí giá về cụ Phan Thanh Giản* — *S. Đ.* số 7 và 8, tt. 149-153.

20 NHÂN, Phạm Trọng
- *Tết Lào ở... Xứ Lào* — *S. Đ.* số 5, tt. 83-98.

21 PHÁT, Trương Bá (Phù Lang)
- *Quan Thượng thưởng Xuân* — *S. Đ.* số 5, tt. 110-195.

22 SẺN, Vương-Hồng.
- *Cảm tưởng về Tết trong Nam* — *S Đ.* số 5 tt. 28-34.

23 SƠN, Phạm-Văn
- *Cổ nhân và các tục lệ về ngày Xuân* — *S Đ.* số 5 tt. 67-82.
- *Thái độ và hành động của nhân sĩ Việt Nam trong khoảng đầu thế kỷ XX* — *S.Đ.* số 6, tt. 37-62.

24 TĂNG HẬU
- *Lễ Tết của người Quảng Đông tại Trung Hoa và Việt-Nam* — *S.Đ.* số 5, tt. 99-112.

25 TÂM, Quách Thanh
- *Khung cảnh thiên nhiên và ảnh hưởng của nó đến đời sống nông thôn ở Châu Thổ Nam Phần* — *S. Đ.* số 6, tt. 121-134.

26 TẦN, Phan-đình
- *Các dòng hải lưu trên Đại-Dương* — *S Đ.* số 6, tt. 72-80.

27 THÁI VIỆT ĐIỂU và Phù Lang
- *Lịch sử bang giao Lào Việt* — *S. Đ.* số 6, tt. 81-92.

28 THÔI-TIÊU-NHIÊN (dịch).
- *Lễ Tết của người Quảng Đông tại Trung Hoa và Việt Nam* — *S Đ.* số 5, tt. 99-112.

29 THỤC, Nguyễn-Đăng
- *Vũ-trụ âm-dương* — *S Đ.* số 5 tt. 3-8.

## TẬP SAN SỬ ĐỊA năm 1968

1 ANH, Nguyễn thế
- *Việt Nam và các Đông-Ấn Công-Ty* — *S. Đ.* số 11, tt. 3-11.

http://hoangsa.org

2 ĐẠI, Trần Đăng
- *Thử tìm hiểu về Lũy Trường-Dục và Lũy Đồng Hới* — *S. Đ.* số 11, tt. 31-54.

3 ĐỨC, Mai-Chưởng
- *Tây Thái Hậu* — *S Đ.* số 11, tt. 216-232
- *Đại Cương về Thủy Triều và Thủy Triều tại Duyên Hải Việt Nam* — *S. Đ.* số 11, tt. 12-30, tt. 3-30.

5 HÃN, Hoàng Xuân
- *Việt Thanh chiến sử theo Ngụy-Nguyên một sử gia Trung-quốc đời Thanh* — *S Đ.* số 9 và 10, tt. 3-8.
- *Vụ Bắc sứ năm canh Thìn đời Cảnh Hưng với Lê-quí-Đôn và bài trình bằng chữ Nôm* — *S.Đ.* số 11, t.t. 193-215.

6 HUY, Nguyễn (dịch)
- *Việt-Nam Quốc Dân Đảng tại Hải Ngoại*— *S. Đ.* số 11, tt. 136-156.

7 KHOANG, Phan
- *Những trương đầu của lịch sử Thuận Quảng.*
- *Những đợt di dân đầu tiên trong cuộc Nam tiến* — *S Đ.* số 11, tt. 55-80.
  *Đại Nam Thực Lục Chính biên* — *S Đ.* số 11, tt. 188-192.

8 KIẾN, Nguyễn (Doãn Thành)
- *Phép thi hương đời Lê-Trung-Hưng S. Đ.* số 11, tt. 124-135.

9 Marty, Louis (Sở Mật Thám Đông Dương).
- *Việt Nam Quốc Dân Đảng tại Hải Ngoại* — *S. Đ.* số 11, tt. 136-156.

10 NGHI, Đặng Phương
- *Vài tài liệu mới lạ về những cuộc Bắc tiến của Nguyễn Huệ* — *S. Đ* số 9 và 10, tt. 194-263.
- *Vài nét về Trường Cổ Điển Học Ba Lê và phương pháp chép sử* — *S Đ* số 11, tt, 157-162.

11 PHÁT, Tạ Quang
- *Vua Quang-Trung qua chính sử của triều Nguyễn* — *S Đ.* số 9 và 10, tt. 74-111.

http://hoangsa.org

- *Tây Sơn thuật lược* — *S.Đ.* số 9 và 10 tt. 155-176.

12 PHÁT, Trương Bá và Thái-Việt-Điểu
- *Bang giao Lào Việt* — *S.Đ.* số 11, tt. 163-187.

13 SƠN, Phạm văn
- *Để so sánh sánh các anh hùng trước Nguyễn Huệ với Nguyễn Huệ* — *S Đ.* số 9 và 10, tt. 139-154.

14 TẤN, Quách
- *Di tích và truyền thuyết về nhà Tây Sơn* — *S. Đ.* số 9 và 10, tt. 17-32.

15 Thục, Nguyễn Đăng
- *Trận Đống Đa với Chính Nghĩa Quốc gia* — *S.Đ.* số 9 và 10, tt. 9-16.

16 Tô-Nam.
- *Nguyên nhân của ngày giỗ-trận và lý do hưng vong của nhà Tây Sơn* — *S. Đ.* số 9 và 10, tt. 177-186.

17 TRƯỜNG, Tạ chí-đại
- *Vai trò của Nguyễn Huệ trong chế-độ quân chính của Tây Sơn* — *S. Đ.* số 9 và 10, tt. 33-47.
- *Chiến thắng Nguyễn Huệ trước viện binh*
- *Xiêm-La S.Đ.* số 9 và 10, tt. 48-58.
- *Dân Đại-Việt ở cuối thế kỷ XVIII* — *S.Đ.* số 9 và 10, tt. 59-73.
- *Góp thêm về phổ hệ Tây Sơn và chân dung anh em họ* — *S. Đ.* số 9 và 10, tt. 112-133.
- *Những bức thư chữ Nôm của Nguyễn Ánh* do Giáo Sĩ Cadière sưu tập — *S. Đ.* số 11, tt. 102-123.

18 TƯỜNG, Hồ hữu
- *Một vài phương thuật để nghiên cứu về Tây Sơn* — *S. Đ.*, số 9 và 10, tt, 187-193.

19 ƯỚC, Lê (Đại-Thạch)
- *Cuộc Duy Tân khởi nghĩa 1916 và Phan thanh Tài* — *S Đ.* số 11, tt. 81-101.

http://hoangsa.org

No 12
4ème trimestre 1968
4th quarter 1968

REVUE TRIMESTRIELLE
SỬ ĐỊA
QUARTERLY REVIEW

■ REVUE TRIMESTRIELLE DE RECHERCHE HISTORIQUE ET GÉOGRAPHIQUE

▼ QUARTERLY REVIEW OF HISTORICAL AND GÉOGRAPHICAL RESEARCH

■ PUBLIÉE PAR L'UNION DES PROFESSEURS ET DES ÉTUDIANTS DE LA FACULTÉ DE PÉDAGOGIE DE SAIGON.

▼ PUBLISHED BY A GROUP OF INSTRUCTORS AND STUDENTS OF THE FACULTY OF PEDAGOGY, UNIVERSITY OF SAIGON.

## ■ TABLE DE MATIÈRES
## ▼ CONTENTS

1 ■ *PHÙ LANG TRƯƠNG BÁ PHÁT. Nguyễn Trung Trực, le glorieux stratège de Tân An Phủ pp. 3-42.*

Relation détaillée de la révolte de Nguyễn Trung Trực, avec de nombreux extraits et traduction des documents en particulier deux ordonnances royales de l'empereur Tự Đức que l'auteur considère comme des faux.

▼ *PHÙ LANG TRƯƠNG BÁ PHÁT. Nguyễn Trung Trực, the gallant strategist of Tân An Phủ pp. 3-42.*

Detailed account of Nguyễn Trung Trực's revolt, with numerous extraits and translation of documents.

2 ■ *LÊ-THỌ-XUÂN. Quelques documents sur Nguyễn Trung Trực pp. 43-94.*

Commentaire de quelques documents publiés sur Nguyễn Trung

http://hoangsa.org

Trực, suivi d'une relation de quelques nouveaux traits relatifs au personnage, basé sur une tradition orale provenant de Trương Gia Mô et du père de l'auteur.

▼ LÊ-THỌ-XUÂN. *Some documents on Nguyễn Trung Trực pp 43-94.*

Commentary of some published documents on Nguyễn Trung Trực followed by an account of some new traits relating to him based upon an oral tradition coming from Trương Gia Mô and the author's father.

3 ■ PHẠM VĂN-SƠN. *Nguyễn Trung-Trực, un Kinh Kha Vietnamien pp. 65-72.*

Biographie de Nguyễn Trung-Trực.

▼ PHẠM VĂN-SƠN. *Nguyễn Trung-Trực, a Vietnamese Kinh Kha pp. 65-72.*

Biography of Nguyễn Trung Trực.

4 ■ ĐÔNG HỒ *Rectification de quelques erreurs sur les documents se rapportant à Nguyễn Trung Trực. pp. 73-82.*

Notes de l'auteur sur un ouvrage disparu, le Gia-Định Tam Tiên-Liệt Truyện (biographie de 3 hommes illustres du Gia-Định) de Cúc Nông Trương Gia Mô, fait partie en poème à l'éloge de Nguyễn Trung Trực qu'il avait attribue à tort à l'empereur Tự Đức ; avec des anecdotes sur la culture sino — Vietnamienne au Sud Vietnam dans les années 30 et l'explication d'en poème sur la mort de Francis Garnier.

▼ ĐÔNG HỒ *Rectification of some mistakes on document relating to Nguyễn Trung-Trực pp. 73-82.*

Notes of the author on a missing work, the « Gia Định Tam Tiên-Liệt Truyện » (biography of 3 famous man from Gia Định) by Cúc Nông Trương Gia Mô, a part of which is a poem praising Nguyễn Trung-Trực which he attributed wrongly to emperor Tự Đức; with anecdotes on the sino - Vietnamese culture in South - Vietnam during the thirties and the explanation of a poem on Francis Garnier's death.

http://hoangsa.org

5 ■ SƠN NAM. *La patrie du soulèvement et quelques anecdotes sur Nguyễn Trung Trực. pp. 83-98.*

Monographie de Rạch Giá et de ses environs, suivie d'une bibliographie détaillée sur Nguyễn Trung-Trực et de la légende de Néak Trong, qui fait allusier au héros.

▼ SƠN NAM. *Country of the revolt and some anecdotes about Nguyễn Trung Trực pp. 83-98.*

Monography of Rạch Giá and its neighbourhood, followed by a detailed bibliography on Nguyễn Trung-Trực and the *legend of Neak Trong* refering to him

6 ■ NGUYỄN XUÂN THỌ *Le Traité de Saigon de 1862, vu de Paris, de Madrid et de Huế. Les réactions de la population Vietnamienne. Les missionnaires pp. 99-121.*

Etude avec extraits de documents d'archives du désimtéressement de l'opinion publique en France, de la résignation de la Cour l'Espagne, de que contentement général au Viet Nam et de la satisfaction mitigée des missionnaires, partisans du renversement de Tự Đức.

▼ NGUYỄN XUÂN THỌ. *The treaty of 1862 seen from Paris, Madrid Hué. Reaction of the Vietnamese population. The missionnaires pp. 99-121.*

Study with extraits of archives, of the public opinion in France, the resiquation of the Court of Spain, the general dssatisfaction in Vietnam and the mitigated satisfaction of the missionnaires, backers of the overthrow of Tự Đức.

7 ■ VƯƠNG HỒNG SỂN. *Autour de la rédaction d'une biographie de Nguyễn Trung Trực comme de celle d'autres personnages historiques pp. 122-136.*

Sur la pénurie des sources archivistiques nécessaires à la recherche historique et exposé de quelques faits historiques relatifs à la revolte de Nguyễn Trung Trực.

▼ VƯƠNG HỒNG SỂN. *Around the writing of a biography of Nguyễn Trung Trực as the some of other historical figures pp. 122-136.*

On the shortage of records necessary to historical researd and account of some historical facts relating to Nguyễn Trung-Trực.

http://hoangsa.org

# Thuốc Bác-sỹ Tín vì sao ra đời ?

Gần một trăm năm tiếp-xúc với văn-minh Âu-Mỹ, người mình ít ai chịu khó áp-dụng khoa-học để khảo-cứu dược-phẩm trong nước và kiến-tạo một nền dược-học, y-học hoàn-toàn Việt-Nam.

Trông thấy khuyết-điểm ấy, Bác-Sỹ Tín lại nhận định rằng một nước độc-lập mà nền khoa-học cũng phải đứng trên những căn-bản độc-lập. Nhiều ngành khoa-học phải khảo-cứu riêng về thổ-sản, thổ-nghi và dân-sanh trong nước để áp-dụng vào các ngành nông, công, thương thì mới mong phát-triển kịp người.

Vì vậy cho nên Bác-Sỹ Tín đã sang Âu-Châu du-học tìm, hiểu y-lý Tây-phương tận gốc. Trong những năm tòng-sự tại các bịnh-viện và các khảo-cứu-viện ở Ba-lê, Bác-Sỹ Tín đã cố công xem-xét các phương-pháp chế thuốc của Âu-Mỹ, lại có cơ-hội thí-nghiệm những thảo-mộc ở nước nhà gởi sang, lọc những nguyên-chất dùng vào việc chế thuốc, thâu thập cái hay của người đặng nâng cao giá-trị những dược-phẩm dồi-dào của xứ mình.

Kịp khi về nước vào đầu năm 1941 ngay trong thời kỳ chiến-tranh, Bác-Sỹ Tín liền tổ-chức một sở bào-chế, tìm góp những Nam-dược giống như dược-vật Âu-Mỹ chế ra khoa thuốc Bác-Sỹ Tín, thích-hợp với cơ-thể người mình và khí hậu nhiệt đới. Toa nhãn đều dùng chữ quốc-ngữ và phát-hành khắp tiệm thuốc các nơi, mục-đích là để phổ-thông trong dân chúng, tận xóm làng, thôn lâm, cống hiến cho đồng-bào môn thuốc khoa-học, công hiệu, rẻ tiền và dễ dùng.

Khi thái bình văn hồi, giấy rẻ, in rẻ, Bác-Sỹ Tín sẽ ấn-hành những sách báo dạy về vệ-sinh cần yếu để tránh những bệnh hiểm nghèo suy-nhược, mong đồng-bào giữ vững sức khỏe và bồi bổ sinh-lực của nòi giống.

**NHÀ THUỐC BÁC-SỸ TÍN**

Lại còn có tham-vọng :

1.— Trồng cây thuốc Việt-Nam và cây thuốc nhập-cảng như Ipéca, Quinquina, v. v...

2.— Xuất-cảng những dược-phẩm Việt-Nam.

3.— Đào-tạo những Kỹ-thuật-gia để sản-xuất thuốc hóa-học theo quan-niệm kỹ-nghệ-hóa quốc-gia.

(Viết tại Cholon tháng 3 năm 1945)

http://hoangsa.org

*HÃNG BÔNG*

# COBOVINA

**BẠCH TUYẾT**

SẢN XUẤT BÔNG, BĂNG, GẠC

*148/1 Nguyễn Minh Chiếu* *Tân Sơn Nhứt*

# NGÂN HÀNG VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

**Số Vốn 200.000.000$**

*Trụ-sở Chánh : 17, Bến Chương-Dương — SAIGON*

**ĐIỆN THOẠI SỐ 90 491 — 90 495**

Chi Nhánh
- CHOLON 75-77-79, Tổng-Đốc-Phương Đ.T. 37.345
- GA SAIGON Công-Trường Diên-Hồng Đ.T. 25.072
- CẦNTHƠ Số 1, Lê-văn-Duyệt
- BAXUYÊN 44, Góc Gia-Long/Nguyễn-Huỳnh-Đức
- LONGXUYÊN 1, Đại-lộ Đồng-Khánh
- PHANTHIẾT 1, Nguyễn-văn-Thành
- NHATRANG 29, Yersin
- ĐÀNẴNG 52, đường Độc-Lập
- RẠCH GIÁ 1, Công-Trường Thủ-Tướng Thinh

— MỞ TRƯƠNG MỤC TIẾT KIỆM TẠI TRỤ SỞ VÀ CÁC CHI-NHÁNH

— ĐẢM-NHIỆM TẤT CẢ CÁC NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG

— CÓ ĐẠI DIỆN KHẮP HOÀN CẦU.

# FUJI

**TỦ LẠNH, MÁY LẠNH, HỆ THỐNG LẠNH**

*BẢO TRÌ VÀ SỬA CHỮA*

*180 Lê-văn-Duyệt — SAIGON*

*Đ. T. : 41.969*

http://hoangsa.org

# Sách Sử-Địa

## Bán tại Nhà sách KHAI-TRÍ, 62 Lê-Lợi Saigon

| | |
|---|---|
| Việt-sử toàn thư | *Phạm-văn-Sơn* |
| Việt-sử tân biên | — |
| I Thượng và Trung cổ thời đại | — |
| II Trần-Lê thời đại | — |
| III Nam Bắc phân tranh | — |
| IV Tây-sơn và Nguyễn sơ | — |
| V Việt-Nam kháng Pháp sử | — |
| VI Việt-Nam cách mạng cận sử | — |
| VII Chế độ Pháp thuộc ở V. N. | — |
| Việt-Nam sử lược | *Trần-trọng-Kim* |
| Lam-sơn thực-lục | *Nguyễn-Trãi* |
| Việt-Nam Pháp thuộc sử | *Phan-Khoang* |
| Việt-sử Tiêu án | *Ngô-thời-Sĩ* |
| Cuộc đời cách mạng Cường-Để | *Tráng-Liệt* |
| Lịch sử thế giới | *Nguyễn-hiến-Lê* |
| Việt sử kinh nghiệm | *Nguyễn-văn-Hầu* |
| Việt-Nam Tranh Đấu sử | *Phạm-văn-Sơn* |
| An-nam chí lược | *Lê-Tắc* |
| Hải ngoại ký sự | — |
| Mục-lục châu bản Triều Nguyễn | — |
| I Triều Gia-long | — |
| II Triều Minh-Mạng | — |
| Khâm định Việt sử Thông giám Cương Mục | — |
| Bản Triều Bạn Nghịch liệt truyện | *Kiều-oánh-Mậu* |
| Hoàng Việt Giáp Tý Niên biểu | *Nguyễn-bá-Trác* |
| Tổ chức chính quyền Trung ương dưới Triều Lê Thánh-Tôn | *Lê-kim-Ngân* |
| Nhu Viễn trong khâm định Đại Nam Hội điển sự lệ | — |
| Việt-Nam Cận đại sử ca | *Huỳnh-thiên-Kim* |
| Đại-Nam quốc sử diễn ca | *Hoàng-xuân-Hãn* |
| Trung-Hoa sử cương | *Đào-duy-Anh* |
| Trung-quốc sử lược | *Phan-Khoang* |
| Sử ký Tư mã Thiên | *Nhượng-Tống* |
| Quang-Trung Nguyễn-Huệ | *Hoa-Bằng* |
| Ngồi Tù Khám lớn | *Phan-văn-Hùm* |
| A Modern History of Việt-Nam | *Nguyễn-phút-Tấn* |
| Đông-nam-Á sử-lược | — |
| Việt-Nam gấm vóc | *Phạm-xuân-Hòa* |
| Non nước xứ Quảng | *Phạm-trung-Việt* |
| Địa hình thái học | *Lâm-thanh-Liêm* |
| Các cường quốc kinh-tế | — |
| Địa linh nhân kiệt | *Huỳnh-Minh* |
| Thực trạng của giới nông dân V. N. thời Pháp thuộc | *Phạm-cao-Dương* |
| Việt-Nam thời bành trướng: Tây-Sơn | *Nguyễn-Phương* |

http://hoangsa.org

# Sách văn học

## Bán tại Nhà sách KHAI-TRÍ, 62 Lê-Lợi Saigon

| | |
|---|---|
| Văn học đời Lý | *Ngô-tất-Tố* |
| Văn học đời Trần | — |
| Văn chương quốc-âm thế-kỷ XX | *Phan-trần-Chúc* |
| Linh-Nam Chích-Quái | *Lê-hữu-Mục* |
| Việt-Điện U Linh Tập | — |
| Thành-ngữ điển tích | *Diên-Hương* |
| Phép làm thơ | — |
| Tục-ngữ phong-dao I, II | *Nguyễn-văn-Ngọc* |
| Hương hoa đất nước I, II | *Trọng-Toàn* |
| Nam Thi hợp tuyển | *Nguyễn-văn-Ngọc* |
| V.N. Văn-hóa sử cương | *Đào-duy-Anh* |
| Tản-Đà vận văn I, II | *Nguyễn-khắc-Hiếu* |
| Nhà văn hiện đại I, II, III, IV, V | *Vũ-ngọc-Phan* |
| V.N. Văn-học toàn thư I, II | *Hoàng-trọng-Miên* |
| Đại-Cương văn học sử Trung Quốc I, II, III | *Nguyễn-hiến-Lê* |
| V.N. Văn học sử giản yếu I, II, III | *Phạm-thế-Ngũ* |
| Thơ Đường I, II | *Trần-trọng-San* |
| V.N. Văn học giảng bình | *Phạm-văn-Diêu* |
| Văn học Việt-Nam | — |
| V.N. Văn học nghị luận | *Nguyễn-sĩ-Tế* |
| Đường thi | *Ngô-tất-Tố* |
| Những khuynh-hướng trong thi ca V.N. | *Minh-Huy* |
| Những nhà thơ hôm nay | — |
| Luật thơ mới | — |
| Nguyên-tắc sáng-tác thi ca | *Vũ-văn-Thanh* |
| Kỹ-thuật sáng-tác thơ | *Trương-linh-Tử* |
| Quan-niệm sáng-tác thơ | *Đoàn-Thêm* |
| Việt Thi | *Trần-trọng-Kim* |

http://hoangsa.org

# SÁCH PHÁP LUẬT, CHÁNH TRỊ, KINH TẾ

*Bán tại Nhà sách KHAI-TRÍ, 62 Lê-Lợi Saigon*

| | |
|---|---|
| Dân luật tu tri | *Phan-văn-Thiết* |
| Hình luật tu tri | — |
| Các tranh tụng về dân sự | — |
| Kiểu mẫu văn khế | — |
| Hộ tịch chỉ nam | — |
| Phụ nữ V.N. trước pháp luật | — |
| Pháp luật thực hành | — |
| Nhân viên công lực cẩm nang | — |
| Luật dân sự tố tụng | *Nguyễn-huy-Đẩu* |
| Dân luật lược khảo (hai quyển) | *Vũ-văn-Mẫu* |
| Luật thuế vụ | *Bộ Tài Chánh* |
| Thuế lệ dẫn giải | *Đinh-quang-Chinh* |
| Luật lao động | *Bộ Lao Động* |
| Tạp lục các bản văn áp dụng luật lao động | — |
| Tìm hiểu luật lao động | *Huỳnh-khắc-Dụng* |
| Án lệ lao động | — |
| Luật lao động dẫn giải | *Bùi-quang-Tời* |
| Quy pháp vựng tập I, II, III, IV, V, VI | *Tổng-Thống Phủ* |
| Luật thương mãi | *Trịnh-đình-Thảo* |
| Luật thương mãi (hai quyển) | *Lê-tài-Triển* |
| Dân luật thực hành | *Đoàn-bá-Lộc* |
| Chế độ tài sản trong gia đình V.N. I, II | *Vũ-văn-Hiền* |
| Tổ chức chính trị và hành chánh V.N. | *Bùi-quang-Khánh* |
| Chính trị học | *A. de Grazia* |
| Kinh tế học | *P. A. Samuelson* |
| Phát triển kinh tế | *G. M. Meier* |
| Kinh tế phục vụ quần chúng | *M. Salvadori* |
| Hành chánh công quyền | *H. E. Simon* |
| Xã hội học | *B. Selizich* |
| Tiền tệ lợi tức và chính sách tiền tệ | *Ed. S. Shaw* |
| Kinh tế quốc tế | *Ellsworth* |
| Mô thức chính trị quốc tế | *L. M. Alexander* |
| Tài chánh công | *P. E. Taylor* |
| Tự do cá nhân | *Trần-thúc-Linh* |
| Danh từ pháp luật lược giải | — |
| Luật giá thú | *Dương-Kiền* |
| Luật lệ thông dụng dẫn giải | *Nguyễn-văn-Tuyền* |
| Phân tranh luật pháp | *Nguyễn-xuân-Chánh* |
| Hình sự tố tụng | *Nguyễn-quốc-Hưng* |
| Những Đại chính thể ở Âu-Châu | *A. N. Dragnich* |
| Trọng đề trong Bang giao quốc-tế | *A. Gyorgy* |
| Các cường quốc kinh-tế | *Lâm-thanh-Liêm* |

http://hoangsa.org

PHỤ TRƯƠNG

# LE TRAITE DE SAIGON DE 1862

## VU DE PARIS, DE MADRID ET DE HUE
## LES REACTIONS DE LA POPULATION VIETNAMIENNE
## LES MISSIONNAIRES

Le traité qui vient d'être signé à Saigon le 5 juin 1862 consacre la présence française au Viêt-Nam.

Le gouvernement impérial français, qui hésitait beaucoup sur la politique à suivre en Cochinchine, consulte l'amiral Bonard. Celui-ci lui a adressé un rapport dans lequel l'amiral-gouverneur écrit :

*« ... Nous avons en ce moment, de fait et de droit, un vaste territoire... situé au centre des peuples asiatiques. Qu'en ferons-nous ?...*

*« 1°) Revenir au traité qui avait été ébauché avant la Révolution (de 1789) ?*

*« 2°) Revenir peu à peu au traité du siècle dernier (1) en acceptant, suivant les coutumes asiatiques, le rachat par le gouvernement de l'Annam des provinces cédées par le traité, sauf un territoire restreint formant un comptoir commercial ?*

*« 3°) Ne pas se contenter des trois provinces cédées par le traité et revendiquer la possession des trois autres provinces de la Basse-Cochinchine ?*

*« 4°) Se contenter des trois provinces acquises, les organiser, y assurer la sécurité et la liberté commerciale sous le drapeau français ? »*

Comme on peut s'y attendre, après avoir encensé « son » traité, qu'il pare de toutes les qualités — et qui, en fait, en avait beaucoup pour la France —, Bonard conclut, en réponse à ces mêmes questions qu'il a posées :

(1) *Traité de Versailles du 28 novembre 1787, signé par Mgr. Pigneau de Béhaine, évêque d'Adran, au nom de Nguyên phuc Anh, avec le comte de Montmorin, représentant Louis XVI.*

http://hoangsa.org



*« ... La première combinaison met à néant sans aucune compensation tous les rudes travaux depuis le commencement de la guerre par les troupes expéditionnaires et les dépenses énormes que cette guerre a entrainées.*

*« La deuxième combinaison fait rentrer dans le Trésor une somme, quoique assez forte, bien au-dessous du chiffre de l'argent déboursé, mais annule en même temps tous les résultats moraux qui ne peuvent être comptés pour rien.., afin d'augmenter notre influence dans l'Extrême-Orient.*

*« La troisième combinaison entraine à la rupture d'un traité, au renouvellement de la guerre, à la nécessité de faire de nouvelles conquêtes, en un mot à l'imprévu sur une grande échelle, dont le traité de paix nous a momentanément délivrés.*

*« La quatrième combinaison exige de nouveaux sacrifices, mais elle peut amener à organiser et à utiliser le vaste pays que les chances de la guerre ont mis entre nos mains. Ces sacrifices sont indispensables pour maintenir très haut l'influence que nous avons conquise dans l'Extrême-Orient.*

*Sous peine de voir tout le sang et l'argent dépensés venir s'ajouter à celui tout-à-fait perdu qu'il faudra pour subvenir aux demi-mesures, desquelles il n'y a rien à espérer ni dans le présent, ni dans l'avenir... »*(1)

En se reportant aux commencements des conquêtes de l'Inde et de l'Insulinde, conquêtes faites par les Anglais et les Hollandais et qui ne s'étaient opérées que très lentement, pas-à-pas, Bonard croyait consciencieusement que, par ce traité de 1862. il donnait à la France une base de départ offrant un avenir beaucoup plus vaste et un délai beaucoup plus rapide, et que ce beau et vaste pays serait pour la France source d'honneurs et de richesses, comme l'étaient l'Inde et Java pour leurs conquérants respectifs.

Le « *status belli* » était complètement maintenu par le traité, ce que les prédécesseurs de Bonard avaient réclamé en vain et essayé de conquérir par la force, était désormais concédé à la France.

La province de Biên-Hoa était venue s'ajouter aux concessions territoriales primitivement réclamées par la France, ainsi que la sentinelle maritime de Poulo-Condore.

Par sa marine, la France était virtuellement maîtresse de la Cochinchine, ainsi que de tout le commerce dans les provinces non conquises, Vinh-Long excepté, commerce qui se ferait nécessairement par Saigon.

L'ouverture au commerce français des ports de Tourane, Quang-An et Balat, le droit d'avoir un ambassadeur à Huê, l'indemnité pour les frais de la guerre, tout cela allait donner une immense impulsion au développement commercial de la colonie naissante.

---

(1) « *Correspondance de Cochinchine* », *Tome VI, pp. 130 à 147. Archives du ministère de la France-d'Outremer, Paris.*

http://hoangsa.org



La liberté religieuse était consacrée par le traité ; l'extradition des malfaiteurs y était même stipulée.

Enfin, par les termes mêmes de l'article XVII du traité, le *tribut annuel* qui devait être payé, faisait de Napoléon III, d'après les termes de Bonard, « le *souverain arbitre* et le *seigneur suzerain* du vaste empire d'Annam ».

A vrai dire, Bonard a forcé la décision, transformant en annexion pure et simple l'autorisation de protectorat qui lui avait été donnée par le decret fixant ses pleins pouvoirs. Par la suite, en dépit des efforts vietnamiens et de l'opposition d'une très notable partie de l'opinion française, la France consacrera le fait accompli.

Le Parlement, dans sa majorité, était hostile aux expéditions militaires, surtout lointaines. Ses protestations restaient souvent platoniques, en raison des pressions opérées par le Pouvoir. Il ne s'agit malheureusement pas, dans des interventions de ce genre, trop fréquentes au Parlement, d'esprit anti-colonial réel, ni d'opposition contructive aux décisions gouvernementales. Le principal point de vue qui est développé, c'est toujours la question d'argent dépensé ou à dépenser.

On parle beaucoup, en France, de Civilisation, de Grandeur, de qualités incomparables, mais, dans bon nombre de ces interventions au Parlement, il n'est aucunement question de la liberté des autres peuples, de leur droit à disposer d'eux-mêmes. On admirerait la conquête si elle ne coûtait pas si cher. C'est une des raisons qui poussent les ministres à ne pas tenir compte de ces interventions, sans intérêt pour les Vietnamiens d'autre part.

La presse, en France, joue un rôle important dans le rebondissement de l'affaire du Viêt-Nam. On travaille à intéresser l'opinion publique à ces expéditions lointaines, à la manœvrer, à lui faire partager les vue du gouvernement. Les arguments étaient souvent bien présentés et le Viêt-Nam est, naturellement, toujours en faute. Mais au fond l'opinion publique saturée de guerres et de révolutions depuis soixante-dix ans, ne souhaitait que vivre enfin dans la paix et se desintéresserait à peu près complètement ce qui se passait à l'autre bout de la planète.

« Il n'y a rien d'écrit avec l'Espagne », *faisait remarquer en avril 1861 le ministre des affaires étrangères français dans une dépêche à son ambassadeur à Madrid. « L'Espagne doit se contenter d'une indemnité que doit lui verser le Viêt-Nam comme prix de son intervention en Cochinchine ». (1)*

En envoyant le traité nouvellement signé par Bonard à Thouvenel, ministre des affaires étrangères, Chasseloup-Laubat, ministre de la marine et des colonies, attirait par une lettre confidentielle manuscrite, en date du 24 août 1862, l'attention de son collègue sur « *... l'Espagne (qui) n'a pas de territoire, mais participe à tous les avantages, et prend dans l'indemnité de vingt millions une part qui n a pas été déterminée...* »

---

*(1) « Mémoires & Documents Asie », Tome 28, p. 85. Archives du ministère des affaires étrangères, Paris.*

http://hoangsa.org



Et il ajoutait : « *... Je persiste à croire que nous laisserions de bien grandes difficultés à nos successeurs si nous abandonnions un territoire quelconque à l'Espagne, et je vous demande de faire tout votre possible pour qu'il n'en soit pas ainsi. L'Espagne n'a d'ailleurs aucun intérêt sérieux à posséder quelque chose dans la Basse-Cochinchine — elle a les Philippines — et comme dans tous les cas nous devrions garder Saigon et Biên-Hoa, elle se trouverait dans une situation difficile à côté de nous mais deviendrait bien vite un obstacle à l'établissement de notre empire sur toute la contrée qui s'étend depuis la province de Biên-Hoa jusqu'à Ca-Mau. Car c'est ce que l'avenir nous réserve si nous savons tirer parti de ce que nous venons de faire.*

« *... Aussi, ne saurais-je trop insister auprès de vous pour que toute idée de* cession de territoire *soit repoussée par l'Empereur, mais qu'on abandonne une part assez forte dans l'indemnité et qu'on stipule même* certains avantages pour la transmission des dépêches, *etc...*

« *... Je regarde comme si important que nous soyons seuls en Cochinchine...* » (1)

Effcetivement la France ne tardera pas à être seule en Cochinchine ; son cosignataire du traité et *allié malheureux ne se fera trop prier* pour s'effacer et laisser ainsi à la France les mains libres au Viêt-Nam.

Ayant tacitement donné son « approbation » au projet français, le cabinet espagnol, dans une *disposition royale* du ministère des relations extérieures du 15 septembre 1863, manifestait à son commandant en chef et plénipotentiaire, le colonel Palanca y Gutierrez, que la Reine avait bien voulu accepter le traité, et qu'Elle était pleinement satisfaite du zèle et du patriotisme dont il avait fait preuve dans l'accomplissement de ses fonctions de délégué plénipotentiaire. Personnellement, en audience privée accordée le 30 août au commandant Olabe, qui avait apporté de Saigon le traité, Isabelle II lui avait exprimé sa satisfaction pour cette heureuse conclusion de *la guerre*, et son amour pour les soldats, « qui ont été accompagnés à une si grande distance dans leurs victoires et dans leur souffrance *par le coeur de la Reine* ». (2)

De son côté, le colonel Carlos Palanca y Gutierrez, en soldat discipliné, écrivait :

« *... Je n'ai pas l'intention de pénétrer les raisons particulières qu'eut le gouvernement de Sa Majesté de renoncer à l'acquisition d'un territoire de ce pays. C'est pourquoi je passe à la démonstration des avantages obtenus par le present traité, pour lequel je dus m'en tenir aux instructions du 22 septembre 1861, et qui avaient modifié celles du 25 février 1860.*

« *En vertu de ces instructions, il m'était seulement possible d'exiger :*

---

(1) « *Memoires & Documents Asie* », *Tome 28, pp. 89 — 90.*

(2) *Documents diplomatiques espagnols. Ministère des relations extérieures, Madrid. (Ces documents ne sont pas classes, aussi nous ne pouvons pas donner les côtes).*

http://hoangsa.org



*« 1°) La protection des missionnaires et la liberté pour eux de s'établir dans l'Empire à l'endroit qui leur convient ;*

*« 2°) L'indemnisation des dépenses ;*

*« 3o) Des stipulations commerciales aussi avantageuses pour l'Espagne que pour la France.*

*« ... La condition de l'article VIII aurait suffi pour que les armes espagnoles fussent retirées honorablement de la Cochinchine. Nos soldats y étaient allés pour venger le sang des martyrs, libérer les chrétiens de la persécution barbare qu'ils subissaient, planter la croix et fonder l'édifice de la religion chrétienne.*

*« Cela, et cela seulement fut le motif de l'expédition, cela fut le seul but que poursuivirent notre drapeau et nos soldats. Et ces buts si élevés atteints, car dans le royaume d'Annam restèrent la Croix, la Vérité et la véritable Civilisation... » (1)*

C'est là, on le voit, un véritable plaidoyer, qui laisse à penser les critiques qu'avait reçues le plénipotentiaire, de la part de gens mal renseignés sur les efforts infructueux qu'il avait faits, durant toute l'expédition, pour que le commandement et les autorités de la France placent l'Espagne à sa vraie place, ne se contentant pas de lui faire tirer les marrons du feu et de la considérer comme quantité négligeable.

L'Espagne semble n'avoir eu aucune arrière-pensée en provoquant l'expédition, qui lui a donné de si maigres résultats ; elle pensait réellement qu'il ne s'agirait que d'une démonstration rapide d'intimidation, à laquelle l'obligeait son rôle de défenseur de la chrétienté ; elle ne prévoyait pas une campagne de plusieurs années avec occupation.

Depuis plus d'un siècle, l'Espagne s'enfonçait de plus en plus dans la prostration et la lassitude, en proie à la guerre civile, n'ayant de vagues sursauts que pour tenter de sauver le christianisme, car les prêtres étaient tout puissants à l'Escurial, où ils avaient sur les souverains un ascendant beaucoup plus fort que les ministres... La France pouvait donc, sans grand risque, négliger l'Espagne, et se borner à proposer un dédommagement problématique (puisqu'elle ne fit rien, au début, pour assurer le versement) pour la participation de son allié et le sang de ses soldats. Et l'Espagne s'en contenta.

Le 4 novembre 1862, l'ambassadeur d'Espagne à Paris écrit au ministre français des affaires étrangères :

*« Le gouvernement de Sa Majesté Catholique n'a pas l'intention de faire valoir ses titres au partage des territoires cédés par le Roi d'Annam...*

*« ... Abandonne ces territoires en faveur de la France..., accepte en échange une compensation en numéraire.*

*« ... Dépenses élevées à 9.500.000 francs. » (2)*

---

*(1) Carlos Palanca y Gutierrez « Réséna historica de la expédición de Cochinchina », Madrid, 1869, p. 152.*

*(2) « Mémoires & Documents Asie », Tome 28, pp. 151 à 154.*

http://hoangsa.org



***

En signant le traité de 1862, le gouvernement de Huê incline plus facilement à un compromis que ses propres sujets. En autorisant le culte catholique, en cédant à la France trois provinces, il a créé une situation difficile aux provinces méridionales maintenant coupées du territoire national.

Si cette acceptation avait été précipitée par la préoccupation de la rebellion de de Ta-Van-Phung, compliquée d'un mouvement paysan au Tonkin, et la crainte de voir ce mouvement se généraliser, elle n'en bouleversait pas moins les sentiments du pays.

Le traité avait été fort mal accueilli de l'ensemble des Vietnamiens. Pour eux, la Cour de Huê, toujours incline au compromis, toujours passive, par ses hésitations, n'est bonne que pour une politique de soumission.

Quand, en février 1859, Rigault de Genouilly quitte Tourane, n'y laissant que des effectifs des plus faibles, naturellement incapables de la moindre offensive, les Vietnamiens qui, durant plusieurs mois, n'avaient eu aucune raison de diminuer leurs effectifs et bien au contraire pouvaient en amener de nouveaux de l'intérieur du pays, restent pratiquement inactifs. Ils avaient pu s'opposer victorieusement à l'avance de la totalité du corps franco-espagnol soutenu par la flotte, donc auraient pu très facilement, semble-t-il, balayer et rejeter à la mer les éléments insignifiants qui leur faisaient face. Au lieu de le faire, et même de le tenter, ils construisent des retranchements, font la guerre de tranchées pour gagner quelques mètres de terrain, et se contentent de harceler l'ennemi par des escarmouches.

Comment expliquer cette attitude ?

Au moment où les franco-espagnols occupent Tourane et Saigon, plusieurs partis s'affrontent.

Trois courants d'idées dominent :

*Le premier : le groupe Truong-Dang-Quê, Phan-Thanh-Gian, Luu-Luong ; en un mot le Conseil Secret (Co-Mât). Ils pensent que : « La guerre ne vaut pas la paix, cependant avant tout il faut bien se défendre pour pouvoir négocier ensuite. Pour le moment, l'essentiel est de rester sur la défensive. Plus tard, on passera à l'offensive et on entamera les négociations. »*

En résumé : Rester sur la défensive pour négocier.

Une grande majorité de hauts dignitaires de la Cour partage cette idée et croit aussi « qu'il faut maintenir la lutte, attendre que l'ennemi soit essoufflé pour négocier ». Ce courant d'idée est du groupe Tran-Van-Trung, Chu-Phuc-Minh, Nguyên-Huu-Thanh, Lê Duc, Lâm-Duy-Hiêp, etc... que Tu-Duc approuve.

http://hoangsa.org



Le deuxième : une minorité de hauts dignitaires tels que Tô-Trân, Phan-Huu-Nghi, Trân-Van-Vi, Lê-Hiêu-Huu, Nguyên-Dang-Diên, Hô-Si-Thuân, est partisane de la guerre à outrance et de la politique offensive. Quoique cette politique ne soit suivie que par une minorité de dignitaires de la Cour, elle est complètement partagée par presque tous les gouverneurs des provinces de l'Empire et soutenue par tous les lettrés et paysans et le peuple en entier.

Le trosième : le parti de l'extrême-droite, représenté par Lê-Chi-Tin, Doan-Tho, Tôn-Thât-Thương, Tôn-Thât-Giao, Nguyên-Hao, est partisan de la paix négociée pure et simple.

Quand les Français évacuèrent Tourane et amenèrent le gros de leurs forces à Saigon, les partisans de la politique «Rester sur la défensive pour négocier » crurent avoir eu raison ; leur position à la Cour se trouva consolidée ; ils pensèrent que tôt ou tard l'ennemi devrait abandonner la lutte. C'est la raison pour laquelle Nguyên-Tri-Phương, avec ses milliers de soldats, ses centaines de canons et ses fortifications solidement aménagées, hésitait à passer à la libération de Tourane, gardée par une poignée d'hommes alors que le gros des forces ennemies était envoyé à Saigon ou en Chine.

Dans la région de Saigon, le même raisonnement conduisit à la même stagnation des opérations militaires.

Et la lutte continue avec les mêmes alternatives, en raison de cette obstination incompréhensible des dignitaires de Huê ; quand les franco-espagnols, se sentant en force, tentent une action offensive, ils s'assurent quelques gains par l'effet de la surprise, mais sont vite arrêtés ; attaques en Cochinchine, essai de retour à Tourane, au camp du Mirador ; en 1860, Nguyên-Tri-Phương va dans le Sud, réorganise l'armée, fait construire des fortifications, organise le blocus total de l'ennemi, le harcèle ; là aussi, les effectifs ennemis ont été reduits à un chiffre insignifiant, le gros ayant été envoyé en Chine. Et une fois encore, dans le Sud comme dans le Centre, l'armée vietnamienne se contentera de petites opérations, sans tenter la tâche, nullement au-dessus de ses forces, d'écraser cet ennemi impuissant. Les Français évacueront Tourane, en fait, parce qu'ils le veulent bien !

Le point de vue de la Cour de Huê était absolument erroné : si Page désirait négocier avec Tôn-Thât-Cap, envoyé de la Cour, ce n'était que pour obtenir une trêve ; il le prouve, dès la fin de la campagne de Chine, en concentrant de nouveau ses forces contre ceux avec lesquels il négociait.

Pendant la presque totalité de la campagne, la Cour de Huê tergiverse de la sorte, hésite devant l'envahisseur, laisse échapper toutes les occasions de se débarrasser de lui. Les Vietnamiens ne peuvent que regretter cette très grave lacune, dûe à des dissensions entre hauts dignitaires dont, cependant, ils ne suspectaient pas les sentiments patriotiques. Quand les Français reviennent en force à Saigon, mettant en déroute l'armée vietnamienne, ce sera trop tard pour Tu-Duc qui veut partir d'une position de force pour négocier dans de meilleures conditions. Ces controverses créeront une atmosphère d'inquiétude dans le pays.

http://hoangsa.org



Puis viendra de nouveau, de la Cour, une nouvelle politique de soumission, qui rappellera les temps maudits du siècle précédent.

Tu-Duc, qui n'a cessé de refuser la lutte armée au moment favorable, sollicite, le jour venu, le « rachat » des trois provinces cochinchinoises occupées par les Français, se mettent dans une position d'humilité qui rendra fort compréhensible le refus de la France. Lui aussi, dans l'Histoire, inscrit tristement son nom, dans l'immédiat, il perd la confiance de ses sujets, qui considèrent la Cour de Huê comme étr angère. On verra l'ensemble du pays : les lettrés, les notables, et le peuple, se dresser contre elle et les traîtres à la patrie.

* * *

*La population du Nam-Bô ne reconnait pas le traité que les Envoyés de Huê viennent de signer, à Saigon, avec la France et l'Espagne. Les plénipotentiaires de Tu-Duc, Phan-Thanh-Gian et Lâm-Duy-Hiêp, sont qualifiés de* « traîtres à la patrie », la Cour de « mépriser le peuple » : « Phan, Lâm mãi-quốc, triều-đình khi dân ».

Si, en signant le traité de 1862, la Cour de Huê est défaitiste, le peuple vietnamien, lui, est profondément patriote. Dans ces vers du poète cochinchinois Phan-Van-Tri, qui traduisent l'état d'âme de cette population du Sud, en ces moments critiques, on retrouve, en même temps que des reproches véhémentes adressées aux autorités de Huê, un mélange de pleurs pour la patrie perdue et de résignation devant le malheur qui leur frappe, mais aussi une ferme volonté de résistance contre l'envahisseur étranger :

« ... Tan nhà căm nỗi câu ly-hận,
« Cắt đất thương thay cuộc giảng-hòa !
« Gió bụi đòi cơn xiêu ngã cỏ,
« Ngậm cười hết nói nỗi quan ta. (...)
« ... Thà thua xuống Láng, xuống Bưng,
« Kéo ra đầu giặc bởi chưng quân-thần. »

Tu-Duc n'a rien fait de concret pour venir en aide à ces habitants des provinces du Sud. Par contre, loin de communier avec ses sujets dans cette douloureuse épreuve, de se tourner vers eux, d'essayer de trouver, avec eux, un moyen efficace pour recouvrer la patrie perdue, Tu-Duc se contente de s'enfermer dans sa citadelle bien à l'abri, de passer son temps à composer des poèmes, à publier des édits, surtout à dépenser les deniers publics dans des constructions stériles dont le Van-Niên, son tombeau, en est une parfaite illustration.

Abandonné par Tu-Duc et sa Cour, les habitants du Nam-Bô sont fermement décidés à lutter, seuls, pour sauvegarder l'intégrité du patrimoine national. Et le mouvement de la résistance va aller s'amplifiant sans cesse.

http://hoangsa.org



Pour le développement économique du Sud, Minh-Mang puis Tu-Duc avaient envoyé au Nam-Bô des colonies de peuplement. Des vagabonds, des errants, des pauvres, encadrés par des fonctionnaires spécialement affectés, constituaient des « dinh-điền » ou colonies agricoles. Des prisonniers de guerre, des bannis, des soldats, encadrés par des militaires, formaient des « đồn-điền » ou colonies militaires. Ces soldats-laboureurs organisés par le maréchal Nguyên-Tri-Phuong vers le milieu du XIXe siècle, continuent, au Nam-Bô, la lutte contre les Français et ne sont dispersés que par la conquête complète de la Cochinchine.

La résistance avait continué ses activités avec les colons des « đồn-điền », avec huyên Toai, phu Cao, quan Dinh, quan Lich, quan Thanh, thiên-hô Duong, thu-khoa Huân, etc... On retrouvera ces mêmes chefs de la resistance après la signature du traité, jusqu'en 1873. Presque tous ont combattu avec beaucoup de courage et trouve une mort glorieuse.

* * *

Nous venons de donner un léger aperçu de l'état d'esprit et des réactions, après le traité de 1862, des trois grands participants à l'expédition et au traité : la France, l'Espagne et le Viêt-Nam.

Il y en avait un quatrième, au moins aussi important, qu'il n'est pas possible de laisser dans l'ombre.

Le prétexte de l'expédition, c'étaient les missionnaires ; dans le traité, une bonne partie des articles se réfère aux missionnaires et à la liberté absolue qu'ils doivent avoir de propager le christianisme. Dans chacune des journées importantes, dans chacun des actes politiques — et, bien entendu, religieux —, on voit, au premier plan, ou très actifs dans la coulisse, les missionnaires. Ils admettent qu'ils doivent être partout, qu'ils ont leur mot à dire partout, qu'on doit les placer au tout premier rang partout.

Effectivement, ils ont été dans toutes les complications, dans tous les raidissements entre la France et le Viêt-Nam.

Les missionnaires peuvent se trouver satisfaits du traité, par lequel toutes leurs exigences sont acceptées. Dans une Cochinchine devenue française, ils ont la certitude de pouvoir agir complètement à leur guise, de s'introduire dans le plus petit village, d'obtenir des quantités de conversions considérables, ayant les mains complètement libres.

Mais, si satisfaits soient-ils, presque immédiatement un premier scandale s'offre à leur intransigeance : l'amiral Bonard n'ose-t-il pas réorganiser l'administration, en supprimant les officiers français totalement ignorants des moeurs et coutumes du pays, des fonctions civiles, qu'ils étaient censés remplir depuis plusieurs années ? N'ose-t-il pas déclarer officiellement que les Vietnamiens eux-mêmes reprendront la direction de

http://hoangsa.org



leurs affaires, seulement supervisées par les officiers des « Affaires *indigènes* » ? Bien plus, ne prétend-t-il pas, lui-même qu'il voulait une politique « confucéenne » ? Les missionnaires s'indignent. L'un de leurs porte-paroles, l'abbé Launay déclare :

*« Bonard réorganisa l'enseignement des caractères chinois, et rétablit les anciens titres de docteurs et de licenciés, sans se demander s'il n'eût pas été meilleur d'éloigner les Annamites de tout ce qui pouvait les entretenir dans leurs idées nationales, et par conséquent antifrançaises ? »* (1)

Pour eux donc, fidèles à leurs principes d'imposer leurs vues et de considérer comme inexistant ce qui avait force de rites avant leur arrivée, ils voient un risque pour leur œuvre d'évangélisation, et cela doit tout primer. Ce n'est plus la propagation de la religion et, sortant volontairement du cadre de leur vocation religieuse pour entrer dans celui de la politique, les missionnaires travaillent pour l'asservissement du peuple vietnamien, pour l'installation de leur religion, à l'exclusion de toute autre.

Les missionnaires admettent que leur place est partout, qu'ils sont habilités à s'occuper de tout, à donner ordres et conseils à tous. Ils se vouent au temporel autant qu'au spirituel.

Nous avons vu un évêque, Pigneau de Béhaine, devenir l'envoyé plénipotentiaire d'un souverain mécréant, puis racoler des volontaires pour empêcher ce qu'il considérait comme la carence du gouvernement français, puis devenir lui-même combattant non pas même pour chasser l'Infidèle, mais pour placer sur le trône du Viêt-Nam un Infidèle de son choix !

Nous avons vu un missionnaire assez étrange, principalement grand voyageur, le Père Huc, ne pas hésiter à s'adresser personnellement à Napoléon III pour lui rappeler qu'il y avait lieu pour la France de s'installer au Viêt-Nam. Or il n'est pas inutile de souligner de nouveau que l'abbé Huc n'a jamais été au Viêt-Nam, et qu'il ne connaissait aucunement ce pays. Mais peu importe ; non seulement il se considérait comme tout à fait désigné pour en parler, mais, comme il était prêtre, sa démarche, qui, venant d'un autre n'aurait même pas été transmise à l'Empereur, a été considérée comme de la plus grande importance par le souverain.

Bien entendu, puisqu'un simple missionnaire se croyait apte à soumettre des idées politiques à l'Empereur, l'ensemble de ceux qui étaient au Viêt-Nam ne se faisaient pas faute d'importuner à tout propos les amiraux-gouverneurs.

Ceux-ci, dont les sentiments religieux ne faisaient aucun doute, avaient commencé par s'efforcer de vivre en excellents termes avec des compatriotes investis d'une si haute mission spirituelle ; et, aussi, ils avaient parfois tenté de les utiliser pour avoir des renseignements sur ce qui se passait à l'intérieur du pays, sur les disposi-

(1) *Cité par J. Chesneaux, « Contribution à l'histoire de la nation viêtnamienne », Paris, 1955, p. 115.*

http://hoangsa.org



tions des Vietnamiens, sur les mouvements divers, sur les ressources... Mais, le plus souvent, les indications étaient fort peu exactes, et, plus d'une fois, les amiraux avaient dû affirmer qu'ils ne pouvaient compter sur les missionnaires comme agents de renseignements à qui l'on pût faire foi.

Dans leur tâche de pacification, non seulement des amiraux-gouverneurs ne purent compter sur les missionnaires, mais bien souvent ils se plaignirent amèrement de leur comportement, et des difficultés apportées par eux aux autorités civiles et militaires.

Dès le 25 décembre 1859, l'amiral Page écrivait au ministre de la Marine :

*« ... Au début de son règne, le roi Tu-Duc était très bien disposé à leur égard (des missionnaires) ; il avait même ordonné que pour des petites infractions à la loi, pour les petits délits, les mandarins des diverses localités se montrassent indulgents envers eux ; mais l'insolence des populations chrétiennes dirigées par les missionnaires était devenue telle que toute autorité des mandarins avait été méconnue, qu'elles se mettaient en révolte ouverte déclarant que des chrétiens ne pouvaient obéir à des sectateurs d'une autre religion. (...)*

*« Le trouble était partout, ils enlevaient de force les enfants, des jeunes filles à leur famille pour les christianiser, par une suite* d'actions et de réactions *(je résume dans ces deux mots tout acte d'accusation), les missionnaires se trouvaient diriger ou couvrir de leur nom toutes ces révoltes ; ils se trouvaient mêlés forcément à toutes les sociétés secrètes organisées contre le souverain, même aux plus abominables ; la destruction de l'Etat et du pays était imminente sous une pareille influence. (...)*

*« Pour maintenir l'ordre dans la ville de Saigon, j'ai dû créer une municipalité. Quelle a été ma surprise lorsque le lendemain les missionnaires sont venus me déclarer que les chrétiens annamites ne pouvaient pas obéir à une* autorité païenne *; c'est leur mot !*

*« Quoi, pas même pour la police municipale ? Pour empêcher les voleurs et les vagabonds de mettre la ville au pillage ?*

*« Et je suis confus d'avouer à Votre Excellence que ces principes sont professés hautement par les missionnaires catholiques.*

*« Je n'ose vraiment ajouter d'autres détails qui me sont affirmés par des hommes dont la position de fortune est considérable dans ce pays ; je ne veux y croire que quand je serai forcé par l'évidence. Du reste, pas un Annamite catholique n'hésite à demander à s'enrôler comme soldat sous notre drapeau. Le roi païen de Cochinchine n'est pas leur roi !*

*« Votre Excellence comprendra sans doute maintenant comment et le Roi*

http://hoangsa.org



*et les mandarins regardent les missionnaires catholiques comme des ennemis... » (1)*

Dans une autre lettre confidentielle du 24 juillet 1862, écrite au quartier-général de Saigon au ministre de la Marine, le successeur de Page, l'amiral Bonard, constate les mêmes errements :

*« ... C'est du côté des missionnaires que peuvent venir les plus sérieuses complications, si on ne se borne pas à leur assurer une juste protection et que, sous le prétexte de la religion, on les soutienne dans les menées politiques tendant à renverser gouvernement établi, menées dans lesquelles malheureusement beaucoup d'entre eux se sont trop souvent laissé entrainer et auxquelles tous sont loin d'avoir renoncé. Il serait dangereux de les soutenir dans une semblable voie, car ils deviendraient de véritables factieux, et non des martyrs religieux.*

*« Cette appréciation de ma part, Monsieur le Ministre, est basée sur les considérations suivantes :*

*« La guerre de Cochinchine, personne ne peut le nier, a été amenée en grande partie par les réclamations des missionnaires français et espagnols qui se plaignaient des persécutions injustes dont ils étaient l'objet de la part du gouvernement de Huê.*

*« Or, voici quels sont la constitution de l'état d'esprit de ces religieux :*

*« La Cochinchine est partagée en divers diocèses dirigés chacun par un évêque ; tous ces prélats reçoivent peut-être, ce que j'ignore, une direction commune de la société centrale en Europe, mais chacun d'eux dans son diocèse, fait à peu près ce qu'il veut, et est très jaloux de la moindre immixtion de son voisin dans l'immense circonscription qu'il est censé gouverner spirituellement. Tous caressent l'idée de revenir au temps où l'évêque d'Adran était le véritable souverain de la Cochinchine, temps où rien ne se faisait que par ses conseils ou sa permission.*

*« Pour parvenir à ce but, voici quels moyens ils ont employé : Les uns et les autres ne trouvant pas que les successeurs de la dynastie de Gia-Long obtempérassent assez à leurs désirs, ont contesté la légitimité de ceux-ci et ont cherché à mettre en avant un candidat qui leur offrirait, s'il renversait la dynastie régnante, plus de garanties pour arriver à leurs fins.*

*« Le prétexte qu'invoque une partie d'entre eux pour établir l'usurpation est que Gia-Long a désigné pour lui succéder le second de ses fils au lieu du premier, mode parfaitement dans les usages de l'Extrême-Orient. Les missionnaires français de la Basse-Cochinchine étaient de cet avis. Ceux de la partie du royaume d'Annam, voisine de Huê, province intermédiaire entre le Tonkin proprement dit et la Cochinchine, allaient plus loin dans la contestation de la légitimité de la branche régnante : ils regardaient Gia-Long lui-même comme un usurpateur,*

---

*(1) « Mémoires & Documents Asie », Tome 27, pp. 426 à 434 (Document inédit). (Les mots sont soulignés dans le texte original).*

http://hoangsa.org



et ont recherché un descendant de la dynastie des Lê, dont les rois, passés à l'état de rois fainéants, ont été détrônés par un de leurs maires du Palais.

« Je crois que les dominicains espagnols, encore plus ardents et exclusifs que les missionnaires français, se sont rattachés à ce parti.

« Un descendant vrai ou faux de la famille des Lê a été recueilli dans les couvents de Chine, et c'est après l'avoir macéré par des humiliations, après être allés jusqu'à lui faire remplir les fonctions de Portier de Couvent, que ces radicaux ecclésiatiques en font un candidat à la pourpre impériale, se croyant sûrs de l'influence qu'ils conserveront sur lui, s'ils réussissent dans leurs projets.

« Dans l'état actuel des choses et d'après les discours et faits de ces différentes catégories de missionnaires français de la Cochinchine française, ils tendent à se départir de leurs prétentions politiques, espérant que l'influence de notre occupation, de notre possession, quoique ne leur donnant pas le pouvoir absolu de l'évêque d'Adran, leur permettra d'exercer une assez grande prépondérance dont ils semblent se contenter pour le moment. On peut donc, avec de la fermeté et de la prudence, espérer les forcer à se tenir dans les limites raisonnables de l'influence à laquelle ils prétendent.

« Les missionnaires de la partie voisine de Huê sont loin d'approuver cette mesure de conciliation ; quelques uns s'y rallient mollement, mais la majorité, et par ses discordes, et par ses actions, tend à montrer qu'elle n'a pas abandonné ses idées radicales : l'évêque et quelques uns de ses collaborateurs les plus intelligents, cédant au conseil que je leur ai donné de ne rien précipiter, restent encore en Cochinchine et promettent d'agir avec prudence lorsqu'ils retourneront dans leur diocèse, par suite de l'affermissement de la paix.

« Mais les ardents sont partis, accompagnés de véritables bandits, faisant le signe de la croix : il peut surgir de là de graves difficultés si on n'agit pas avec la plus grande prudence dans la protection qu'ils ne manqueront certainement pas de réclamer à titre de Français ou de chrétiens lorsqu'ils auront été compromis dans des menées politiques malgré tous les conseils que je leur ai donnés.

« Quant aux dominicains espagnols qui occupent généralement le Haut-Tonkin, ils sont beaucoup plus ingouvernables : ardents et fanatiques au dernier degré, un assez grand nombre d'entre eux sortant des bandes de guerillas et de carlistes ayant abandonné l'Espagne, portant assez volontiers le sabre et le mousquet avec la croix, et sont mêlés et de coeur et de corps aux révoltes qui affligent le Tonkin. » (1)

http://hoangsa.org



Après avoir terminé cette dépêche, Bonard avait ajouté ce post-scriptum, insistant encore une fois auprès de son ministre sur les dangers que court la France en soutenant les missionnaires, et démontrant d'une manière éclatante les responsabilités de ces derniers au Viêt-Nam :

*« P.S.— Je viens d'avoir de nouvelles informations que je m'empresse de vous transmettre : je prie en conséquence Votre Excellence de prendre en sérieuse considération les appréciations précédentes, car il ressort de plus en plus des actes et paroles des missionnaires de la Cochinchine qu'ils feront tous leurs efforts pour engager le gouvernement dans la voie funeste qu'ils poursuivent,* le renversement du roi Tu-Duc.

*« Malgré tous les avertissements que je leur ai donnés, bien que je les aie engagés à attendre les résolutions du gouvernement de l'Empereur au sujet de la ratification du traité de paix (5 juin 1862) et de ses conséquences, ils ne cessent d'envoyer du côté de Huê des émissaires animés des plus mauvaises intentions et du plus mauvais esprit.*

*« J'ai dû refuser péremptoirement de leur donner des passe-ports pour cette destination jusqu'à ce que j'aie reçu des ordres de France ; ils n'en ont tenu aucun compte, et probablement Votre Excellence recevra des plaintes à ce sujet, car ils sont partis en croisade malgré tous les conseils de prudence que je n'ai cessé de leur donner, et sans cacher leurs projets et le peu de cas qu'ils font des clauses du traité.*

*« C'est un danger que je saurais trop signaler à Votre Excellence, car si l'on ne se tient en garde contre les rapports de ces missionnaires, ils ne reculeront devant aucun moyen pour arriver à leur but en entrainant le gouvernement dans une voie funeste aux véritables intérêts de la France. »* (2)

L'hostilité manifestée par les souverains, les mandarins et le peuple vietnamien ne vise pas l'idéal religieux quel qu'il soit, mais à l'esprit perturbateur et dominateur de ceux qui servent l'Eglise, elle se justifie par la lente détérioration de l'autorité de l'Etat et l'envahissement progressif du Viêt-Nam auxquels nous assistons et sa complète colonisation par la France. Les missions et le colonialisme vont de pair.

Au Conseil d'Etat, lors de sa séance du 22 mai 1804, Napoléon Ier a défini, en ces termes, le rôle joué par les missionnaires dans la colonisation :

*« Mon intention est que la maison des Missions étrangères soit rétablie ; ces religieux me seront très utiles en Asie, en Afrique et en Amérique ; je les enverrai prendre des renseignements sur l'état du pays. Leur robe les protège et sert à couvrir des desseins politiques et commerciaux. Leur supérieur ne résidera*

---

*(1) (2) « Mémoires & Documents Asie », Tome 28, pp. 85 à 88 (Document inédit).*

http://hoangsa.org



*plus à Rome, mais à Paris. Le clergé est satisfait et approuve ce changement : je leur ferai un premier fonds de quinze mille francs de rente. On sait de quelle utilité ont été les lazaristes des Missions étrangères comme agents secrets de diplomatie en Chine, au Japon et dans toute l'Asie. Il y en a même en Afrique et dans le Syrie ; ils coûtent peu, sont respectés des barbares et, n'étant revêtus d'aucun caractère officiel, ils ne peuvent compromettre le gouvernement, ni lui occasionner des avanies ; le zèle religieux qui anime les prêtres leur fait entreprendre des travaux et braver des périls qui seraient au-dessus des forces d'un agent civil.*

*« Les missionnaires pourront servir mes vues de colonisation en Egypte et sur les côtes d'Afrique... » (1)*

Quant à l'intrusion des missionnaires dans les affaires civiles et militaires de la France, une lettre de l'amiral Rigault de Genouilly, écrite de Tourane le 29 janvier 1859 au ministre de la Marine la dépeindra :

*« ... Ce que Votre Excellence aura de la peine à croire, c'est que cette expédition de Saigon, sollicitée il y a un mois par Mgr Pellerin, évêque de Biblos, venu ici sans autre caractère que celui d'interprête, a été de la part de ce prélat, dès qu'elle a été résolue, l'objet des attaques les plus violentes, des récriminations les plus vives.*

*« Capté par le Père Gaêntza, chef des dominicains espagnols (qui était l'aumônier supérieur des troupes espagnoles) qui, naturellement, ne rêve que le Tonkin et voudrait y promèner triomphalement le drapeau de l'Espagne, Monseigneur a prêché publiquement dans les carrés des officiers contre les projets du commandant en chef, contre ses vues, annonçant que je méconnaissais les intentions du gouvernement, qu'il était dépositaire de ses pensées, et que j'aurai à rendre compte de ma conduite.*

*« La situation se tendait tellement que j'étais sur le point de faire saisir Mgr Pellerin, de le faire conduire à Hong-Kong. Toutefois, avant d'en venir à un tel éclat, fâcheux pour une expédition dont le but est principalement religieux et qui aurait eu en France un grand retentissement, j'ai essayé de lui faire persuader, par les missionnaires ses collègues et par M. l'abbé Pelletier, aumônier de la division, qui jouit sur l'esprit de ce fougueux prélat d'un certain ascendant qu'il s'était rendu impossible et que ce qu'il avait de mieux à faire était de retourner à Hong-Kong. Après bien des débats sur sa prétendue mission politique, ces messieurs sont parvenus à vaincre sa résistance, et Mgr Pellerin est venu me demander lui-même de retourner à Hong-Kong.*

*« ... Le départ annoncé de Mgr Pellerin a apaisé les tracasseries qui me venaient du colonel Lanzarote (commandant le corps expéditionnaire espagnol), et il y a lieu de penser qu'elles étaient suscitées par l'esprit remuant et inquiet du Père Gaêntza qui, en réalité, menait Mgr Pellerin beaucoup plus qu'il n'était mené par lui.*

(3) « Opinions de Napoléon », par le baron Pelet, Paris 1833.

http://hoangsa.org



*« Votre Excellence a sous les yeux toutes les difficultés au milieu desquelles j'ai à me mouvoir... » (1)*

Les Espagnols eux-mêmes signalèrent maintes fois l'exagération des actes des missionnaires.

Or, c'est Palanca lui-même qui, annonçant à son gouvernement la signature du traité de 1862, écrit au sujet des missionnaires :

*« ... (Le traité) accorde qu'on ne doit obliger personne à se faire chrétien. (...)*

*« Parfois un acte de zèle a pu faire dépasser les limites de la modération... et a pu produire des conséquences lamentables qui ont entrainé des mesures violentes de la part du gouvernement annamite... Les missionnaires en Cochinchine passsent pour instigateurs des révoltes et sont considérés comme des agents politiques d'une dynastie qui aspire à la ruine de la dynastie régnante, et comme une menace à l'ordre public... Quelques missionnaires et évêques de Cochinchine prétendaient à des immunités et à des privilèges excessifs pour eux et pour les chrétiens du pays, et formulaient des prétentions dans lesquelles les intérêts politiques se confondaient avec ceux du culte... » (2)*

Les quelques documents que nous venons de citer, ont été choisis parmi nombre d'autres, parce qu'ils ne peuvent prêter à aucune suspicion de parti-pris ou de tendance antireligieuse. Ils sont parfaitement éloquents en eux-mêmes.

Les amiraux français de l'époque doivent avoir des sentiments qui les fassent admettre d'un gouvernement et de souverains dont l'esprit chrétien était notoire ; or chaque fois, c'est au ministre dont ils dépendent qu'ils font part, en termes des plus nets, de leur désapprobation.

Il est presque inconcevable de supposer qu'un colonel de l'armée de Sa Majesté Catholique, qui, plus tard, devait être promu maréchal, donc jouissant de la totale confiance de la Cour, pouvait oser, même en mesurant ses termes et en voilant le plus pudiquement possible ce qu'il avait à reprocher, dans une dépêche officielle adressée à un membre du gouvernement, adresser des reproches à des prêtres espagnols !

Jusqu'ici, en parlant de ces missionnaires au Viêt-Nam, la plupart des historiens et écrivains occidentaux les ont présentés comme victimes de la redoutable fureur des souverains et mandarins ; beaucoup d'entre eux sont tombés en « martyrs ». On se garde bien de dire la vérité ; personne n'a révélé ce qu'ils ont fait de répréhensifs et sous quels chefs d'accusation la justice vietnamienne les fait tomber à juste titre.

Minh-Mang, Thiêu-Tri, Tu-Duc et leurs gouvernements ne se trompent donc pas s'ils souscrivent aux paroles de Lamartine qui déclarait le 3 août 1844 : *« Dans ma pensée, je vois la prospérité de toute espèce de congrégation, funeste, dangereuse, ruineuse pour la nation et la famille ».* Ils ont aussi raison de conclure avec Guizot : *« L'Etat doit être laïque »*, ou avec Cavour : *« L'Etat doit être libre ».* Ce est le seul moyen efficace pour arriver à l'émancipation du peuple vietnamien.

---

*(1) Archives Nationales, Paris ; Série BB4, Vol. 769.*

*(2) Documents diplomatiques espagnols, Madrid.*

http://hoangsa.org

# ỌC VÀ CỔ ĐỘNG SỬ ĐỊA LÀ GÓP PHẦN XÂY DỰNG VĂN HÓA DÂN TỘC

*đã ấn hành số đặc khảo về:*

- TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH
  *(Sử Địa số 3, 1966, 172 trang)*
- PHONG TỤC TẾT VIỆT NAM VÀ CÁC LÂN BANG
  *(Sử Địa số 5, 1967, 240 trang)*
- PHAN THANH GIẢN
  *(Sử Địa số 7 và 8, 1967, 268 trang)*
- QUANG TRUNG
  *(Sử Địa số 9 và 10, 1968, 268 trang)*

*sẽ ấn hành số đặc khảo về:*

- KỶ NIỆM CHIẾN THẮNG ĐỐNG ĐA (*Xuân Kỷ Dậu*)
- CUỘC NAM TIẾN
- VIỆT KIỀU TẠI CÁC LÂN BANG
- NGUYỄN TRƯỜNG TỘ

*Tập San Sử Địa đã đóng thành bộ:*

Tập I (Số 1, 2, 3, 4) năm 1966. Giá 150$
Tập II (Số 5, 6, 7 và 8) năm 1967. Giá 250$
*Có bán đầy đủ tại nhà sách Khai Trí — Sài-gòn*

http://hoangsa.org

SỬ ĐỊA

— tam cá nguyệt san — Số 12 — Tháng 10, 11, 12 — 1968

năm thứ ba

# MỤC-LỤC


- *Lá thư tòa-soạn* 1
- *Nguyễn Trung-Trực, dõng-tướng Tân-An Phủ*
  Phù-Lang TRƯƠNG BÁ-PHÁT 3
- *Xin cung-hiến một ít tài-liệu về Cụ Nguyễn Trung-Trực*
  LÊ THỌ XUÂN 43
- *Nguyễn Trung-Trực một Kinh-Kha của miền Nam*
  PHẠM VĂN SƠN 65
- *Cải-chính một điều lầm tài liệu về Nguyễn Trung-Trực*
  ĐÔNG-HỒ 75
- *Đất khởi nghĩa và vài giai thoại về Nguyễn Trung-Trực*
  SƠN NAM 83
- *Tình-hình chính-trị Việt-Nam thời kỳ Nguyễn Trung-Trực khởi nghĩa : Quan-điểm của Ba-Lê Madrid và Huế về Hòa ước Saigon 1862. Phản-ứng của nhân dân Việt-Nam. Các giáo-sĩ*
  Nguyên bản NGUYỄN XUÂN-THỌ
  Bản dịch của NGUYỄN-HUY 99
- *Chung quanh vấn-đề viết soạn tiểu sử Nguyễn Trung-Trực cũng như của các nhân-vật lịch-sử khác*
  VƯƠNG HỒNG-SỂN 122
- *Ý kiến bạn đọc* 137
- *Giới thiệu sách báo* 139
- *Hộp thơ Sử Địa* 145
- *Mục mục Tập San Sử Địa trong 3 năm (từ 1966 đến 1968)* 146
- *Mục lục phân tích bằng ngoại ngữ* 153
- *Phụ lục bằng Pháp ngữ* 161


**Đón đọc Sử Địa XUÂN Kỷ Dậu**

Kỉ niệm Chiến Thắng Kỷ Dậu (ĐỐNG ĐA)

*Giấy phép số 6679 BTLC/BCI ngày 23-11-65*